

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT DO PHẠM VĂN NHÀN
VÀ BẢNG HỮU THỰC HIỆN:

TRẦN HOÀI THƯ VẪN CÒN MÃI ĐAM MÊ



THƯ QUÁN BẢN THẢO

SỐ **79** THÁNG 4.2018



Thăm nuôi tại Ashbrook Nursing home. (TTH chụp)

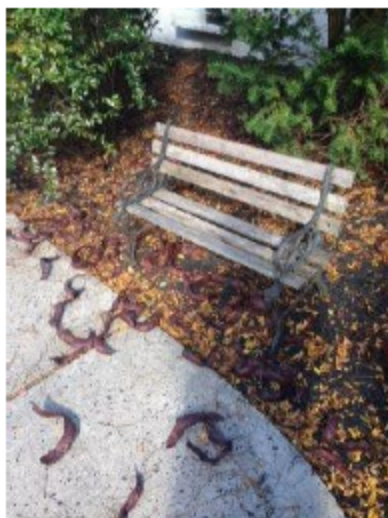
*Hôm nay lạnh. Buồn tàn thu
Tay ôm tay xách tôi vào với em*

*Bước lên ba cấp bậc thêm
Buồn lên bảy cấp khắp
miền Scotch Plain*

*Hôm nay lạnh. Buồn tàn thu
Em nằm tôi hạ tôi hầu à ơi*

*À ơi bỏ kết rưng rồi
Sao không rưng trái khổ đời
nguyệt oan*

(Vịn vào lục bát, Thư Ân quán



Bỏ kết rưng
THT chụp

Tập thơ **Vịn vào lục bát** được tái bản.
Quà tặng văn chương của tạp chí Thư
Quán Bản Thảo.
Muốn có sách tặng, và chữ ký lưu niệm
của tác giả xin liên lạc tòa soạn.

•
THƯ QUÁN BẢN

Tạp chí văn học bất định kỳ

Số 79 tháng 4 năm 2018

**Chủ đề: *Trần Hoài Thư : Vẫn còn mãi đam mê*
do Phạm văn Nhân và bằng hữu thực hiện**

Mục lục

Lời tòa soạn /3

Những truyện của Trần Hoài Thư trước 1975 /7

- Vì sao côi cút /14
- Đỉnh xuân buồn / 29
- Người con gái ở nhà thờ Đức Tin / 39
- Điều thuốc tình si /46
- Đôi mắt mùa xuân xa /55
- Quán biên thù /66
- Trưa địa ngục /84
- Đêm Chiêm thành /88
- Khung cửa nhỏ /93
- Nước mắt /98
- Đôi mắt người Sơn Tây /102
- Bệnh xá mùa xuân /118
- Nhật ký hành quân (1) /136
- Nhật ký hành quân (2) /144

Viết về Trần Hoài Thư:

- Phạm văn Nhân : *Tình bạn với THT* / 158
- Nguyễn Lệ Uyên: *Người vịn thơ đứng dậy* / 176
- Tô Thẩm Huy: *Kim Mao Sư Vương và tôi* / 184
- Nguyễn Minh: *Nghiệp hành* /191

- Lữ Quỳnh: *Bồi hồi biển dâu* / 198
- Lữ Kiều: *Chàng thi sĩ viết văn* / 203
- Lâm Thúy: *Kỷ niệm với người vịn vào lục bát* / 210
- Lê văn Trung: *Nỗi cô đơn của một thế hệ* / 215
- Nguyễn Âu Hồng: *Bóng anh xiêu đổ bên bóng tháp* / 221
- Mang Viên Long: *Nhà văn THT: Một con người...* / 225
- Lê Hoàng Viện: *Tản mạn đôi điều với THT* / 228
- Lê Ký Thương: *Chất THT* / 233
- Nguyễn Dương Quang: *Về mũi kim khâu chỉ...* / 239

Phỏng vấn THT:

- Trần Doãn Nho: *Trò chuyện cùng THT về thư Ấn Quán và Thư Quán Bản Thảo* / 243
- Phạm Cao Hoàng: *Phỏng vấn THT* / 271

Giới thiệu sách / 287

Cáo lỗi

*TQBT thành thật xin lỗi vì số này chỉ dành chủ đề cho nhà văn **Trần Hoài Thư** nên không có mục **Sống và Viết**. Đồng thời những sáng tác của những tác giả gửi đến chúng tôi xin đi vào số sau.*

Đồng thời cũng xin lỗi nhà thơ Đỗ Nghê (B/s Đỗ Hồng Ngọc) số này không đi bài viết về tập thơ "Xa Xứ" của THT. Mặc dù THT rất thích bài viết này. Viết về THT chúng tôi chủ trương viết về tình bạn, không viết về nhận định thơ văn của THT.(PVN)

Lời Tòa Soạn

Tháng 4 năm 2018 phát hành TQBT số 79. Mới đó mà đã 17 năm nếu tính tới tháng 9 năm 2018. (9/2001-9/2018. Như vậy, tính đến hôm nay là 79 số.

79 số. Nhìn lại chặng đường 17 năm. Tạp chí TQBT cũng đã làm nên nhiều việc cho nền văn học miền Nam trước 1975 ở hải ngoại này. 79 số, chúng tôi đã làm nên nhiều số chủ đề cho nhiều nhà văn, nhà thơ, cho nhiều tạp chí văn học phát hành một thời của miền Nam. Bên cạnh tạp chí Thư Quán Bản Thảo còn có nhà in và xuất bản Thư Ấn Quán đã phát hành nhiều tạp chí văn học của những tác giả miền Nam mà sau 1975 đã bị thất lạc. Cũng như in những tuyển tập văn, thơ thời chiến.

Việc làm ấy đã ít nhiều bạn đọc đồng viên, cổ vũ. Tuy nhiên, qua 78 số, chúng tôi chưa làm được một số chủ đề cho người cùng sáng lập nên một tạp chí hoàn toàn văn học đã hiện diện trong suốt 17 năm qua. Mỗi lần tôi và bạn bè muốn làm, anh lại bảo thôi. Để dành những số báo làm cho những nhà văn, nhà thơ của một thời miền Nam cũ. **Nhưng không, hôm nay, số TQBT 79, tôi và bạn bè cầm bút trong và ngoài nước quyết định làm một số chủ đề về anh. Đó là nhà văn TRẦN HOÀI THU'**

Lấy tên cho số báo chủ đề hôm nay: **TRẦN HOÀI THU': VẪN CÒN MÃI ĐAM MÊ**. Sau khi tôi quyết định làm số chủ đề về anh, người cùng tôi sáng lập nên

tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Hỏi qua ý kiến anh em bạn bè trong và ngoài nước. Các anh gửi email cũng như qua điện thoại, tất cả bạn bè rất đồng ý làm số chủ đề cho Trần Hoài Thư. Xin trích email:

Nhà văn Nguyễn Minh, người chủ trương Ý Thức trước 1975 và hôm nay là Quán Văn. Viết vào lúc 3:34 PM ngày 14/2/2018

*Nhàn ơi,
Đúng là anh em mình phải làm một số về THT, rất xứng đáng.
Tôi sẽ viết về THT với tất cả tấm lòng.
Sẽ gửi qua PVN trước tháng 3-2018.
Thân ái,
NM*

Nhà thơ Lê văn Trung. 4:00PM ngày 14/2/2018

*Tôi sẽ viết một bài.
Hoàn toàn ủng hộ cậu. THT rất xứng đáng để làm hơn thế nữa.
Bravo Phạm Văn Nhàn*

Nhà văn Mang Viên Long. 3:28PM ngày 14/2/2018

*Thăm Nhàn!
Rất cần thiết!
Cảm ơn Bạn hiền...
Tôi sẽ rất vui được chia sẻ với Bạn!*

Lãm Thúy 11:23PM ngày 13/2/2018

*Anh Nhàn kính mến,
Anh cho em một danh dự như thế làm sao mà em từ*

*chối được dù em có bận thế nào đi nữa .Dạ cung kính
bất như tuân lệnh em sẽ viết như anh yêu cầu .Kính
chúc anh chị nhiều sức khỏe và niềm vui.*

Đỗ Nghệ (Đỗ Hồng Ngọc)

PVNhà n ơi,

Chắc nay đã khỏe nhiều rồi phải không?

*Mình nghĩ, bài viết này tuy khá lâu rồi, nhưng vẫn
còn... rất hay. THT đọc thích lắm. Nói "chịu hồng
nổi".*

*Gửi lại bạn, coi được thì cho đi vào "số đặc biệt" THT
để bạn "Còn Mãi Đam Mê" nhé.*

Thân mến,

ĐHN

2018-01-14 2:24 GMT+07:00

Lê Ký Thương

Tiếc quá! Sau 75 tôi còn giữ được tập truyện

*NBVCBNH nhưng rồi nó biến mất sau nhiều lần thay
đổi chỗ ở.*

*Với THT thì tôi có vài kỷ niệm đáng nhớ. Mình sẽ viết
về những kỷ niệm đó.*

Thân.

LKT

Phạm Cao Hoàng

Nếu được hai vị đại huynh nên làm số báo này.

Thân mến,

Ngoài ra còn có điện thoại của Lữ Quỳnh, Nguyễn Âu Hồng, Tô Thảm Huy gọi cho tôi đều vui vẻ một việc làm: đăng làm cho Trần Hoài Thư.

Riêng nhà văn Nguyễn Lệ Uyên, vì bệnh đau chưa lành. Ở Sài Gòn điều trị mới về lại Tuy Hòa. vẫn còn yếu nhưng Nguyễn Lệ Uyên cũng cố gắng có bài viết về Trần Hoài Thư.

Nhiều đó bạn bè cũng đã khích lệ tôi. Những người bạn cầm bút cùng thời với chúng tôi đã nhiệt tình để hoàn thành một số chủ đề về nhà văn Trần Hoài Thư. Tôi rất vui. Vì trên còn đường tôi đi, đã có những bạn bè cùng đồng hành

Phạm Văn Nhàn

thay mặt nhóm chủ trương TQBT

NHỮNG TRUYỆN CỦA TRẦN HOÀI THƯ trước 1975

Truyện của Trần Hoài Thư viết rất nhiều. Trong nước trước năm 1975 và sau này anh định cư ở Hoa Kỳ. Những đầu sách của anh do Thư Ấn Quán in (hình chụp ở dưới). Ngoại trừ tập truyện: *Những Vì sao Vĩnh Biệt* do Ý Thức in trước 1975 đã tìm được qua bạn bè do Thư Ấn Quán in tái bản ở Hoa Kỳ, còn ba tập truyện khác: *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang*, *Ngọn Cỏ Ngâm Ngùi*, *Một Nơi Nào Để Nhớ* bị thất lạc.



(Những tác phẩm của Trần Hoài Thư do Thư Án Quán
in tại Hoa Kỳ)

Tuy nhiên, hôm nay, chúng tôi sưu tầm được những truyện ngắn của nhà văn Trần Hoài Thư do một người bạn, cũng là một độc giả TQBT còn ở Sài Gòn sưu tầm được trong Thư Viện Trường Đại Học Khoa Học & Xã Hội Nhân Văn TP/HCM (tức Văn Khoa cũ) đã tìm thấy một số sáng tác của anh, được liệt kê rất chi tiết trên Văn, Văn Học, Bách Khoa...

Đây cũng chỉ là những truyện ngắn đã đi trên các tạp chí phát hành ở Sài Gòn. Ngoài ra còn có những sáng tác của Trần Hoài thư đã đi trên các tạp chí khác nữa như Ý Thức, Dựng Đất...

Riêng tôi được biết trước khi anh viết văn lấy bút hiệu Trần Hoài Thư. Lúc đầu anh viết những bài chống lại đám sinh viên tranh đấu trên tờ Sinh Viên Huế, anh lấy tên thật là Trần Quý Sách. Nhưng vì ông cụ thân sinh của anh là một cụ đồ nho, quan niệm viết văn làm thơ là không thật tể. Vả lại, cuộc đời ông cụ cũng khổ quá, không muốn anh ham mê nghiệp văn mà bỏ học. Hơn nữa ông cụ còn sợ liên lụy... Nhưng với anh, chúng tôi biết: **Viết có nghĩa là sống. Và sống cũng có nghĩa là viết.** Từ đó nghiệp đam mê viết văn vẫn còn đeo đuổi anh cho đến hôm nay.

Những tên truyện đã sưu tầm trong thư viện trường Văn Khoa cũ:

1. Lẻ mềm / Trần Hoài Thư// Văn. – 1971 Số 188. – Tr. 71 – 80. – 10.
2. Mùa xuân ly biệt / Trần Hoài Thư// Văn học. – 1970 Số 151. – Tr. 85 – 94. – 10.

3. Ga đêm quanh quẽ / Trần Hoài Thu// Văn. – 1971 Số 176. – Tr. 23 – 34. – 12.
4. Quán đọi hoàng hôn / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1971. – Số 127. – Tr. 99 – 107. – 9.
5. Con đường / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1974. – Số 189. – Tr. 54 – 69. – 16.
6. Nước mắt cho kẻ trở về / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1971. – Số 129. – Tr. 72 – 79. – 8.
7. Lời xin / Trần Hoài Thu// Văn. – 1967. – Số 92. – Tr. 101 – 101. – 1.
8. Mùa sủ / Trần Hoài Thu// Văn. – 1972. – Số 207. – Tr. 65 – 83. – 19.
9. Về thành / Trần Hoài Thu// Văn. – 1971 Số 187. – Tr. 5 – 13. – 9.
10. Trời mưa nhớ Huế / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1974. – Số 182. – Tr. 36 – 49. – 14.
11. Khu chiến / Trần Hoài Thu// Văn. – 1971 Số 181. – Tr. 65 – 76. – 12.
12. Thư về miền Trung đau khổ / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1945. – Số 47. – Tr. 50 – 51. – 2.
13. Thơ về Huế / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1969. – Số 94. – Tr. 98 – 100. – 3.
14. Một ngày trở lại thành phố / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1971. – Số 119. – Tr. 60 – 71. – 12.
15. Một loài chim thiên di / Trần Hoài Thu// Văn. – 1973 Số 219. – Tr. 64 – 70. – 7.
16. Mùa xuân trên cao / Trần Hoài Thu// Văn. – 1972 Số 196. – Tr. 8 – 14. – 7.
17. Câu chuyện một mùa xuân / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1968. – Số 85 – 86. – Tr. 195 – 200. – 6.
18. Biển Đen : Tâm sự một thanh niên / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1968. – Số 82 – 83. – Tr. 75 – 77. –

- 3.
19. Nhật ký hành quân / Trần Hoài Thu// Văn. – 1968. – Số 102. – Tr. 79 – 86. – 8.
20. Mất đêm / Trần Hoài Thu// Văn. – 1969 Số 121. – Tr. 39 – 50. – 12.
21. Sao chổi (tiếp NCVH 8) / Trần Hoài Thu// Nghiên cứu văn học. – 1971. – Số 9. – Tr. 79 – 98. – 20.
22. Những cơn mơ cuối năm / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1974. – Số 197. – Tr. 78 – 90. – 13.
23. Cõi sa mạc / Trần Hoài Thu// Văn. – 1968 Số 104. – Tr. 49 – 61. – 13.
24. Vườn thánh / Trần Hoài Thu// Văn. – 1969 Số 127. – Tr. 53 – 58. – 6.
25. Trường hợp một người / Trần Hoài Thu// Văn. – 1969 Số 140. – Tr. 49 – 57. – 9.
26. Một lần trở lại / Trần Hoài Thu// Văn. – 1973 Số 192. – Tr. 54 – 61. – 8.
27. Những Cánh chim tuyệt vời / Trần Hoài Thu// Văn. – 1971 Số 172. – Tr. 47 – 54. – 8.
28. Khung cửa sổ bên giòng dòng hương / Trần Hoài Thu// Văn. – 1970 Số 151. – Tr. 87 – 93. – 7.
29. Sao chổi / Trần Hoài Thu// Nghiên cứu văn học. – 1971. – Số 8. – Tr. 104 – 112. – 9.
30. Trên đỉnh trời mù / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1971. – Số 125. – Tr. 21 – 28. – 8.
31. Nói chuyện với tác giả “Như cánh chim bay” / Trần Hoài Thu// Văn. – 1966 Số 135. – Tr. 81 – 89. – 9.
32. Bệnh xá cuối năm / Trần Hoài Thu, Mai Thảo// Văn. – 1972 Số 197. – Tr. 9 – 16. – 8.
33. Một vùng sương khói / Trần Hoài Thu// Văn. –

- 1969 Số 132. – Tr. 15 – 20. – 6.
34. Thư gửi Năm Râu / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1973. – Số 164. – Tr. 38 – 45. – 20.
35. Gọi người xa vắng / Trần Hoài Thu// Văn. – 1970 Số 151. – Tr. 84 – 93. – 10.
36. Cuối bờ xa cách / Trần Hoài Thu// Văn học. – 1974. – Số 193. – Tr. 62 – 71. – 10.
37. Chuyến phà đầu xuân / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1967 Số 245. – Tr. 68 – 68. – 1.
38. Những giọt nước mắt của bé danh / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1967 Số 254. – Tr. 76 – 76. – 1.
39. Con giông / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 288. – Tr. 45 – 49. – 5.
40. Màu xanh lá hẹ / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1967 Số 250. – Tr. 79 – 79. – 1.
41. Tháp cổ / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 273. – Tr. 79 – 79. – 1.
42. Mai em có về / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 277. – Tr. 75 – 75. – 1.
43. Một vì sao lạ / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 265. – Tr. 116 – 116. – 1.
44. Về trời / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 276. – Tr. 58 – 58. – 1.
45. Trưa địa ngục / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 276. – Tr. 55 – 58. – 4.
46. Tháng giêng / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 272. – Tr. 47 – 47. – 1.
47. Những người ở lại / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 281. – Tr. 59 – 62. – 4.
48. Tháng bảy mưa nguồn / Trần Hoài Thu// Bách khoa. – 1968 Số 282. – Tr. 55 – 55. – 1.
49. Ngày đầu làm lính / Trần Hoài Thu// Bách khoa. –

1967 Số 260. – Tr. 77 – 77. – 1.

Ngoài ra chúng tôi còn sưu tầm được hai bản tin trên
VĂN số 103 phát hành tháng 4/1966 và VĂN 181
phát hành vào 1/7/1971:

bị thương trong thành phố

Trần Hoài Thư, một tác giả trẻ nhiều triển vọng, quen thuộc với độc giả *Bách-Khoa, Văn...* vừa bị thương khi đem quân về tiếp viện một thị trấn ngoài Trung, trong cuộc binh biến đầu Xuân vừa qua.

Trong thư gửi tòa soạn *Văn*, Trần Hoài Thư than là đi rừng đi núi mãi không sao, ngày đầu xuân về thành phố thì lại bị « kẹt » ; cứ ao ước về thành phố xả hơi ít ngày, nay lúc được về lại là để nằm trên giường bệnh. Trong lúc đó lại có tin gia đình anh ở ngoài Huế bị tan hoang nhà cửa...

Mặc dù mắt bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư hiện đang phục vụ trong một đơn vị thám-kích. Sau những ngày giờ hành quân gian khổ, anh chỉ có sinh thú độc nhất là đọc sách báo và sáng tác thơ văn — một sinh thú mà anh rất ít được hưởng vì nhiệm vụ tác chiến thường quá nặng nề.

Hì vọng và cầu chúc là sau ngày rời bệnh viện, Trần Hoài Thư sẽ may mắn hơn, được chuyển về phục vụ ở một đơn vị nào đó, nơi mà ngoài phần quân vụ cần thiết, anh sẽ có được một số thời giờ nhiều hơn dành cho công việc sáng tác...

(VĂN 103. Tháng 4 năm 1968)

Đại, tiểu đẳng khoa của người cầm bút

Người xưa coi đại đẳng khoa là thi đỗ, tiểu đẳng khoa là cưới vợ. Đối với người cầm bút trẻ thời nay, phải « xếp bút nghiên theo việc đao cung », thi đại đẳng khoa không còn là thi đỗ, mà (có lẽ vậy) là có tác phẩm được in.

Cây bút trẻ viết rất nhiều hiện nay, Trần Hoài Thư, vừa qua cả tiểu lẫn đại khoa, cùng lúc :

Ngày 18 tháng 6, anh đã làm lễ thành hôn với cô Nguyễn Ngọc Yến, tại Sài Gòn. Hôn lễ cử hành đơn giản, trong vòng thân mật.

Ngày 23 tháng 6, vào hồi 19 giờ 30, Cơ sở Xuất bản Ý Thức vừa tổ chức một buổi tiếp tân trình diện tập truyện đầu tay của Trần Hoài Thư : « Những Vì Sao Vĩnh Biệt ».

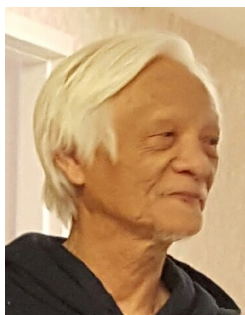
Tiểu, đại đẳng khoa xong, Trần Hoài Thư vội vã lên đường trở về đơn vị ở Quân khu II. Lĩnh chiến chỉ có một tuần nghỉ phép. Chạy xuôi chạy ngược, không có tuần trăng mật cũng như không kịp đem sách mới đi tặng anh em bà con. Vui vậy đó !

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi xin có lời cầu chúc đôi bạn THU-YẾN một hạnh phúc bình dị, lâu dài và bền chặt. Cũng xin cầu chúc tác giả « Những vì sao vĩnh biệt » sẽ sớm có thêm nhiều tác phẩm mới khác, ← những tác phẩm náo tửu và tinh tửu.

(VĂN 181 ngày 1/7/1971)

Đây là những tư liệu rất quý hiếm mà chúng tôi tìm được qua bạn bè. Hôm nay làm số chủ đề về anh, chúng tôi đưa lên trang báo TQBT 79 cho độc giả đọc. Anh viết nhiều với quan niệm: *Sống có nghĩa là viết. Viết có nghĩa là sống*. Nhưng...NGHIỆP viết văn của anh lại không nuôi sống anh bằng cái NGHỀ viết như những tác giả khác. Đây chỉ là NGHIỆP mà anh đeo đuổi cho mãi đến hôm nay.

NHỮNG TRUYỆN NGẮN
TIÊU BIỂU của
TRẦN HOÀI THƯ
(trước 1975)



(Trần Hoài Thư- Tô Thẩm Huy chụp)

VÌ SAO CÔI CÚT

Chúng tôi đến quận lỵ dưới chân đèo Ngoạn Mục vào lúc bóng chiều đang mờ nhạt. Khi ánh đèn thứ nhất trên đỉnh đèo canh sáng lên, thì người tài xế đã dừng xe lại. Gã nói chuyến xe sẽ lên đèo vào năm giờ sáng hôm sau, chuyển lên đèo đầu tiên, mong hai ông đến cho kịp. Chúng tôi nhảy xuống đường, cảm ơn rồi rút. Bây giờ, trên lưng núi, những ánh đèn của một căn cứ đã hiện lên, như một dãy kim cương. Mỗi lúc, chúng tôi càng

đến gần với những vì sao hơn. Chúng tôi đã bắt đầu lên con đường dốc, qua những ngôi nhà ván gỗ, và băng qua những khóm hoa vàng. Đây là một nơi dừng chân của khách thương hồ. Đây là nơi qua đêm của những người phiêu bạt, như chúng tôi. Một vài quán, đèn đã thấp lên, vang rộn tiếng cười nói. Những chiếc xe chở súc gỗ, hay thực phẩm, hay rau trái, nằm bên đường dài dặc.

Chường đang nói say mê về ngôi nhà lâu, bỏ hoang nằm dưới chân núi, về gương mặt của người lãnh tụ, về những ngày tháng khổ cực quá chừng, mà hắn đã chịu đựng khi trở về đây lần thứ nhất. Dù Chường không hút thuốc, nhưng hắn cũng xin tôi một điếu. Hắn cúi đầu, vừa bước đi vừa nói:

- Đây là nơi tao trở về với bao hy vọng ngày ấy...

Tôi cũng cười, và chỉ tay về đỉnh đèo xa

- Tao cũng vậy. Bên kia, là quê hương thứ hai của tao. Thị trấn dưới chân đèo bên kia...

Chúng tôi cùng cười rộ. Những ngọn đèn trên sườn núi, như nhật nhòa trong sương đêm. Những vì sao, thân yêu, rục rờ trong tâm hồn tôi. Những vì sao, những vì sao... Và bỗng nhiên tôi nhận ra đôi mắt của một người con gái...

Chường thì khác, không có đôi mắt nào để hắn trở về. Hầu như con tim hắn đã cằn cỗi, và lạnh giá. Gương mặt lạnh lùng, đầy khắc khổ, cái dáng cao lêu bêu, như chịu đựng bao nhiêu hoài bão to tát, bao nhiêu dự tính vĩ đại. Ở hắn, là cách mạng, là đập đổ, là khinh bỉ. lạnh lùng.

Những ngày vừa qua, hắn ôm ấp một niềm hy vọng, là trở về thị trấn dưới chân đèo này, để diện kiến người lãnh tụ. Người lãnh tụ của những người trẻ có ý thức.

Một lần hấn bảo với tôi.

- Chúng ta đã mất gốc hết cả rồi. Tây Phương đã xâm lấn chúng ta mọi mặt, ngay đến cả tinh thần của chúng ta. Kẻ thù của chúng ta, chính là cái văn minh cơ khí, văn minh của những người máy. Chúng ta sắp trở thành những con người máy hết...

Tôi nói, thật bị quan:

- Người ta đều thấy như vậy, đều nhìn nhận điều ghê sợ như vậy. Nhưng người ta không thể thoát. Có một guồng máy khổng lồ và con người đang biến thể dần dần, thành những đứa con người máy. Chúng ta không thể thoát ra ngoài được, trừ...

- Trừ gì?

- Tự tử, hay điên.

- Hư vô quá nhỉ...

Đôi mắt trắng bạn trở nên sáng rực. Hấn nói, đây tự tin:

- Chúng ta phải trở về nguồn. Mỗi người phải thở bằng hơi thở của đồng lúa. Hát bằng lời hát ca dao, nhìn nhau bằng đôi mắt tình tự. Mặc áo bà ba, đi chân đất...!

- Làm sao gây cho mọi người cái ý thức đó?

- Mà tin gây được không?

- Không.

Tôi khốn khổ trả lời. Tôi tin thế. Tôi tin thế hệ này đã qua, với bao mất mát, và tan rã, thì thế hệ kế tiếp sẽ lấy lại được niềm vui trong an ổn và thái bình. Nhưng, tôi đã thất vọng. Thế hệ cha anh tôi, đã mang về cho thế hệ chúng tôi những gì? Và thế hệ chúng tôi đã mang về cho thế hệ đàn em tôi những gì? Có phải, mỗi ngày mỗi bữa, thấy những cảnh đau lòng và bi đát? Con trẻ, lặn ngụp trong cần sa ma túy, uống rượu, và biết đàn bà,

sa-lem ngay khi chưa đến tuổi trưởng thành. Có phải chúng đang lặn ngụp trong sự sống cuồng, sống vội, mất hết tin tưởng ở bậc đàn anh chúng tôi, như chúng tôi đã đánh mất tin tưởng ở cha anh chúng tôi.

Chưởng đá một hòn sỏi:

- Có lẽ mày bị quan quá. Chúng ta không thể buông thả cho số phận. Có khi nào chúng ta đứng dưới một bức tường sắp đổ, mà buông tay, không tìm cách tự cứu?

- Mày đừng nên so sánh. So sánh cũng vô ích. Đã biết bao nhiêu người hiểu được điều đó, nhưng có mấy ai? Thí dụ Nhất Linh...

- Nhưng sự hy sinh của Nhất Linh đã mang lại cách mạng...

- Bằng một cái chết? hay bằng một sự tự sát...?

- Nhưng là cái chết lịch sử.

- Tao cần muốn sống. Sống là điều tiên quyết hơn hết. Có lẽ tại tao thiếu thốn nhiều thứ quá. Hay tại đời sống của tao mất mát nhiều. Chẳng hạn một mái nhà, một người vợ, một đàn con... Chẳng hạn một nụ cười, một bữa cơm ngon, và một tình yêu thương đùm bọc. Tao khổ quá rồi. Nửa đời người rồi.

Chưởng buồn buồn nói:

- Tao cũng như mày, đâu hơn gì. Có lẽ tao mơ mộng viễn vông cũng nên. Hay tao còn đôi chút tin tưởng là con người còn có con tim.

- Nhiều khi tao mong quả địa cầu sụp đổ, hết hận thù, hết chiến tranh, hết cả, hết cả... Chúng ta sống bây giờ, có hơn gì một con người tù tội? Tù tội vì chúng ta ở trong guồng máy.

Và Chưởng đã trở về tìm người lãnh tụ đảng về *nguồn* ấy. Còn tôi, tôi mong mỗi thấy lại đôi mắt xa vắng ở

dưới chân đèo bên kia. Hai đứa đều có mỗi mục đích riêng. Một nhà lãnh tụ và một người yêu. Một cuộc dấn thân và một sự dừng lại. Một chân trời đam mê hành động và một góc nhà khép kín. Chúng tôi đã đi bên nhau, yên lặng một đời rất lâu. Mỗi đứa đều dành riêng cho những ý nghĩ trở về. Đêm tối càng tăng thêm nỗi cô đơn của mỗi người chúng tôi. Tôi nhận ra bóng bạn tôi lêu bêu, như thể một thân cây già, lẻ loi một hướng. Liệu trong hai đứa, ai là kẻ thắng cuộc trên con đường xuôi về ngọn đèo Ngoạn Mục? Chúng tôi đã chọn cùng chung một đường để ra đi và trở lại. Chúng tôi đều là những kẻ chán mưa chiến tranh, đào ngũ, vào quân lao, ra tù, nằm ở đơn vị hai, và bây giờ, theo một chuyến xe be, cùng về một chỗ. Một chỗ cuối cùng. Tôi mang ý nghĩ ấy và lần đầu tiên, thấy gần gũi với bạn tôi hơn bao giờ hết.

Tôi nhớ lại những ngày chúng tôi sống bên nhau trên một căn gác ẻo ọt của thành phố. Những bữa cơm đói rách, những đồng bạc chia xẻ, những niềm vui buồn lẫn lộn, hay những đêm chuyện nhau một điều thuốc trong buổi cơ hàn, để chờ đợi một ngày tươi sáng hơn. Đó là khoảng thời gian tuyệt vời nhất, trong lúc chúng tôi đứng bên lề cuộc chiến. Căn gác gió ấy, đã thấy chúng tôi ủ trong chiếu chăn suốt ngày, lo âu hằng đêm, trèo lên nóc nhà hằng bữa, chui xuống gầm giường mỗi khi có tiếng gõ cửa. Căn gác gió ấy đã áp ủ chúng tôi thật bao dung như lòng mẹ. Ở đó, tôi được đọc những cuốn sách một cách trọn vẹn. Những bài thơ của Tagore trong *Le jardinier d'amour*, hay của một đại thi hào Liban trong *The Prophet*. Những trang sách thom phức của Albert Camus hay André Gide. Ở đó, tôi và sách vở, tôi và hạnh phúc bình dị, tôi và cuộc sống sáng tạo.

Ở đó Chương mãi mê nghiên cứu đến chính trị, đến chủ nghĩa, lý thuyết, đến Cách mạng 1789 hay Cách mạng ở Liên xô và Cách mạng theo kiểu Nasser. Ở đó, chúng tôi đã cãi nhau kịch liệt. Tôi chán mửa vào chính trị, còn bạn tôi, coi chính trị như sự sống của hắn. Chúng tôi đã như hai thái cực. Những lần, tôi không cầm được cơn nóng, thốt lên:

- Nhìn mày đọc chăm chú một tờ báo, tao muốn khóc. Thì ra, mày vẫn can đảm để nhìn vào những chủ thuyết, thủ đoạn chính trị, những cột phân nói về chiến tranh, chết người, tham nhũng thối nát, đang xảy ra mỗi ngày. Hừ, mày vẫn còn can đảm, lạnh lùng, để nhìn lại những gì đã khiến mày bỏ đi sao? Mỗi ngày, mày đều nghe đài BBC, là nghĩa lý gì? Không có nó, mày chết à?

- Mày có lý do riêng của mày. Tao có lý do riêng của tao. Mỗi người đều có mỗi mục đích sống.

Rồi bạn tôi cúi đầu, mệt mỏi:

- Nhiều khi, tao ước ao được như mày, là phụng sự cho văn chương, nghệ thuật, và sự sáng tạo. Chúng trường cừu. Nhưng tao không thể chối bỏ hoài bão của tao. Hoài bão đã bắt tao phải bỏ quân đội mà đi..., và có lẽ, tao phải đau khổ vì nó. Dù sao, tao vẫn còn niềm tin. Chẳng hạn một ngày nào, như tối hôm nay, đài BBC loan báo hòa đàm Ba-lê thành công, hòa bình sắp đến. Chẳng hạn, tao còn nghe, một người như Hà Thúc Nhon, hay hy vọng cầu Bến Hải mở hàng rào dây kẽm...

- Mày vẫn còn hy vọng?

Chương gật đầu. Tôi tiến về khung cửa gió. Lần nói chuyện ấy, trời đang hoàng hôn. Tôi nhớ rõ, một cơn bão rớt đã thổi qua thị trấn duyên hải hôm qua, và còn vương lại những trận mưa dầm dề không ngớt.

- Bắt đầu từ nay, tao xin mày một điều, Chường. Mày đừng nói chính trị với tao nữa. Chúng mình là những kẻ bỏ đi, cùng chung một số phận, là nhà tù đang mở cửa. Mày cho tao được sống những ngày còn lại. Tao cũng thế... Ủ, tại sao chúng ta lại cãi nhau như thế. Tao còn tiền, vừa mới xin được của bà chị nuôi, đi ăn cơm chứ?

- Đừng xuống phố, hôm nay chiến dịch đang phát động rà soát. Lỡ...

- Ủ nhỉ, tao quên mất...

Bạn tôi đã dắt tôi đến ngôi nhà người lãnh tụ. Tôi trông thấy một người đàn bà đang khóc lóc trước một mộ to béo ở trước cửa:

- Lạy bà, tôi van bà, chiếc vòng này tôi mua những năm ngàn.

- Tôi không biết, tôi cầm năm trăm. Muốn thì làm giấy tờ.

- Trời ơi, năm trăm sao đủ tiền mua thuốc. Con tôi phải đưa đi bác sĩ. Bà cho tôi cầm một ngàn. Tôi lạy bà.

Mộ to béo nguyền:

- Bà này cứ năn nỉ khóc lóc hoài. Con bà đau, mặc kệ bà, nói với tôi làm chi.

Nói xong, mộ bước vào nhà trong, để lại người đàn bà tội nghiệp ngoài cửa. Tiếng hét của mộ vang lên:

- Tư, ra đóng cửa lại. Bộ nhà này là nhà đòi nợ sao?

Tôi cảm thấy đầu bừng nóng. Người đàn bà đi vay nợ, đã khiến tôi liên tưởng đến mẹ tôi. Bà cũng từng nước mắt lưng tròng để van xin chủ nợ. Bà đã lạy từ ngoài cửa lạy vào nhà để cầu xin lòng “tốt” của chủ nợ. Khi

ấy, tôi khóc ròng. Tôi chỉ mơ ước có một phép màu huyền diệu, khiến mẹ chủ nợ chết một cách thật thảm. Tôi đã không dám nhìn mẹ, và rút ra sau nhà mà khóc cùng những con chim sâu.

Tôi hỏi Chương: Ai đó?

- Vợ ông ta.

Tôi kiên nhẫn mới khỏi buông tiếng rủa cộc cằn.

Chương kéo tôi vào nhà và hỏi mẹ:

- Có anh ở nhà không chị.

- Ồ, cậu mới lên.

- Dạ.

Tiếng mẹ đàn bà như con ẻnh ương kêu:

- Ba nó ơi, có khách.

Tôi nghe tiếng rầm rầm trên sàn ván. Chắc người lãnh tụ đang sửa soạn. Sau đó ông ta xuống. Đầu đội mũ phớt, (dù ban đêm), mang gương trắng, hút ống vố và choàng một chiếc áo măng-tô. Ông bắt tay chúng tôi. Trong ánh đèn mờ, tôi nhận ra một vẻ mặt hơi quen, có thể hơi quen, tôi nhắm mắt cố nghĩ ra. Ông kéo chúng tôi lên căn gác mà ông gọi là thư phòng, để soạn những tài liệu cho đảng viên học tập. Chương giới thiệu tôi với ông:

- Đây là người bạn của em. Anh ta ao ước được gặp anh.

Tôi giả vờ nói:

- Tôi nghe danh ông đã lâu. Thật hân hạnh được gặp ông.

Người lãnh tụ cười. Chúng tôi theo ông đến trước bàn thờ tổ quốc. Ông bảo:

- Đây là bàn thờ tổ quốc, đảng và tổ tiên chúng ta.

Tôi xin một thẻ nhang. Căn gác nhỏ, lung linh ánh nến. Mùi hương trầm ngào ngạt. Tôi bị mờ đi trong cõi

thiên liêng ấy. Đất nước tôi, ông bà tổ tiên tôi, có lẽ đang hiện diện ở trên cao. Lòng tôi trở nên mềm yếu, và tôi chẳng khác nào một đứa bé đang sợ hãi trước một đấng quyền uy tối thượng. Chường cũng đứng nghiêm, nhìn lên bàn thờ. Chúng tôi, những đứa con bị bỏ rơi của quê hương, hay trốn tránh quê hương cũng nên, đang trở về khóc lóc. Rằng chúng tôi đã bị hành hạ. Rằng thế hệ chúng tôi đang lao xuống vực sâu, bị tràn ngập bởi một cơn thiên tai tàn khốc. Những người trẻ tuổi đang giết nhau ở ngoài chiến trường. Những người trẻ tuổi đang bị đói khổ, dọa dẫm ở hậu phương. Những người trẻ tuổi đang bị guồng máy nhào nặn ở mọi nơi mọi chốn, ở cả Bắc lẫn Nam... Tôi cảm thấy đôi mắt tôi ràn rụa. Thế hệ chúng tôi đang cô đơn quá chừng. Một cơn gió lạ thổi vào phòng, ánh nến mờ tỏ. Tôi ngỡ ông bà, tổ tiên tôi đang nhìn chúng tôi mà khóc.

Người lãnh tụ đã mời chúng tôi ngồi xuống chiếu. Tôi vẫn còn mang theo một gương mặt xa xăm nào đó ở ông ta. Dưới ánh sáng leo lét của chiếc đèn bão mà gió đêm đã làm mờ tỏ, người lãnh tụ vẫn ngồi nghiêm trang, với chiếc mũ phớt, che một phần khuôn mặt hao gầy, cùng chiếc kính trắng đạo mạo.

Ông bắt đầu thuyết lý. Những danh từ cao xa, bay bổng, những tiếng gọi quá sức hoa mỹ, mà mơ hồ, khiến tôi không thể hiểu được một mảy may. Ông ta đọc một mạch trơn tru như lưỡi dao ngọt sắc chẻ một trái cây nào đó. Ông ta vừa liếm môi, vừa đọc, đến nỗi, tôi phải há hốc mồm ra. Ông đã đọc thêm những chữ thừa thãi *thí dụ, hai chấm, thí dụ, hai chấm, một, nhập đề, hai, thân bài, ba, kết luận*. Tôi bắt đầu chán. Tôi cố gắng hỏi ông một câu về Đại-nam-hải về những

huyền thoại của Tiên Rồng. Nhưng ông ta không trả lời câu hỏi của tôi. Mắt tôi cảm thấy mỏi. Ông hỏi tôi có đọc báo BK không? Tôi nói có. Anh thích đọc cái gì nhật? Tôi nói đủ thứ. Chương thêm vào: Bài chính trị quốc tế của anh kỳ này khá quá. Người lãnh tụ cười, sẽ còn nhiều bài khác hơn. Tôi quay lại hỏi nhỏ Chương. Ai đó? Chương nói, VP đó. Anh lấy biệt hiệu là VP đó!

Mắt tôi trở lên, hướng về người lãnh tụ. Tôi không tin. Tôi đã viết nhiều bài trên báo ấy, và quen nhiều những cây bút tên tuổi. Tôi biết VP làm việc ở một Bộ ở Saigon. Ông ta là một người đáng phục về kiến thức cũng như về đời sống riêng tư.

Từ nỗi ngạc nhiên đến sự nghi ngờ, và cố gắng lắm tôi mới nhớ, người lãnh tụ của Chương chính là tên bán cao đơn hoàn tán, ở PM.

Tôi khốn khổ lắm mới dần được con nóng nẩy. Trong thời gian qua, đời sống trốn tránh và chui rúc đã tập cho tôi thêm một đức tính nhịn nhục. Nhịn nhục để mà sống yên ổn trong thời lộn độn. Chúng tôi âm thầm bước xuống gác. Mẹ vợ đang hết la người ở. Tôi cố bước mau ra ngoài cửa. Chúng tôi lao ra ngoài đêm. Chương dắt tôi về ngôi nhà của một đôi vợ chồng nhà quê, già nua và chất phác. Căn nhà nghèo nàn, vách đất, mái tranh, mà gian giữa là một bàn thờ vĩ đại, đèn hương nghi ngút. Đôi vợ chồng đã ở dưới một chái nhỏ, khốn khổ. Tôi nói với bạn tôi:

- Người ta đã lợi dụng đưa tôn giáo vào chính trị để quyền rũ đám dân quê. Ông bà này, không phải là đảng viên, mà là tín đồ. Mà xem, lịch sử đã chứng tỏ điều đó. Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi bằng cách viết chữ bằng

mật ong trên lá cây rừng. Kiến ăn mòn, rồi lá rụng, trôi theo giòng suối. Và đầu óc mê tín của người dân đã ngờ, có một đấng linh thiêng xuống phò trợ. Những biến cố gần đây cũng vậy. Người ta đem tôn giáo vào chính trị nhiều quá. Bởi thế, có những ông thầy tu hay linh mục suốt đời ăn nhờ vào thùng phước sương...

Tôi định tối nay, tôi sẽ vạch rõ vụ giả danh động trời của người lãnh tụ ấy cho bạn tôi. Tôi biết bạn tôi sẽ khóc khi tìm thấy trên con đường mình về, một côi cô đơn bị thảm. Còn tôi, liệu ngày mai, có tìm trên La Strada ^(*) của tôi một vì sao, như tôi đã thấy trên đỉnh đèo Ngoạn Mục kia không?

Đêm đó, tôi bỏ Chương, ra ngồi trong một quán giải khát. Đây là một nhà điếm trá hình. Từ dưới khung cửa lưới, tôi nhìn thấy những tàn dứa đen thẫm lay động trong gió. Và trên nền trời đen tối mờ mịt, rất nhiều vì tinh tú nhấp nháy. Có vài vì sao băng. Và những ánh đèn rực rỡ trên đỉnh, từ một căn cứ Mỹ, long lanh như một chuỗi hạt kim cương. Tôi nghĩ đến nỗi hiu quạnh của một đời người. Tóc râu tôi đã chất ngất những gì mà đời sống, tuổi trẻ, hoài bão, mơ mộng, đánh gục xuống. Những ánh đèn kia lưu luyến tôi trong một giấc mơ. Phải rồi, anh đang nhớ em, mỗi đêm ở trên ngọn đồi phòng ngự. Phải rồi, mỗi đêm anh nhìn về thành phố biển, anh thầm thì một lời với em. Phải rồi, ở ngôi trường nội trú, em chong đèn xoa tóc, em mơ mộng bao nhiêu điều em không biết, anh là một hành tinh trên cao. Phải rồi, những ngày chủ nhật, anh trở về, đón em ở cổng, chờ em ở đường, nói về nỗi khổ cực, gian lao

của người lính Việt nam cho em... Phải rồi, phải rồi... những lần hẹn hò thơ mộng ngày nào, khi chúng ta xa nhau. Em trở thành cô giáo, anh thì còn giống ruồi ngàn trùng. Em lên miền cao, anh về miền biển... Mất tôi bỗng mờ đi, và trong thính không đã ngập tràn âm nhạc. Một khúc tình sầu của Chopin, khi tôi và nàng hôn nhau dưới một cột đèn lạnh giá.

Tôi lại nhận ra người lãnh tụ. Ông vẫn đội nón phớt, khoác áo măng-tô, mang kính trắng, đi chân chữ bát, bước hấp tấp vào bên trong nhà đêm.

Sáng mai, chúng tôi đã dậy trễ. Những chuyến xe đã lên đèo từ lúc nào. Chúng tôi vẫy những chiếc sau cùng một cách tuyệt vọng. Những ánh đèn pha chói mắt chúng tôi. Rồi băng băng soi vào lòng đêm chưa thức giấc. Trong lúc tưởng như tuyệt vọng, thì một chiếc xe jeep nhân sự đã ngừng lại. Người chủ, to béo, mang áo veston, ngồi bên cạnh người tài xế ốm nhom, ông ta mời chúng tôi lên xe, sau khi hỏi:

- Các ông là thường dân hay là lính?

Tôi phải nói dối:

- Chúng tôi là sinh viên. Chúng tôi phải lên Dalat cho kịp ngày khai giảng.

- Thế à! Mau lên, kéo đèn đóng cửa.

Rồi chiếc xe lao đi, mạnh mẽ, gió núi lạnh như cắt da khiến tôi phải run cầm cập. Những vì sao muộn, hầu như càng lúc càng gần. Đôi khi, dưới ánh đèn pha rọi mặt đường, những con sóc hoặc thỏ chạy vụt qua. Chiếc xe như một con vật lẻ loi giữa đêm tối. Người chủ bỗng hỏi lại:

- Các ông chừng nào ra trường?

Tôi trả lời:

- Một năm nữa ông.
- Các ông theo ban nào? Chính trị kinh doanh.
- Vậy các ông là những nhà chính trị tương lai. Các ông nghĩ thế nào về đất nước hôm nay?

Tôi chưa kịp phát biểu, thì bạn tôi đã nói. Hình như, lần đầu tiên, hắn tìm được một người đối thoại. Hắn nói về một đất nước tham nhũng hối lộ, bất công và tan rã...

Tiếng người chủ vang lên:

- Như vậy, ông chính-trị-gia tương lai, ông nghĩ phải làm thế nào?
- Phải đập đổ tận cùng, rồi xây dựng lại.
- Nhưng bằng đường lối hành động nào?
- Bắt nhà giàu. Bắt hết. Nhà giàu là căn cơ của tư bản, là nơi phát sinh sự bất công. Phải tạo một thế giới đồng đều, trong ấy mọi người đều có quyền lợi kinh tế như nhau.
- Trời ơi, ông là Cộng sản rồi.

Ngực tôi nhói lên. Chưởng thì lấp bắp. Hắn cố bào chữa là hắn muốn có một cuộc cách mạng theo kiểu Nasser. Nhưng người chủ vẫn thốt lên:

- Chờ mấy ông Cộng sản này vào đồn cho rồi. Mấy ông đón xe tôi lên núi phải không. Giờ này không có cảnh sát, quân cảnh kiểm soát mà!
- Trời ơi, tôi la lên, ông nghĩ bậy. Thú thật với các ông, chúng tôi là lính. Lính chánh gốc. Giấy tờ đây này.

Tôi lúi búi trong túi ra... Vâng, tôi đã sợ. Trên ngọn đồi vắng này, xung quanh tôi, là những bốn người đàn ông làm lì. Và có thể, người chủ xe này là một công an cao cấp cũng nên. Nhưng tiếng cười của gã vang lên rộn rã:

- Không sao, không sao, tôi nói chơi cho vui. Con

tôi cũng có những ý nghĩ như các ông. Tôi nghiệp cho tuổi trẻ bây giờ, sống lâu bêu bằng chữ nghĩa trong sách vở, rồi đi ra trận, lao đầu vào chém giết. Tôi nghiệp...

Như vậy, trên ngọn đồi này, có một kẻ trở về với cõi lòng thất vọng nào nề. Bạn tôi chắc đã nhận thức được điều ấy. Trong một thời đại chỉ toàn là sự nghi ngờ và hận thù, con người không sống trọn vẹn với niềm mơ ước. Tôi xiết chặt bàn tay bạn tôi, như thăm hỏi.

Xe càng lên cao, thì trăng càng mỗi lúc mỗi to hơn. Dễ chứng nó ở ngay trên đỉnh núi. Có lúc mặt trăng hiện sau những hàng thông, có lúc mặt trăng khuất sau một cái eo đá, và con đường trở nên tối lại. Những cành lá thông rũ ở giữa cái vành tròn sáng láng, như những mái tóc ủ rũ của người cô phụ. Lòng tôi nôn nao quá sức. Sự nôn nao như một kẻ xa nhà đã lâu trở về quê hương. Liệu tôi có thể tìm lại một chỗ dừng chân an ổn ở dưới chân đồi bên kia không. Đơn Dương, Đơn Dương, tôi thì thăm như một giấc mơ. Đơn Dương, anh trở lại thăm Đơn Dương đây. Đơn Dương, thung lũng xanh, và sương mù trắng đang chờ đợi một kẻ trở về...

Xe xuống chân đồi thì trời bắt đầu rạng sáng. Có tiếng gà rừng gáy, eo óc ở một nơi nào xa. Những vũng sương còn đọng trên những chòm thông lá mướt. Đơn Dương như một lũng sương mù. Tôi hớn hờ nhảy xuống xe và nhào vào một quán cà phê bên kia đường.

Uống một cốc cà phê Đơn Dương cho biết. Tôi nói lớn

với Chương. *Cà phê ở đây ngon có tiếng đấy. Trời lạnh thế này, không có gì thích bằng uống một hớp cà phê đậm và nóng.* Chương cười khẽ, có lẽ mếu máo cũng nên.

- Sao không đi thăm nàng?
- Trời ơi, sáng chưa kịp mở mắt, mà gõ cửa nhà người ta à?
- Như vậy mới có tình nghĩa chứ.
- Thôi, chút nữa cũng không muộn.

Tôi không biết nhà nàng. Tôi hỏi thăm một con bé ở bên đường:

- Em bé, em biết cô giáo Quỳnh không?
- Em bé gật đầu: - Cô dạy em đó.
- Em chỉ nhà giúp anh. Anh là anh cô Quỳnh đây.

Con bé hỏi hã dắt tôi đi. Chúng tôi đi theo một con đường đất đỏ, mọc đầy hoa hướng dương vàng rực, bước tới một dãy nhà gạch. Con bé chỉ tay căn nhà đóng kín cửa. Nhà cô giáo đó và nó chạy vào, chờ đợi rụt rè. Sau đó, con bé nói lớn:

- Thầy ơi, có người hỏi cô.

Tôi quay đầu lại, vội vã chạy. Tôi chạy như một tên điên. Tao cũng như mày, Chương ơi.

(Ban Mê Thuột, 2.71)

(*) “*Con Đường*”, tên cuốn phim Ý mà Fellini đã thực hiện.

- Bài văn này do thân hữu Ngọc Bút ở trong nước sưu tầm (PVN)

ĐỈNH XUÂN BUỒN

Chiều ngày cuối năm, hai trung đội lại xuống núi. Trung đội Hạo về mạn Bắc, làm vòng đai cho căn cứ. Trung đội Sanh về mạn đông, ở ngôi áp ven chân núi, làm tiền đồn như thường lệ. Buổi chiều cuối năm, gió lạnh hơn mọi khi. Gió lộng, cắt da cắt thịt. Và bầu trời vẫn mang màu u ám của một mùa đông rét mướt. Những người lính lặng lẽ theo con dốc; họ chạy tự do, dù chân họ cố gượng giữ lại. Đáng lẽ, mọi buổi chiều xuống núi khác, ngọn đồi sẽ vang động tiếng cười reo, nô giỡn như của một đám trẻ thơ vô tư lự. Nhưng chiều này, không ai nói với ai. Trên đôi mắt của mỗi người, in một màu buồn bã. Màu xám của vách núi, những hòn đá chênh vênh lạc loài, những bụi hoa dại vàng thẫm, những sắc lá xanh, phủ trên kè đá, hình như đưa tiễn những đứa con lạc loài xuống núi. Khi đám lính ngang qua trại gia binh, nằm dưới chân núi, Hạo thấy vài người đàn bà bông con đứng trước cửa. Bên trong, vài bàn thờ còn nhang đèn, bánh trái. Hạ sĩ nhất Liên, dừng lại trước nhà, vuốt đầu đứa con trai chừng bảy tuổi.

- Ba đi nghe con. Ở nhà cúng giao thừa với má con nhé. Người đàn bà đứng bên cạnh nói:

- Nó mà cúng à. Nó chỉ biết ăn. Chưa chi mà đã đòi mặc áo quần mới.

- Bà không làm vừa lòng nó một chút sao. Trẻ con chỉ mong mấy ngày Tết mặc quần áo mới mà.

- Thưa thả. Để đến giao thừa, tôi cho nó mặc. Bà ta cười, lộ hàm răng vàng:

- Tôi sợ nó mang bây giờ, ra bãi đập lộn không à.
Nghe câu trao đổi của người lính, Hạo đâm xúc động lạ lùng. Hạo cho lệnh nghỉ thêm nửa tiếng đồng hồ nữa. Những người lính mừng rỡ, chạy ùa vào nhà. Chỉ còn mỗi một mình Hạo, ngồi dựa vào gốc cây bàng, đốt thuốc. Có tiếng chim sáo ríu rít trên cao. Hạo bắt gặp những chiếc lá bàng màu đỏ gạch như màu áo của Lương Vi, in trên con đường xanh um của thành nội. Trong túi trận của Hạo vẫn còn phong thư xanh và nét chữ tím.

“Anh nà. Chiều ni, nhận được thư anh, em mừng ghê đi. Em quên thay cả áo dài, vào phòng đọc thư anh liền hà. Anh ơi, anh có biết em sung sướng biết bao nhiêu không. Trong sự sung sướng nớ, em càng lo âu biết mấy. Anh lại đi hành quân chỗ khác. Làm đàn ông con trai các anh thật là khổ, anh nà. Anh biết không. Điểm triết kỳ ni, em đứng đầu. Có anh, anh sẽ chia vui cùng em. Nhưng anh thì ở xa em. Lâu lâu anh lại về, rồi lại đi. Em không biết chia vui cùng ai anh nờ. Gần Tết trời lạnh ghê. Không có năm mô lạnh như năm ni. Mưa lại dầm dề suốt ngày. Khi qua cầu, gió thổi làm em mệt muốn ngất. Em phải nín áo kéo nó bay dừ quá sức.

Tết ni, anh được về phép không? Em đã gói xong một cặp bánh chưng dành riêng cho anh. Mỡ nhiều lắm. Đừng chảy nước miếng nghe người ta.

Em cầu nguyện anh sẽ về ở bên em mãi mãi. Tự nhiên muốn hát câu “Người từ ngàn dặm về mang nỗi sầu. Nhịp cầu ô thước hẹn đến mai sau...”

Những giòng mực tím của người con gái học trò đã mang vào tâm hồn chàng những nỗi buồn đến rung cả mắt. Hạo thấy lại những buổi trưa hẹn hò. Những bờ

thành xạm rêu, những cánh hoa dài màu vàng ản mình dưới bờ đá thanh. Hạo nhớ đến những cây dừa tây mọc lên ở sau thư viện đại học, những bãi cỏ màu xanh êm ái, những bóng mát của buổi trưa hè, và tiếng chim sáo rộn rã trên đầu hai người. Mắt chàng mờ đi trong làn khói thuốc. Hình như những kỷ niệm lan rộng, lờn vờn, cùng buổi chiều sắp rụng. Huế. Huế, có con đường với hàng khuyên điệp, ven bờ sông An Cựu, Lương Vi đạp xe, vành nón thẹn thùng nghiêng trên mái tóc. Huế có những bước chân hồng trên đám lá sao vàng rụng cuối đường hoàng cung. Huế có Lương Vi nũng nịu, có Lương vi thẹn thùng, có Lương Vi giận hờn, có Lương Vi mơ ước. Một cò trắng, cánh xa rợp một nền trời. Chàng lắc đầu, cố xua đuổi những tên Lương vi ra khỏi buổi chiều buồn nhất này. Chàng lấy bản đồ bọc nhựa, xác định lại điểm đứng. Chàng nhớ lại cái lệnh từ bộ chỉ huy đưa ra:

Chúng ta đang hưu chiến. Mọi cuộc hành quân tạm thời đình chỉ. Chúng ta rút về vị trí phòng thủ như mọi khi...

Lệnh, lệnh, lệnh tràn ngập đầu óc, lệnh biến đổi tim óc. Hạo nghe mình đang tự nói với chính mình. Lương vi ơi, em không biết, chiều cuối năm ni, anh nhớ em chất ngất, vô cùng. Ước gì em có đôi cánh thiên thần, bay về cùng với anh, chia xẻ nỗi buồn của anh... anh đã như một người máy. Một người máy cô độc quá chừng.

Chàng bước dạo một vòng. Có những ánh đèn cây, thấp lên, vội vàng từ một căn nhà người lính nghèo khó. Hạo đang vái lạy trước bàn thờ bên cạnh lũ con nheo nhóc. Người vợ bận rộn thức cúng. Hạ sĩ Huy, từ căn nhà lá lộ đầu ra:

- Mời ông vào, uống chút rượu.

Hạo la lên:

- Còn năm phút nữa, anh em. Mau lên.

Huy vẫn mời mọc:

- Đêm nay giao thừa, yên lảm ông. Minh từ từ đi cũng được, ông. Mời ông cốc rượu...

- Lệnh bắt mình như vậy. Chứ tôi có muốn làm khổ anh em đâu. Tôi biết đêm nay, là đêm linh thiêng nhất mà. Và chàng bước vào nhà. Người vợ của Huy cúi đầu chào, rồi nói:

- Một năm chỉ có mỗi đêm nay, mà phải đi khổ quá thiếu úy.

- Tôi biết làm sao bây giờ. Người ta sai sao mình nghe vậy. Thấy anh em tội nghiệp, nhưng tôi không dám cãi lệnh.

Người đàn bà vuốt tóc đưa con gái ba bốn tuổi, nói giọng buồn buồn:

- Chiến tranh mãi hoài thế này biết bao giờ dứt. Liệu sang năm, mình được về quê không thiếu úy.

Huy cười:

- Mẹ nó nói chuyện trên trời dưới biển. Đánh giặc kiểu này, thì đến đời con mình vẫn còn đánh nhau, phải không thiếu úy.

- Khổ quá hen. Người đàn bà than vãn tiếng thở dài.

Chàng nhìn mấy đứa bé. Thằng lớn nhất, mặc chiếc quần đùi rộng thùng thình, đang mở mắt nhìn những xấp vàng bạc ngun ngút cháy. Nó độ 5, 6 tuổi. Chàng hỏi hạ sĩ Huy:

- Sao không mặc quần áo mới cho nó.

Huy cười buồn.

- Cho nó biết cực quen. Bố nó đâu có sung sướng gì.

- Nó còn con nít mà. Nó làm sao biết được nỗi khổ của

mình. Nó chỉ biết ăn chơi, mặc quần áo đẹp...

- Tôi cũng muốn vậy. Nhưng nhà mình nghèo quá, ông. Người vợ chen vào:

- Tại ông uống rượu, đánh bạc cả ngày.

Mụ bắt đầu tám tấc. Giọng mụ kể lể:

- Đó ông coi. Ông thấy sướng chưa. Con nó không có một bộ quần áo mới như những đứa khác.

Hạo hấp tấp đứng dậy. Chàng biết trước câu chuyện sẽ xảy ra không tốt. Chàng móc ví lấy ít tiền đưa thẳng nhỏ.

- Anh mừng tuổi em. Em chia cho mấy đứa em nhé.

Và chàng hỏi hỏi giục hạ sĩ Huy:

- Ông gọi anh em bắt đầu đi. Mau lên, kéo tối rồi.

Anh nờ. Em đan chiếc áo ấm cho anh nì. Em không biết kích thước của anh, nhưng em cố tưởng tượng ra. Em nhận thấy anh đứng trước em, ngồi bên em, cười cùng em, vui buồn cùng em. Em đan cho anh từng sợi len nhớ nhưng xa cách. Gần Tết rồi, trời lại càng lạnh. Mưa thì dầm dề không dứt. Em ước ao anh về, để anh dắt em đi phố. Vĩa hè Trần Hưng Đạo, đông ghê đi. Người ta đi phố, mua sắm đồ đạc, người ta đi dạo, vui vẻ quá anh ơi. Em không có anh, cũng chả buồn đi mô hết. Mạ nấu một nồi bánh chưng, mạ nhắc anh mạ nói mạ thương anh hết sức. Anh mừng đi.

Anh nờ. Chiếc áo len, đan xong sẽ gửi cho anh. Anh đừng chê tài nữ công của em nghen. Tội nghiệp em lắm đó.

Trung đội đã đến áp. Bóng tối rơi thật nhanh. Hạo còn nghe mùi ẩm ướt lẫn mùi hương lúa trong gió. Tuy mặc thêm chiếc áo len màu huyết dụ ở trong cùng, chàng

vẫn cảm thấy lạnh. Gió u u bụng bít mắt, tai. Gió ngã nghiêng hàng tre rậm và đầu đó, chìm te te buồn bã trong thình không mông quạnh. Hạo đứng lại ở trên mô đất, giữa áp, chờ đám lính vượt qua. Chàng hỏi:

- Trung sĩ Y Sik đâu?

- Ông ở đằng sau, Thiếu úy.

- Nói anh em đến ngôi trường áp, dừng lại.

Trung sĩ Y Sik hiện đến. Chàng nghe thoảng mùi rượu.

Chàng cười.

- Trung sĩ Y Sik đây, phải không?

- Dạ, có tui.

- Lại uống rượu nữa hả.

- Uống cho vui một chút ông.

- Bắt cái rượu cần, hay bắt cái đế?

Người trung đội phó cười:

- Bắt cái rượu cần, ông.

Hạo cũng cười theo. Chàng vỗ vai người lính Thượng gốc Rhadé.

- Ông đi theo tôi. Mình đi tìm chỗ nằm.

Hai người bỏ lại đám lính đằng sau. Họ bước qua những ngôi nhà còn để đèn leo lét. Giữa sân, những bàn thờ đã được đặt từ hồi chiều, sáng mờ dưới ánh đèn bão. Chàng thấy những bụi bông trang khẽ lay động trước gió. Tiếng chó sủa lướt dài, như một khúc nhạc buồn hiu, lẫn trong không gian lạnh.

Hai người đến cuối áp, gần chiếc cầu đá.

Chàng bảo:

- Tối này, mình nằm đây, giữ mạn trên.

- Ừ.

- Ông cho một tổ nằm xa.

- Ừ.

- Tổ nào hôm nay trực?

- Tổ thẳng Brip.
- Ông nói anh em đừng buồn. Nhất là những người Thượng. Nói với họ tôi cũng khổ tâm lắm.

- ...

- Tôi biết anh em xa núi xa rừng thì buồn. Tôi cũng vậy. Những người lính Kinh cũng vậy. Ông xa buồng xa làng, tôi xa cha xa mẹ. Mỗi người chúng ta đều mất quê hương.

Chàng đưa điều thuốc ra mời:

- Mời ông điều thuốc, hút đỡ ấm.
- Để tôi về kêu chúng nó.
- Khoan đã, ông. Chờ tôi hẵn, mình đi cùng được.

Hai người ngồi trên mồm đá, đốt thuốc. Đêm cuối năm tối đầy bụng cả mắt. Chàng có thể nghe rõ tiếng gió xạc xào những chiếc lá bàng, và tiếng thầm thì như hơi thở của lòng mình: buồn ời, là buồn. Buồn ời là buồn. Hai người ngồi không nói với nhau một lời. Y Sik cũng như chàng, cũng vọng về một nơi nào đó yêu dấu. Đó là núi rừng, hội hè, đó là những vụ tế thần linh, những hội trống bập bùng giữa đêm trường bát ngát. Đó là thác đổ, suối reo, đó là con dốc cao, bờ đá dựng. Đêm nay, ai cũng mang vào hồn mình những nỗi buồn ray rứt. Chàng quay lại, nhận ra đôi mắt người trung đội phó của chàng long lanh. Lòng chàng đâm lạnh đi.

Anh nờ, em viết tiếp cho anh đây. Cả nhà đi ngủ hết. Chỉ còn em ngồi trong phòng học bài. Anh biết không? Hồi chiều, đi học về khi qua vườn sầu, đằng sau thư viện, em bỗng khóc. Nhìn bãi cỏ, bóng cây, nhìn con đường vòng đầy cuội trắng, em càng nhớ anh. Anh nờ. Sao chiến tranh không chấm dứt, để anh về với em. Chiến tranh cứ mãi hoài kéo dài. Không dứt. Anh không biết, mỗi lần đi học về, em vẫn theo con

đường cũ mà ngày xưa anh dìu em đi. Lá vàng rụng nhiều quá rồi. Đôi khi em cảm thấy mắc cỡ, nhớ lại lần hai đứa mình hẹn nhau ở vườn sầu. Anh nhớ hông.

Đám lính đã lục tục kéo đến cây cầu đá. Trung sĩ Y Sik đang chia nhiệm vụ canh gác. Có tiếng của một người lính nào đó nổi lên:

- Đêm giao thừa, mà còn khổ như thế này. Biết đến khi nào mới hết.

Lại có tiếng cười khúc khích:

- Cha nội có than cũng chừng nấy, không than cũng chừng nấy. Im lặng là hay nhất.

- Tau khổ tau than. Kệ chó tau. Mày xía vô làm gì?

- Cha nội đừng lớn tiếng. Ăn nói đàng hoàng đi.

- Tau nói như vậy, làm gì tau.

- Cha nội muốn chơi hả? Thằng này không sợ đâu.

Một giọng nói khác xen vào:

- Trời ơi mấy cha. Đêm giao thừa mà còn cãi lộn nữa sao. Bộ một năm nay không đủ để chơi nhau sao mấy cha nội.

Hạo từ cổng nhà ngói, bên cạnh người lính truyền tin, nói lớn:

- Thôi anh em. Nhịn nhau đi.

Đội toán lính rút ra đêm tối, Hạo mới trở vào căn nhà của đôi vợ chồng già. Tổ chỉ huy của chàng đóng trên thềm nhà gạch. Những người lính đang lui cui sửa soạn chỗ ngủ. Còn chàng, chàng vẫn ngồi yên. Chàng cảm thấy khổ tâm hơn bao giờ. Trước mặt nhà, sân gạch rộng, ẩn dưới những hàng cây bụi. Đêm ngào ngạt mùi hoa lan. Tại sao chàng lại sợ, lại lo. Đêm nay, đêm giao thừa mà. Hưu chiến mà. Những ý nghĩ làm chàng

khốn khổ. Bên trong nhà, đôi vợ chồng già sống lẻ loi ấy, đang sửa soạn bàn thờ. Ánh đèn dầu hỏa, leo lét, soi một phần nào mái tóc bạc như sương của hai vợ chồng. Bà đang lui cui sắp đặt những thức ăn trên chiếc bàn nhỏ. Những đĩa xôi, những chén chè. Một nải chuối, những quả mãng cầu... Ông già đang ngồi trên ghế, vắn thuốc. Đêm càng như ru nỗi buồn thêm lên, nỗi buồn dầy lên với những tiếng thờ dài của bà mẹ. Chàng biết, giờ này cha chàng sẽ cũng ngồi vắn thuốc trên chiếc ghế mây, sẽ nhìn ra đêm tối, mong đợi thằng con. Chàng biết giờ này, lũ cháu như những thiên thần, vui tươi nhí nhảnh trong bộ quần áo mới. Và Lương Vi giờ này em làm gì. Mất em còn long lanh, môi em còn héo sầu, nỗi chờ đợi em càng vàng vố? Và Lương Vi. Em có về, trong giờ lạnh và đêm dài này không. Chàng cúi đầu xuống. Tiếng máy truyền tin kêu một âm điệu bất tận. Người trung đội phó vẫn còn ngồi yên trên thềm. Họ tìm gì trong đêm đen tối quá chừng? Bỗng dưng chàng thêm rượu. Đêm ở khoảng sân gạch kia, rất là trống vắng. Có những chỗ ngồi yêu dấu, của anh em, của đồng đội, có những nụ cười thân ái, trong buổi cơ hàn, có những tiếng la đùa, chúc tụng nhau trong phút linh thiêng. Có nhiều lắm. Nhiều lắm. Những gian khổ, những giọt máu, nước mắt những buồn vui sẽ trở lại, để đem hy vọng cho một ngày năm mới sẽ ở trên khoảng sân gạch rộng này, hai mươi người lính, áo quần tơi tả, giày trần mốc meo, bỏ khẩu súng bên đùi, nhắc đến những quá khứ, mơ mộng đến tương lai, bên những ngọn đèn dầu yếu ớt. Nhưng chàng không dám kêu gọi đám lính của mình trở về chung vui trên khoảng đất này. Khoảng đất, đáng lẽ dành cho những người lính thủ một giờ hạnh phúc nhất. Hay chàng sợ. Trong màn

đêm sâu thẳm này, ai biết đâu một mặt trận mới đang bùng nổ? Và đàn chuột đang len lỏi ngoài kia, sẵn sàng vào phòng tuyến.

Tiếng của người lính mang gạo nói thẳm bên tai Hạo. *Giao thừa rồi. Thiếu úy.* Chàng ngồi bật dậy hỏi lại *đến giao thừa rồi sao?* Tròn. Tròn đáp khẽ: dạ. Chàng bỗng dưng xúc động quá chừng. Thời gian đang ngừng lại. Giờ này, phút này. Tiếng pháo sẽ nổ ròn. Những xác pháo hồng sẽ tơi tả rụng trên thềm. Ba chàng mặc áo lương đen, khăn nguyện trước bàn thờ. Giờ này vui quá cỡ, linh thiên quá chừng, Giờ này, thằng con lưu lạc mang đôi giày mới, trở về. Giờ này... chàng muốn điên cuồng. Bởi xung quanh chàng, là cõi chết, là cõi địa ngục. Chàng mất cả bình tĩnh, quên cả lệnh, lấy trái sáng xanh chàng thụi vào đêm tối. Ánh sáng xanh lóe lên, rực rỡ một vùng. Và ánh sáng vàng, ánh sáng tím.

Chàng hét lên:

Anh em ơi, giao thừa rồi. Ngồi dậy, chúc mừng nhau đi.
Anh em ơi.

Và chàng chối lùa cùng niềm hạnh phúc cuồng điên đột khởi trong hồn.

Chàng ngửa mặt lên trời, cổ hứng ánh sáng tím đang rơi đầy mặt mũi:

Lương vì ơi, màu áo của em, anh đang uống màu áo của em đây.

Đám lính từ bốn phía ủa ra, nhảy nhót tung bừng

Trần Hoài Thu

gác gió Huy Hoàng 12 - 70

(Vấn Đề số 44 tháng 3-71)

NGƯỜI CON GÁI Ở NHÀ THỜ ĐỨC TIN

Những ngày đầu của một mùa đông rét mướt, tôi đã chịu đựng không nổi cùng ngọn lửa cô đơn. Đó là con hồng thủy dẫn tôi dần đến một bến bờ tuyệt vọng. Tôi thêm những viên thuốc ngủ. Tôi thêm một sự nhắm mắt thật dịu dàng. Tôi ràn rụa cùng những ý nghĩ bi quan đến tôi. Tôi chưa ý thức được hạnh phúc là nỗi đau khổ như một bài thơ nào đó trong *The Prophet* của Gilbran. Tôi chẳng khác một đứa bé, bỗng nhiên bị giam cầm trong buồng tối, thêm được thấy biển, mặt trời, những ngọn sóng bạc đầu và những chú còng tinh nghịch trên cát. Vẫn căn gác trên lầu chuông của nhà thờ Đức Tin, xung quanh là vách đá, và chiếc nền xi măng ẩm ướt, cùng với tượng Chúa khổ nhục trên cây thánh giá, lẫn những song cửa sắt nhìn xuống biển, để tôi muốn thét gào cho vỡ cả cõi thịnh không u uất ghê rợn, mà những giọt lệ đã làm chứng cho nỗi nhớ nhung chất ngát. Tôi chẳng khác là con hổ rừng sa vào bẫy, để đưa đôi mắt nhớ lại núi rừng. Ngọn lửa cô đơn thiêu đốt tôi bùng bùng trong những đêm tối, những ngày dài hiu quạnh, trong khi mùa đông xám và lạnh rét run ngoài hàng hoa giấy và hoa tigôn dưới nhà thờ.

Ngày đầu, người bạn xách xe mua cho tôi vài ký gạo, vài bó rau muống, một chai xì dầu, một lọ chao, và dăm trái ớt. Hắn hấp tấp để dưới nền, chưa kịp chào hỏi, rồi lại ra đi. Tôi phải cặm cụi nhen lửa, vo gạo, luộc rau. Tôi tự làm thui thui. Tôi dọn chén ăn một mình. Tôi

nấu cơm dành cho suốt ngày ăn. Đến ngày thứ hai, vô ý tôi làm nồi gạo văng tung toé trên nền, và tôi đã chán nản đến cực độ. Tôi đập vỡ chén, bẻ đĩa. Sau đó, tôi liên tưởng đến cái chết.

Vị mục sư đã đi họp xa, và ngôi nhà thờ này chỉ còn lại Hải. Hải đã sống ở đây hai năm, chuyên phụ quét dọn nhà thờ, sắp xếp bàn ghế, hoặc tiếp vị mục sư trong việc truyền giáo. Hắn bảo tôi ông mục sư thật khó tính. Cậu gắng ở đây một thời gian rồi mình sẽ tìm cách khác giúp cậu. Hắn nhìn vào mắt tôi: Sợ cậu không chịu nổi cô đơn thôi. Tôi khinh mạn mỉm cười. Nhưng bây giờ tôi biết mình thất bại. Tôi đã chịu đựng không nổi cùng cõi tha ma như ngôi nhà mồ của ngôi nhà thánh. Tôi không thể can đảm nhìn bóng tôi chập chờn trên vách khi ngọn sáp hiu hắt bên quan tài tôi. Tôi đã nghe rõ tiếng thở dài của tôi và cắn răng áp hai bàn tay vào tai, để khỏi nhớ, khỏi nghe bước chuyển động của thời gian. ánh đèn sáp mờ rọi vào bức tượng Chúa như hình ảnh khốn khổ tột cùng của thế gian. Cũng như tôi lúc này. Cái quan tài sống đang rên rỉ, gào thét, đang vùng lên tro bụi giữa chốn thế gian.

Ngày chủ nhật. Người yêu ơi chủ nhật buồn. Nhìn qua song lá rụng rơi. Mà nơi đây không một người. Người yêu ơi sao chẳng đến. Ngày chủ nhật. Tiếng chuông nhà thờ đã bắt đầu ngân lên trong không gian lạnh. Tiếng chuông ngân thật dịu dàng. Như tiếng chuông gọi hồn trên nghĩa trang hay là hồi chuông cứu rỗi. Tôi áp mặt vào khung cửa kính. Buổi mai xám cả bầu trời. Những cánh tigôn li ti rụng phủ ngập sân. Và cánh cửa nhà thờ đã mở rộng từ lúc nào. Chắc Hải đã sửa soạn từ sớm. Hắn đã quét dọn nhà giảng, lau chùi các ô cửa kính. Lời hắn vẫn còn vang bên tai tôi. Tôi mong cậu

mỗi ngày chủ nhật nên xuống xem lễ để lấy lòng ông mục sư. Biết đâu ông ta thương cho cậu trú ẩn. Tôi đã lặng thinh. Tôi muốn nói tôi là kẻ vô đạo. Tôi muốn nói thêm, Thượng Đế sẽ khóc khi nhìn một đứa con của Người là tôi. Giọng Hải trầm trầm: Mình biết cậu phải khổ sở khi phải làm một việc mà cậu không ưa, nhưng cậu nên nhớ rằng, mình vẫn còn những năm dài chờ đợi trước mặt. Tôi nói tôi đã hai mươi lăm tuổi, mà tôi không mong làm tướng. Tôi đang thấy mình già. Tuy nhiên tôi sẽ nghe lời cậu. Hải cười: Số tín đồ ở thành phố này chỉ có vài chục. Ông ta sẽ vui mừng khi có thêm một tín đồ mới. Cậu hãy can đảm chịu đựng. Biết đâu cậu sẽ tìm một niềm an ủi trong Chúa. Vâng thì tôi chịu đựng, và đã chịu đựng từ ba mươi năm nay rồi. Từ khi lọt lòng đã khóc thét trong bom đạn, và lớn lên đã tiếp tục chịu đựng cùng một số mệnh phi lý, không phải do mình tạo nên, mà do từ chủ nghĩa, từ đám lãnh tụ đầu đó... Và bây giờ, cũng vì muốn thoát khỏi định mệnh, tôi lại phải chịu đựng thêm một định mệnh khác...

Trời lại đổ một cơn mưa nhỏ. Một số người đã đến lễ. Những chiếc dù đen bên cạnh những chiếc dù màu. Những bộ quần áo mới và thật sậm hoà lẫn những tà áo hoa cà. Tiếng gõ của chiếc giày trên thềm xi măng, và những tiếng xì xào thăm hỏi rộn ràng. Một ngày chủ nhật đối với họ quả êm đềm, và hạnh phúc. Họ sẽ hát ngợi dâng, và sẽ miên man cầu nguyện để bình an về với họ. Và sau đó, họ sẽ trở về nhà, thỏa mãn, hy vọng. Chỉ có tôi thì còn lại những gì ? Mất tôi vô tình dấn chặc vào ô kính nhòa nhạt nước mưa. Một khoảnh sáng nhỏ cũng đủ cho tôi nhìn rõ một hành lang đầy hoa cúc

vàng và những chiếc dù, áo mưa giăng mắc la liệt ngoài cửa chính. Tôi chợt nhận ra một người nữ thật xinh đẹp. Cả người nàng toát ra một vẻ đẹp buồn thảm. Từ mái tóc đen tuyền phủ cả bờ vai, và phủ một nửa mặt. Từ chiếc áo dài đen, chiếc quần lụa đen... Nàng bước trên sân tràn ngập những cánh hoa tigôn hồng, dáng nhẹ nhàng và uyển chuyển làm sao. Tôi bàng hoàng đến độ ngây ngất. Tôi tự biết tim tôi vẫn còn bén nhậy. Hay là tại cái màu đen rờn rợn như cội chết mà nàng đã sắp ban cho tôi. Như một lời mời gọi từ mái tóc phủ cả con mắt phải của nàng. Như chiếc đầu cúi xuống và bờ vai mềm mại cùng cái dáng mong manh của nàng. nàng bước vào cửa thánh như một làn gió.

Tôi vẫn lặng thiếp trong nỗi hôn mê kỳ lạ. Rồi sau đó, tôi nhắm mắt lại. Tiếng phong hồ cầm chợt vẳng từ nhà giáng lên căn gác. Đó là một bản thánh ca. Tôi còn nghe cả một giọng hát thật cao, cao và trong. Một vài chiếc lá muông bay vèo xuống sân và yên nghỉ ở đó. Có gì lưu lại trong lòng tôi không? Có gì ngủ lại trong tâm hồn tôi không? Hay là một ngày chủ nhật trôi dần qua mà một người thanh niên đang nắm những song sắt để chờ đợi:

Người yêu ơi chủ nhật buồn
Lòng rung rung như lệ tuôn...
thời gian đi trong tủ hờn
người có hay sao chẳng tới ?
(nhạc Hoàng Thi Thơ)

Như thế tôi đã có một hình ảnh để tạm gọi là nhớ nhung. Như thế tôi đã có một dòng suối tóc đen tuyền và một con mắt giấu trong bờ suối như bắt tôi phải cố tìm kiếm một cội mê lộ. Như thế cái dáng người nữ,

đôi bờ ngực phập phồng, để tôi phải mơ đến độ phải mộng tỉnh. Từ ngày thấy nàng tôi như chìm đắm trong nỗi mê muội tâm thần. Tôi muốn nàng là của riêng tôi, dù trong giấc mơ, trong nỗi tưởng tượng. Tôi đã bị giằng co giữa cái xấu và cái tốt, về con heo và cánh hoa huệ lóng lánh hạt sương... Vâng, chính cô đơn là một căn bệnh khủng khiếp nhất.

Bạn tôi, thỉnh thoảng lại về rồi đi. Nhà thờ đạo đóng cửa suốt tuần và chỉ mở vào ngày chủ nhật. Bởi thế tôi ít khi bị làm rộn. Tôi tự giam mình trong nỗi khổ hạnh với xì dầu, rau muống, tương chao cả tháng. Rõ ràng muốn đổi lại cái sống, tôi phải trả bằng một cái giá quá đắt. Hải cười nói tôi còn hơn thầy tu nữa. Chừng nào sắp đắc đạo nhớ mang hẩn theo. Tôi cười không trả lời. Hẩn làm sao biết lúc này là tôi muốn sống, muốn sống mãi, muốn mỗi ngày là chủ nhật. Trời ơi, sáu ngày đã làm tôi muốn điên khủng lên đây.

Tôi bắt đầu làm quen với vị mục sư trẻ. Vị mục sư này đang tập sự để thừa kế vị mục sư già khe khắc. Ông thật trẻ trung và có tư tưởng tiến bộ. Ông chấp nhận cho tôi được trú ẩn trên căn gác chuông với điều kiện luôn luôn ở trong nhà Thờ. Ông sợ nếu tôi ra ngoài, hàng xóm láng giềng sẽ nghi ngờ và tố giác. Ông không muốn nhà thờ ông mang tiếng chứa chấp tên đào thoát. Tôi hứa với ông, nhưng tôi phải khổ tâm để phải hứa với lòng, hãy cố lên, hãy đầy đủ nghị lực để khỏi sa vào sự cám dỗ mê muội.

Một ngày chủ nhật nữa lại đến. Cánh cổng nhà thờ đóng kín cửa suốt cả tuần bây giờ lại được mở ra. Tiếng

chuông lại ngân vang hòa cùng nỗi nao nức của lòng tôi. Những tiếng chuông ngày nào khiến tôi cứ liên tưởng đến sự cứu rỗi, thì bây giờ như những tiếng gọi của mùa hạnh phúc. Bởi lát nữa, người nữ có mái tóc phủ hảnh con mắt phải, đẹp nảo nùng sẽ hiện ra, và cái dáng người mềm mại, uyển chuyển kia sẽ bước vào trong cửa thánh như một làn gió... Bởi lát nữa, hai gót chân nàng sẽ dẫm trên những cánh hoa li ti hồng nhạt. Và tôi đã chờ đợi trong nỗi nôn nao vô cớ. Dưới sân, tiếng lao xao bắt đầu vang lên. Đám tín đồ thưa thớt bước lên hành lang. Và nàng, người tín đồ cuối cùng hiện đến. Vẫn bộ quần áo màu đen tuyền. Vẫn gương mặt bị mái tóc che phủ một phần. Vẫn những bước chân nhỏ và mềm. Vẫn dáng uyển chuyển. Tôi như nín thở khi áp mặt vào khung cửa trên lầu chuông. Tôi muốn lột trần nàng, phà hơi lên da thịt của nàng. Tôi muốn thoả mãn nỗi cô đơn như cả một núi tảng đã hành hạ tôi từng đêm, từng ngày từng giờ từng phút.

Nàng bước lên bậc thêm nhà giảng. Tiếng phong hồ cầm lại vang lên réo rắt. Tôi vội vàng mặc quần áo nhẹ bước xuống thang lầu. Tôi đứng sát vào cửa hồng. Nhạc thánh ca vãn trời. Những bài thánh kinh vang lên. Giọng hát cao và trong như cuốn lọc. Tôi quì gối xuống cố nhìn rõ nàng hát qua lỗ khóa. Dù cánh cửa gỗ trắc ngăn chia, nhưng tôi vẫn ngỡ nàng đang ngồi sát bên tôi, và chúng tôi cùng ca lên lời ngợi dâng cùng Chúa. Tôi ngây ngất nhìn gương mặt ngoan đạo của nàng, dưới ánh điện mờ ảo.

Có nên nói một điều này không. Vì khi nàng quay mặt vào cửa ngăn, nàng đã vén lên mái tóc phủ con mắt phải của nàng, một cách sợ sệt. Thì tôi đã nhận ra một con mắt sâu hoắt. Một con mắt mù thật tức tưởi, bên

cạnh một vết sẹo dài láng bóng như sáp ong. Gương mặt nàng bây giờ như một gương mặt xấu nhất thế gian.

(Vấn Đề số 48 tháng 7-71)

ĐIỀU THUỐC TÌNH SI

Tặng Nhàn

Đó là một đêm mưa mùa hạ. Khi anh từ doanh trại trở về, thì mưa đổ nhẹ trên đầu anh. Anh bước chậm rãi trên cầu Mống, nghe bước giày xào xạc trên vỉ sắt, và được thấy giòng sông Định mập mờ dưới ánh hỏa châu. Tự nhiên anh đâm ra nhớ em. Nhớ em thật sự. Chính trong tiếng mưa êm ái đó, chính những giọt lạnh băng đang len lén hôn trên da thịt, chính bầu trời mịt mù đen tối, nó khiến anh trở về một giấc mơ đầy nước mắt. Phải em áo mỏng nép bên anh, dưới cây đa cổ thụ, bên đình làng, phải anh chờ em rét run, dưới cơn mưa như thác, và tiếng sấm, tiếng sét đan nhau trên bầu trời vào tối. Em mang áo mưa màu tím hoa cà. Em hốt hải chạy xuống dốc. Anh từ gốc cây ôu yếm nhìn em, rồi chạy

ra. Em nhìn về phía sau, nói:

- Xem tề, có người nhìn chúng ta kia tề!
- Mặc kệ họ. Em không thấy anh tội nghiệp thế này

ư?

- Góm, mưa gì lớn quá anh hỉ?
- Mưa giông đó em.
- Sao anh không về? Mưa lớn rồi.

Anh kéo tay em vào gốc đa; rồi siết chặt bàn tay của em.

- Em vào trong này tránh mưa. Anh chờ em cả tiếng đồng hồ đó.

Em cúi đầu xuống. Mái tóc thề của em như một giòng suối. Anh muốn úp mặt vào giòng suối ấy, mà thiếp đi cho an ổn cả một đời thanh niên lận đận. Anh nói nhỏ như thể giận hờn:

- Sao em cứ tránh mặt anh hoài à?
- Tại anh cứ đi luôn. Nhiều khi chờ anh, em phát khóc.

Anh cười:

- Hay tại bà già của em? Thú thật, ra trận anh không sợ, về nhà lại sợ bà. Sợ lạ sợ lung.

- Em cũng sợ bà lắm!

Một cơn gió mạnh thổi qua, hất những giọt mưa lạnh giá vào mặt hai người. Bầu trời đã trở nên chập choạng. Con đường ven con sông trở nên mờ nhạt dưới hàng mù u, hàng sấu đông cao lớn. Anh bỗng nhiên kéo em vào. *“Thúy, anh nhớ em quá!”* Em rụt rè: *“Thôi cho em về. Trời tối rồi. Má em la.”* Nhưng anh không nói. Anh hôn ràn rụa vào môi, vào má, vào cổ em. Và hai bàn tay của anh cuồn cuộn hơn lúc nào hết. Anh muốn chiếm đoạt hết cái thân thể ngọc ngà của em. Còn em, em như con nai nhỏ, yếu lả trong vòng tay của anh. Em

bầu chặt vai anh; cả hai thân thể như bay mất đi, chỉ còn lại một thể xác, một thể xác gấn bó, keo sơn lại với nhau, để không còn gì nữa hết. Đến một lúc nào đó, em xô anh ra, nói như ngộp thở: “Anh, anh cho em về, kéo trời tối rồi!”

Anh vẫn còn tiếc rẻ:

- Lo gì em! Về nói với má, tại trời mưa to mà!

- Nhưng trời tối rồi, anh xem tề. Đường đi nhìn không rõ.

- Để anh đưa em về.

- Thôi anh, để em về một mình cũng được. Trời mưa to, anh không mang theo áo mưa. Sợ anh đau.

Anh cười, như thể khinh cái chuyện trẻ con đó, dù nước mưa đã thấm ướt qua làn vải trận, làm da thịt anh trở nên tê lạnh quá chừng.

- Anh quen rồi. Em xem, đi hành quân dầm dề cả tuần dưới nước, cũng có sao đâu!

Em cúi đầu:

- Thôi anh đi về đi. Bữa khác gặp cũng được, anh!

- Để anh đưa em đi một khúc.

Và hai đứa băng ra ngoài mưa gió. Một cánh chim vụt bay lên trong mưa.

- Chết, trời tối quá rồi! Bà già em đang đợi ở nhà với cái roi mây.

- Để anh về anh nhận tội dùm cho.

- Chết, có anh, bả lại càng nổi tam bành lên!

Anh thốt lên, buồn bã:

- Anh không hiểu sao bả lại ghét cay ghét đắng anh như thế này?

- Tại anh lang bạt quá! Thấy anh bả phát sợ!

- Thì bả phải hiểu. Anh là lính đánh giặc. Đâu phải cái kiểu lính cậu, lính bơ sữa.

Rồi anh nói thật tội nghiệp:

- Nhiều khi, đi hành quân vừa về, nhớ em, quên cả cạo râu, cắt tóc, quên cả thay quần áo, đi tìm em liền à.

- Tội nghiệp ghê!

- Như vậy không thương người ta... bắt người ta khổ...

Trời tối thật mau. Tiếng côn trùng đã vang lên một điệu buồn bã. Mưa vẫn thét gào. Thỉnh thoảng một lần chớp xẹt lên giữa bầu trời đen kịt; và tiếng sấm như rung chuyển cả một thỉnh không đầy mưa gió. Em run rẩy nắm chặt tay anh. Anh thấy khuôn mặt em tái xanh và đầm dề nước mưa. Hình như có tiếng đại bác câu về mặt trận. Anh lại ôm em, ôm siết như thể không bao giờ được ôm lần thứ hai nữa.

- Em biết đại bác đang câu về mặt trận không? Chắc lại đụng nữa rồi!

- Hình như đêm nay có đánh lớn, phải không anh?

- Không, đêm nay là đêm bình an nhất cho một người lính trở về từ mặt trận. Em biết ai không, anh đó!

Em không trả lời. Anh nói trong tiếng mưa:

- Nghĩ thực buồn cười. Hôm qua, còn nằm trên poncho, nửa đêm nghe pháo kích, nhảy xuống hầm; bây giờ, được đi bên em. Nè, mình quen nhau lâu chưa? Anh quên rồi.

- Hơn một năm rồi anh!

- Ừ nhỉ, hơn một năm, nhưng mình gặp nhau ít quá! Hình như ba, bốn lần. Anh thì cứ đi mãi, đi hoài.

- Không biết sao chiến tranh cứ mãi kéo dài thế này, anh?

Nếu tất cả người Việt Nam như em thì hòa bình từ lâu rồi. Anh ngược mặt lên bầu trời đen tối. Mưa gieo nặng trên mặt anh, khiến đôi mắt anh phải cay sè.

- Ước gì đêm nay có sao, hai đứa mình tìm một bãi cỏ hay ụ rơm nào đó mà ngồi. Ở ngoài mặt trận, làm sao mà ngồi được. Mỗi lần dựa lưng thì phải coi chừng lựu đạn hay mìn bẫy.

Em hỏi, thật ngây thơ:

- Ở ngoài đó có trăng sao không anh?

- Có chứ! Nhưng đâu có đẹp như ở đây. Có người tự ví mình là một vì sao. Một đêm, thấy vì sao băng, anh ta thốt lên: "Không xong rồi! Đòi tao xuống đất rồi!" Mà quả thực, đêm đó, anh ta chết vì một cuộc pháo kích.

- Em cứ ngỡ ngoài đó như địa ngục. Phải là một cõi gì tối đen mờ mịt lắm, anh hử?

Anh hôn em một lần nữa. Tiếng chó sủa rì rạc trong áp. Một ánh đèn dầu hiện ra ngoài khung cửa. Em nói, sợ hãi: "*Chết, bác em đó! Bà biết được, bà mách má em mất...*" Anh không nói, anh gục đầu vào cổ em, anh vuốt ve da thịt em, anh sục sạo từng phần thân thể của em... Em lại rên rí: "*Anh, anh, đừng làm thế...*" Tiếng súng đại bác lại rền vang từ căn cứ bên kia sông. Có tiếng đạn bắn vu vơ ở cuối áp. Mưa vẫn gào thét, như thể đổ xuống bao nhiêu lời hờn giận, trong tiếng rít của những hàng tre xung quanh vườn. Anh dìu em vào hàng hiên ngôi nhà bỏ trống. "*Cho em về, sợ má em trông.*" Anh nghe giọng em van lơn trong tiếng mưa thét gào, anh lại càng ôm em, siết chặt. "Mai anh đi rồi. Em làm sao biết được những ngày dài sắp sửa đến? Anh chỉ mong giờ phút này. Em không nghe tiếng đại bác kêu về mặt trận sao?" "Em có nghe, nhưng anh hiểu em, em van anh..." "Ngồi đây một chốc nữa... Lâu lắm, dễ chừng bốn năm tháng rồi, anh không thấy bóng em..." Anh hôn xuống cổ, môi bắt gặp những giò

nước mưa.

- Em lạnh, anh!

- Anh chỉ mong đêm nay sẽ kéo dài mãi mãi. Mai, khi mặt trời lên, là hết. Anh rời khỏi đây rồi.

- Em cảm thấy lạnh, anh!

- Em xem, quần áo anh cũng dầm dề nước. Vì em đó!

Một tràng súng lại nổi lên. Tim anh hơi nhói.

- Em không biết ở ngoài mặt trận, anh nhớ em từng giờ từng phút. Nhớ em đi học về, nhớ con đường ven sông, nhớ những cánh hoa dzúí dzẻ vàng như hoa búp tai thơm ngát.

- Em van anh, đừng nhắc nữa.

Anh đã ngắt mấy cánh hoa, cài lên mái tóc em. Em cúi đầu xuống, anh nói:

- Cô bé thân yêu nhất thế giới!

- Anh đừng nhắc nữa. Mai anh đi rồi. Sao anh đi sớm vậy, anh?

- Phi trường, trực thăng đã đậu sẵn hời chiều. Ba-lô, súng đạn, bọn anh đã sẵn sàng cả rồi.

Và anh như một con thú cuồng bạo. Hàng cúc áo của em đã bị bút tung. Em nói trong nước mắt:

- Em van anh. Cho em về. Em sợ má biết.

Nhưng anh không nghe. Anh nghĩ đến mặt trận, nghĩ đến cái chết, nghĩ đến nỗi cô đơn trong những ngày sắp đến. Hơi thở anh hỗn hển, mắt anh bị hoa mờ. Còn em, tự dung em khóc òa lên. Em nói trong tiếng khóc: "*Tội em, anh! Nếu anh yêu em, tha cho em. Em còn đi học.*" Tiếng khóc thảm thiết. Tự dung, anh bàng hoàng như thể vừa ý-thức được một điều tội lỗi, xấu xa nhất. Nó đến bằng đôi mắt rần rụa lệ, nó đến bằng tà áo trắng bay trong gió khi em nhí nhảnh như con chim sâu nhỏ, như những tập sách vở chứa đựng những nét hồn

nhiên của một thuở học trò. Nó đến bằng những sáng những chiều, em trở về vui cười trong tuổi mới lớn. Nó đến bằng tiếng van lơn của con mèo nhỏ bé... em. Anh đứng dậy, nói như thể không ra hơi: *"Thôi em về nhà đi. Má đợi ở nhà. Về đi."* Rồi anh lao ra ngoài mưa. Con mưa lại đuổi theo, xối xả vào da anh. Anh vừa mò mẫm, vừa run rẩy. Bây giờ, anh mới thấy mình ngơ ngác giữa một cõi đen tối mịt mù. Trời tối quá đỗi, đến nỗi anh không thể nhìn rõ đường đi. Anh bước quờ quạng. Anh đi ngả nghiêng. Thỉnh thoảng anh vấp phải một hàng rào tre, hay một bờ bụi nào đó. Có tiếng chó sủa, hòa lẫn tiếng súng nổ. Anh đoán thanh niên chiến đấu trong áp bắn dọa. Tự nhiên anh đâm ra sợ hãi quá chừng. Ôi, cũng vì si em, mà anh phải rét run, phải quên cả đường dài, quên cả đêm tối, quên cả nỗi bất trắc đang bủa xuống trong áp.

oOo

Lần từ giã ấy, anh mang ba-lô súng đạn cùng đơn vị, hết di chuyển từ hướng Bắc về hướng Đông tỉnh lỵ rồi lại được tăng phái lên cao nguyên, trèo những ngọn núi cao hơn một ngàn thước, rồi vượt qua biên giới vào những mật khu xa xăm. Đi, đi mãi. Đi, gạo, lương khô và những bi-đông nước lúng cụng bên mình. Đi phờ cả râu, cả tóc. Đi, như sinh ra để mà đi, mà lội, mà trèo. Đi trong khi ngủ, trong khi tiếng đại bác mở đường, những chiếc B52 dọn sạch mục tiêu trước, để lại những khu rừng tàn rụi. Đi trong mưa, trong nắng. Đi một tuần chưa kịp về hậu cứ phá phách, rồi lại tiếp tục đi. Đám lính xa nhà nhiều tên đã rời bỏ đơn vị, bị đón chặn ở các ngã ba, ngã tư khi họ tìm cách trở về nguyên

quán. Và anh cũng thế, anh rời bỏ đơn vị để về thăm em. Bởi vì chiến tranh đã làm anh khổ quá rồi. Từ khi lọt lòng mẹ ra, anh đã biết thế nào là chạy loạn, là tản cư, là nhìn mẹ trong nhà giam, thấy bọn công an mặt thám Tây tra khảo mẹ anh rồi. Chỉ còn tình yêu, mới giúp anh tin tưởng mà kéo dài cuộc sống cơ cực, mà biết được cái nguồn hạnh phúc bé nhỏ của một đời người... Vì thế anh xé cả lệnh, anh rời bỏ đơn vị, bỏ những buổi sáng tập hợp điểm danh, những buổi chiều điểm danh tập hợp. Anh phải khổ sở xin đi nhờ một chiếc xe chở củi súc. Anh cởi áo quần trần, mặc đồ rách rưới, đội mũ như bản, ngồi trên mui cao chót vót. Mỗi lần qua một trạm kiểm soát, thấy những chiếc mũ nhựa đen, là tim anh phải đập loạn xạ. Anh qua một trạm ở một ngọn đồi ranh giới tỉnh, khi sương mù ở đỉnh chưa tan đi. Sương trắng xóa, anh cứ ngỡ một ngày thái bình, anh và em theo một chuyến xe đò về quê nội. Xe sẽ dừng ở giữa đỉnh đồi. Và hai đứa mình cùng xuống, uống ly cà phê đầu tiên trong buổi sáng lạnh, nhìn xuống dưới chân đồi, để nói cho nhau nghe những chuyện quá khứ, những chuyện tương lai. Và anh sẽ hôn em tự do trong chiếc áo choàng phong trần... Nhưng, khi thấy một đám lính bị bắt xuống xe, thì anh lại đâm lo âu hơn bao giờ hết. Anh chỉ mơ ước về để gặp em, để ôm em, hôn một nụ hôn, nhìn đôi mắt to đen lay láy của em, rồi ra gì thì ra, dù mai có bị còng tay vào một trại giam hay bị đẩy lên một mặt trận mới ác liệt hơn. Anh phải giả vờ la lên: “Ồ, trung-sĩ, cho xe em chạy nghe! Mời trung sĩ hút thuốc.” Anh dúm cả gói Salem vào túi áo gã. Gã khoát tay, rồi rít: “Kỳ quá, kỳ quá mà!” Rồi gã tươi cười: “OK... Đi, đi...”

Trên chiếc xe gỗ, cùng những dặm đường trong

sương sớm, qua những xóm làng còn đang ngái ngủ, anh cứ hồi hộp ở chuyến trở về. Có phải con đường làng xoay xoay từ quốc lộ, qua cái đình rợp bóng mát, là nơi anh sẽ chờ đợi em, để sống lại thời mới lớn? Anh sẽ phải kể thật thà, để nói những nỗi nhớ nhung, những nỗi khổ cực, đau buồn mà người lính ở ngoài tiền tuyến đã chịu đựng. Ôi, nếu em thấy râu anh không cạo, tóc anh không hót, là bao nhiêu yêu thương anh chất ngất như núi như rừng trong lòng anh. Ôi, nếu ngày mai, anh bị cởi áo quần, cởi đôi giày trận để ngoài cửa, vào bên kia song sắt, để đêm đêm làm mồi cho lũ muỗi đói, chí rận, cũng vì em... vì em, hồi em yêu dấu!

Nhưng khi xe chạy qua một căn cứ Mỹ, để bắt đầu vào một khu chợ trời, thì mắt anh cơ hồ như hoa lên, và cả thân thể anh như thể chết đứng. Rõ ràng anh thấy em đang ngồi trong xe Jeep sao trắng, bên cạnh một thằng Mỹ trắng. Em đang cười hớn hở. Thằng Mỹ khoác tay qua tấm vai bé nhỏ của em, miệng nó lú lo gì đó, anh tức chịu không nổi. Nếu có súng anh dám thả một tràng cho nó và em rủ nhau về thiên đàng cực lạc. Nhưng xung quanh anh chỉ có mấy khúc gỗ to như cột nhà chồng chất lên nhau. Thằng tài xế không biết, vẫn chạy xe rề rề đằng sau xe em... Còn anh, anh phải hỏi hả nói: "*Anh Tài, cho tôi xuống đây, anh Tài!*" Nước mắt đã chảy lúc nào trên má anh, anh vẫn không buồn lau. Anh cầm gói đồ, buồn bã muốn chết được. Những chiếc xe sao trắng vẫn chạy vụt qua, để lại những luồng khói trắng ngạt thở, và những hồi còi ré tai nhức óc. Anh tìm vào một ngôi trường tiểu học, ngồi trên băng dưới vòm hoa giấy đỏ thắm. Đám hoa mười giờ đã nở rộ trên sân cỏ. Anh lôi món quà trong chiếc xác vải trận. Đây là chiếc vòng Miên, đây là chiếc vòng xà cừ, anh đã khắc

tên em trong những ngày đóng quân trên rừng trên núi. Đây là tập thơ anh cố mang theo trong ba lô như hình với bóng, như mang theo đôi mắt của em. Anh muốn kể cho em nghe về những bài thơ còn dằm dề mồ hôi ngực, hay nhòa nhạt vì nước mưa nguồn... Buổi trưa đã trở về... Đám học trò đã riu rít ra sân. Chỉ còn lại anh, ngồi một mình, đốt thuốc...

(Bách Khoa số 331 ngày 15-10-1970)



ĐÔI MẮT MÙA XUÂN XA

Nhà máy xay lúa là một căn nhà tranh nổi lên trên một vuông đất cao, chỗ quanh của con đường nối liền hai quận lỵ. Mùa xuân, có những con chim én bay lượn từng đàn trên đám lục bình nở hoa tím ngắt. Xuôi con đường đất đỏ cách đây không xa, ngôi trường áp lệ loi một bên đường, đối diện với những mái nhà cũ kỹ của đám tản cư. Ngôi trường ba lớp, hầu như bỏ trống từ ngày địch trời lên từ đám lục bình tấn công toán nghĩa quân đang ngồi trên thềm trường. Bây giờ trường còn lại với những mái tôn nghiêng ngửa, đập âm vang trước những cơn gió mạnh bạo. Vách lớp chỉ chút khẩu hiệu: "*Hút thuốc bồi hơn thuốc Ruby. Ăn bột mì ăn no*

chống Mỹ. Đả đảo Mỹ Ngụy v.v..." và đầy hình vẽ tục tĩu của đám lính hành quân. Ngồi trường buồn hiu, nhìn qua nhà máy gạo cũng buồn hiu nốt. Mùa xuân, bầu trời vẫn còn mang những đám mây áp đầy nước mắt...

oOo

Buổi trưa, trời vẫn còn dịu. Hạo nằm trên chiếc võng trện, căng trong căn phòng học bỏ trống, nhìn ông già tản cư đan thúng. Có tiếng chim sẻ đuổi nhau ríu rít ngoài bờ tre. Những người lính đã biến đi biệt tăm. Hạ-sĩ-nhất Cày, tức ông già mang M.79, chắc đi tìm rượu. Hạ-sĩ Minh, biệt hiệu Minh cao bồi, đã xông vào nhà tranh, tán cô ả góa chồng. Hạ-sĩ-nhất Điều, xách súng ra tuốt ngoài đồng tìm đàn cu đất. Con đường đất đỏ thỉnh thoảng xuất hiện một chiếc xe lam, bốc lên từng đám bụi mịt mù. Đàn chim én vẫn lượn vờn, vút lên cao, rồi bay sà xuống thấp. Chàng nhắm khề đôi mắt, như thấy mình trải qua một giấc mơ.

Vàng. Chàng đã nhận ra người con gái nhà quê xinh đẹp ấy. Nàng gánh đôi thúng thóc vàng ửng, bước đi thật chậm rãi. Chiếc áo cánh đỏ, chiếc quần lãnh đen, như làm nổi bật màu da tươi mát của một đóa hoa đồng nội. Gương mặt nàng thật dễ thương. Màu da bò quân và đôi mắt thật đen và tròn như hai hạt nhãn lông. Bóng nàng đồ xiên xiên dưới nắng. Buổi trưa đã ngủ quên trên từng nhánh thầu đầu, từng bụi tre lá ngà, ríu rít tiếng chim sâu. Buổi trưa như phải thiếp đi trên đôi vai mềm mại của người thôn nữ. Và chàng phải bật dậy, lò dò đi theo.

"A, ông đi đâu dzậy, bây oi..."

Tiếng la đùa của một người lính vang lên. Hạo cười, bước vội. Người con gái chừng như đã biết chàng đuổi theo sau, nên bước mau. Đôi gánh thóc lắc lư trên đường. Nàng bước vào nhà máy xay lúa, đặt hai thúng thóc trên nền đất, và lấy nón quạt gió. Mồ hôi đã rịn trên trán nàng từng giọt óng ánh. Những sợi tóc mai buông rũ trước mắt. Nhà máy chưa mở cửa. Lão chủ Tàu còn ở chợ quận chưa xuống. Chàng chúc mũi súng xuống giày trần, nhìn gương mặt thanh tú của nàng.

"Cô đến xay lúa?"

Nàng mở tròn đôi mắt. Một lát, nàng khẽ mỉm cười:

"Đến đây thì xay lúa chứ làm gì, còn hỏi!".

Hạo biết mình đã gặp một cô gái khôn ngoan. Chàng lúng túng, cố tìm một câu hỏi khác. Một cơn gió thổi qua. Những cánh hoa li ti tím tím của cây sấu đông trước nhà máy rụng lả tả.

"Mùa năm nay trúng không cô?"

"Cũng tạm tạm thôi, ông".

Chàng bật cười:

"Tạm tạm là rằng?"

"Chợ quê người ta hoài. Nhà quê khác thành thị. Nhà quê quê mùa lắm mà ông".

Chàng la lên:

"Chính vì thế, tôi mới yêu nhà quê".

"Ông nói dốt".

"Thiệt đó. Ai nói láo, ra đường xe cán".

Nàng bật cười.

Giọng Hạo đổi sang buồn:

"Tôi nói cô không tin sao? Ngày trước tôi cũng ở nhà quê. Mãi tận trong Nam. Cũng chăn trâu, cũng cày cũng bừa, cũng đi đơm cá, tát ao tát hồ..."

Nàng thề lưởi:

"Ghê quá ta!"

"Ồ quê tôi, đất đai màu mỡ lắm chứ không như ở đây. Tôi thấy đồng khô cỏ cháy không à".

Hạo bắt gặp đôi vai mềm mại của nàng run lên. Chàng ước vô cùng được vuốt ve bờ vai ấy.

"Cô ở đâu?"

"Lúc trước tôi ở Gio Lâm".

"Gio Lâm à? Tôi có hành quân qua đó. Bây giờ chắc cô tản cư?"

"Dạ".

"Cô hiện giờ ở đâu. Cho tôi biết được không?"

Nàng mím môi, gương mặt trở lại rạng rỡ. Ánh nắng lọt qua cành lá, lung linh trên mái tóc đen mun của nàng. Hạo cầu khẩn:

"Cho tôi biết được không?"

Nàng cúi đầu bốc một nắm thóc quăng ra sân nhà máy xay lúa. Đàn chim sẻ từ đâu bay sà xuống, riu rít kiếm mồi. Hạo lại van nài:

" Cho tôi biết tên được không?"

"Ông hỏi làm gì? Ở đây quê mùa nghèo khổ, sao được như thành thị. Tôi chân lấm tay bùn mà..."

Chàng làm bộ giận:

"Thôi, người ta không bằng lòng thì thôi. Phải, người ta khinh mình mà".

Hai người ngồi nhìn ra sân. Qua hàng rào dâm bụt, một cánh đồng mạ non tươi mát. Đám lục bình với những búp hoa tím nở rộ dưới nắng. Lại một cơn gió thổi qua. Những chiếc hoa ngâu lại rụng xuống. Chàng bốc một nắm thóc vàng, rồi bỏ vào miệng cắn từng hạt. Mùi sữa ngọt dịu dịu. Buổi trưa như dừng lại. Chỉ còn chàng ngồi bên cạnh sức nước mùi sữa đầy thì. Nắng

vẫn nhảy múa trên đám lá ngâu vàng. Chàng khẽ liếc mắt, bắt gặp chiếc mũi dọc dừa và gương mặt thanh tú. Nàng vẫn cúi đầu, vâng vâng tinh nghịch cùng chiếc lá úa.

"Nè cô".

Nàng ngước mắt lên:

"Cái gì thế ông?"

"Ở đây nguy hiểm, sao cô lại dám ở?"

"Thì ở đâu bây giờ hả ông?"

"Chẳng hạn tản cư lên quận".

"Mình nghèo mà. Làm gì có nhà cửa trên đó".

"Lại nói nghèo nữa. Chớ tôi không nghèo à?"

"Thôi mà ông".

"Nè cô".

"...."

"Cô biết tại sao chim én lại ngủ suốt mùa đông, và thức dậy vào mùa xuân không?"

"Thì nó thích nó dậy".

"Trời ơi, nói như thế mà nói. Phải cắt nghĩa theo khoa học chứ cô".

"Người ta học giỏi, còn tôi quê mùa"

Rồi nàng bặm môi, cố tránh nụ cười. Mắt nàng trong sáng.

"Chứ tại sao?"

"Tại mùa đông lạnh, nó đi ngủ. Mùa xuân ấm áp nó về".

"Nó ngủ ở đâu?"

"Nó ngủ dưới đất".

"Ông nói láo. Tôi không tin".

"Không tin là quyền của người ta".

Một lát sau, ngoài cổng nhà máy đã rộn rã tiếng cười nói. Một đám đàn bà con gái gánh những bao thóc nặng trĩu vào sân. Một mụ đàn bà hỏi nàng:

"Lan! Ông Tàu xuống chưa con?"

Người con gái trả lời:

"Bác Ba, ông chưa xuống, con đợi mệt thấy mồ à!"

Bây giờ Hạo mới tỉnh nghịch nói:

"Người ta biết tên rồi. Hết giấu nữa ghen!".

Người con gái quay mặt, đôi má lộ hai chiếc lúm đồng tiền. Hạo càng trêu cợt:

"Lan, tên của một loài hoa đẹp quá sức tưởng tượng".

Nàng hứ:

"Nói dốt".

"Không biết ai nói dốt. Rồi người ta sẽ tìm nhà cho mà xem"

"Thách đó".

"Chắc không. Cuộc gì đi?"

Nàng lại vọc những ngón tay mềm và thon trong vựa thóc. Hạo cũng bỏ bàn tay mình vào. Bàn tay chàng chạm bàn tay nàng. Hạo nhìn xung quanh chừng như thấy mọi người không để ý, chàng nắm chặt những ngón tay của nàng. Nàng vẫn để yên. Má nàng bây giờ au hồng, dễ thương hết sức. Giây phút ấy, Hạo ngỡ mình đang sống trong một nỗi hạnh phúc vô biên. Đàn chim én vẫn lượn vờn, nô giỡn. Chúng đuổi nhau trên đám lúa xanh um đang trở đồng đồng, lay động trước gió xuân.

Như vậy, trong đám lính được tăng phái mở đường mỗi ngày, có một người lính mang một mùa hạnh phúc. Giữa lúc đám lính bắt đầu kêu nhớ nhà, nhớ vợ, nhớ con, bắt đầu chười thè mỗi khi lê gót giày vào mỗi buổi sáng để lội bộ, để qua những cánh đồng xấp nước, để hét hò trước khi xung phong vào làng, thì Hạo lại mong những ngày mở đường sẽ dài mãi mãi. Chàng

cũng đã biết được ngôi nhà của Lan. Ngoài ra, chàng còn biết nàng đang học may trên quận. Ngôi nhà của nàng nằm ẩn sâu bên trong hàng rào dâm bụt. Những lần đóng quân, giữ an ninh cho toán công binh xây cầu, chàng đều dẫn lính vào trong đó để nấu cơm và nghỉ ngơi. Chàng đã có những buổi sáng hội họp tình si, khi thấy nàng mặc chiếc áo cánh màu vàng thẫm, gọi đầu ngoài bờ giếng đá. Bởi thế, chàng đã cố lấy lòng ông già cụt chân, bà già có đôi mắt như điều hâu và thằng em trai còn học tiểu học ở trường làng. Những viên ABC, những thỏi kẹo ho, những viên thuốc đau bụng. Bác đau đầu à? Cháu có thuốc cảm, xin tặng bác. Em đau bụng sao? Y tá đâu cho một mớ thuốc coi. Chàng bắt đầu có những buổi hẹn hò thắm kín và thật tuyệt vời như buổi trưa hôm nay.

...Đám lính đã xách súng thơ thẩn ra ngoài đường nhìn đôi chiếc xe lam xuôi ngược hay đã ngủ mê mệt trên vĩa thềm của ngôi đình làng. Một người lính gác, ngồi hút thuốc ở đằng sau vườn, đối diện với vùng đất nguy hiểm. Ông già, bà già lần đưa em trai cũng đi đâu biệt tăm. Chỉ còn mỗi một mình nàng lui cui trong bếp. Chàng mang súng bước vào. Nàng không để ý, vẫn chụm lửa. Chàng hỏi:

"Lan nấu nước phải không?"

"Dạ".

"Nấu chè tươi phải hông?"

"Dạ".

"Chà, cái tốt quá hen. Cái bán hay làm dưa, Lan?"

"Dạ. Cái muối để dành mấy ngày Tết".

"Nhắc đến Tết, Lan có buồn hông?"

"Đâu có gì phải buồn".

"Riêng tôi, tôi buồn lắm Lan à. Tôi xa nhà hai năm, ăn hai cái Tết xa quê rồi đó. Đêm giao thừa tôi uống rượu như điên. Chiến tranh cứ bắt mình như thế này mãi hoài. Biết bao giờ mới yên?"

"Em cũng buồn. Ở đây, đêm ngày đều bất an. Đạo này, nẫu về nhiều quá. Nhà quê chịu thiệt thòi đủ thứ, phải không anh?"

"Tôi nhìn bông cải vàng mà nhớ nhà quá sức. Ở nhà, mẹ tôi cũng trồng một vườn cải tươi tốt như vậy. Mẹ tôi không bao giờ bán. Bả để dành cho mấy ngày Tết. Tôi nghiệp, bả sẵn sóc, chăm nom tối ngày. Bả tìm từng con sâu ..."

"Tôi nghiệp dữ hen!"

"Lan thấy tội nghiệp mà không thương tôi".

Người con gái im lặng. Nàng đang vâng về một chiếc lá khô. Hạo ở đằng sau, rút điều thuốc. Chàng nói to:

"Xin phép Lan cho tôi đốt nhờ điều thuốc nhé!"

Và chàng sà bên cạnh người con gái. Nàng vẫn ngồi yên. Hoi lửa làm má nàng phơn phớt hồng. Hạo cũng thấy ngực nàng phập phồng sau làn vải nylon vàng rực. Chàng cúi xuống châm điều thuốc. Tay chàng khẽ dụng vào tay của nàng. Nàng vẫn bất động. Chàng có cảm giác nóng ran len vào da thịt của chàng. Chàng nghĩ là chàng đã thắng. Con chồn tinh quái đã lừa con thỏ ngây thơ. Và chàng ôm vội vàng chiếc lưng ong mềm mại và hôn lên.

"Nhắc đến Tết, Lan có buồn hông?"

"Đâu có gì phải buồn".

"Lan ơi, Lan có biết tôi thương Lan biết bao nhiêu không? Ngày tôi gặp Lan, tôi đã thương Lan rồi".

"Thiếu-úy thương em, em cảm ơn Thiếu-úy. Chứ em không dám thương Thiếu-úy". Và nàng đứng dậy, cảm

quai ẩm nước bước lên nhà trên. Chàng năn nỉ phía sau:

"Lan, em nghĩ lắm anh. Anh thương em thật mà!"

Chàng lại ôm choàng cả người nàng một lần nữa. Môi chàng hôn túi bụi trên cổ, trên bờ vai tròn lửng. Chàng nói khe khẽ:

"Ngày một anh rời xa đây. Đơn vị anh hết công tác rồi. Biết bao giờ được gặp lại em?"

Con chó ngoài sân bỗng sủa, mừng một người nào đó. Lan hoảng hốt nói:

"Má em về rồi, anh!"

oOo

Ngày cuối cùng, trung đội được lệnh lấp hết hố hầm, gởi tất cả ba lô lên xe GMC chở về hậu cứ, và di chuyển bộ. Họ di chuyển hàng dọc rồi lại hàng ngang. Họ nôn nao, nên đi như chạy. Duy chỉ có Hạo là người buồn nhất mà không dám nói. Buồn như ngăn ngơ thấy một cái gì thân yêu nhất bay khỏi tầm tay. Chàng mất hồn, quên hết hồ như mọi khi. Vài thằng con vác súng đi nghênh ngang, lộn xộn, chàng cũng chẳng buồn nổi nóng. Khi trung đội qua lại căn nhà cũ, chàng gặp đứa em trai của nàng. Cậu bé nói:

"Ngày hôm nay, anh đến trễ quá hen!"

Chàng xoa đầu nó, nói nhỏ:

"Có chị Lan ở nhà không em?"

"Chị ở trên quận chưa về".

"Đêm qua chị ở lại quận?"

"Dạ".

"Chiều nay anh rời đây rồi. Nhờ em nói với chị Lan, anh gởi lời thăm".

"Dạ".

Chợt đứa bé thắc mắc:

"Em thấy đằng kia, có mấy người lính lui cui dưới cổng. Họ làm đường phải không anh?"

Chàng ngạc nhiên hết sức:

"Lính nào?"

"Em không biết, nhưng thấy họ làm gì dưới ống cổng từ khi sớm đó anh."

"Họ mặc quần áo gì?"

"Như anh vậy".

"Chắc không?"

"Dạ chắc".

Chàng quay sang trung sĩ Hoàng, bảo:

"Ông nghĩ thế nào, ông Hoàng?"

"Chắc là bọn nghĩa quân".

"Sao họ lại chui dưới ống cổng? Thôi ông dẫn toán tiền sát tới xem thử".

Chàng cầm vai đứa bé:

"Em chỉ dùm ông cổng ở đâu nhé!"

Hoàng dắt toán tiền sát vượt sâu trong đồng. Một lát sau, Hạo nghe một tràng đạn cất xé nổi lên. Và tiếp đấy là tiếng M.79 và lựu đạn. Hạo giật bắn người, hét đám lính chạy ủa vào trong. Chỗ Hạo đứng cách ống cổng không bao xa. Bọn Hạo núp dưới mô đất nã súng như mưa bắc.

Số trung sĩ Hoàng thật may mắn. Hắn vẫn tin là đám nghĩa quân có mặt, nên xăm xăm đi như vào chỗ không người, thì một tràng đạn rít lên. Ông già phóng lựu hét: "Nó đó, nó bắn ông đó!" Và nã một quả M.79 vào ngay giữa ống cổng. Mấy người chui dưới nước bị những quả lựu đạn bồi theo đã trở thành những cái xác

bầy nhảy, toi tả. Ốc, thịt, tóc tai, lênh bênh giữa vũng nước đã ngả sang màu đỏ ketchup, như nhóp. Những vầng mỡ lóng lánh dưới ánh mặt trời. Dù vậy những người lính vẫn tiếp tục bắn, ném lựu đạn xuống hạ hê.

Hạo vuốt tóc thẳng bé:

"Không nhờ em, có lẽ bọn anh cũng bị thiệt rồi!"

Thằng bé, gương mặt tái xanh, run rẩy nhìn đám lính đang bu quanh ông cống. Nha la lên:

"Bốn đứa, bọn này!"

Tiếng hét của hắn đầy mừng rỡ. Hắn như người say máu. Đôi mắt đỏ ngầu như mỗi lần hắn uống rượu xách dao rượt vợ.

Hoàng thì tiếp tục kể về sự may mắn của mình:

"Trời ơi. Ai dè. Khi tôi xăm xăm tới, thằng đứng trên cống không biết có tôi. Nó nhìn ra đường. Nó cầm M.16. Đúng là nó muốn bắn sê. Tôi thấy nó mặc đồ như mình, muốn hỏi. Chưa kịp, nó quay lại, rồi bắn ào. Chắc tay nó run mới bắn hụt tôi. Gần quá mà. Số tôi còn dai".

Tiếng máy giục giã từ bộ chỉ huy. Ông đại đội trưởng nao nức hơn bao giờ. Lấy súng được chưa? Máy khẩu? Tên truyền tin truyền lệnh. Hạo chửi thề. Nói với ông, không ai dám lặn dưới bể máu. Và chàng đi ra ngồi trên mô đất. Chàng muốn nôn. Mùi máu, mùi xương tủy, lẫn lộn với mùi bùn, đã bay trong gió đến lợm miêng. Đám lính không thằng nào can đảm nhảy xuống. Tiếng giục giã trong máy vẫn tiếp tục: "Phải lặn xuống mò súng. Phải tìm cách lấy cho hết súng, hết đạn. Nghe rõ chưa. Trả lời".

Hạo ngồi cúi đầu. Những phút cuồng say kích thích tột độ đã hết. Bây là là lúc tàn cuộc của một chiến trường.

Trước mặt chàng là những đám mờ lai lảng như vệt dầu loang, những đám thịt đỏ lờm rơi rụng như xác con vật bị xe cán, những khúc tay, khúc chân còn vương lại ở một chỗ nào. Đầu chàng nóng bừng và tự dung, chàng ôm ngực, nôn rữa rươi.

Sau đó, Hạo không còn dịp trở lại chốn cũ nữa. Dù vậy, chàng không thể quên một cánh hoa đồng nội, những cánh hoa ngâu màu tím lả tả rụng như một cơn mưa xuân và đàn én tuyệt vời in bóng nhỏ trên đám lục bình nở bông tím ngắt. Hạo như nhớ lại những con chim sẻ sà xuống khoảng sân nhỏ, mổ những hạt thóc vàng. Hạo như mất hồn trong một đôi mắt to đen như hai hòn bi và dáng hình lung linh trên cánh đồng lúa trở đồng đồng. Lá thư đầu của một người con gái quê gửi cho một người lính chiến vẫn còn giữ gìn trong túi áo Hạo. Và cũng vì yêu thương nàng, nên mỗi lần không hành quân là chàng xuống chợ quận để may ra được gặp lại nàng. Đã có biết bao cốc cà phê và điều thuốc tình si trong những ngày nhớ nhung chắt ngắt. Và cuối cùng, vào một ngày chợ phiên Tết, Hạo bỗng dừng bắt gặp người con gái ấy. Chàng bỏ quán cà phê chạy ào ra chợ. Chàng gọi lớn: "Lan, Lan!" Người con gái quay lại, nhận ra chàng, nhưng nàng lại bỏ chạy. Chàng đuổi theo, gọi: "Lan, Lan!" Người con gái lạc vào đám đông. Hạo chen lấn, xô đẩy biển người để bắt kịp nàng. Chợt Lan đứng lại, đôi mắt ràn rụa:

"Gia đình của tôi bây giờ tan nát cả rồi. Ông không biết thằng em trai của tôi bị nấu bắt, vì tội giúp các ông giết cách mạng. Cả nhà tôi phải trốn lên quận. Xin ông thương tôi, tha cho tôi. Tôi van ông, tha cho tôi..."

(Bách Khoa 337 ngày 15-1-1971).



QUÁN BIÊN THÙY

Đêm Giao Thừa. Trên ngọn đồi 101, mà ai đã đặt cho cái tên là Quán Biên Thùy, cuộc vui vẫn đang tiếp tục. Đám người ngồi vây quanh bếp lửa. Ánh lửa đủ soi những gương mặt chập chờn và đỏ gay vì hơi rượu. Những người lính già thì yên lặng. Những người lính trẻ thì phấn kích hơn bao giờ. Lần này, họ đòi cho được Mỹ hát. Họ la: "Cô Mỹ phải hát cho chúng tôi nghe một bài. Cô Mỹ phải tỏ tài." Một người cầm cốc rượu đứng dậy, nói với người đại đội trưởng: "Đại úy phải nói làm sao để cô Mỹ hát cho chúng tôi nghe, nếu không, Đại úy phải bị phạt uống đèn!" Sau đó, anh ta quay sang đám bạn, hỏi: "Phải không anh em? " Cả bọn đồng đáp: "Phải!". Rồi tiếng la gào cổ vũ cực độ: "Cô Mỹ, hát đi, hát cho chúng tôi nghe đi cô Mỹ!" "Cho tràng pháo tay cổ động cô Mỹ đi anh em!" "Đại úy, 40 cốc đang chờ Đại úy!" Người đại đội trưởng chỉ biết nhìn cô em gái như cầu cứu "Em cứu anh với,

My".

My ngân ngai gật đầu. Người đại đội trưởng thở phào như trút cả một gánh nặng. Anh cảnh cáo:

- Chúng ta cùng vui Giao Thừa. Nhưng tôi xin anh em đừng uống nhiều. Anh em hẳn biết đơn vị chúng ta hiện ứng chiến cho sư đoàn. Sau đây tôi xin nhường lại cho cô em tôi...

Đám lính vỗ tay vang dội. Có người la lên:

- Cô My thương lính rồi, cô My hát bài lính chiến xa nhà đi cô My!

Riêng My, nàng đứng yên. Chưa lúc nào nàng cảm động như lúc này. Nàng đã có mặt tại một nơi mà nàng chỉ được nghe qua báo chí, hay những lời kể lại. Bởi vì Sài Gòn của nàng bình an quá! Bởi vì đời sống của nàng chỉ biết cuối tuần, chiếc áo dài tha thướt trên vỉa hè Lê Lợi, và ly nước mía ở đường Gia Long. Bởi vì mắt của nàng chỉ thấy bầu trời của Sài Gòn trên những phố lầu bình an, và rừng người yên ổn dạo chơi, không bao giờ bận tâm những gì ở xa, như ngọn đồi 101 này. Rõ ràng, Sài Gòn của nàng chưa thật sự gần gũi cùng chiến tranh. Đêm nàng có thể trở về khuya và ngày vẫn yên tâm trên trang sách vở. Chiến tranh hình như chỉ xảy ra ở một cõi nào đó. Nàng chẳng bao giờ bận tâm thắc mắc. Nàng chẳng bao giờ lo âu về những tin tức từ chiến trường. Dù miền Quảng Trị nóng bỏng với đại lộ kinh hoàng, dù A Sao, A Lưới đã thấy bóng những chiến xa T54. Dù An Lộc, Bình Long, quân ta vẫn anh dũng trước lớp lớp hàng hàng kẻ thù. Dù bao binh đoàn Bắc quân đang tiếp tục theo đường mòn Hồ Chí Minh để tiến về miền Nam. Nàng vẫn chưa biết được sự thật, và cũng vì vậy nàng mới đánh điện tín ra ông anh. Nàng muốn xem cái Quán Biên Thùy mà anh nàng

vẫn hằng nhắc ra thể nào. Tờ điện tín đã làm cho anh nàng phải điên đầu: "Em sẽ đón Giao Thừa ở Quán Biên Thùy. Stop. Đón em ở phi trường. Stop. Chuyến bay... Stop." Anh nàng đã hiểu rõ được cái búống bình của cô em gái. Lúc nào nó muốn là nó làm. Nó không đợi một câu trả lời... Nó đã thật sự đặt cho anh nó vào một chuyện đã rồi.

Và chuyện đã rồi là cô gái Sài gòn đã đứng ở cửa phi cơ nhìn về khu nhà khách. Nàng mang bộ đồ lính màu hoa rừng, đuôi tóc cột sợi dây thun, đôi kính đen che gần phần trên của gương mặt. Trông nàng vừa có vẻ búống bình, vừa có vẻ kiêu hãnh. Người đại đội trưởng bảo với người trung đội trưởng: "Con bé cứng đầu búống bình kia đã đến rồi đấy!" Rồi anh ta cười: "Mày chịu nó không, để tao giới thiệu dùm cho." Trọng, tên người trung đội trưởng, có vẻ xấu hổ. Dù cõi lòng chàng chợt nổi lên một sự rung động vô cớ. Chàng liên tưởng đến một cánh chim, một hôm nào đậu lại bên khung cửa của đời chàng. Ít ra, có một cánh chim xinh đẹp như thế trong cõi cô liêu này của chàng cũng là một nguồn an ủi lắm rồi. Chàng biết chàng đã bắt gặp một cái gì thân mến nhất mà chàng không thể cắt nghĩa nổi.

Người con gái Sài Gòn đã làm rộn ràng cả nhà đợi. Nàng liến thoắng và nhí nhảnh khác hẳn với đa số cô gái đồng tuổi, thù mị và đoan trang. Người anh của nàng giới thiệu người đi cùng: "Đây là anh Trọng, Thiệu úy Trọng độc thân." Anh ta nheo mắt nhìn Trọng. Mỵ đưa tay bắt tay Trọng, rồi nói: "Anh Hai của em có nhắc anh nhiều lần. Hôm nay em mới được gặp."

- Tôi cũng hân hạnh được đón tiếp một cô gái Sài Gòn. Trọng trả lời. Đến đây, My giục anh nàng: "Mau cho em về xem Quán Biên Thùy của anh đi!"

- Không phải của tao đâu, của anh Trọng đấy.

Nàng quay sang Trọng:

- Cắt nghĩa cho em tại sao anh lại đặt là Quán Biên Thùy? Nếu là quán thì phải có cô hàng. Quán anh có cô hàng nào chưa? Cho em biết với.

- Chờ cô My đấy - Trọng nói.

- Nếu vậy thì quán của anh sẽ bị lỗ nặng. Không tin anh hỏi anh Hai của em đi, có phải em là một tay ăn hàng...

- Chẳng những mầy ăn hàng mà mầy còn ăn vụng. Tao bắt tại trận nhớ không My?

- Em ăn vụng ở chỗ nào? Tại em xót thương mấy thức ăn ngon lành không ai làm ơn cứu độ mà thôi. Hừ, anh khó thấy mò!

- Tao khó ở chỗ nào?

- Thế thì tại sao giờ này anh không có một cô nào? Đây nhá, phải có gì cho em rồi em giúp...

Cả bọn cười vui trước câu nói của My. Ngày cuối năm, ngày của trở về. Trên gương mặt của mỗi người hôm nay, dù đợi giờ lên phi cơ hay dù bước xuống tàu, đều hiện lên ánh mắt hân hoan và cảm động. Có lẽ lát nữa họ sẽ có mặt tại ngôi nhà cũ, gặp lại những người thân yêu, và sống lại những giờ khắc bé nhỏ như ngày xưa. Họ sẽ sống lại cùng thế giới của lòng mẹ, lòng cha, của ông bà nội ngoại, mà họ đã xa cách vì cuộc sống và vì chiến tranh. Nhưng với một người con gái Sài Gòn này, sự có mặt của nàng còn mang một ý nghĩa khác: Người đại đội trưởng có thể tìm lại qua nàng hình ảnh gia đình cùng cội thân yêu cũ. Và Trọng, chàng bắt

gặp ở nàng một niềm hạnh phúc thầm kín. Ít ra, vẫn còn có con chim Họa Mi tìm đến Quán Gió, hót lên tiếng hót, cho những đời trai miệt mài trong giếng cuồng lưu hung bạo.

Dọc đường, My nói chuyện huyền thuyên. Nơi này quá thật xa lạ và mới mẻ đối với người con gái Sài Gòn. Nàng hỏi anh nàng về từng tên của giếng sông, chiếc cầu, ngôi làng. Nàng bắt anh nàng phải kể về ngôi nhà thờ đổ nát mà anh nàng đã viết trong thư: "Không biết ông lão kéo chuông còn ở đấy không hở anh? Không biết những con sáo đen có còn trở về mỗi buổi chiều không hở anh? Không biết những xuồng ghe còn đổ về trong ngày phiên chợ không hở anh? Này anh, những cô thôn nữ chắc đẹp lắm, phải không anh?..." Và bởi vì nàng thắc mắc nhiều quá nên Hải, anh nàng, phải dùng Trọng để trả lời thay. "Anh Trọng biết nhiều lắm. Mà nên hỏi anh Trọng thì hơn. Để tao còn thì giờ lái xe". Đến khu rừng thưa, chợt Hải rờ má, Trọng lên đạn cây M16 và chìa ra bên đường. Chiếc xe Jeep phóng ào trên con lộ vắng, hai bên đường nổi lên những lùm tre, lùm dừa bắt mắt... Hành động của hai người đã làm My run sợ, mặt mày tái mét. Nàng bầu chặt lấy tay Trọng, và im thin thít. Bây giờ nàng mới có thể hiểu về một nơi mà người ta gọi là chiến tranh, một nơi mà nàng chỉ nghe mà không hề thấy. Nàng đã bắt đầu chạm vào cái khối không gian của hiểm nguy và từng thước đất của đe dọa thường trực. Nàng nghe cái ớn lạnh như chiếm lấy cả da thịt đến nỗi nàng phải run lên. Những lùm cây đó, những bờ nương, bờ rạch đó, chúng quá vô tri, vô giác, tại sao chúng lại tỏa ra nỗi đe dọa không rời. Thì ra, nàng nhớ anh Hải vẫn hay nhắc về những con ma rình rập mà ngày ngày anh phải

đổi diện, có phải là những con ma này không. Bên cạnh, Trọng vẫn hờm súng. Chiếc xe vẫn tiếp tục thả hết tốc độ về phía trước, trên con đường ngập những ổ gà và bụi mù. Và My đã nép sát vào người Trọng lúc nào nàng cũng không hay.

Khi qua khỏi khu rừng thưa, thấy lại xóm nhà, Trọng mới bỏ súng xuống. My nói không ra hơi: "Các anh làm em sợ muốn đứng cả tim." Trọng cười: "Chúng tôi chỉ đề phòng. Cái chỗ rừng thưa này, bọn nó hay về bắn tỉa, hoặc đón xe đò." Lúc này My mới nhận ra mình đang cầm tay Trọng và nép sát vào người chàng. Nàng bẽn lẽn đến đỏ mặt. Nàng cắn ngón tóc đang bay xòa trước mặt, và ngồi im không nói.

...Bây giờ My đứng dậy. Dưới ánh lửa, nàng có thể nhìn những người lính già, thu mình trong chiếc áo ấm rộng thùng thình. Nàng không thể ngờ họ lại có mặt tại nơi này. Đáng lẽ ở cái tuổi của họ, đêm nay họ phải có mặt bên lũ cháu nội ngoại. Đáng lẽ giờ này họ sẽ mặc lại chiếc áo cổ truyền để thấp những thẻ nhang trước bàn thờ gia tiên. Nàng lại nhìn những người lính trẻ. Có gương mặt của ruộng đồng còn in trên nét phong sương. Có người râu và tóc mọc đầy. Có người mang kính cận thị. Và nàng cũng bắt gặp đôi mắt của Trọng nữa. Từ đôi mắt ấy, có cả một khối buồn, khối thao thức, băng khuâng, dằn vặt của một người trí thức. Nàng nghe anh nói Trọng có cử nhân văn chương và hơn nữa, cái tên Quán Biên Thùy do chính chàng đặt ra. Chàng đã làm một bài thơ nói về một ngọn đồi nắng lửa, bốn bề là rừng tiếp rừng. Bài thơ được đại đội chuyền nhau đọc, và người đại đội trưởng quá thích, đã cho lính dựng lên tám bảng đề Quán Biên Thùy ngay ở

cổng trại. Phải, anh Trọng ơi, em phải cảm tạ anh vì anh đã làm cho em hiểu được những giọt mồ hôi của các anh, của định mệnh đang đè nặng lên đất nước chúng ta. Em ao ước được mang về những ngọn gió dịu dàng, tình tự đến cùng các anh.

Ánh lửa trước cơn gió đêm làm hình bóng những người ngồi trên sân trở nên chập chờn, có lúc sáng lên, có lúc mất đi vì gió đánh bật. Và My áp úng nói: "Thưa các anh, cảm ơn các anh đã dành cho My nhiều cảm tình. Trong đời My, My chưa bao giờ có một đêm hạnh phúc như đêm nay. My mới hiểu rõ về nỗi hy sinh vô bờ của các anh. Giờ này, Sài Gòn của My đang làm lễ giao thừa. Nhưng giờ này, các anh đang ngồi đây bỏ quên những giờ phút thiêng liêng nhất..." Nàng nói đến đây, không còn cảm được nước mắt. Có phải nàng hiểu giá trị của một nỗi an bình là kết quả của bao nhiêu nỗi hy sinh quá thâm lặng từ những người đã có mặt, sống và chết vô danh?

Mọi người im lặng. Họ hiểu người con gái Sài Gòn đang quá chừng xúc động. Tiếng còi cháy kêu lách tách. Có bóng người lính cầm súng ở chòi canh. Những tiếng nổ rời rạc đâu đó. Đó là tiếng súng thay tiếng pháo. Và nàng bắt đầu cất lời hát. Nàng đã từng được tiếng là người hát hay nhất của trường. Trong các buổi văn nghệ ở nhà trường, mỗi lần tên nàng được giới thiệu là cả một rừng pháo tay vang động, và không bao giờ đám học trò bạn học lại không bắt nàng hát thêm bài thứ hai, thứ ba. Tuy nhiên, những lần hát như thế, nàng ít khi bắt gặp cái hồn của âm nhạc, cái cảm thông của người hát và người nghe. Nhưng bây giờ, tiếng hát là tiếng lòng đích thực. Tiếng hát cất lên như niềm cảm tạ, như nỗi tri ân, như lời vỗ về an ủi, như cả giọng lệ

đẩy đưa cái nôi hoạn nạn gian khổ từ những con người, như u ẩn nổi lòng của người cô phụ chờ chồng trở lại. *Ai lướt đi ngoài sương gió, không dừng chân đến em bẽ bàng... Em ngồi đan áo...* Ừ nhỉ, giao thừa sao lại buồn tàn thu. Nàng cũng không biết tại sao nàng lại cất lên nỗi niềm của người cô phụ? Phải rồi, mùa xuân vẫn còn có biết bao người cô phụ vẫn còn ngồi đan áo. Phải rồi, nhắm mắt lại, người con gái Sài Gòn còn thấy được những người ngoài sương gió, bỏ quên cuộc đời, bỏ quên tuổi trẻ, bỏ quên hiện tại, tương lai.

Bài hát đã hết, nhưng âm hưởng vẫn còn lắng lại vào tâm hồn người lính xa nhà, đến nỗi sau đó, là nỗi lặng yên đọng trên từng khối đêm như mặc niệm cùng quá khứ, như hoài niệm lấy dĩ vãng của mỗi người. Rồi trong một thoáng thốt, tiếng vỗ tay như pháo nổ đồng loạt vang dậy, và tiếng la, tiếng hét tiếp tục. "Họa mi hát nữa đi, hát cho chúng tôi nghe thêm nữa đi!" Người con gái quay lại nhìn anh nàng. Hải vừa vỗ tay vừa nói với em: "Em hát thật xuất thần. Chưa bao giờ anh nghe em hát hay như thế!" Bỗng một tiếng nói cất lên từ trong một góc tối: "Tôi có đề nghị, chúng ta không thể để cho cô My hát một mình mãi. Đêm còn dài, chúng ta phải chứng tỏ ở Quán Biên Thùy có nhiều tài năng. Tôi biết có một người hát thật hay, chơi đàn cũng thật giỏi. Thiếu úy Trọng..."

Tiếng vỗ tay lại nổi dậy: "Phải đó. Mời Thiếu úy Trọng. Đừng để Quán Biên Thùy phải mất mặt bầu cua..." My nhìn Trọng, đôi mắt ngời sáng. Trọng lúng túng nhìn My rồi lắc đầu. Nhưng chàng không thể ngồi yên như vậy được. Những người ngồi xung quanh đang đòi chàng phải đại diện. Họ giục. Họ khuyến khích. Họ đưa mắt nhìn người trung đội trưởng chờ đợi. "Thôi

Thiếu úy dừng xầu hổ nữa. Có em đây. Em đứng đằng sau Thiếu úy đây." Một người lính trẻ cầm tay Trọng kéo dậy: "Thôi mà ông thầy, bộ ông thầy muốn làm mất mặt Quán Biên Thù này sao?"

Cuối cùng Trọng phải đứng dậy. Hát cho ai. Hát cho người nào. Con chim từ đâu đã bay lại, đậu trên đồi một đêm. Con chim từ đâu đến đây làm tôi nhớ lại ngôi trường Văn Khoa, con đường Nguyễn Du cây xanh bóng mát. Và gió Bạch Đằng. Và nhà thờ Đức Bà. Và ly chanh đường. Uống môi em ngọt. Đêm càng khuya, sương càng dày, đồi càng lộng gió. Tiếng súng bắt đầu rộn ràng và đồng loạt. Giây phút Giao Thừa. Đợi chờ một phút, cho hoài niệm. Những tia đạn lửa xẹt ngang dọc cắt bóng tối. Ở chòi canh, người lính đã bắn súng mừng giao thừa. Trọng bắt đầu hát. Giọng chàng thật âm. Từ trong đám đông, My nhìn người thanh niên. Nàng bỗng nghe thân thể nóng ran khi nhớ lại lần nắm chặt tay Trọng, cùng nép sát vào người Trọng. Có phải đó là dấu hiệu khởi đầu cho một tình yêu hay không?

Đêm còn lại, My trần trọc không thể nào chợp mắt. Hay tại vì nàng đang ở tại một nơi xa lạ, cách biệt hẳn cái thế giới quen thuộc của nàng? Không còn căn phòng với ánh đèn mờ nhạt. Không còn chiếc giường nệm và tủ áo dài, cái bàn trang điểm. Hay tại vì nàng đã chạm vào cái thế giới vừa tội nghiệp vừa bi tráng của Quán Biên Thù? Hay tại vì người thanh niên có đôi mắt quá buồn, nhưng đáng đáp thì kiêu ngạo? Nàng với tay lấy chiếc áo dạ nhà binh mặc vào người, rồi bước ra cửa hầm. Nàng bước co ro trong bóng tối. Đêm đặc quánh, chỉ nghe tiếng gió đập vào mái tôn kêu lách cách. Đôi mắt nàng khôn khổ để làm quen với

côi lạ. Dưới đèn, sân bay quân sự và bản doanh của sư đoàn còn thấy những ngọn đèn nhiều nến, mờ nhạt trong sương đêm. Nàng đứng yên lặng. Lạnh. Run rẩy. Bỗng nhiên nàng nghe tiếng nói của người thanh niên. Tiếng nói như thân thiết tự một kiếp nào: "Cô My, cô chưa ngủ sao? Chắc là nơi này không quen với cô..." My quay sang nhìn Trọng: "Anh Trọng, em chưa muốn ngủ. Em muốn được hưởng một đêm trọn vẹn tuyệt vời như đêm nay."

Trọng lại hỏi My:

- Tại sao cô My lại lặn lội đến Quán Biên Thùy này? Cô My không sợ nguy hiểm sao?

- Bộ các anh coi chuyện chiến tranh chỉ dành riêng cho các anh hay sao?

- Nhưng nơi đây không thể hợp cho một người con gái Sài Gòn. Cô làm cho anh cô phải lo đến điên khùng khi nhận tâm điện tín của cô.

- Nhưng đêm nay là đêm giao thừa. Chiến tranh cả năm ít ra còn chưa một đêm ngừng bắn. Em nghe nói hai bên hưu chiến.

- Phải. Ít ra đêm nay người ta bỏ qua thù hận, chém giết.

- Cầu mong 365 đêm là 365 Giao Thừa.

- Cô My có ý kiến thật ngộ nghĩnh. Nếu thế thì đất nước ta là thiên đàng.

- Và mọi người trên thế giới sẽ nạp đơn xin về Việt Nam.

My cười thật vui. Lòng Trọng đâm ấm áp lạ lùng. Chàng hỏi My:

- Đi ngoài đêm, cô My có lạnh không?

- Em không lạnh. Em có cả chiếc áo dạ nhà binh trên người.

- Cô My à.
 - Dạ, thưa anh.
 - Văn Khoa của mình còn thầy T. dạy không?
 - Dạ còn.
 - Ông là vị thầy tôi kính nể. Nhờ ông mà tôi yêu văn chương. Mỗi lần ông giảng bài hay mỗi lần ông đọc thơ, là mỗi lần tôi phải ngồi chết trân. Ông đã giúp tôi tìm về chữ nghĩa. Một câu mà tôi vẫn nhớ mãi: "*Văn chương là hơi thở*." Ngày ấy tôi vẫn còn nghi ngờ, nhưng giờ đây tôi mới biết. Hơi thở hắt hăng từ những đêm những ngày của chiến tranh. Hơi thở ấy đến cả từng dấu chấm, dấu phết.
 - Anh Hải nói như anh đang viết văn làm thơ.
 - Phải, tôi dùng nó để mang hơi thở của tôi, của đồng đội tôi và tuổi trẻ của tôi.
 - Và cả của em nữa, anh Trọng à!
 - Thưa cô...
 - Anh đọc cho em nghe một bài thơ của anh đi.
 - Vâng, tôi làm nhiều thơ, nhưng không bao giờ thuộc hết. Để tôi ráng nhớ xem... Vâng, tôi nhớ ra rồi. Bài Quán Biên Thùy. *Đôi đưa tôi lên tận mặt trời. Tôi lưng chảy dài những giọt mồ hôi. Mồ hôi tôi trộn vào nơi khói lửa. Tôi ở đây, một Quán Biên Thùy. Tôi là một tên tuổi trẻ lông bông. Thị tứ quá xa nên quán phải buồn. Không bàn ghế, không tách cà phê đắng. Tôi thổi khẩu cầm gọi bản gọi buồn...*
- Chợt một tiếng nổ lớn dội về. Tiếng nổ của trái hỏa châu. Rồi một vùng ánh sáng ngập lòa cả ngọn đồi. Tiếng nổ đã làm người con gái hoảng sợ, ôm chầm lấy người thanh niên. Người thanh niên dịu dàng nâng cầm người con gái lên. Chàng bắt gặp hai đốm sáng từ đôi mắt. Chàng nói trong hơi thở:

- My đừng sợ. Chỉ là tiếng nổ của trái hỏa châu. Họ mừng giao thừa rồi đấy!

Rồi chàng hôn lên mắt, lên trán của người con gái. Người con gái nhắm mắt lại. Nàng ngược đôi môi chờ đợi. Sau đó, họ hôn nhau cuồng bạo.

oOo

Ngày hôm sau, giữa lúc My sửa soạn hành trang cho cuộc trở về thì đại đội được lệnh phải xuống đồi khẩn cấp. Địch đã chiếm một quận lỵ bên đèo vào sáng sớm mùng một và viên quận trưởng bị giết. Tiếng còi, tiếng kèn tập hợp khua liên hồi. Những người lính từ trong các dãy nhà tôn đổ ra, cùng với ba-lô, súng đạn nặng nề. Lúc này, My có thể thấy tận mắt thế nào là trận chiến, là binh lửa. Mọi người vẫn bình thản dưới ánh nắng đầu xuân. My nhìn Trọng. Người thanh niên đang đứng trước hàng quân. Người thượng sĩ già trung đội phó đang kiểm soát đạn dược súng ống. Con chó vàng vẫn tiếp tục vẫy đuôi cùng người này sang người khác. Những chiếc mũ rừng che những gương mặt rạm nắng. Những quả lựu đạn, hỏa tiễn M72 treo lủng lẳng trước ngực. My nhìn họ. Người ta đã từng kết án họ. Hãm hiếp. Mồ máu. Cắt xẻo lỗ tai. Nhưng My đã không bắt gặp một dáng dấp gì của đoàn quân đánh thuê, đánh mướn. Họ, những người rất bình thường, nông dân mộc mạc, hay những người lính già sạm đen, lưng trĩu nặng bởi cấp số đạn phụ trội, hay những người lính trẻ, đôi mắt sáng yêu đời nhưng chịu đựng và tuân phục trong hàng ngũ. Họ đang đứng nghiêm trước con mắt điều hâu của viên thượng sĩ trưởng vụ. Sau đó ông

thượng sĩ thường vụ báo cáo với ông trung úy đại đội phó. Ông trung úy lại hô nghiêm, báo cáo với đại đội trưởng. My đã đặt thẳng câu hỏi cho Trọng, và Trọng nói:

- Trong một tập thể cả trăm người đôi khi cũng có một vài cá nhân làm xấu, dĩ nhiên. My hẳn biết, thú tính đôi khi phải cần để giải quyết chiến trường. Thú tính làm cho người lính không còn run sợ, khiến họ trở nên cộp beo sư tử. Có người nốc cả cốc rượu để trước giờ lâm trận. Có người bị ám ảnh bởi khẩu súng phòng không của địch để được lên cấp. Có người bị ít tiền bạc trên xác chết... Có người vì hận thù địch đã tàn sát gia đình họ. Mới đây, có tên hành quân vào làng, lén dùng vũ lực hãm hiếp một cô thôn nữ. Chuyện đổ bể, cả làng biểu tình. Nó quì lạy khóc lóc. Nhưng cuối cùng, bọn anh cũng giải quyết. Anh Hải cử phái đoàn gồm có những người lính già như Trung sĩ nhất Kho, Thượng sĩ Tô, Trung sĩ nhất Mười và đám sĩ quan của đại đội đến làng mang cau mang trà, trước hết là xin lỗi gia đình nạn nhân, sau xin làm đám cưới đàng hoàng. Bây giờ hai đứa đã trở thành vợ chồng.

...Bây giờ mấy chiếc xe GMC đã lên đỉnh đồi. Con chó vàng vừa cúp đuôi, vừa sủa inh ỏi. Trọng bước đến bên My: "Em trở về bình an. Cho anh gọi lời thăm Sài Gòn, thăm Văn Khoa, thăm chiều Chủ Nhật." My nhìn đắm đắm người thanh niên, như muốn uống trọn vẹn hình ảnh của chàng trong buổi chia tay. Dáng Trọng gầy, chiếc mũ rừng chụp xuống, mái tóc dài, những ngón tay khẳng khiu. Chiếc quần trận màu xanh đã bạc, thấy có chỗ tươm rách. My thương chàng đến độ muốn ôm chầm chàng, để khóc òa như con nít. My muốn kể tất

cả những gì mà con tim nàng đang trôi dạt, đợi chờ một giây một phút cho cả cuộc đời con gái của nàng. Tuy nhiên nàng vẫn đứng chết trân, đôi mắt ướt nhòa, tóc mai phơ phất. Sau đó, không hiểu sao, nàng lại tháo chiếc trâm cài trên mái tóc của nàng rồi trao cho Trọng: "Anh Trọng, quà của em đây. Cầu xin cho anh được bình yên..." Rồi đoàn xe rồ máy xuống đồi. Bụi đã tung mù cả sân đại đội. My đứng yên nhìn theo.

Ngày mùng một đầu năm, trời thật xanh và trong. Những con chim én từ đâu bay lại, tiếp tục lượn vờn, nô giỡn trên giao thông hào. Người trung sĩ hậu cứ đã đến bên My: "Cô My, thôi mình xuống đồi thì vừa. Giờ này có chuyến xe đồ chạy thẳng về tỉnh, không dừng lại dọc đường". Nhưng My vẫn đứng yên. Nàng ao ước được làm cánh chim én trong bầu trời nắng vàng để bay theo đoàn xe, bay theo đoàn người, để mang tin lành, tin dữ về họ. Và nếu em có... Đến đây, tự nhiên nàng rung mình. Cho nàng hay cho Trọng? Tại sao nàng lại nghĩ đến một điều ảm đạm trong buổi sáng mùng một này..."Và nếu em có mệnh hệ gì, em cũng xin được làm cánh chim...". Nàng lắc đầu, cầm chiếc xác tay, nhưng hai chân muốn chôn chặt. Có tiếng nói vô hình ở đâu đó như thúc hối nàng: Đứng đi. Đứng đi. Nhưng nàng vẫn bước lên xe Jeep. Ngồi trên băng mà mồ hôi thấm cả trán, cùng một con tim đang đập thình thịch. Hay nàng có một cái linh tính không may. Cho Trọng hay cho nàng? Có lẽ là cho Trọng, vì chàng là người trong cuộc. Chàng đang đối diện với tử sinh. My cứ nhắm mắt, van vái: "Anh Trọng ơi, cầu mong cho anh được bình an. Em lo sợ quá đi, anh Trọng ơi...". Chiếc xe đồ vào ngày đầu năm như một cối rợn rợn

và thân mật. Hôm nay, mọi người dường như thân thiết gần gũi hơn mọi ngày. Những người con gái trong những chiếc áo mới, gương mặt tươi sáng, nụ cười cũng tươi. Những bà bán buôn có vẻ hiền từ, nhường nhịn, thay vì gắt gỏng do bận rộn trong những ngày thường. Và nhiều người thanh niên. Họ là lính về nhà ăn Tết muộn màng. My ngồi cùng với họ, nhưng dường như cách biệt hẳn họ, bởi vì My là một cô gái Sài Gòn xinh đẹp, áo quần thời trang: chiếc quần jean xanh và cái áo pull màu xanh đậm. Nàng lại mang chiếc kính đen che khuất cả phần trên của khuôn mặt. Nàng đã quên những gì đen tối trước đây nàng đã dự cảm. Bây giờ nàng đang chia xẻ cùng một niềm hạnh phúc chung của một ngày thiêng liêng nhất của dân tộc. Bỏ lại chiến tranh, chết chóc, thù hận đằng sau, để cùng tiếng cười tiếng nói và nỗi lòng rạo rực cho một cuộc sum họp.

Nắng vàng thắm cả đồng lúa bạt ngàn. Thỉnh thoảng, bên đường hiện lên những em nhỏ, các người đàn ông, đàn bà trong những bộ quần áo mới. Vài ông già mang áo dài khăn đóng lướt qua. My không thể tìm thấy cái không khí của chiến tranh, cái ve vuốt của bất trắc. Ngay cả những người thanh niên trong xe. Họ ngồi bên cửa, lộ đầu ra ngoài, vô tư, bình thản.

Nhưng khi chiếc xe chạy đến khúc rừng thưa, nơi mà Trọng đã lên đạn, chĩa súng ra ngoài, và chiếc xe anh Hải rú ga ào phóng trên mặt lộ, thì một nhóm người trong bộ bà ba đen đã xuất hiện. My lại nhận ra họ còn mang cả súng. Bây giờ cả xe nhốn nháo. Gương mặt những người thanh niên tái mét. Nhưng họ đã bất lực. Họ đã bị sa vào cái bẫy vào ngày mà họ nghĩ là ngưng bắn, hưu chiến hay ít ra, thiêng liêng nhất của mọi

người Việt Nam. My cũng vậy. Tim nàng như ngừng đập. Nàng nghệt thở theo chiếc xe đồ đang từ từ chậm lại, rồi ngừng hẳn.

Cuối cùng, cả một đoàn người được dẫn vào sâu trong bia rừng, dưới hàng dừa bạt ngàn. Và người ta điều tra xem ai là lính quốc gia, bằng cách nhìn từng bàn chân một. Lính quốc gia dĩ nhiên là mang giày saut, bàn chân trắng không khô nứt. Có bốn người thanh niên được bắt trói ra một bên. Một người trong đám Việt Cộng, có lẽ là kẻ chỉ huy, đã đến trước My, nhìn chăm chăm nàng, rồi quát lên, giọng Bắc:

- Con này trước Cách Mạng mà còn mang kính đen của tư bản đế quốc đi điểm phản động!

My giật mình co rúm lại. Thì ra, vì sợ quá, nàng đã quên tháo chiếc kính che nắng của nàng.

Đó là dấu hiệu khởi đầu cho một điều dự cảm. My ngồi một bên, và chỉ mỗi một mình My là con gái, cùng với bốn người thanh niên đang bị trói, ngồi dưới gốc dừa. Rồi bài học tuyên truyền, rồi răn đe được tiếp tục nói lên từ một người bên kia. Rồi bốn người bị buộc tội là lính đánh thuê, đánh mướn, tàn sát nhân dân, bị bắn trực xạ bằng những phát súng lục trên đầu. Và sau đó, đến phiên My. Họ dẫn My vào khu nhà gạch đỏ nát. Tay chỉ huy nói với người thuộc cấp: “Đồng chí ở ngoài canh chừng. Tôi phải làm việc với con bé này. Nó chắc là tay sai gián điệp Sài Gòn không chừng.” Người lính gật đầu: “Tuân lệnh anh Ba!” Sau đó hắn bước ra ngoài, đứng gác dưới cây bông sứ.

Trong khi đó, đoàn xe 6 chiếc chở đại đội thám kích đã lên đèo An Khê. Xe trung đội Trọng chạy đầu tiên.

Trọng như một người còn say men hạnh phúc. Hạnh phúc hay là định mệnh? Cánh chim từ đâu bay lại, hót bên thêm đời chàng, để lại những dấu chân hồng êm ái. Trong muôn ngàn cánh chim của mùa xuân bay lượn trên đồi, chàng đã tìm thấy một con chim yêu dấu. Đôi mắt sáng lung linh. Bờ ngực phập phồng sau làn vải lụa. Và hai bờ môi cắn bầm bằng nỗi cuồng nhiệt của tuổi trẻ. Mùa xuân đã về đúng hẹn, và em là mùa xuân, mùa hạnh phúc, mùa ngọt lịm ân điển của địa đàng. Em đã mang tin lành, bình an, đến giữa cõi hoạn nạn. Em ở trên bầu trời xanh sẫm, đúng lúc, đúng hẹn, vô tư, đùa nghịch, vút lên cao, sà xuống thấp. Em, cánh chim mang mùa xuân về trời đất, núi rừng, dù không gian vẫn đầy những đe dọa găm gù. Ô kìa, một đàn chim én đang bay rợp trên đèo xám và rừng xanh. Trọng xúc động. Con họa mi của anh giờ này chắc trên chiếc xe đồ xuôi về thành phố. Nhưng kia kìa, chàng muốn đứng thờ khi nhận ra cả một đám chim mùa xuân, khi không sà xuống đoàn xe. Cứ hết con này, tiếp đến con khác. Chúng phóng xuống đường dễ chừng chúng đang làm một cuộc tự sát tập thể. Rồi trong một khắc giây nào đó, chàng nghe một tiếng rú như xé dội cả trùng trùng điệp điệp núi đồi, đẩy bật cả mấy tầng trời, gốc cây đại thụ, bạt cả bờ vách đá, sau đó là lời van lơn dồn dập: "Anh Trọng. Anh Trọng. Ngừng xe lại. Hãy ngừng xe lại. Anh Trọng ơi!...Nghe em đi, anh Trọng ơi!...".

Trọng bần rần châu thân, nắm tay người tài xế, hỏi hỏ nói: "Anh ngừng xe nhanh lên!" Xe thắng giữa đèo. Đại bàng gọi máy hỏi sự tình. Trọng kể trong hơi thở về cái dự cảm của chàng. Đại bàng nói cũng nghe tiếng

la rú. Rồi Đại bàng ra lệnh đại đội nhảy xuống xe, bố trí hai bên đường. Sau đó, một đoàn xe chở đạn pháo binh của Đồng Minh qua mặt. Chỉ trong mười phút ngắn ngủi, là sấm động ầm ầm của những quả mìn và tiếng súng lớn, sau đó là cả một khối lửa vĩ đại bùng dậy. Còn Trọng, chàng lom khom bò về hướng Đại bàng, nói không ra hơi: "Đại úy ơi, tôi có linh cảm Mỹ... Đại úy nói dùm tôi một câu. Một câu thôi để tôi yên lòng. Đại úy có nghe tiếng rú không?" Viên đại úy, dù đang bắn loạn, cũng cố an ủi Trọng: "Trọng, tin tao. Mỹ nó không hề gì đâu. Về lại trung đội mày đi. Chuẩn bị bọc hậu. Chừng năm phút nữa có trực thăng bay đến yểm trợ. "

(BK, không rõ số phát hành)



TRƯA ĐỊA NGỤC

Khi nhào xuống vực cạn của con suối, tôi biết mình thoát nạn. Tôi từ từ khép mắt, duỗi thẳng tay chân, thả lỏng cây M16 và kiệt sức nằm bất động. Thú thật, tôi chẳng biết mừng hay đau đớn. Trạng thái đó quá cực độ bây giờ hạ thấp xuống đến ớn lạnh. Tôi vui mừng

quá sao? Tôi còn sống sao? Hai chân tôi còn bước đi, tôi còn nói còn cười còn trở lại kiếp lưu đầy khôn khổ này hay sao? Tại tôi vẫn còn bưng xé bởi những tiếng rên la. Thăng Huang, thăng Lợi, thăng Phong, thăng Mễ, thăng Luông. Bọn nó đang nằm sau các bụi rậm, đang duỗi chân, duỗi tay, đang cục cựa thân mình, đang bò lê bò lét. "Huang ơi, mây ráng bò sau bụi dứa. Ráng lên. Mây mang máy truyền tin mấy tháng được lắm!" "Thiếu úy ơi, em chết. Khiêng dùm em!". " Tao cũng bị thương như mây mà. Dứa nào cũng bị thương hết. Ráng lên!" Còn thăng nào trên ấy không. Tôi quẹt tay trên miệng, thấy nhòn nhợn vị máu. Có lẽ trái lựu đạn từ dưới khe đá quăng lên làm tôi bị học máu. Tôi từ từ nhồm dậy. Bây giờ thì kiệt sức cả rồi, kiệt sức cả rồi. Buổi mai trời núi tấn công, buổi trưa nằm giữa đồi chờ chết, nằm nhìn mặt trời mà nghĩ đến giờ phút của tên thanh niên về bên kia biên giới.

Buổi trưa địa ngục và tôi đang nằm trong địa ngục. Buổi trưa khô cả họng, nếm lưỡi nghe mùi tanh máu của mình. Buổi trưa gai cào xé da thịt, nặng rất nhức vết thương.

Tôi men theo bờ đá của giòng suối dưới chân đồi, cả người quờ quạng, té lên té xuống. Quãng đường một trăm thước tôi đã bình yên, khi những viên đạn thi nhau tìm da thịt tôi. Ở sau tôi, trên đồi, không biết thăng nào còn mắc kẹt. Tôi nhắm mắt. Núi đồi vẫn bình lặng, Trục thẳng đâu. Phản lực đâu. Không ai hết. Có hai thăng nằm bên bờ suối, máu me đầy mặt. Chẳng biết thăng nào. Tôi bò đến bên. Một thăng còn rên. Mắt mở. Tay hắn cầm chặt tay tôi: "Em đau quá Thiếu úy

oi! Nó bắn trúng ngay chân em ở đầu suối. Em không thể đi nữa". Tôi siết chặt bàn tay hấn rầu rầu: "Ở đây là thoát rồi. Thấy trực thăng cứ lấy khăn vậy, nó sẽ cứu". "Làm gì có, Thiếu úy! Từ sáng đến giờ đâu có chiếc nào đâu" - hấn méu máo. Tôi gục đầu nhìn xuống lòng nước cạn, những hòn đá trơn trợt chạy dài xuống chân đồi. Tôi không thể đi hấn đi. Tôi cũng bị thương như hấn. Và tôi đã bỏ hấn. Tàn nhẫn và ích kỷ. Tôi tiếp tục bò xuống.

Khoảng 6 giờ chiều tôi được trực thăng chở về quân y viện.

oOo

Nửa đêm tôi choàng tỉnh dậy, cảm thấy cả thân thể ê chề. Tay phải vẫn còn mũi kim chích và sợi dây chuyền serum. Tôi mở mắt nhìn lên trần. Bây giờ rõ ràng tôi còn sống, còn sống. Lời cảm ơn này gởi cho ai khi tôi vào bệnh viện này lần thứ hai. Vẫn bốn bức tường trắng, vẫn cái kệ treo tro, vẫn từng viên đá lát màu vàng sẫm và cánh cửa lưới, bên kia là phòng cấp cứu, xa hơn nữa là bãi đáp trực thăng. Tôi phải cảm ơn ai. Cả thân thể rã rời mỗi nhúc. Từng giọt nước biển thấm chạy vào da thịt, từng giọt đếm nỗi buồn của một đêm. Ngày mai, ngày mốt, ngày kia, rồi đến ngày nào nữa. Có lẽ mong tôi, những miếng lựu đạn đã được gấp ra. Có tiếng còi kêu cứu vẳng về đâu hui. Có những tiếng súng vọng về từ xa xôi. Hay từ ngọn đồi nào, từ những hốc đá, bụi gai nào. Tội nghiệp. Còn bao nhiêu đứa thoát về đêm nay?

Bọn mày ơi, tao khổ lắm. Hãy hiểu tao. Ngày mai tôi phải về. Không thể nằm đây nữa.

Tôi nghe tiếng rên rỉ từ giường bên. Hình như quen thuộc lắm. Tôi rút kim chuyền nước biển khỏi gân tay, rồi lết đến chỗ tiếng rên. Những người lính bị thương mới mang về hồi chiều đang nằm trên giường bệnh, thân thể bị băng đầy mình, trắng toát. Những cánh tay đưa lên trời, ống chuyền serum mang theo từng giọt nước cấp cứu. Tất cả hình ảnh của một phòng bệnh viện mà tôi đang có mặt đêm nay làm sao tôi có thể kể hết. Bên ngoài dãy hành lang đều hiu, xa hơn nữa là hàng rào dây kẽm, sẽ là nơi hết sức vô tư, bình thản. Sẽ có những nụ cười, những bàn tay ôm ấp. Giờ này người ta đang làm tình, mỗi một ôm nhau trên giường. Tôi thất thểu đi qua các giường. Có phải đây là thằng Thanh? Còn thằng nằm trần truồng, cả đầu bị bó là Nai? Tôi lại trở lại phòng, căn phòng tôi nằm lần thứ hai trong thời gian chưa đầy ba tháng. Nhắm mắt lại, không dám nhớ mà vẫn cứ nhớ rõ ràng bãi cỏ, những bụi gai, những bụi dứa. Hường nằm ở đó, tay chân bị bắn trúng rên la kêu tên tôi. Đêm nay không biết nó có thoát khỏi vòng vây hay nằm kẹt trên thung lũng để chịu những nhát dao, mã tấu của kẻ thù?

Vết thương lại hành hạ. Tôi bắt đầu rên nho nhỏ. Đêm ơi, đêm ơi, sao không cho ta nhắm mắt bình yên, sao cứ hành hạ ta mãi hoài. Tại tôi lại bùng lên với những tiếng động chất chứa dữ dội. Tôi chịu cực hình suốt cả đêm hôm ấy...

Buổi sáng, bác sĩ giám đốc vào phòng tôi. Ông ngạc nhiên nói: "Lại anh nữa! Sao bị thương hoài vậy?" "Bị thương thế này là may. Tưởng chết rồi, Thiếu tá!" Ông bác sĩ nắm bàn tay tôi, an ủi: "Ráng tịnh dưỡng. Lần

này xuất viện, tôi cho 3, 4 tuần phép về thăm quê nghe!". Tôi nói: "Cám ơn Thiếu tá".

oOo

Người vợ của Thiếu úy Ch. thấy tôi kêu lên. Chị đi tìm xác chồng. Chị hỏi tôi: "Xác anh ấy đem về đây chưa?" Tôi nói: "Có lẽ ngày hôm nay, chị. Hôm qua khó lắm. Mình vào bị đánh bật ra liền." Tôi cũng kể lại trận đánh cho chị nghe. "Tôi đứng trên mỏm đá vừa chiêm nhìn anh công một người lính bị thương chạy xuống rồi trở lên. Sau đó anh bị đạn. Bọn tôi ở phía trên cố ném lựu đạn nhưng chẳng ăn thua gì."

Tôi rung rung kể. Người đàn bà mắt hồn như một xác chết. Đôi mắt chị ráo khô, không còn một chút sinh khí. Rồi chị từ biệt tôi. Bóng chị khuất sau giàn hoa giấy trước cổng bệnh viện.

Có tiếng nói của trung sĩ Minh, hạ sĩ quan quân số, ở đằng sau. "Thiếu úy vào phòng đi chứ. Sư đoàn sắp đến gần chiến thương bội tinh và anh dũng bội tinh cho Thiếu úy đó!". Tôi quay lại hỏi hấn: "Được bao nhiêu chiến thương mới thành anh hùng, hờ mày?"

(Quân y viện Qui Nhơn 12-5-70, lần bị thương thứ hai)

(Bách Khoa – không rõ số phát hành)

ĐÊM CHIÊM THÀNH

Chúng tôi đã bắt đầu đốt lên những bếp lửa đầu tiên của một đêm về muộn.

Sau một ngày lội đến quy cả gối, tắm mình trong một dòng sông hẹp và sâu, vượt qua những xóm làng hoang vu không một bóng người, và thềm ghê gớm một chỗ nằm, một giếng nước mát, một ngọn đèn dầu, và một bữa cơm nóng sốt, bây giờ chúng tôi lại ngồi ở đây, trước ngọn cỏ thấp. Lệnh cho biết, lát nữa, một đoàn xe của tiểu khu - đơn vị mà chúng tôi tăng phái - sẽ đến đón những đứa con của chiến trường trở về. Tin trên, được truyền từ một người lính truyền tin của bộ chỉ huy, đã như một tín hiệu rực rỡ nhất, vui mừng nhất. Không ai bảo ai, ngả lưng trên nền đất cỏ, tháo ba-lô và súng đạn trên mình, và tùm năm, tùm ba, đốt thuốc, ngồi vây quanh những bếp lửa hồng.

Chiều đã tan biến từ lúc nào. Bây giờ, màn đêm đã dần buông bằng một đôi cánh mỏng nhẹ. Hơi gió đã nghe thở xào xạc. Một vì sao đã hiện lên trên đỉnh tháp, xa vắng như con mắt tình nhân. Những gợn mây hồng ở cuối chân trời vẫn le lói chút đỉnh để kéo chút hơi ngày. Và đâu đây là tiếng vạc cầm canh đã vang lên từ cánh đồng ngập nước. "*Lạnh quá đi!*" Một người lính đã thốt lên và run rẩy. Nước bùn, nước sông, pha lẫn mồ hôi của một ngày đã còn dầm dề trên những bộ quần áo trần. Đó là kết quả của một ngày mệt mỏi và đầy căng thẳng. Buổi sáng với tuyến xuất phát từ chiếc cầu Bình Khê và đèn thờ của vua Tây Sơn, và buổi tối là ngọn tháp Chàm này. Từ tuyến xuất phát, chúng tôi được lệnh cùng một đơn vị bạn, tiếp tục lục soát một chiều

dài non hai chục cây số. Chúng tôi phải chiếm lần lượt những ngôi làng bỏ hoang, và có thể, di tản một số dân còn lại về vùng an ninh. Chúng tôi đã vô sự. Điều này, chắc làm mấy ông sĩ quan cao cấp không bằng lòng tí nào. Nhưng đối với chúng tôi, chúng tôi chỉ mong như thế. Vô sự, hai chữ ấy như một sức hấp dẫn mãnh liệt. Đòi chiến binh chỉ mong bao nhiêu đó. Nhưng mấy ai thoát được trên trăm ngàn cuộc ra quân? Vì thế, lần dừng quân chiều nay, có lẽ chúng tôi là những kẻ sung sướng nhất. Một người đã huyết sáo nho nhỏ. Một người cố lục dưới đáy ba-lô, tìm gói lương khô cuối cùng để chống cơn đói. Một người đang cời áo hơ trên ngọn lửa. Trong thình không màu sậm tối, những cánh dơi từ trong lòng tháp vụt bay ra, lượn vòn trên đầu đám quân. Những tiếng reo giòn của lửa thật êm ái. Và chúng tôi mong vô cùng được nghe lại tiếng xe mướn bánh bên đường. Người lính già thì mong chờ về gặp đàn cháu nội ngoại, hay hộp rượu thuốc. Người lính trẻ thì mong gặp người yêu trông đợi. Còn tôi, thú thật, thèm được chấp đôi cánh của một loài ó bay về thành phố. Rồi một góc tối trong một quán cà phê, đầy âm nhạc, đầy bạn hữu, đầy những sợi khói nồng nàn, lãng đãng của ngày thanh xuân. Rồi rượu, đàn bà... Tôi đang dệt những cơn mơ rực rỡ ấy trong một buổi tối đầy bình an này.

oOo

Một tiếng nói đã cất lên giữa những đứa con ăn sương nằm đất: "Đây là thành Đô Bàn. Tháp trước mặt là tháp Cảnh Tiên hay còn gọi là Tháp Đồng đây".

Một giọng nói khác phụ vào: "Thì ra bọn mình đang

đóng đô trên kinh đô Chiêm Thành ". "Vâng, tháp này là nơi mà vua Chế bồng Nga đóng đô. Tôi nghe một ông già trong vùng kể lại, đây là nơi vua Trần đã một lần chiếm đóng và tàn phá khủng khiếp ..."

Tôi vẫn nằm dựa lưng vào ba-lô, lắng nghe những lời trao đổi. Giọng nói buồn buồn của người lính ngồi bên cạnh đã làm tôi xúc động. Thì ra, bãi cỏ xanh mướt này, từng là một bãi chiến trường. Tôi đã đọc trong sách vở mô tả lại trận đánh ghê khiếp trong lần vua Trần viễn chinh. Vua Trần Duệ Tông đã bị phơi xác khi tìm cách thúc đoàn quân chiếm thành Đồ Bàn. Rồi những cuộc viễn chinh sau đó, sau khi vua Chế Bồng Nga qua đời, đã mỗi lúc mỗi xô đuổi người Chiêm Thành chạy về phía Nam. Thành Đồ Bàn bị thất thủ. Kinh đô Chiêm bị thiêu hủy. Giờ đây là những phế tích đau buồn bằng mấy ngọn tháp cô quạnh trong dòng vô tình của lịch sử. Chúng như biểu tượng một thời của đèn đài cung điện, của xe ngựa dập dìu. Chúng có mặt như là những hồn ma cô đơn nhất.

Một người bạn đã xin tôi một liều thuốc lá đen. Tôi cười: "Bao thuốc xanh của tôi đã bị ướt nhão nhoẹt khi lội qua sông". Gió đã bắt đầu lạnh hơn. Những ngọn lửa đã bắt đầu yếu dần. Trăng đã lên cao, nằm lẻ loi trên một chòm cây khẳng khiu. Tiếng vạc lại nổi lên, đều đều từ phía đồng ruộng. Tôi vẫn nằm yên, lưng dựa vào ba-lô, và tâm hồn tôi trải rộng như bóng đêm đang phủ. Có tiếng chửi thề: "Bộ xe để đưa rước ông bà lớn, các cô các cậu lớn hết sao bây giờ vẫn chưa thấy lộ mặt đến!" Một giọng khác phụ họa: "Chắc mấy tay bán hết xăng rồi, giờ này xe nằm ụ". Rồi tiếng ho khan nổi lên trong hàng quân, cùng tiếng cười la từ phía ban chỉ huy.

Có lẽ, trong tâm trí của mỗi đứa con chiến trường đều hiển hiện những ngọn đèn thân yêu nhất của mình. Và vô tình, giữa cõi trắng sáng trong vắt, tôi bỗng nhận ra một tấm bảng nổi lên trên một gò đất xanh um. Tôi đến nơi và đọc: "Mồ chôn tập thể địch quân". Tôi hỏi người bạn, nguyên là dân địa phương. Anh ta trả lời: "Mồ chôn của cả tiểu đoàn V.C đấy. Cậu không nhớ lần bọn chúng về đánh Đập Đá, bị vây tứ phía, không còn để lọt một trụ sao?" "Vâng, tôi nhớ ra rồi. Đại Hàn nằm phía Bắc. Phía Đông Nam là mình. Phía Tây là trung đoàn. Vòng vây càng lúc càng xiết chặt. Địch không một ai chạy thoát. Trận đánh suốt cả tuần. Nhưng tôi không thể ngờ, tại sao họ lại đào ngay tại đây để chôn xác người. Bi thiết quá!" "Tại sao là bi thiết. Thì chôn ở đâu bây giờ? Cả trăm mạng!" "Tôi muốn nói cái oan khiên của lịch sử. Mấy trăm năm trước, bao nhiêu người chắc đã chết tại nơi này. Và mấy trăm năm sau, lại thêm bao nhiêu xác người khác nữa nằm tiếp thêm... Họ đòi nợ nhau. Và cuối cùng, Bắc Nam Chiêm Thành cùng nằm chung dưới một gò huyết".

Giữa lúc ấy, từ phía xa, mờ ảm một ánh đèn bão. Ánh đèn càng lúc càng tiến lại gần phía chúng tôi. Chùng như người mang đèn không hề biết sự có mặt của đám con chiến trường. Giọng quát của người lính canh: "Ai đó, đứng lại !" Ngọn đèn đứng yên. Tiếng nói mất còn trong sợ hãi vọng lại: "Tôi đây, xin các ông tha cho tôi, bởi tôi không biết..." Dưới ánh trắng sáng vàng vạc, tôi thấy mờ hình dáng của một bà lão. Tiếng căn nhắc của người lính tiếp tục vang lên: "Bà già quả gan thật. Bà không biết giờ này giới nghiêm hay sao? Một mình bà lại đến khu vực này. Bà đi tiếp tế cho VC hay sao?"

"Bầm ông, tôi già rồi" "Bộ già không phải là VC sao?" Tôi đến bên bà lão. Bây giờ tôi mới thấy rõ hơn. Tóc bà bạc phơ. Gương mặt nhăn nhúm lại. Tôi bắt gặp bà mang một gói vải. Tôi nói lính lục soát. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết đa số những người dân trong vùng đều có chồng con nhảy núi, và đêm đêm họ hay mang đồ tiếp tế. Có thể là thuốc tây, áo quần, hay lương khô. Người lính mở gói đồ. Một bó nhang, giấy vàng bạc, một nải chuối...Chỉ có bấy nhiêu. Tôi hỏi chột nhói. Vâng, tôi đã hiểu. Hiểu hơn ai hết, vì chính mẹ tôi cũng từng làm như vậy trong những đêm xa xưa, sau khi anh tôi vượt sông cái. Bà đã dám lặn lội đến bãi chiến để thắp nén nhang, đốt vàng bạc, với niềm tin là hương hồn của người chết được siêu thoát, không còn phải kêu gào thảm thiết giữa đàn âm binh chết trận. Tôi hỏi bà lão: "Chắc ngoại có thân nhân chết và bị chôn dập dưới hố phải không?" Bà lão ừ ừ. Tôi nói tiếp: "Cháu không làm khó dễ gì ngoại đâu. Bởi mẹ cháu cũng thế, hầu hết những người mẹ có con chết trận đều như thế!" Bà lão tự nhiên òa khóc: "Đêm nay răm tôi không thể để nó lạnh lẽo dưới đất. Tôi mong nó lên hưởng chút hương đèn..." "Dạ, ngoại nói đúng. Khi chết rồi ai cũng như ai, không còn là ngụy cũng không còn là VC, không còn Bắc không còn Nam. Thưa ngoại, xin ngoại cho con một cây nhang, để con cùng cầu cho anh ấy, nghe ngoại." Tôi nói mà lòng tôi ràn rụa.

(Bách Khoa – không rõ số phát hành)



KHUNG CỬA NHỎ

Đối với những người lính đang ngồi chờ lệnh qua cầu để chiếm ngôi làng trước mặt, lúc này họ chỉ mong sao cho những quả đạn pháo mà người sĩ quan đề lô gọi rót xuống mục tiêu càng nhiều càng tốt.

Ở đầu làng, những ngôi nhà tranh bốc lửa. Khói tỏa ngập trời. Gió Nam thổi, khiến khói mỗi lúc mỗi dạt về quân ta. Mắt mỗi người lính trở nên cay xè, khó chịu vô tả. Hơi nóng bay tỏa theo gió, quất xối xả vào da thịt họ những trận mưa lửa, như thể muốn làm chảy cả mỡ người. Lửa, lửa ngút ngàn, lửa reo mừng cùng trời đất. Lửa bén từ nhà này sang nhà khác, lẫn cả âm thanh gậy đập và cả tiếng nổ từ một vài trái lựu đạn nào đó của địch cất đầu đầu đó trong làng. Đạn trái phá đã dứt. Tiếng súng địch cũng im bật luôn. Tuy nhiên, tiếng súng của quân ta vẫn tiếp tục nổ ròn. Những khẩu súng chia về hướng làng, về các nơi khả nghi, các đợt cây, các lùm bụi, và những trảng nổ dòn tan từ những khẩu M16 cùng với những tiếng nổ của đạn phóng lựu rầm trời. Tất cả tạo thành một tấu khúc cuồng nhiệt, hăm hở...

Những tổ được phân tán lục soát khắp làng như đàn chó sói. Họ được lệnh bắt giữ mọi người dân còn sót lại trong vùng binh lửa. Họ phải quăng lựu đạn khói xuống những hầm. Họ ào ào đuổi theo lũ gia súc, và không

quên hái luôn cả những chùm ớt nặng trĩu, đỏ thắm. Họ la hét rầm trời, đập tung những cánh cửa còn sót lại, và bắn bừa lên những trần vách khả nghi. Nơi đây, họ có quyền hạn như một vị chúa tể, và cũng nơi đây, bạn bè đồng đội họ đã đổ máu, ngã gục. Họ ào ào trong biển lửa, chạy băng băng trên những đồng tro tàn. Thịnh thoảng, những cột gỗ, sườn nhà đổ xuống, khi họ vụt qua tạo nên những tiếng động khô khan. Lửa đã giúp họ say máu, cuồng nhiệt.

Một tổ đã tiến sâu vào làng. Những người lính khinh binh và tiên sát đã phải dò dẫm từng bước một khi tìm cách vượt qua một hàng rào tre rậm. Trung đội Thiếu úy Mẫn báo cáo, vừa tìm thấy những trái lựu đạn gài ở dưới mỗi cành cây trên đường tiến quân. Viên sĩ quan trung đội trưởng luôn luôn dục đám binh sĩ của chàng phải cẩn thận hết sức. Chàng hét luôn miệng. Coi chừng ăn lựu đạn bây giờ. Coi chừng hầm chông đó... Tìm cách chui qua đi. Đầu máy, ông đại đội trưởng luôn luôn gắt, với một giọng hết sức nóng nảy. Ráng lực soát thật kỹ. Bắn hết cả đám cho tôi...

Tại một ngôi nhà đã cháy chỉ còn lại những cột kèo trơ trọi, và ở trước sân là một cây dừa bị đạn đại bác bắn trúng, ngã sóng soải trên hầm đất, tổ tiên sát đã tìm thấy một đứa bé gái còn sống sót. Quả là một sự mâu thuẫn. Gương mặt nó bám đầy bùn, và khói than nhưng đôi mắt nó tròn vo như hai hòn bi. Mái tóc bông bê toi tả rả xuống một gương mặt đầy sợ hãi tột cùng. Con bé méu máo tiếng còn tiếng mắt:

- Mẹ con đã chết rồi. Con lạy các ông tha con.

Thiếu úy Tân vừa gọi, em bé lại đây. Đừng sợ, vừa

bước tới. Con bé chạy lùi, vấp phải gốc cây bưởi, té quỵ. Hai bàn tay nhỏ nhắn, úp vào mặt, chỉ còn lộ một đôi mắt đầy khiếp đảm và ràn rụa lệ. Nước mắt chảy dài trên gò má con bé. Nó đứng dậy và Tân thấy được bả vai con bé đầm máu. Giọng con bé trở nên nghẹn ngào.

- Mẹ con chết nằm ngoài kia. Các ông tha cho con.

- Không, các anh không làm hại em đâu. Các anh không giết mẹ em đâu. Lại đây anh băng vết thương cho, em bé.

- Con sợ.

- Nay, máu chảy ra nhiều. Anh cầm máu cho.

- Con sợ. Mẹ con chết rồi.

Rồi con bé khóc ngất. Mẹ ơi, mẹ ơi. Mẹ bỏ con.

Những người lính lúc trước hung dữ bao nhiêu, giờ đây như những con chiên buồn bã bấy nhiêu. Tiếng khóc nức nở vang lên như từng nhát dao xói xả vào con tim mỗi người, từng nỗi đau đớn tuyệt đỉnh. Một cơn gió thổi qua, mang theo hơi nóng và hơi khói đến với mọi người. Hướng, người lính truyền tin bỗng nhiên nhỏ lệ. Hắn cúi đầu xuống và đôi vai run lên. Hắn quên lửng những lời đối thoại, hỏi han, lạch lạch trong máy. Hắn quay lại nhìn Thiếu úy Tân:

- Nó bị thương. Chắc bị trúng đạn pháo kích, ông.

Tân bỏ khẩu súng xuống đất, gọi:

- Em bé lại đây. Anh băng vết thương cho. Bọn anh đến cứu em mà. Lại đây, em bé.

Nhưng con bé không lại. Nó bước từng bước khắp khênh, dễ chừng như muốn chạy. Nó đến bên thi thể một người đàn bà, nằm trên miệng hầm, sau ngôi nhà bếp. Nó úp mặt vào thi thể của mẹ nó, rồi gào lên: mẹ, mẹ.

Hạ sĩ nhất Tám nói rầu rầu với Thiếu-úy Tân.

- Để tôi đem con nhỏ này về nuôi. Hoàn cảnh nó đau lòng quá. Thú thật với Thiếu-úy, tôi đi đánh giặc già đời, nhưng đây là lần đầu, tôi thấy một cảnh nào lòng như vậy. Và ông ta bước đến bên cạnh con bé, vỗ về đầu nó.

- Đây em bé, đưa vai đây, tôi băng cho.

Con bé cố thụt lùi lại. Trên đôi mắt vẫn còn in dấu khiếp hãi tột cùng.

Đằng sau, Thiếu-úy Tân nói bằng một giọng nghẹn ngào.

- Chắc cảnh này sẽ ám ảnh tôi suốt đời. Ông Tám, lỗi này do ai gây ra?

- Tôi nghĩ, là do chiến tranh.

- Ừ, cái gì cũng đổ thừa cho chiến tranh, cho trận mạc, cho bom cho đạn. Chứ không phải là do lòng dạ người chứa toàn hận thù tranh giành một cách phi lý? Chứ không phải đầu óc trí não của con người, chỉ tràn ngập máu me ? Người ta nói ao ước hòa bình, nhưng thực sự con người có ưa gì hòa bình đâu.

- Tôi hiểu, Thiếu-úy. Họ phải về đây, nhìn thấy cảnh này, họ mới thấy được thế nào là thảm cảnh của chiến tranh. Nhưng lỗi không phải tại mình, Thiếu-úy.

- Làm sao con bé này biết được lỗi của địch. Làm sao nó hiểu rõ ai giết mẹ nó. Địch thì trăm mưu ngàn kế. Địch thì lươn lẹo đủ bề. Làm sao con bé hiểu địch lợi dụng dân, lợi dụng đồng bào mộc mạc, lợi dụng em bé ngây thơ. Làm sao nó hiểu được hai người lính của chúng ta đã bị địch ản núp trong làng này bắn chết? Nó còn nhỏ quá mà. Nó chỉ thấy canon của chúng ta, đại bác của chúng ta. Nó chỉ nhìn trực thăng chúng ta nã hỏa tiễn xuống, và chúng ta ào ào vào như một đám thú

dữ. Ông Tám à. Ông không thể mang nó về nuôi được đâu. Nó xem chúng ta là kẻ đã giết chết mẹ nó. Bằng có là chúng ta đã ở đây và nó đã không cho chúng ta sẵn sóc.

- Tôi hiểu, Thiếu-úy.

- Chúng ta không thể gây thiện cảm vào trí óc ngây thơ của một đứa trẻ, khi nó chưa đủ tuổi để nhận thức. Nhìn con bé này, tôi nhớ đứa em gái của tôi. Ngày xưa, tôi cũng bồng em tôi, chạy loạn, cũng đã từng dỗ dành nó khi nó khóc thét khi người ta đánh nhau. Em tôi cũng có gương mặt hao hao như thế, đôi mắt tròn vo như thế... Ngày mẹ tôi bị mật thám Tây bắt giam, tôi vẫn hay bồng nó về nhà lao. Mẹ tôi đưa vú từ trong song sắt nhà lao để nó bú. Tôi nghiệp con nhỏ em tôi, nó bú những giòng sữa khốn cùng của mẹ tôi. Tôi không thể quên được, chiếc vú tóp lại, và mẹ tôi phải cắn răng bóp mạnh, để sữa chảy, mà mắt bà thì đầy nước mắt. Bên giờ đến lượt con bé này. . . .

- Tôi định dỗ dành nó, và đem nó về làm con nuôi. Vợ chồng tôi hiếm muộn. Có nó, bà xã tôi sẽ vui biết bao.

- Tôi cũng mong có một đứa em gái. Em tôi bây giờ dễ chừng 16, 17 tuổi. Nó là em cùng mẹ khác cha. Nó theo cha nó.

Viên Thiếu-úy cúi đầu hỏi nhỏ người lính truyền tin.

- Có lệnh gì không?

- Ông đại đội trưởng bảo mình lục soát xong ở yên vị trí, ăn cơm, thiếu úy.

- À tôi sẽ mang nó về cô nhi viện, nơi ngày thơ ấu, tôi đã sống và đã lớn lên. Nơi đó, con bé sẽ có bè bạn, sẽ đỡ tủi thân hơn. Nơi đó, không có đôi mắt cay nghiệt của con người; mà có đôi mắt dịu dàng, bao dung của

Thượng-đế.
Đôi mắt chàng nhắm lại.
- Rồi nó lớn lên, nó sẽ hiểu.

(Khởi Hành số 100)



NƯỚC MẮT

Thế là bản án dành cho tôi đã xong. Một năm tù ở, một năm làm lao công chiến trường. Người ta đã sắp đặt sẵn bản án cho chúng tôi, trước khi họ đến nhìn một đám quân phạm neho nhóc. Hơn ba trăm người được kêu ra trước vành móng ngựa trong một ngày. Lên xuống, lên xuống chẳng khác những con người máy. Lên, quan tòa cũng chẳng buồn tháo mục kính để nhìn mấy tên lông lá, áo quần tồi tả. Lên, ông ta chỉ lật mấy chồng hồ sơ cao ngất. À, đào ngũ trong thời chiến, mặc cho cái gương mặt già khàn của ông lính già quá tuổi. Mặc cho chòm râu như ông ngoại của bị can. Bên cạnh ông chánh án là mấy ông sĩ quan mặt nghiêm, má đầy mỡ, áo quần vàng chói. Rồi đến ông trung úy trẻ tuổi công tố viện, sẵn sàng buộc tội đào ngũ là hèn nhất. Ông ta

chồm lên, gào lớn như một vị tướng ngoài mặt trận trong khi đám quân phạm đứng nghiêm dưới sân khấu. Bị can đào ngũ trong thời chiến. Tại sao lại đào ngũ lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba thứ tư? Bị can đã bị phạt ba năm tù treo lại tiếp tục đào ngũ. Tại sao ? Tại sao ? Nắng gắt trên sân trại. Phía bên kia đường là dãy lầu có đám cổ vắn Mỹ đứng trên hành lang nhìn sang. Có mấy tà áo màu nhợt nhạt, phát phới. Lên, lên, dễ chừng cứ lên mãi. Bị can khai vì lý do gia đình. Cha già, mẹ yếu, vợ đại, con thơ. Bị can khai vì xa nhà quá lâu, nhớ làng nhớ xóm nhớ đất nhớ vườn. Bị can khai vì chiến trường làm thất điên bát đảo, sống lên chết xuống. Bị can khai thăng đơn vị trưởng coi lính hơn nô lệ, ăn cấp tiền ăn của lính, đập lính đến trào bọt mép nhảy đành đạch. Bị can lạnh lùng nói: Tôi chán ghét cuộc chiến. Rồi hồ sơ được xếp lại lần lần. Đám quân phạm trở lại hàng sau, ngồi xếp bằng, ngồi chồm hổm trên nền xi măng của hội trường. Quân cảnh gác đầy phòng. Súng M16 chĩa nòng về phía đám quân phạm. Càng về trưa, trời càng vắng gió. Tôi mệt mỏi. Tôi muốn ngủ. Bị can đào ngũ trong thời chiến. Bị can một nàng nữ quân nhân chữa hoang. Tên quân cảnh hàng sau. Hai bị can thiếu úy, cấp bậc cao nhất. Rồi đến ông trung úy trẻ tuổi công tố viện, sẵn sàng buộc tội đào ngũ là hèn nhất. Ông ta chồm lên, gào lớn như một vị tướng ngoài mặt trận trong khi đám quân phạm đứng nghiêm dưới sân khấu. Bị can đào ngũ trong thời chiến. Tại sao lại đào ngũ lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba thứ tư? Bị can đã bị phạt ba năm tù treo lại tiếp tục đào ngũ. Tại sao ? Tại sao ? Nắng gắt trên sân trại. Phía bên kia đường là dãy lầu có đám cổ vắn Mỹ đứng trên hành lang nhìn sang. Có mấy tà áo màu nhợt nhạt, phát phới. Lên, lên,

dễ chừng cứ lên mãi. Bị can khai vì lý do gia đình. Cha già, mẹ yếu, vợ đại, con thơ. Bị can khai vì xa nhà quá lâu, nhớ làng nhớ xóm nhớ đất nhớ vườn. Bị can khai vì chiến trường làm thất điên bát đảo, sống lên chết xuống. Bị can khai thăng đơn vị trưởng coi lính hơn nô lệ, ăn cấp tiền ăn của lính, đập lính đến trào bọt mép nhảy đành đạch. Bị can lạnh lùng nói: Tôi chán ghét cuộc chiến. Rồi hồ sơ được xếp lại lần lần. Đám quân phạm trở lại đằng sau, ngồi xếp bằng, ngồi chồm hồm trên nền xi măng của hội trường. Quân cảnh gác đầy phòng. Súng M16 chĩa nòng về phía đám quân phạm. Càng về trưa, trời càng vắng gió. Tôi mệt mỏi. Tôi muốn ngủ. Bị can đào ngũ trong thời chiến. Bị can một nòng nữ quân nhân chữa hoang. Tên quân cảnh đằng sau. Hai bị can thiếu úy, cấp bậc cao nhất trong đám quân phạm, ngồi bó gối như hai ông thầy tu đang thiền định. Sau đó là trung sĩ, hạ sĩ, binh sĩ.

Tôi chán ghét chiến tranh. Cho tôi ở tù chung thân. Lời nói cuối cùng của một bị can trẻ tuổi phát lên làm sững sờ cả một hội trường. Tôi nhân danh tuổi trẻ Việt Nam, chúng tôi là nạn nhân từ những thế lực. Nếu kết tội là kết tội những ông lãnh tụ đã không biết thương dân tộc mình. Chúng tôi không gây nên cuộc chiến này. Chúng tôi không có tội. Nếu các ông không bắt tôi ở tù chung thân, tôi sẽ đào ngũ nữa. Tên lính lạnh lùng nói. Ông toà đập chiếc búa gỗ lên bàn, nói lớn:

Bị can trở về hàng.

Tên quân phạm trở về chỗ ngồi, nhìn ra ngoài cửa sổ.

Tiếng xôn xao nổi lên từ mấy trăm can phạm. Bị can đào ngũ lần thứ tư. Tội nặng lắm. Tôi nghe tai trở nên nhức nhối khi tiếng rít của máy khuếch đại nổi lên.

Chưa bao giờ tôi thêm được một chỗ dựa lưng như bây giờ. Một chiếc xe GMC khác chở đầy nhóc quân phạm từ từ tiến vào sân tòa án. Mấy tên quân cảnh mở cửa, đứng hằm hừ ở hai bên. Một đám quân phạm nữa lại tiến vào hội trường tiếp tục ngồi đằng sau. Một bà già ở ngoài cửa xách gói đồ chạy ủa vào. Tên quân cảnh nhào đến chụp tay bà lão kéo lại. Bà già vùng vằng: Con tôi ở đằng kia. Cho tôi gởi cho nó chút ít quà, tội nghiệp mà ông. Nhưng tên quân cảnh vẫn kéo bà ra khỏi phòng. Bà ta quay đầu nhìn con, nước mắt trào lã trên má.

Toà nghị án. Có tiếng xê dịch khô khan nặng nề trên hàng ghế chánh thẩm. Đám quân phạm được đẩy lên xe, chỉ còn lại lư thừa những người thân nhân trên hàng ghế chờ đợi. Ông trung úy ủy viên chính phủ ra ngoài hành lang xem báo. Tên trung sĩ quân pháp phụ trách việc gọi tên bị can đã xách xe chạy rong ra phố. Đám lính dàn chào ngủ gục trên ghế.

Nhân danh quốc gia Việt Nam, tôi long trọng tuyên bố các bản án ...

Ông quan tòa trở ra phòng lúc 12 g 30. Ông bắt đầu đọc bản án. Một con chim sẻ vụt bay vào hội trường. Tù ở. Tù treo. Tha bổng. Cái danh sách dài như vô tận khiến ông phải ngừng lại, uống nước lấy hơi rồi tiếp tục đọc tiếp. Chỉ có những chiếc bàn chiếc ghế trong hội trường vắng ngắt mới nghe những lời tuyên án của ông. (Khởi Hành 100)

ĐÔI MẮT NGƯỜI SƠN TÂY

LTG: Một người bạn trẻ ở VN đã gửi tặng tôi một món quà Tết. Đó là truyện ngắn Đôi Mắt Người Sơn Tây mà tôi đã viết vào năm 1972, sau khi có hiệp định Ba Lê. Truyện đã đăng trên tạp chí Thời Tập chủ đề nhà thơ Quang Dũng, không nhớ số và ngày phát hành. Người bạn đã bỏ công đánh máy lại. Xin được cảm ơn người bạn xa, rất xa, nhưng cũng rất gần...

Buổi chiều có một người sống trôi nổi dưới những cánh rừng tràm, gian khổ cơ cực với muỗi vắt sinh lây, đã trở về nói với tôi về huyền thoại của một con kinh, biên giới giữa hai xứ sở Miền Việt. Tôi mời y một điều thuốc và một ly cà phê đen. Tôi hỏi về những ngày y ở ngoài Bắc, lặn lội trường chinh vượt Trường Sơn với những đoàn xâm nhập, chống chọi cùng bệnh tật, và bom đạn để rồi cuối cùng dừng quân bên kia bờ kinh Vĩnh Tế. Y vừa thả khói, vừa kể. Và một câu nói cuối cùng của y đã làm tôi thật sự xúc động:

— Anh có biết kinh Vĩnh Biệt không ?

Tôi lắc đầu chịu thua. Y thêm:

— Kinh Vĩnh Tế đấy.

Tôi hỏi:

— Tại sao gọi là kinh Vĩnh Biệt ?

— Bởi, mỗi lần chúng tôi vượt qua con kinh này, chúng tôi đều nghĩ ngay đến cái tiếng buồn não nùng kia. Chúng tôi thấy rằng đó là lúc chúng tôi phải vĩnh

biệt tất cả. Vĩnh biệt gia đình thân yêu, vĩnh biệt quê hương, vĩnh biệt những ngày thanh xuân...

Tôi đã lặng yên để nghe những lời thành thật của người lính Bắc. Đây là lần đầu tiên, tôi được nghe về một câu chuyện bi thảm dành riêng cho con kinh mà Thoại Ngọc Hầu đã đào cách đây gần hai thế kỷ. Và đây cũng là lần đầu tiên tôi thấy rằng vùng đất mà tôi đã trải qua, luân lạc, không phải một vùng đất quen thuộc. Nó cũng không phải là một nơi trầm lặng, không gợi cảm, cũng như làm phong phú thêm cuộc sống nội tâm của con người. Tôi đã tìm ra một điều là dưới từng vuông đất này, đều có cả một huyền thoại, ở từng con kinh, con rạch, từng bờ ruộng, bờ vườn đều có những chuyện náo nùng. Ngày xưa vùng đất mới này, là cả một lịch sử kỳ diệu, được tạo dựng bởi năng lực con người. Nhưng bây giờ, cũng có những câu chuyện buồn bã thay thế vào đó. Chẳng hạn, từ một cái tên Vĩnh Tế, hôm nay, cũng có những người thay vào bằng tiếng Vĩnh Biệt.

Đối với người trẻ tuổi gốc Hà Nội này, tâm trạng y là một biển bụi ngùi. Còn tôi, tôi cũng buồn không kém. Tôi đứng dậy, và ra ngoài sân. Tuy xung quanh tôi là nhà cửa, dinh thự bao bọc san sát và những ánh đèn đầu tiên của thành phố báo hiệu một đêm bình an, nhưng rõ ràng trong đầu tôi, lại rực rỡ hiện lên một con kinh màu nước phù sa vàng đục, chảy ngang qua cánh đồng bao la, dưới ánh mặt trời chiều vàng vọt. Con kinh ấy như một giới hạn náo nùng chảy vào tâm hồn tôi. Bằng một chuyện tình xa xôi. Bằng một kỷ niệm không bao giờ phai nhạt được. Tuy hai bờ cách xa nhau mười mấy thước nhưng rõ ràng, khoảng cách đã quá diệu vợi, ngăn cách trùng trùng. Và từ câu lạc bộ tiếng hát của Thái Thanh vẳng lại bài Đôi Mắt Người Sơn Tây. Tự

dung ma quỷ bắt đôi chân tôi bước lại quán, con tim tôi như nhòa lẹ. *Đôi mắt người Sơn Tây. U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây. Buồn viễn xứ khôn khuây...* Trên bầu trời sầm nhạt, in những cánh chim én. Những cánh chim én của mùa xuân ấy đang lượn vờn như một điệu luân vũ. Thì ra mùa xuân đã lại trở về. Thì ra kỷ niệm đã như những cánh én kia, xa vắng một năm, bỗng một chiều đột nhiên trở lại...

Trước ngày ngưng bắn, tôi là kẻ thường vượt qua giềng kinh Vĩnh Tế nhiều nhất. Bởi nghề tôi bấy giờ là phóng viên chiến trường đặc biệt về chiến trường ngoại địa. Hơn nữa, tôi coi vùng này là một vùng đất cần phải khám phá, học hỏi, giúp cho cuộc sống tôi rất nhiều trong hoài bão mà tôi từ lâu ấp ủ: là viết văn. Tôi sẽ là một chứng nhân của một Đông Dương bất hạnh. Tôi sẽ mở rộng tầm mắt, chữ nghĩa, vượt ra ngoài cái thế giới nhỏ hẹp rêu phong của cuộc sống thường nhật. Tôi muốn tìm xem ở bên kia bờ kinh Vĩnh Tế, chiến tranh là gì, đau khổ là gì, bom đạn là gì, chủ nghĩa là gì. Cho dù, những thứ ấy như một bài học quen thuộc mà mỗi ngày tôi đã gặp phải đã chứng kiến. Cho dù, tôi hiểu rằng trên mặt địa cầu này, chiến tranh quả là một chuyện thường tình, như một biến chuyển của Lịch sử. Ấy vậy, bằng cội lòng tham vọng vô bờ tôi vẫn lên đường. Tay xách máy ảnh. Túi đựng cuốn sổ tay, và cây bút. Thế là tôi khởi hành. Khởi hành trong bất cứ thời gian không gian nào. Từ trực thăng, hay trong thiết vận xa hay theo một đoàn quân tiếp ứng lợi bộ, tôi vượt qua biên giới. Nơi là biên giới, nhưng thật ra, nó chỉ là con kinh nhỏ hẹp, như trăm ngàn con kinh ở miền đất tôi về mà thôi. Nó không phải hung vĩ, bí mật và phân định rõ ràng như rặng Trường Sơn, hay một ranh giới

thiên nhiên nào khác. Và cũng vì lý do đó, khi xuống chiếc đò đưa qua bờ, lòng tôi cũng chẳng hề rung động là bao nhiêu. Ngoại cảnh như một bức tranh thường tình. Vẫn là đồng lúa xanh rì, vẫn là những khóm thốt nốt trơ trọi in bóng bên bờ ruộng. Vẫn một mặt trời rực rỡ giữa một tầng không chói chan.

Nhưng rõ ràng, càng đi sâu vào nội địa xứ người, tôi lại càng gặp biết bao nhiêu câu chuyện đáng để ghi nhớ. Từ pháo tháp của một thiết vận xa, giữa một cánh đồng thág chạp trong mùa nước lớn, tôi đã bấm máy ảnh lia lịa. Mỗi hình ảnh qua đi là một biểu tượng đẹp nảo nùng. Từ ngôi chùa mái ngói cong vút màu đỏ thắm ẩn hiện giữa những kẽ lá của hàng thốt nốt. từ những sóc dưới chân núi đồi, như bao phủ bởi một bầu không khí của thần linh tôn giáo. Từ những ngôi chùa đầy ngập người tản cư... Đó là những hình ảnh mà tôi đã gặp phải trong toàn cõi Đông Dương. Chúng cũng xảy ra ở Lào, Vietnam. Và chúng đã làm cho một kẻ bàng quan nhất cũng phải đặt câu hỏi: Chiến tranh và tôn giáo. Cái nào là sức mạnh? Tuy nhiên, theo tôi, vấn đề đã đặt ra quá lớn lao. Tôi còn phải học, học thật nhiều. Với tôi, tôi không phải là một kẻ tham dự. Mà là một chứng nhân.

Vào một ngày đầu thág chạp, tôi mang đồ nghề theo chân một đoàn thiết vận xa về giải tỏa áp lực địch tại T., một thành phố nằm trên con đường số 1 nối từ Neakluong đến Thủ đô Nam Vang. Buổi tối có mưa sù sụ, đám quân dừng đêm tại một đồng không mông quạnh, và mệnh mông nước, để sáng sớm tinh sương hôm sau, mới tiến chiếm mục tiêu. Ngôi trên pháo tháp lạnh lẽo, bên cạnh người bạn mới quen, tôi kể lại những ngày ở thành phố, những buổi chiều của Bonard, Mai

Hương và bạn thì kể lại những ngày dài ở xứ lạ quê người. Trời tối như mực, đến nỗi cảnh vật cách xa chừng 4, 5 thước, mắt người cũng chẳng nhận ra nổi. Thỉnh thoảng vài trái sáng được bắn lên từ bên kia rừng núi, soi cả một thình không trong giây phút, rồi tắt lịm. Người bạn bỗng nói:

— Có bao giờ anh nghĩ rằng ở giữa vùng đất này lại có một người con gái như trong một bài thơ của Quang Dũng?

— Có phải là Đôi Mắt Người Sơn Tây?

— Vâng.

Rồi bạn vừa đốt thuốc vừa kéo cao cổ áo lạnh. Con mưa đã dứt, nhưng khí lạnh lại bốc tỏa đầy trời. Bạn lại giục tôi:

— Trước khi kể câu chuyện, mời anh uống một chút rượu cho ấm. Rượu mang từ quê nhà đấy...

Tôi nghe lời bạn. Hớp rượu nồng nàn cả châu thân, như những giọt hạnh phúc nho nhỏ của một đêm trên vùng bình lữ. Tuy nhiên, thú thật tôi đã bỏ quên những nỗi bất trắc, hiểm nguy ra ngoài. Với tôi, đêm như một cơn mộng, và một tình nhân. Tôi chẳng còn để ý đến những trăng sáng nhỏ thỉnh thoảng cắt xé cả một lòng tĩnh mịch. Tôi cũng chẳng còn quan tâm đến những tin tức đang giục dã trong mấy siêu tần số bên cạnh. Và lời bạn nồng nàn:

— Rồi ngày mai, tôi sẽ đưa anh đến một quán nghèo giữa quận K. Anh sẽ gặp một thiếu phụ trẻ. Hy vọng anh sẽ có nguồn cảm hứng để viết.

— Người thiếu phụ ấy có liên quan gì đến anh?

Người bạn lắc đầu:

— Không. Nhưng liên quan đến tất cả chúng ta. Nhất là anh?

— Tại sao vậy?

Người bạn thiết giáp cười thật bí mật:

— Anh là phóng viên, chắc anh đoán được.

— Bạn nói hơi quá. Phóng viên chỉ là một chứng nhân. Tôi đến để ghi nhận, khám phá. Tôi không phải là thầy tướng số.

— Ừ, xin lỗi. Nhưng, với một tâm hồn dễ xúc cảm, của một nhà văn, chắc anh đã đoán được.

Tôi cười:

— Thôi tôi xin chịu thua. Anh kể tiếp về người thiếu phụ Miên đó đi.

— Không phải là người Miên, mà là người VN.

— ...?

Bạn vắt mẩu thuốc xuống ruộng nước, rồi tiếp tục hóp khê từng hóp rượu đắng. Đêm nặng và đầy sương. Một trái sáng lại bắn lên từ hướng Bắc. Giọng bạn âm:

— Bởi thế tôi mới gọi là đôi mắt người Sơn Tây. Vâng tôi không ngờ, hai mươi năm về sau, cũng có đôi mắt của một người Sơn Tây để mình bồi hồi nhớ lại mấy câu thơ tuyệt vời: *Em ở thành Sơn chạy giặc về, Tôi từ chinh chiến cũng ra đi hay Đôi mắt người Sơn Tây, U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây...Buồn viễn xứ khôn khuây...* Anh biết không, nàng chính là một người Việt. Một người Việt một trăm phần trăm. Khi đơn vị tôi đến quận K., bọn tôi nhào xuống chợ tìm mua một vài vật dụng cần thiết. Riêng tôi, tình cờ tìm đến một ngôi quán nhỏ bên đường. Và người bán hàng quả làm cho tôi ngạc nhiên hết sức. Da nàng trắng muốt, gương mặt thùy mị, tuy nổi cam khổ đã thấy rõ ở những ngón tay, quần áo của nàng. Rõ ràng là một cánh hoa lạ. Trong khi dân tộc nàng, màu da vàng mặt, thì màu da của nàng lại trắng nuột... Tuy

nhiên, thú thật với anh, điều này chẳng làm tôi để ý đến bao nhiêu.

Giọng nói của người bạn sưng buồn:

— Vâng. Thú thật tôi đã coi nàng như tất cả những phụ nữ Miên khác. Bởi cách ăn mặc, giọng nói của nàng. Bởi cung cách của nàng. Tôi đã bập bẹ vài tiếng Miên học lóm được, để diễn tả vài điều cần nói. Nhưng về sau, tôi bỗng nhiên nghe được một tiếng mẹ đẻ *Thưa Ông*. Điều mà tôi ngỡ sốt là giọng nói ấy là một thứ giọng Bắc. Một giọng Bắc chính cống. Rất dịu dàng. Rất dễ thương, nhất là người ấy là người con gái Bắc thì quả là một điều phi thường. Nhất là quê hương tôi là đất Bắc...

— Nàng nói gì không?

— Nàng hỏi quê nhà mình dạo này ra sao? Bên mình hòa bình chưa? Nàng nhớ nhà quá. Còn tôi, tôi hỏi nàng gốc người ở đâu, tại sao lưu lạc ở mãi vùng đất này.

— Nàng bào sao?

— Nàng nói nàng sinh tại Sơn Tây. Rồi nàng tâm tức khóc. Sau đó, có chồng nàng đến. Nàng chắc sợ một điều gì đó, nên đã giả vờ vui, rồi nói tiếng Miên huyền thuyên. Tôi muốn hỏi thêm, nhưng lệnh lại ban xuống là đơn vị phải di chuyển gấp. Thành ra tôi chẳng biết gì thêm về nguồn gốc và lịch sử một người thiếu phụ đáng ghi nhớ kia...

— Quả chuyện của anh như một bài thơ.

— Phải. Như một bài thơ của Quang Dũng.

Ngừng một lát, rồi người bạn nói tiếp:

— Ngày trước thú thật, khi đọc bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* của Quang Dũng, tôi xúc động vì sự xuất thần của nhà thơ. Về câu chuyện tình tuyệt vời mà nhà thơ của chúng ta đã sáng tạo, về những nét gợi cảm của

từng chữ nghĩa, cũng như cách gieo vần...

— Hơn nữa là cốt cách tiêu tư sản dần thân của chàng trai Hà Nội...

— Vâng. Khi chúng ta đọc bài Màu Tím Hoa Sim hay Đôi Mắt Người Sơn Tây, chúng ta chỉ biết rung cảm cùng những nhân vật, khung cảnh, thời gian trong thơ. Nhưng bây giờ, thật sự tôi đã thấy rõ thật thấm thía một câu chuyện tình lồng trong bài thơ kháng chiến. Bởi hai ba mươi năm sau, lại có một Người con gái Sơn Tây hiện đến với tôi. Anh nhớ những câu thơ này không: *Đôi Mắt Người Sơn Tây. U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây*. Rõ ràng từ khi gặp nàng, mỗi khi đọc lên những câu thơ đó, là lòng tôi lại vương lên một mối sầu. Chỉ có cái giọng nói dễ thương thốt lên trong giây phút. Chỉ có tiếng nói *Thưa Ông*. Chỉ có màu da trắng mượt lạc loài giữa một giống người lạ là có cả một câu chuyện lớn. anh là nhà văn. Dĩ nhiên, tâm hồn anh nhạy cảm hơn tôi. Dĩ nhiên, anh đang đi tìm đề tài. Tôi sẽ mang anh lại vào sáng mai. Đó là cả một đề tài lớn. Tôi tin vậy. Người bạn vất vả thuốc chấy dờ. Một trái sáng lại òa vỡ, và mắt bạn trở nên lung linh xa vời anh lại nói:

— Anh nên nhớ, là tôi cũng thường xuyên theo dõi sách báo văn nghệ. Có một điều làm tôi ngạc nhiên là sự vay mượn câu chuyện, tình tiết của người ta nhiều quá. Từ chuyện tình đến chuyện chiến tranh. Tôi xin lấy ví dụ là các nhân vật trong Love Story, hay Roméo et Juliette, hay các tác phẩm của Remarque lại được thời phong, thi đua khai thác. Tôi thấy nước mình, hoàn cảnh của bọn mình, có hằng ngàn câu chuyện cảm động quyền rũ, tình tiết và thơ mộng và hơn thế nữa.

— Tôi ghi nhận ý của anh.

Và tôi cười:

- Nội cái câu chuyện Đôi mắt người Sơn Tây của anh quả là một câu chuyện tình tuyệt vời rồi còn gì.
- Anh là nhà văn, tôi xin nhường tất cả cho anh đó. Còn tôi, lưu lạc mãi sống cùng cái chết từng giây từng phút thì giờ đâu...

@ @ @

Vào sáng ngày mai, cả đơn vị lại lên đường. Tôi đi theo thiết vận xa của người bạn, mà cõi lòng nôn nao vô cớ. Không phải tôi sợ những quả đạn, pháo bất ngờ từ ngọn núi rơi xuống, hay một trận phục kích nào đó bất ngờ xảy ra. Những điều này chắc không bao giờ xảy ra. Bởi đơn vị tôi đi theo là một đơn vị thiện chiến. Họ đã chiến đấu giỏi và đã từng tham gia nhiều trận đánh khùng khiếp hơn thế nữa. Với lại, là đoàn thiết vận xa đang ở giữa một đồng nước mông mênh khó lòng địch mới nhắm trúng mục tiêu. Nhưng tôi phải thú thật rằng, tôi đang bị hình ảnh người con gái không gặp gỡ, không quen biết kia đã đớp hồn tôi thật sự rồi. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao nữa. Hay vì giọng máu văn nghệ của tôi. Hay vì tôi đã thấy được một đề tài đẹp và thơ mộng trong chuyện vượt biên này. Hay vì hình ảnh bài thơ tuyệt vời mà tôi đã ưa thích ngay từ khi cầm sách đến trường trung học. Chưa chi mà trí não tôi đã vẽ vời bao nhiêu tình tiết, xây dựng nên những nhân vật, mà dĩ nhiên nàng thiếu phụ lưu lạc kia là nhân vật chính, và cả tôi nữa. Tôi phải làm gì đây. Lòng tôi chợt bị kích động. Tôi nghe giọng máu của mình cuộn chảy. Trời đất vẫn quen thuộc khi chúng tôi đi qua. Những người Miên thấy chúng tôi chấp tay cung kính

như một phong tục của một dân tộc ngoan đạo Phật. Những ngôi chùa mái cong vút lên mây ẩn hiện đằng sau những khóm dừa, khóm thốt nốt. Những ngôi nhà sàn trong sóc, còn thở khói. Đám con nít nhìn đoàn quân cười thơ ngây. Trong gió, chừng như nghe mùi đất, mùi rom và cả mùi ngây ngây của luống cây mới vỡ. Có những cánh én bay ợp xuống mặt nước, rồi vút lên cao. Có những cánh én đuổi theo sau những chiếc vận xa, giỡn đùa cùng những ống nước mới vỡ. Bầu trời thật xanh, như mùa xuân. Có ai đã nhắc đến mùa xuân rồi. Gần đến Tết rồi. Anh em ơi. Giọng nói mang vào lòng những đứa con của chiến trường một niềm nhớ nhung tràn ngập. Riêng tôi, tôi mãi đuổi theo những cánh bướm để mua vui. Tôi đã mỉm cười với chúng, với trò chơi nghịch ngợm của một loài chim của mùa xuân. Đối với tôi, loài chim ấy hình như đã có một sự liên hệ mật thiết. Chúng theo tôi như một niềm ân sủng. Chúng từ một cõi nào đó, ngoài thềm lục địa, trở về vui vầy cùng loài người rồi lại ra đi. Như một ngày gần cuối năm này. Chúng hết lượn vờn trên cao rồi sà xuống thấp, sát xuống những bọt sóng. Chúng vô tư, tinh nghịch, chẳng hề biết trên thềm lục địa này có những tai ương bất hạnh triền miên.

Và đúng như lời của người bạn, buổi trưa cả đơn vị dừng quân tại ngay trung tâm quận K. Người bạn đã nháy tôi và cả hai tìm đến ngôi quán bên đường. Và tôi đã gặp người thiếu phụ trẻ ấy. Tôi xúc động, trước màu da trắng mượt, đôi mắt to và linh động, cùng sóng mũi dọc dừa của nàng. Nàng quả là một bông hoa lạ và lẻ loi ở quận lỵ. Tuy mái tóc của nàng rối, chiếc sà rông đã bạc màu, vá vúi, những ngón tay, bàn chân của nàng đã in dấu lấm than, nhưng người ta vẫn tìm ở người

thiếu phụ này một vẻ đẹp nổi bật, vượt lên giữa một tập thể dân quê nghèo nàn và khổ cực này. Quả bạn đã nói đúng. Đó là một người con gái Sơn Tây. Nhất là ở đôi mắt kia, đã chứa cả một bầu trời u uẩn. Khi đôi mắt ấy nhìn lên, tuồng như người ta thấy băng khuâng. Và tôi chỉ biết ngồi yên, đôi mắt hớp hồn. Tự dưng tôi cảm thấy thương nàng quá. Chỗ của nàng không phải là chỗ này. Chỗ của nàng là chỗ khác. Ở bên kia biên giới có đồng loại. Có tiếng mẹ đẻ. Có ao nhà, vườn rau. Và hơn nữa, với vẻ thanh tú của nàng, chắc gì nàng không được một người chồng khá giả, danh vọng? Tôi muốn nói lên một lời Việt cùng nàng. Nhưng cuối cùng tôi chẳng dám. Tôi nhìn chiếc sà rồng màu vàng thẫm kia, thấy nhói ở tim.

Nắng đã lớn, tươi thắm cả khu quận. Người bạn chợt giới thiệu bằng tiếng Việt:

— Đây là người bạn của tôi.

Tôi cúi đầu chào làm quen. Người thiếu phụ cũng cúi đầu đáp lễ. Tôi nhận ra đôi vai của nàng mềm quá. Người bạn lại nói tiếp:

— Hôm qua, cô kể cho tôi nghe nửa chừng. Tại sao thế?

Để đáp lại câu hỏi của người bạn, nàng chỉ nói:

Các ông không hiểu hoàn cảnh của em đâu.

Tôi nói:

— Cô có thể cho tôi được biết không?

Đôi mắt của thiếu phụ chợt hoe đỏ. Nàng nói giọng sùng lệ.

— Thấy các ông, em bỗng nhiên nhớ đến quê nhà quá. Đã mười mấy năm xa cách, em chưa được về. Thưa ông, từ đây qua bên ấy, có xa không?

Câu hỏi của người thiếu phụ đã làm tôi quá chừng xúc

động. Thì ra, ở cánh hoa lạc loài này có cả một tâm sự u uất. Tình hoài hương của nàng đang trở về mãnh liệt. Người bạn đưa mắt nhìn tôi như cùng trao một ý nghĩ. Rồi anh đáp:

– Quê mình chỉ cách nơi này non 15 cây số, dùng đường bộ mất khoảng nửa giờ là đến.

– Thế sao. Em không hề biết.

– Chứ cô không bao giờ nghe nói đến quê nhà sao?

– Dạ không.

Rồi nàng lại hỏi:

– Không biết giờ này bên ấy nóng hay lạnh, trời có thường mưa không.

– Bên nhà, trời đã bắt đầu có những cơn rét cuối năm. Có nơi mai bắt đầu nở hoa. Người ta đang sửa soạn ăn Tết rồi.

– Thế ư. Gần đến Tết rồi ư?

Đôi mắt người thiếu phụ sậm buồn. Nàng nói như không:

– Không ngờ, em lại làm kẻ mất quê hương. Các ông biết hoàn cảnh của em đau đớn lắm...

Nàng lại tấm tức. Tôi chỉ đợi nàng có bấy nhiêu. Và tôi tìm cách khơi mào câu chuyện:

– Cô có thể kể ra được không?

Nàng gạt nước mắt kể. Giọng nói của người con gái Sơn Tây mang theo những kỷ niệm đau thương. Từ một quê hương xa lắc xa lơ ngoài Bắc, với những cơn gió rét đầu mùa, với những nàng con gái có tiếng là xinh đẹp. Từ những ngày đầu tiên theo cha mẹ di cư vào Nam, quanh quẩn dưới rừng lá cao su, chưa bao giờ nghĩ đến một ngày rời xa cái thế giới bé nhỏ mà những người mộ phu đồn điền hầu như đã gửi trọn đời mình. Ở đâu? Nàng đã quên địa danh. Nhưng nàng kể đến

ông chủ đồn điền người phương xa, mỗi ngày lái xe khắp cả đồn điền để trông coi đám phu cạo mủ, khiêng tải những thùng nhựa trắng đến nhà máy. Ở đâu? Nàng chỉ nhớ lại những tiếng chuông buổi sáng chủ nhật, từ gác chuông ngôi nhà thờ bằng ván tạp với ông linh mục già, hàm râu trắng mượt, đội chiếc beret đen, lúc nào cũng cười, và cho bánh lữ trẻ trong đồn điền. Ở đâu? Nàng lắc đầu. Nhưng nàng kể về những cảnh cơ hàn của những dân phu, gồm đủ hạng người: gồm Thượng, Miên và Việt. Và chúng tôi liền đoán ra đó là Lộc Ninh cũng nên.

Rồi tai họa bỗng nhiên bủa xuống như một trận bão kinh hoàng. Trận chiến từ đâu lại, chọn ngày đồn điền của nàng, dòng dã cả một tuần lễ. Nhắc đến đây, đôi mắt nàng tuồng như đầy ngập cả một bầu trời sầu thảm. Nàng bật run đôi vai, hai giòng lệ tuôn trào rồi lăn trên hai gò má. Tuy buổi trưa nắng lửa, hàng cây bên đường bất động và thỉnh không chói lọi, đất đai bốc khói, nhưng tôi nghe tuồng như có một cơn gió lạ chợt thổi qua, rồi một đám mây buồn bã như đậu lại trong hồn người, như một phiến băng giá. Buổi trưa hôm nay, trong một quán lá xứ người vừa xảy ra một câu chuyện u uẩn, buổi trưa hôm nay, tại một vùng đất xa lạ, đang sôi sục vì khói lửa chiến tranh, có một người thiếu phụ trẻ Sơn Tây gặp lại những người lính đồng hương, để cùng nhau kể lại những ngày tháng trong thời kỳ binh lửa. Đầu nhà bên kia đường, có giàn hoa giấy vàng tươi thắm dưới ánh nắng rực rỡ. Nhưng ở bên này có một nụ hoa tội nghiệp đáng thương.

— ... Sau đó...

Sau đó. Nàng vừa vuốt tóc thẳng con mấy tháng của

nàng, vừa kể. Sau đó, cả gia đình nàng thất lạc một người một ngả. Riêng nàng, có một gia đình người Miên cứu thoát và mang về đất Miên. Khi ấy, nàng chừng 12, 13 tuổi là cùng.

– Cho đến lúc này, em cũng chẳng biết số phận của cha mẹ em ra sao nữa...

Nàng mếu máo trong tiếng khóc. Có ai vừa đâm mũi dao vào lồng ngực tôi. Tôi nói cùng nàng:

– Cô có thể cho tôi biết về tên tuổi bố mẹ. Khi trở lại quê nhà, tôi sẽ cố thăm dò giúp đỡ dùm cô.

Nàng nghe lời. Tôi lấy sổ ghi tên tuổi. Rồi tôi nói thêm:

– May ra. Khi trở lại nơi này, tôi sẽ mang theo tin mừng.

– Dạ. Em cảm ơn quý ông. Các ông làm em cảm động quá.

Trên trời, bỗng hiện ra những cánh én. Cánh én báo hiệu một mùa xuân sắp sửa về. Tôi thốt lên vu vơ:

– Tết cũng sắp sửa lại về.

– Vâng. Nhưng đời em chẳng có bao giờ biết đến Tết cả. Nhớ đến ngày xưa, đêm giao thừa, cả nhà quay quần nôi bánh tét, bây giờ điều ấy đã không bao giờ có nữa.

Người thiếu phụ chỉ nói bấy nhiêu. Còn hai đứa chúng tôi chỉ biết đốt thuốc thương cảm nỗi niềm tâm sự của một cánh hoa đồng hương. Giữa lúc ấy, lệnh lên đường lại giục giã. Người bạn chỉ tôi và nói cùng nàng:

– Hy vọng anh bạn của tôi sẽ đem lại tin vui cùng chị.

Còn tôi, bấy giờ, một ý nghĩ táo bạo chợt nổi dậy. Tôi nói:

– Hay là chị hãy trốn về quê nhà. Chúng tôi sẽ giúp đỡ chị.

Người thiếu phụ lắc đầu:

– Em cũng mong có ngày về thăm quê hương. Nhưng còn con cái. Bỏ đi tội nghiệp chúng quá. Em không nỡ...

Tiếng còi tập họp lại vang rền ngoài đường. Chúng tôi bị rịn từ biệt. Đôi mắt người Sơn Tây hoe đỏ nhìn theo chúng tôi. Đôi mắt tội nghiệp làm sao. Hồn bài thơ xưa chợt bay về, và tôi thấy lại những câu thơ nào nùng: *Đôi mắt người Sơn Tây. U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây. Buồn viễn xứ khôn khuây...* Tôi quay lại nhìn nàng như muốn uống trọn cả hình ảnh một loài hoa lưu lạc một lần cuối cùng. Tôi muốn ghi nhớ mãi giọng nói dịu dàng dễ thương của một quê hương xa vời nào đó. Tôi muốn mang theo vĩnh viễn gương mặt hao gầy, những sợi tóc mây, chiếc mũi thanh tú, và nhất là đôi mắt. Và lòng tôi thầm nhủ: Hãy về bên nhà, hãy cố gắng tìm ra tung tích bố mẹ nàng. Để trong ngày trở lại, tôi là kẻ mang theo một tin mừng. Đó là cách duy nhất để giúp đỡ một người đàn bà bất hạnh. Đó cũng là một bổn phận thiêng liêng nữa. Điều ấy chắc chắn tôi sẽ thực hiện được. Bởi vì tôi là một phóng viên. Chỉ cần nhấn tin trên vài tờ báo, hay đọc trên đài phát thanh. Sau đó, tôi sẽ xin phép đi làm phóng sự ngoại biên và sẽ tìm lại nơi chốn cũ. Tôi cũng tự bảo lòng, là sẽ mang tặng nàng một món quà Tết của quê hương. Chẳng hạn một đòn bánh Tết, bánh chưng, hay một thau dưa món, một gói mứt.

Ừ, tại sao tôi lại bận tâm đến nàng nhiều quá. Hay ở nàng tôi đã bắt gặp những niềm rung cảm, những xúc động chân thành như trong bài thơ kia. Tôi chính là người lính chiến lưu lạc và nàng là một người con gái trôi nổi tha phương.

@ @ @ @ @

Nhưng, tôi sẽ chẳng bao giờ có dịp trở lại chốn cũ ấy nữa. Hiệp định ngưng bắn đã không cho phép tôi vượt qua giòng Vĩnh Tế ấy nữa. Món quà xuân cho người thiếu phụ xa xăm kia đã trở thành một món quà nước mắt. Và tin mừng kia cũng chẳng có bao giờ được bay đến ngôi quán bên đường trong quận lỵ K. nữa. Thỉnh thoảng, tôi lại được về bên này kinh Vĩnh Tế biên giới Miên Việt. Mà mỗi lần về như thế, tôi đều đứng lặng, mắt dõi về bên kia bờ kinh, trên cánh đồng bao la xanh màu mạ, trên những rặng thốt nốt, rặng núi thẳm trong mây, mà vẽ vờn nên một hình bóng cũ. Ở đấy, có người thiếu phụ trẻ cùng màu da, cùng tiếng nói của tôi đang trải qua những ngày tháng mỗi mòn bất hạnh. Ở đấy, có một đôi mắt, mà tôi gọi là Đôi mắt người Sơn Tây, như một thiên tình sử nào nùng. Tôi tưởng tượng ra, đôi mắt ấy đang đắm đắm nhìn về hướng quê nhà, mà chờ đợi một tin mừng, một món quà của quê hương, để cuối cùng phải hoài công trông đợi.

Còn riêng tôi, đứng trên bờ kinh, tôi cứ ngỡ đứng trên một điểm cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ được nhìn lại cánh hoa tuyệt vời kia nữa. #

(Thời Tập số chủ đề Quang Dũng)



BỆNH XÁ MÙA XUÂN

Khi những hàng muồng trong bệnh xá trở bông vàng rực, thì bọn thương binh cảm thấy trong lòng họ nảy nở những cảm giác băng khuâng, xao xuyến. Và tâm trí họ thêu dệt về những ngày sắp sửa, với biết bao cơn mộng tưởng tuyệt vời.

Từ buổi chiều cho đến tối, họ quay quần chuyện phiếm. Con ma sốt rét nghĩ đến ngày được trở về cố quận, một ngôi làng ven biển, để sáng chiều hưởng ánh nắng mặt trời. Hấn dỗi mắt lên rừng hoa muồng, đang dần dần trở màu vàng sẫm:

- Nghĩ đến giờ phút gởi đầu trên cát, thì tao muốn chết đi được.

Một thằng quê ngoài Trung, vừa gãi khúc tay còn lại đang bịt băng trắng hều:

- Còn tao, tao sẽ canh ngày cuối năm để xuất viện. Đầu tiên, tao sẽ đi xe đồ xuống đèo, rồi đi theo xe hỏa về Đại Lãnh. Nghỉ một đêm, sáng hôm sau tao sẽ đi xe đò vào chuyến đầu tiên.

Ngừng một lát, vàng trán y chột nhảnh:

- Tao sẽ trở về đơn vị cũ, xem ai còn ai mất. Một thằng cụt chân, đỏ mắt buồn so:

- Còn tao, tao không biết về đâu.

- Sao vậy?

- Quê tao Đông Hà. Đông Hà ở bên dòng sông Hiếu Giang. Mất rồi... cha mẹ tao mắc kẹt ở ngoài đó. Rồi tiếng thở dài nghe thật rõ. Có tiếng nói vắn vơ:

- Liệu Tết năm nay có bình yên hay không...
- Bình yên là cái chắc! Mà xem, tình hình đã quá sáng sủa.

Lại con ma sốt rét thêm vào:

- Dù sao, bọn mình là một lũ may mắn. Từ nay chúng ta không còn cơ hội để trở lại mặt trận nữa.

Đến đây, đôi mắt hắt chột âm u:

- Nghĩ đến những con suối vùng cao nguyên này, ta phải lạnh mình. Nước gì độc địa. Cả đại đội vượt qua đều ngã nhào ôm nhau mà run cầm cập.

Bây giờ là buổi chiều. Một buổi chiều cuối năm, một buổi chiều như trăm ngàn buổi chiều khác. Vẫn một bầu trời thiêm thiếp, mà màu xanh đã thấy bàng bạc một màu rắng đỏ, với những cụm mây trắng lười biếng trôi qua như đàn cừu trở về chuồng. Những thân cây cỏ thụ đã thu hình trong nỗi buồn tịch liêu của một bệnh xá miền núi. Giờ đây, ngày cũng sắp lặn và gương mặt của mỗi thằng thương binh đã trở nên gầy hao hơn dưới ánh hoàng hôn nhá nhem, và những bóng áo nhà thương màu xanh dương đang lướt qua, chậm rãi, mỗi một đã trở thành những bóng ma của trần gian... Chỉ có những cụm hoa muồng, mới còn biểu hiện cho một mùa xuân sắp đến, chỉ có những bờ vách được quét bằng một nước vôi mới, và những thức ăn được gia tăng, mới báo trước những ngày trọng đại linh thiêng sắp đến...

Riêng các tên y tá trực, hôm nay, bỗng trở nên dễ dãi. Họ không còn kiểm soát sự có mặt của đám thương binh như thường lệ nữa. Vì thế, con số thương binh nhảy rào ra thị trấn đã trở nên đông đảo hơn bao giờ hết. Họ nhảy qua hàng rào của căn nhà xác, rồi

lén lút ra các vỉa hè phố. Họ sợ viên y sĩ điều trị bất gặp, thì lập tức, dù muốn dù không, sáng mai họ bị xuất viện... Chỉ còn lại trong bệnh xá là những tên bị thương nặng, hoặc những kẻ không có gì ngoài phở để luyện tiếc. Họ tụ họp dưới ánh điện vàng mờ tỏ. Họ lại đánh cờ, hoặc trò chuyện. Họ quên đi những cơn mê sảng của người lính già - mắc bệnh tâm trí, khi ánh điện vừa sáng lên:

- Siêu điện phản lực. Nó chạy rần rần trong trời, ôi! ôi! Nó chạy vào người tao. Nó xông vào nhà thờ. Quân bán Chúa. Nhân danh cha, con và Thánh thần, Amen.

Đêm nay, lúc 7 giờ 30 phút, có kẻ mở đài B.B.C. Bản tin đầu liên quan đến tình hình VN. Giọng nói của người nữ xướng ngôn đêm nay bỗng trở nên nghiêm trọng lạ lùng. Dường như, lúc này con tim của nàng đang hòa cùng niềm vui trọng đại của đất nước nàng. Và lũ thương binh cũng vậy. Tâm hồn họ mở rộng, lồng ngực họ muốn vỡ tung. Họ ngất ngây trong một giây phút. Bởi vì họ đã biết được một sự thật. Hòa bình sẽ đến. Bóng chim bồ câu, lần này đã thấy hiện trong cõi trời nhiều nhưong. Họ nhìn nhau, bằng ánh mắt long lanh. Và một thằng cụt tay thốt lên đầu tiên:

- Hai ngày nữa. Trời ơi! Chỉ còn hai ngày nữa.

Thằng vừa băng bột ở chân phụ thêm:

- Hai ngày thật dài cho mọi người.

Thằng sốt rét ném mẫu thuốc qua ô cửa:

- Nhất là những kẻ đang ở ngoài mặt trận. Đúng là những kẻ đang sống vào giờ thứ 25!

- Còn mình?

- Giờ thứ 24.

Thằng sốt rét cười. Hắn lại đốt thêm một điều thuốc mới, rồi nói tiếp:

- Tết năm nay chắc là cái Tết vui nhất của mọi người. Một cái Tết mang nhiều ý nghĩa. Thằng cụt tay lại phát biểu:

- Theo tao, thì ngày ngưng tiếng súng mới là ngày Tết. Đó là ngày mà ai ai cũng phải cảm tạ, cũng phải vui mừng.

- Thôi, mình ăn hai cái Tết cũng được!

Thằng sốt rét lại cất tiếng:

- Lần này trở về, chắc mẹ tao phải khóc. Chắc bà ta sẽ làm thịt con heo để mừng tao.

- Hãy cho tao ăn giùm với.

- Dĩ nhiên, với điều kiện mày về quê tao.

Nhắc đến quê, thằng cụt chân đâm ra buồn bã. Hắn không còn quê hương để mà về. Và đôi vai hắn chột chùng xuống, khi nhớ lại những kỷ niệm ở quê nhà. Cha mẹ, người yêu, và đám cháu ngoan hiền. Hắn thấy lại một căn nhà cổ kính ba gian hai chái, với những mái ngói âm dương đã trở màu rêu phong. Hắn thấy lại ngôi vườn, với những cụm hoa mà ba hắn nung niu yêu mến nhất đời. Hắn nín thở, trước một cơn gió lạ từ đâu thổi qua. Cơn gió mang theo mùi cát bỏng của Gio Linh, mùi trưa nồng của Ái Tử, mùi muối mặn của Cửa Việt. Nhưng sau đó, hắn sực tỉnh cơn mộng. Bởi vì, hắn đã nhận chân được sự thật: Hắn đang là kẻ cô cút nhất trần gian. Nước mắt muốn ứa ra, hắn cúi đầu nhìn khúc thịt đang còn mưng mủ. Một cơn gió lạnh từ đâu thổi về làm run rẩy cả châu thân hắn! Hắn liên tưởng đến những ngày sắp sửa. Những ngày không có một chỗ để trở về. Những ngày mà đôi nạng gỗ sẽ tiếp tục gõ từng

nhịp buồn hiu tại những chốn không người.

Vì thế, hắn không khao khát thêm muốn như lũ bạn. Mà trái lại, hắn chỉ cần một giấc ngủ, thật cô độc trong bệnh xá này. Hắn muốn nằm lại đây như một con sâu cuộn chiếu...

Lại có tiếng nói thốt lên:

- Chắc chắn rằng nay mai bệnh xá này sẽ không còn một thương binh nào nữa.

- Vì sao?

- Đâu còn đánh nhau mà có thương binh...

Nửa đêm, cả lòng đêm bỗng dung bị dội lên bởi những quả đạn rơi rất gần khu bệnh xá. Những tiếng la thất thanh. Pháo kích! Pháo kích! Tiếp sau là những bóng người vụt chạy ra hầm núp ngoài sân. Tên thương binh cụt chân, trong cơn bán loạn tột độ ngỡ mình vẫn còn lành lặn như xưa, đã ào nhảy xuống giường. Sau đó, hắn mới biết được sự thật. Hắn ôm khúc đùi rên rỉ và nằm ngay dưới nền. Hắn không còn nhận ra cặp nặng nữa. Hắn thì thào: "Các bạn ơi, giúp đỡ tôi! Các bạn ơi!" Nhưng chẳng có ai nghe tiếng van lơn của hắn cả. Họ đã có mặt trong hầm, hoặc nằm sát xuống chân tường mà run rẩy. Chỉ có mỗi người lính già- biệt danh là Ông Già Siêu Điện, thì con mê sáng lại chột kéo về như một trận bão lốc. Ông hét lớn:

- Siêu điện phản lực. Mò cha quân bán nước. Nó tung ra những hình nhân như lính trinh sát. Nó chạy vào nhà thờ, giết cả thánh thần. Nó đến kìa. Bớ người ta!

Sau đó, cõi im vắng lại trở về. Cuộc pháo kích đã chấm dứt. Lũ thương binh mập mờ trở về giường, mò mẫm trong bóng tối. Một tên vấp phải gã thương binh

cụt chân, chói vói, khiếp đảm.

- Ai đó?

- Tôi đây... Tôi đang nằm đây... giúp cho tôi cặp nạng, bạn ơi.

Trong khi đó, những tiếng chửi thề, cầu nài lại tiếp tục vang lên:

- Đ.M., gần đến ngưng bắn rồi, mà còn chọc tao hoài...

- Không hiểu, có phải đây là cuộc pháo kích cuối cùng hay không?

- Làm sao mà biết được.

- Dù sao, mình cũng phải tin tưởng như vậy.

- Tội nghiệp cho những kẻ không may mắn trong đêm cuối cùng.

Có tiếng hét từ đâu đó thật ghê gớm:

- Trời ơi, đũa nào đập cút mang vô phòng. Đi ra mau không.

- Thúi ơi là thúi!

Cả căn phòng đồng loạt rú lên, như một lớp học con gái trong giờ vắng mặt giáo sư.

Một đêm lại trôi qua như mọi đêm của bệnh xá này. Biến cố về cuộc pháo kích vào nửa khuya cũng bị quên lãng nhanh chóng, chỉ có khác chăng, là tên thương binh cụt chân phải trần trọc suốt giờ còn lại. Vết thương tự dung chảy máu lại, và hành hạ hắn không ít. Và hắn đã cố cắn răng để cảm cự cùng cơn đau nhức vô tận. Hai giọt lệ đã lăn trào trên gò má tái xanh, bệnh hoạn của hắn. Hắn lại nhớ đến cha, đến mẹ, đến người yêu và bảy cháu ngoan. Giả dụ lúc này, hắn có một bàn tay chăm sóc, một ánh mắt dịu dàng, một lời nói chân tình thì đỡ khổ cho hắn biết bao nhiêu.

Nhưng, những thứ đó đã mất biệt rồi. Mất biệt từ mùa hè năm xưa, khi hắn ngồi trên mỏm đá của rặng Trường Sơn để áp chắc máy thu thanh bỏ túi mà nghe những tín hiệu thê thảm từ phương trời xa bay lại. Mất biệt từ khi hắn biết mình không còn một chân nữa để tiếp tục phần sống của con người. Nghĩ đến đó, hắn lại tha hồ khóc. Hắn khóc tức tưởi như một đứa con nít. Miệng hắn nếm mùi mặn của nước mắt, như nếm nỗi buồn của kẻ bị tàn phế trong đêm cô độc của trần gian.

Trong lúc hắn ngỡ chỉ có đêm, chỉ có chiếc mùng, chỉ có chăn nệm của bệnh xá này mới thấy nỗi cô đơn của hắn thì tự nhiên có ai nói bên tai:

- Huân. Em có sao không. Em cần thầy giúp em gì không ?

Hắn biết ngay là ông Minh, người thương binh nằm giường cạnh.

- Không. Em không sao hết thầy à.

- Em cần gì cứ nói. Em uống nước không?

- Vâng. Xin thầy cho em ly nước.

- Thầy biết em ngủ không được. Hay là thầy trò mình cùng ra ngoài hiên hút thuốc.

- Vâng.

Minh đỡ đưa học trò cũ của anh ngồi dậy, rồi trao cho hắn cặp nạng. Đêm ở đây nồng nặc mùi ê te, mùi thuốc, cả mùi khai ngậy của nước tiểu từ những cái bô đặt dưới chân giường của những kẻ mới vừa trải qua cuộc mổ hay cura. Anh dìu người học trò cũ ra ngoài hiên. Đêm miền núi đen như mực xạ. Gió núi gây gây lạnh. Dưới hiên trại, ngọn đèn vàng nhiều nến hắt một luồng ánh sáng trên sân, và loang loáng những chòm bông sứ bên hàng rào dây kẽm gai. Phía sau, chỗ nhà xác, vọng lên tiếng khóc ai oán, đứt đoạn của một người đàn bà

Thượng. Tiếng khóc của họ rất lạ kỳ. Kéo dài như một đĩa nhạc cứ lặp đi lặp lại.

Anh lấy điều thuốc tự đốt và trao cho người học trò của mình. Người học trò cầm điều thuốc nói cảm ơn. Hắt rít một hơi dài, rồi nói với Minh:

- Chùng nào thầy xuất viện ?

- Có lẽ còn vài ngày nữa. Bác sỹ nói ông hết sức giúp nhưng hết cách.

- Tại sao vậy, thầy.

- Nơi này không có hội đồng về mắt. Phải về Tổng Y Viện Cộng Hòa.

- Thầy có về dưới đây chưa?

- Có. Nhưng người ta bác. Ngay cả được về loại hai không tác chiến.

- Trời ơi, một người mang cặp kính nặng như thế mà họ vẫn không chịu buông tha sao thầy?

Minh cười:

- Họ nói là điếc thì không sợ súng, còn mang hai cặp mắt mới dễ bắn VC hơn.

- May mà em cụt một chân, nếu mù một con mắt họ vẫn bắt em đi ra đánh giặc trở lại.

- Thầy không buồn đâu. Bởi vì dù sao thầy là sỹ quan, là thiếu úy, thầy vẫn còn sừng hơn những người lính khác. Trung đội thầy có thằng mang đại liên, tên là Nga, Võ hồng Nga, to đen như Mỹ đen, nhưng bị cận thị nặng. Đi hành quân, nó không thấy đường, cứ nhắm chỗ VC mà tiến. Cuối cùng nó chết.

- Thầy biết không, bởi vì nó không cõ cánh.

- Để xứng đáng là trai thời chinh chiến, là chiến sỹ của lòng em.

Huân cầm lấy tay Minh:

- Thầy nên nghe em. Thầy phải tìm mọi cách để sống sót. Lúc này sắp yên giấc rồi. Đừng giống như thằng học trò của thầy. Thầy chắc đã đọc truyện Người Lữ hành Cô Đơn của Georghiu ?

- Vâng, Thầy có đọc.

-Thầy hãy chiến đấu như nhân vật chính trong truyện. Lúc này, ai còn sống là kẻ đó thắng. Với trận mạc, thầy đã trả xong, bây giờ thầy phải chiến đấu để được sống, để tiếp tục viết. Viết cho em, cho thầy, cho tất cả thế hệ chúng ta.

Minh nghe lời khuyên của đứa học trò mà muốn rung nước mắt.

- Huân à. Cuộc chiến này truyền từ đời cha đến đời con, đời thầy xuống đời trò mà em tin là sắp yên giấc sao. Nó nằm trong tay của những kẻ đồ tể mà em lại tin hòa bình ngưng tiếng súng sao?

Phải. Khi bị động viên, Minh không thể nghĩ có ngày học trò của anh cũng lên đường cầm súng như anh. Càng không tin nổi có một ngày thầy đi xách xô cho trò đi tiểu tiện, thầy mang cơm mang cháo cho trò ăn. Phải, Huân ơi, thầy lầm. Thầy hiểu tại sao em lại khuyên thầy như thế. Hay là em đã thấy được sự thật. Chúng ta có chính nghĩa, nhưng cái chính nghĩa lại lọt vào trong tay những kẻ bất lương, bất tài. Họ làm thiêu rụi niềm tin. Họ mang tan rã băng hoại cả một xã hội. Họ khiến xác tuổi trẻ trở thành những viên gạch lót đường cho họ.

Huân ơi, bao nhiêu lý tưởng của thầy của em như lửa ngọn hừng hực cháy giờ đã tắt rụi. Trong khi bạn bè thầy bạn bè em, cứ tiếp tục bị chết thì ở Sài Gòn người ta vẫn ăn chơi phè phỡn đồ la thuốc phiện và tranh

giành quyền lực bằng những thủ đoạn chính trị bẩn thỉu. Ngay tại nơi này, những đồn điền mênh mông, những khu rừng cấm mà bọn mình đem xương máu bảo vệ là tài sản của các tướng tá hay các lãnh tụ ở Sài Gòn. Chúng ta cứ chết, mặc nước mắt của người mẹ, người em, để những mệnh phụ phu nhân, những bà lớn nắm quyền mua quan bán chức. Họ đục khoét tiền viện trợ Mỹ, con cái họ được chạy đi du học để trốn tránh trách nhiệm.

Thầy hiểu tại sao em lại khuyên thầy như vậy. Cái phần thân thể của con người nếu mất cũng không đau bằng niềm tin bị mất. Em thấy Hà Thúc Nhơn không. Một người y sỹ cô đơn nổi dậy cùng những thương bệnh binh không. Cuối cùng cũng bị ngay chiến xa thiết giáp và hàng ngũ của anh ta giết anh. Người ta nói anh là tên khùng.

Vâng, làm sao chúng ta giữ được niềm tin khi chúng ta một mặt đối diện với kẻ thù một mặt cõi lòng tan nát khi những tin đồn cho biết có kẻ thù nằm trong Dinh trưởng các ngài, khi những kế hoạch hành quân bị mua bán, bị tiết lộ, khi có những người lính khổ hơn thú vật, cả tháng trời chui rúc trong hầm, mong chờ ngày nắng, ngồi bắt chíp bắt rận cho nhau. Làm sao chúng ta lại giữ được niềm tin khi những người lính bị đổi lên Trường Sơn đều mang cái mặc cảm bị đày. Ai cho họ lừa. Ai cho họ sức mạnh để họ còn thấy cuộc chiến đấu là một nhiệm vụ cao cả trong khi có những kẻ cùng tuổi ở Sài Gòn đêm la cà từ vũ trường này sang nhà nhảy khác. Huân ơi, em đứng. Gần hết giặc rồi. Hãy gìn giữ để được sống còn. Thầy muốn lắm. Muốn bởi vì thầy đã

thấy thế nào là sự sống và nỗi chết. Nhưng thầy không thể. Hèn lắm. Nhất là đối với bạn bè mình, đồng đội của mình. Thầy đã từng bỏ đi, đã từng hiểu về cái mặc cảm phạm tội này. Có biết bao nhiêu người bất hạnh hơn thầy. Thầy không can đảm. Còn nữa. Một nhà văn trước hết hẳn phải sống cùng cuộc chơi. Thầy muốn nhìn, muốn thấy cuộc chơi này...Người học trò cũ chột hỏi:.

- Thầy còn nhớ Diệu không?

- Thầy nhớ.

- Diệu bây giờ là vợ của một trung đoàn trưởng. Nghe đầu nàng sắp trở thành bà Tỉnh trưởng rồi.

- Như vậy hãy mừng cho cô ấy.

- Em nhớ có lần em ghé vào nơi thầy trọ. Em thấy thầy vẽ một bức tranh giống Diệu hết sức.

- Vâng. Chính Diệu.

Rồi anh cười vỗ vai người học trò:

-Sao ngày ấy em không giới thiệu cho thầy?

- Em biết là thầy mê Diệu. Chẳng những thầy mê mà lũ học trò cũng mê sắc đẹp của Diệu nữa. Có điều khó có ai lọt vào mắt xanh của nàng. Bởi chung quanh nàng toàn quận trưởng, giám đốc, tướng tá...

- Thôi thì yêu trong tâm nín càng hay.

Huân nói:

- Thầy cho em xin thêm một điều thuốc nữa.

Minh rút một điều thuốc cho Huân.

Hai người cùng nhắc cho nhau về những kỷ niệm của ngôi trường cũ. Minh kể lại đàn sáo núi mỗi chiều vẫn hay trở về cây cổ thụ trước trường để ngủ. Minh nói về ngày nhà văn Nhất Linh uống thuốc độc tự sát anh đã khóc.

- Cả trăm năm nữa chắc gì tìm được một Nhất Linh.

Tội nghiệp cho ông, ông lỡ sinh trong một thời đại nhiều như ông.

Huân thì kể về quê hương. Cả một vùng núi thơm ngát ngà mùi quế. Những ngày bình an, mỗi tuần trở về nhà ngoại, ngoại nấu canh bông lý, ngọt làm sao. Rồi Huân lại nói:

- Em không thể ngờ lại gặp thầy ở đây.

- Như vậy thầy trò mình cũng phải cảm ơn chiến tranh mới phải.

Rồi anh cầm lấy tay Huân xiết mạnh.

- Cảm ơn em về lời nhắn nhủ. Thôi khuya rồi, chúng ta nên đi ngủ.

oOo

Buổi sáng lại về. Mùa xuân đã thấy lấp ló trong một bầu trời sương mù và gây lạnh. Rừng hoa muông long lạnh hạt sương, phủ ngập cả con đường đất đỏ dẫn từ doanh trại ra khu nhà bếp. Tiếng nhạc mừng xuân, từ lâu lắm, mới chợt nghe lại, từ chiếc máy thu thanh trong câu lạc bộ. Rồi sau đó, tiếng nói lúc rạng đông. Tiếng nói bắt đầu bằng một lời cảnh giác về ngày sắp đến. Tiếng nói bị khuất đi bởi tiếng chuyện trò của những tên thức dậy sớm. Hồn trời đất tự dung tươi mát và tinh khiết lạ lùng. Bãi cỏ gần cửa ra vào thật xanh. Và dọc theo bờ tường vôi, hàng sứ nở rộ trắng ngập cả một khu đất.

Trong khi đó, những tên chờ đợi xuất viện đang sửa soạn thức dụng, cuốn lại mền, mừng, hoặc rảo khắp phòng bắt tay từ già lữ thương binh còn lại.

Tên cắt tay, với một ống áo gục xuống, thì vui như tết. Y bắt tay thẳng sót rét:

- Ở lại nhá !

Y quay về tên cụt chân:

- Khi xuất viện, nhớ về quê tao nhá!

Rồi y hướng về phía người lính già:

- Còn ông, ông có về quê ăn Tết không?

Người lính già đưa đôi mắt âm u của ông về hướng của số:

- Tôi cũng không biết nữa.

Chỉ có một người là không tin. Ông trung sĩ già cụt một chân, vẫn tiếp tục chửi:

- Mày đưa mày không thấy cái chân tao hay sao mà mơ ước hoà bình ngưng bắn. Tao biết cái trò của mày thằng VC kia quá mà.

Phải. Ông đã đem cái chân mất đi của ông để làm bằng chứng. Nó mất đúng vào ngày đầu năm, ngày mà hai bên đều ồn ào loan báo là sẽ hưu chiến. Ông chỉ tức là ông đã nghe theo thằng Tàu trong ngày đầu năm. Tại sao ông lại không tự quyết định, mang những kinh nghiệm chiến trường của ông ra mà xài... Trung sĩ, ngày đầu năm, tiểu đội phải xuất hành cho đúng giờ đúng hướng để cả năm tiểu đội còn gặp may... Thằng Tánh xúi ông, không, nó dạy ông. Ông chửi thề, đi đánh giặc mà còn tin ba cái đồ thầy bói thầy địa. Mày kêu mày ông thầy bói thầy địa ra đây mà xem hướng."

"Phải tin trung sĩ à, nhất là ngày đầu năm. Một năm chỉ có một ngày, một ngày chỉ có một giờ. Cả may rủi nằm trong giờ này." "Mày nghe ai mà dạy tao. Được tao thử nghe mày. Mày hãy chỉ hướng tao đi". "Tôi sẽ nói với thằng Lai Chợ Lớn. Nó biết rành về vụ này lắm, trung sĩ." "Được, lần này tao nghe mày."

Nhắc đến thằng Lai Chợ Lớn, tiểu đoàn không một ai lại không biết đến một thằng Tàu chuyên môn kè kè

bên mình cuốn lịch Tàu. Người ta nói nó nguyên là thầy tướng số có biệt tài xem tử vi, cả phong thủy địa lý. Không hiểu sao nó lại có mặt tại tiểu đoàn này. Người ta lại kể rằng nó bị bắt trong một vụ bố ráp. "Tao không hiểu nó xem hướng, đoán ngày kiết ngày hung như thế nào mà lại bị tóm cổ đưa vào đây" Một thằng nói xa nói gần. " Vào đây, để thầy bói quẻ cho đại bàng đánh VC". Một thằng phụ thêm. Nhưng dù ở đơn vị tác chiến nó vẫn chưa một lần mang poncho đi ngủ đất như những người lính khác. Nó được đám lính đánh giặc xem như là lính cậu, lính con ông cháu cha, lính kiềng, lính tay chân bộ hạ của ông đơn vị trưởng. Người ta gọi nó là thầy hơn là cấp bậc binh nhất. Thời buổi mạng sống con người như rơm rác nhưng cái nghề của nó lại đắt khách. Thân chủ của nó không phải đám lính đánh giặc nhưng là các quan lớn các bà lớn. Giàu thì muốn giàu thêm. Sống thì muốn sống dai thêm để hưởng vinh hoa phú quý. Thiên hạ thi nhau nhờ nó xem chỉ tay, nhờ xem hướng nhà, xem hướng mồ mả, nhờ xem tuổi tác tử vi miễn phí... Nó được ông tiểu đoàn trưởng cưng hơn cung trứng. Bởi nhờ nó ông mới có điểm với cấp trên.

May mắn hôm nay thằng Lai có mặt cùng với bộ chỉ huy tiểu đoàn. Thằng Tánh ráo nước bọt mới năn nỉ thằng Lai về tiểu đội. Từ Bộ chỉ huy đến địa điểm đóng quân khoảng chừng một trăm thước, hai đứa phải băng qua một xóm dân. Không khí Tết toả ra từ những khóm bông vạn thọ, bông cải vàng hoang dại. Những hố bom hố đạn cày trên cánh đồng vẫn còn thấy loang loáng nước. Đây là một xóm quê trong chiến tranh. Nó giống như trăm ngàn xóm quê khác. Chủ của nó nay là Quốc gia mai là Việt Cộng. Hay ngày là quốc gia đêm là du

kích. Không thể biết trong đầu của đám dân họ nghĩ gì. Miệng lưỡi họ ngọt ngào, dạ bẩm, nhưng trong tim họ là cả một bộ dao găm cũng không biết chừng. Dù vậy, tiểu đoàn cũng cho lệnh cúng con heo quay, chia phần cho bốn đứa con. Đài nói là lệnh hưu chiến, tổng thống ra lệnh phải thi hành nghiêm chỉnh. Địch đánh mình, mình đánh lại, còn không, thì cứ vui xuân chiến sĩ... Có những thằng lính dăm qua mặt cấp chỉ huy, lấy nguyên bộ đồ dân sự ra mang, lại mang cả kính đen... Ông Thượng sĩ già lại mang quần áo trận, đi giày bố làm chủ đàn buổi lễ. Có nhóm lính tụ năm tụ ba trong góc nhà dân để chơi bài cào, hay tôm cua bầu cá. Làm như ngày hết chiến tranh, cả bọn ăn mừng.

Ông thầy địa lý phong thủy sau một hồi nhìn ngắm địa thế địa hình, nói:

"Trung sĩ nên tìm hướng Đông mà đi. Hướng Đông hợp với cung mạng của Trung Sĩ, lại mặt trời dương quang,... Nhớ là đừng chui qua mấy lỗ rào hay dây thép có giăng quần đàn bà ô trọc.

Trung sĩ Ký nghe toàn chữ Nho chữ Tàu, lại thêm những lời giải thích nghe thật chí lý. Phải nghe nó. Người ta có học có hành mà ọn nghe nó hướng g một tay vô học như mình. Có điều ông khác người ta. Người ta thì mong sao cho địa vị, danh vọng, quan to, chức lớn còn ông chỉ mong cả năm tiểu đội bình an vô sự. Được vậy là ông mừng rồi.

Đêm ba mươi, cả tiểu đoàn không ăn được giao thừa. Địch nã pháo vào khu vực đóng quân rồi tấn công. Không ngờ toán đặc công nhằm bãi mìn mà ủa vào, mìn claymore nổ ầm ầm, khiến Bắc quân phải tháo chạy trở

ra. Sáng mùng Một, trung đội của ông Ký được lệnh đi lục soát những địa điểm khả nghi. Ông tiểu đoàn trưởng hy vọng sẽ lấy thêm súng trước khi Mặt Trời và pháo đoàn quay phim đến để tưởng thưởng và làm phóng sự. Ông Ký được lệnh dẫn tiểu đội nhắm về một khu cỏ tranh. Ông đi đầu. Thay vì băng đồng để tránh mìn bẫy, ông lại đi trên con lộ chính. Phải đi theo hướng Đông. Lời nói của thằng Tàu vẫn còn vang bên tai. Hướng của mặt trời. Phải tìm lối đi trống trải, đừng quanh co. Tuổi của trung sĩ là tuổi con ngựa. Mãi phi. Ngựa phải chạy. Phải tìm lối đi dễ dàng, đừng bờ bụi um tùm kéo ngựa phải khổ cực băng qua để cả năm mình tà tà trung sĩ...Thằng Tàu vừa nói xong, thì tiếng la, tiếng gào của đám lính: Phải đó trung sĩ. Phải tin thây để cả năm tà tà đi trung sĩ.

Và ông tin thật. Ông bước những bước thật tự tin. Dù đêm qua vừa xảy ra một trận đánh, nhưng cả tiểu đoàn bình an vô sự, nên ai nấy cũng vui. Kia là bãi cỏ còn đọng sương sớm. Kia là những khóm hoa dại từ những ngôi nhà hoang phế. Hoa cúc vàng tươi bên cạnh hoa vạn thọ màu vàng thẫm, lẫn hoa dâm bụt màu đỏ tươi. Ông bước mà không e dè như trước đây. Bỗng một tiếng nổ phát lên. Ông nghe cả thân thể ông chuyển động và chỉ một giây lát là ông nằm bẹp xuống. Nhưng ông vẫn còn sáng suốt để chửi thề: Đ M thằng Tàu này hại tao rồi.

oOo

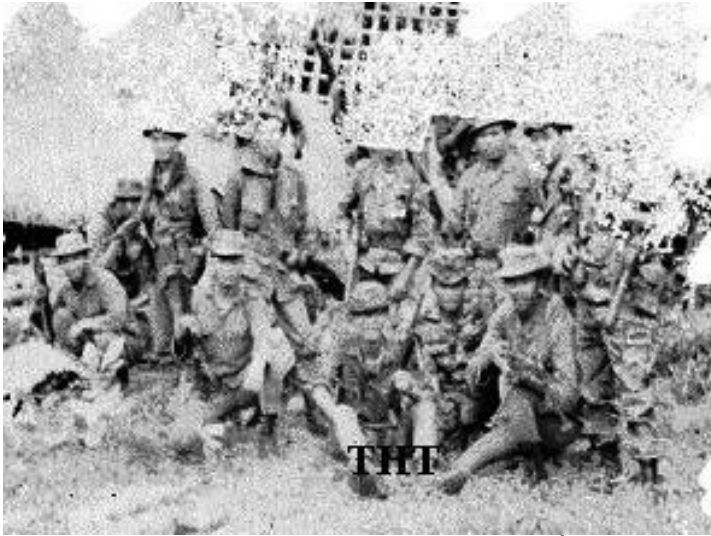
Khi bị thương, kẻ mà ông trách là tên Tàu tử vi, nhưng bây giờ, ở trong bệnh xá, không có thằng Tàu, ông chửi VC. Bọn nó có bao giờ tôn trọng ngưng bắn đâu mà mong ngày hòa bình, ngưng tiếng súng. Ông chưa chết

nói.

Và ông nói đúng. Vào lúc 8 giờ sáng, tên y tá đã đến phòng, loan báo thật trịnh trọng. Lệnh cấm phép đã được ban hành, ngay cả các thương bệnh binh, cho dù đó là phép xuất viện.

oOo

Đến bây giờ, không ai lại không biết đến cái giờ linh thiêng ấy. Không ai lại không hiểu đến những tin tức thảm khốc từ các phương trời bay lại. Mặt trận vẫn bùng nổ, người chết, người bị thương lại tiếp tục được chở về bệnh xá. Giờ ngưng bắn, đã trở thành một thứ giờ biệt mù tăm cánh. Bằng chứng mỗi ngày họ đều chứng kiến chiếc ambulance đều đậu trước thềm bệnh xá, và nghe được tiếng nổ dội về từ xa. Ngay cả ngày mùng một Tết, họ cũng chứng kiến khúc phim quen thuộc ấy. Trong khi họ trịnh trọng mang vào chiếc áo thương bệnh binh màu xanh dương mới nhất, mà nhà thương đã ưu ái tặng họ vào ngày đầu năm. Trong khi họ mở lời đầu tiên chúc nhau một năm mới đầy hạnh phúc tốt đẹp nhất. Trong khi họ được lệnh nằm yên trên giường để chờ đợi một phái đoàn đến ủy lạo. Trong khi họ rủ nhau ra ngồi trên thềm doanh trại, cùng đốt thuốc nhìn nắng đầu ngày tắm những nụ hoa mùa xuân ngoài hàng rào dây kẽm. Trong khi nhạc rạng đông bắt đầu: *Ngày Xuân nâng chén, ta chúc nơi nơi...* (Vẫn không rõ số)



Sau đêm đột kích mật khu, THT ngồi giữa

NHẬT KÝ HÀNH QUÂN (1)

NGÀY N- 1

1200 H. Vừa lên đỉnh đồi, chưa kịp thở lại nghe người trung sĩ báo tin cắm trại. Lại hành quân. Lại ba-lô. Lại súng đạn. Vừa đi, vừa chửi thề. Hôm qua, mới đi ruồng mấy làng, chạy trời chết. Bây giờ lại đi. Đỉnh đồi vào những ngày hôm nay, đã hứng nhiều gió. Nhất là buổi tối, gió lạnh vô cùng. Gió rít qua khe cửa; gió đập vào mái tôn, tạo nên một âm thanh u oán. Buổi trưa, bầu

trời vẫn vũ, buổi chiều, lại có một trận mưa. Như trưa hôm nay, bầu trời chỉ là một màu xám trắng. Nhìn lên bầu trời, bỗng nhớ đến quê hương, nhớ cái lạnh dịu dàng và những hạt bắp rang âm ẩm. Gặp người sĩ quan bạn, anh ta bảo: Hành quân kỳ này chắc mệt lắm. Mục tiêu là một ngôi làng nằm ven con suối. Chỗ đó, lần trước, Đại-hàn vào bị đụng, tổn thất cũng nhiều. Anh bảo: Hôm nay, S. trực, tập hợp đại đội lúc 1 giờ 30 trưa, kiểm soát đạn dược. Minh gật đầu. Vào phòng, có ý kiến một giấc ngủ trưa vội vàng, nhưng lại băng khuâng. Bao giờ cũng vậy, cứ mỗi lần lên đường là mỗi lần suy nghĩ vẩn vơ. Nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ cháu và nhớ một người con gái. Thôi đừng nghĩ ngợi nữa. Để tránh những nỗi ưu tư, trở dậy, sửa soạn mấy bộ áo quần, và lấy bản đồ nghiên cứu mục tiêu. Tìm gì trên đó nhỉ? Một ngôi làng, một con suối, một con đường mòn. Cứ dắt quân đến đó, rồi nghe lệnh. Đại bàng bảo xung phong thì xung phong, bảo rút lui thì rút lui. Bảo tiến thì tiến. Bảo lùi thì lùi. Đòi nhà binh thì như vậy. Trông mong đất nước hòa bình, rồi về, rồi sống anh nhàn cho khỏe thân.

Mấy người trung sĩ tổ trưởng vào phòng hỏi thăm tin tức. Một thằng uống rượu say, vào nói Batman xuất hiện. Ta là Batman. Nó lại kéo mình đi nhậu. Bao giờ cũng vậy. Mỗi lần đi, là mỗi lần bọn nó say. Tại sao mình không say? Tại sao mình không tìm quên lãng trong chất men nồng cháy đó. Tại sao mình không bỏ đi những nỗi băng khuâng như một đám mây mù nặng trĩu. Ở ngoài sân, lính đã lên nhiều. Tiếng hét la từ câu lạc bộ vẳng đến. Tiếng hỏi thăm từ mấy cửa miệng xôn xao như một đàn ong. Ngọn đồi bỗng trở nên náo loạn. Hai ngọn tháp vẫn buồn rầu nhìn về bờ biển, như mắt

người mẹ trông mong đàn con từ xa vắng. Cũng như mình, đang đứng ở đây, nhìn về bãi biển. Chiều chủ nhật, người ở đó với bạn bè, với niềm vui của tuổi con gái, Minh ở đây, chốc nữa, lại đi, chẳng biết thế nào.

1800 H: Trung đội đã qua sông bằng thuyền máy. Nước chảy thật mạnh. Mình buộc lại khăn choàng màu đen, màu dành cho thám kích. Gió buổi chiều thổi thật lạnh. Con sông nước màu bùn đục, chảy về nơi nào hay chảy về quên hương, mang theo những ưu tư của kẻ cầm súng ngồi trên thuyền. Bầu trời thật nặng. Có lẽ đến tối sẽ có mưa. Mình hút điếu thuốc, điếu thuốc cuối cùng, để cả đêm sẽ không hút nữa.

Lên bờ gặp một thằng bạn cùng khóa. Nó hỏi có biết tin LC hay không? Mình nói, mình vừa nhận được thư của hấn. Hiện hấn đang hành quân ở Vàm Cỏ Đông. Hấn than khổ quá trời. Hai đứa nhìn về con sông. Mình bỗng bùi ngùi. Hôm kia, về trường sư phạm, mượn được quyển báo Bộ binh Thủ-đức. Dở ra, lại thấy một tin phân ưu về người bạn làm thơ quen trong trường, tử trận ở Quảng-ngãi. Muốn khóc. Thời buổi này sợ không có nước mắt để mà khóc. Nhiều người nói mình bi quan. Đến bây giờ mình chẳng biết bi quan hay không. Trời đã vào hoàng hôn. Mưa đã bắt đầu đổ. Có lệnh dừng quân ăn cơm, chờ 12 giờ đêm khởi hành.

Bây giờ mới chợt nghĩ ra, là mình chưa cột dây vào kính cận. Đi đánh giặc, mắt kính này coi như đi đòi nhà ma. Lúc đó, chẳng thấy đâu mà mò. Năm độ chớ ít à. Hèn gì, bọn nó cứ đặt danh hiệu là chuẩn úy cận.

Vào nhà gần đó, xin sợi nhợ buộc vào đôi kính, mới thấy vững tâm nhưng sợ trời mưa, nước mưa làm nhòe mặt kính thì cũng chết. Tiếng thằng hiệu thính viên hét

trong ông nói đến nhức óc. Bây giờ thì nhức óc thật sự. Xin thẳng y tá trung đội một viên thuốc cảm.

NGÀY N

Trung đội mình không may đi đầu. Bây giờ là một giờ sáng. Sau trận mưa, đường đê trơn như mỡ. Vừa đi vừa run. Mục tiêu cách ít nhất 5,6 cây số. Đoàn quân như một đoàn quân ma, mập mờ trong đêm. Bây giờ, mình đã cảm thấy cảm thật sự. Vừa đi vừa nhảy mũi. Vừa nhảy mũi vừa bịt khăn, sợ tiếng động. May mà mang áo ấm, nếu không có lẽ sẽ nằm giữa đường. Trời lại mưa, đường đê nhỏ bằng hai gang tay, lại trơn, nên vừa đi vừa trượt chân té. Lính cười khúc khích đằng sau, lại chửi thề. Qua một ngôi làng, chó sủa dữ quá. Trời tối như mực, mình chẳng biết hôm nay là ngày mấy. Có lẽ mùng hai. Hôm qua, xuống thành phố, gặp người bạn mời ăn chay, mình mới biết là mùng một. Từ hồi đi lính đến giờ mình có biết ăn chay là thế nào. Nhớ đến mẹ. Bà ăn chay một tháng tám ngày. Những đĩa rau luộc, những thìa cháo trắng, những chén mè thơm phụng phức, và những đêm bà khóc trước bàn thờ. Quê hương mình là thế đó. Đêm nay, chẳng biết bà có thấp nhang mà khóc trước bàn thờ hay không?

Bầu trời đêm nay không một vì sao. Tiếng đại bàng ra lệnh dừng quân, và gọi mình lên dẫn dò gì trên ấy. Một ông đề-lô đang gọi máy C.10 về đơn vị, cho biết những tọa độ phải bắn. Tiếng ông ta đều đều và thật quen thuộc. Đại bàng đang nói chuyện với thẳng dẫn đường. Hắn là thanh niên chiến đấu, lúc trước ở làng này, bị đánh, mới trốn về ít bữa. Đại bàng dặn. Đại bàng ra

lệnh. Lại đi. Có lẽ bây giờ là 3 giờ sáng.

Mùa này trời mưa nên cánh đồng đã ngập nước. Đứng giữa chẳng biết đường nào mà mò. Chỉ là lau sậy và nước. Vừa đi vừa do dẫm, vô phúc thì rơi nhảm hồ, lúc đó có nước la làng. Vừa đánh răng cầm cập, vừa đi. Thôi cứ đi ầu, nước ngập tới bụng, có khi tới ngực, có khi tới cổ. Minh té, lính té. Thi nhau té, thi nhau cầm tay kéo lên, thi nhau cười khúc khích. Đằng sau, cứ bảo chuẩn úy té, kéo lên bây. Ba-lô đã ướt hết. Minh run run bảo Căn, mày dẫn đường cho khéo, kéo chết đuối. Nó than: bây giờ, nước lụt, làm sao em tìm ra đường. Nó đứng giữa nước, nhìn trời, nhìn đất. Minh cũng nhìn. Nhìn gì đây nhỉ? Một vì sao Hôm, cũng chẳng có. Trước mặt chỉ là những khóm tre lơ mờ in trong màn đêm. Một trái hỏa châu vụt tỏa ánh sáng giữa màn đêm sâu thẳm. Minh la: cúi xuống! cúi xuống! Máy thẳng lính khom lưng xuống mặt nước. Một vài thẳng còn đứng ngẩn người nhìn. Căn bảo, giọng còn run run: thiếu úy đi trước, em đi sau, em chỉ đường cho. Nó sợ rồi. Lính cũng sợ rồi. Minh cũng sợ rồi. Tiếng đại bàng ra lệnh trong máy C.10, giục đi, mình bảo thẳng lính tỏ tiền sát đi đầu. Nó nhìn xuống mặt nước loang loáng ánh hỏa châu, ngần ngừ. Đến nước này, mình chỉ có nước là nhảy xuống trước, liêu, rồi ra chi thì ra. Lính cũng lội theo. Căn bây giờ run thật sự. Hắn quên đường rồi. Đại bàng lại giục. Minh bảo hiệu trưởng viên nói trong máy: thẳng hướng dẫn đã quên đường, chờ chi thị. Đại bàng ra lệnh theo phương giác 6400 mà đi. Lại lội, lại té, lại run. Lạnh quá rồi. Mục tiêu chẳng biết đến chưa. Qua những chỗ sinh, rút đôi giày mà muốn khóc. Ánh sáng hỏa châu ở đằng xa cứ tiếp tục dọi. Minh nhìn được gương mặt của một thẳng lính người

Thượng. Nó vừa run, vừa nhìn về phía hỏa châu. Giữa cỏi đêm hun hút này, chỉ nghe tiếng côn trùng và tiếng nước bì bõm. Đoàn quân đứng dài dưới ruộng nước thật âm thầm như bóng ma trôi. Minh thì cảm địa bàn tìm hướng. Hướng cuộc đời mình ở đó, hướng quê hương mình ở đó. Chốc nữa, sáng mai hay một ngày nào đó mình có còn nhận được hướng đó được không. Nước đã làm nhòe cặp kính trắng. Minh phải lau hai ba lần và giữ cho khỏi ướt. Chuẩn úy cận... chuẩn úy cận... tiếng nói pha trò của mấy thằng bạn vắng bên tai. Mắt mình bắt đầu cay. Và mình té ngay xuống vực nước, sau khi hụt chân xuống bờ ruộng.

Căn cứ bảo: thiếu úy đi đâu... em đi sau chỉ đường. Còn một cây số nữa. Đại bàng hỏi tới con đường mòn chưa? Căn than nước ngập hết rồi làm sao biết mà tìm. Lại đi ầu, qua cái chùa. Căn bảo, ở đây, lúc trước Đại-hàn với mình bị luôn. Bọn nó núp trong đình chùa, dùng đại liên quạt như mưa. Tiếng lội bì bõm càng rõ dần. Minh càng sồn tóc gáy. Bọn nó mà biết được, thì có nước chết. Mỗi bước chân lê là mỗi sự sợ hãi. Giờ G chẳng biết khởi sự lúc nào đây. Bây giờ chỉ còn chờ tiếng súng.

Như một sự mầu nhiệm, chẳng có một tiếng súng nào. Hay tại đêm tối. Hay mấy cậu cảnh giới (gác) ngủ. Hay trời phật phù hộ. Căn vừa run, vừa nói: em sợ quá, thiếu úy. Em sợ quá. Tiếng bì bõm của hơn một trăm người trong ruộng nước vang lên từng nhịp đến nghẹt thở. Lúc này chỉ có nước chạy. Minh la: tại mày dẫn ầu.

Bây giờ trung đội mình đã đến mục tiêu. Con kênh nằm sau bụi tre chẳng chặt. Nước có lẽ sâu lắm. Không thể

qua được. Thằng mòng trung liên bị té xuống hố-đào-cá- nhân ở bờ sông. Hố của mấy cha nội ấy đào. Nó chửi thề thằng phụ xạ thủ người Thượng không chịu lên, mình phải lấy súng dí vào người: bảo mày lên hay không, tao bắn. Nó nói em sợ quá. Nó khóc. Mình bảo: mày tưởng tao không sợ à? Nhưng đến nước này, muốn sống thì phải lên...

Bờ sông cao và nhiều hầm. Tre mọc chẳng chặt, ngã nghiêng trên con kênh. Có lẽ chúng bị đạn và bom tàn phá. Đại bàng hỏi tìm được chỗ qua bên kia làng chưa. Mình bảo chưa. Không thể qua được. Đại bàng bảo nằm chờ hừng sáng hãy tìm cách xung phong vào làng. Mình ngồi trên bờ, nhìn thời gian đi. Trời gần sáng. Bọn lính ngồi run cầm cập. Lạnh quá sức tưởng tượng. Ở bên kia vẫn âm thầm. Nhưng là cối chết, là nơi mình đang sắp sửa đền ơn chính phủ. Tay mình vôn về ngọn cỏ. Mình bỗng cảm thấy bình tĩnh. Lá cỏ còn đọng sương làm tay mình cảm thấy lạnh. Bên cạnh một hầm lộ miệng đen ngòm. Địa ngục ở đó. Quê hương mình ở đó, thằng y tá bỗng nói với vợ: chẳng lẽ quê nhà mình cứ chịu mãi như thế này. Một thằng khác nhìn cả cánh đồng, ao ước một ngày nào đó về sống ở đây trồng lúa và thả lưới bắt cá. Mình xuyt bảo im, nhưng mình biết trong tim mình đang gào thét.

.....
..... (kiểm duyệt)

Bỗng có tiếng súng nổ dồn dập bên trái. Đại liên quạt như mưa, đạn lửa bay vào làng, với những vệt đỏ thẫm. Thôi rồi, lộ mục tiêu rồi. Công trình đi cả đêm hôm, phờ cả râu, lộ mệt ước chừng muốn quy, bây giờ lại đi

đời nhà ma. Gọi C10 hỏi Đại bàng. Đại bàng bảo đại đội bạn bắn hai tên du kích xuất hiện ở bờ đê. Đằng sau, những dáng người lụp sụp dưới ruộng, trải dài như đàn kiến. Lính la lên: Bọn chúng bỏ tới kìa, đông lắm thiếu úy. Minh cố điều tiết cho rõ. Kiểu vậy, hai mặt nó đánh thì chỉ có nước chết. Vội hỏi đại bàng. Đại bàng lại cho biết đó là toán yểm trợ. Minh mới yên lòng.

Căn nói nhỏ bên cạnh. Hồi nãy, em dẫn mấy người đi tìm cầu vượt qua sông, gặp một tên. Nó là cảnh giới. Nó hét: Ai? Bọn em chưa kịp phản ứng. Nó nhảy xuống sông trốn mất. Minh hỏi: Bây giờ tìm được cầu chưa? Nó đáp tìm được rồi, cầu khỉ mà thiếu úy.

Người sĩ quan đề lô bây giờ gọi to trong máy C10. Trời bắt đầu sáng. Lính mời mình điều thuốc. Vội vò lấy. Thèm thuốc hơn thèm đàn bà. Những đốm lửa hiện trong buổi sáng mù sương. Những hố bom cày bây giờ mới thấy rõ. Vũng nước đêm loang loáng đầy rêu. Tiếng đại bàng ra lệnh qua cầu. Đại liên bắt đầu quạt, M79 cũng bắt đầu nhả. Giọng người sĩ quan đề lô nổi lên: Anh bắn hiệu chỉnh. Đúng. Mục tiêu rồi. Làm cho tôi hai mươi tràng. Tiếng rít của những quả đạn trong không trung như một âm thanh ghê rợn. Hình như nó bay qua đầu. Từng loạt nổ tiếp tục, tiếp tục... mình bò qua cầu, cầu trời yên ổn...

1200 H. NGÀY N.

Hầm nhiều không thể tả. Ở đây, mới thấy được cảnh thương tâm của quê hương. Không còn gì nữa. Nhà ngói chỉ còn nền và hầm trú ẩn. Nhớ lại những lần

cùng mẹ trốn dưới hầm trong những ngày kháng chiến. Mẹ ôm mình thật chặt. Nước mắt mẹ thấm cả má. Mẹ vừa ôm vừa đọc kinh. Bây giờ cũng vậy. Thôi đừng nghĩ nữa, bảo lính bố trí. Hầm nhiều lắm. Một thằng la lên: Còn cơm nóng. Bọn nó vừa đi hồi sáng, thiếu úy. Mình đi vào nhà, nằm lăn trên nền. Chỉ muốn nằm dài trên nền, chỉ muốn nhìn quê hương mà khóc. Chỉ muốn lau những đám bụi dày đóng trên lưng nhang. Một tượng phật bị đạn soi lung thân thể. Chiến tranh không chừa một ai.

.Mình đi tìm một viên than, vào viết trên vách một câu thơ:

*Khi con về quê hương chùng đã ngủ,
Giấc ngủ ngàn đời trong tuổi đạn bom
Ru nước mắt, con xin ngừng nhận lỗi
Mẹ Việt-Nam, mẹ đã mất hay còn?*

(ngày đột kích H.L.)

(Văn 100 & 101)

NHẬT KÝ HÀNH QUÂN (2)

Buổi trưa vào giờ đóng quân

Chúng tôi đến mục tiêu cuối cùng trong bản đồ vào một giờ trưa. Ngôi làng nằm dưới chân núi, ngó ra bãi cát trắng rộng mênh mông chạy về biển. Tôi chỉ thấy năm mươi nóc nhà gạch đỏ nát bơ vơ sau khóm dừa trơ trụi. Những hố bom sâu thành những giếng nước. Bờ cỏ cháy đen khô cằn len từng nhánh vào làng. Tôi dựa lưng vào vách đá. Gió từ biển thổi vào. Lạnh, nước biển xanh lơ lấp lánh dưới ánh mặt trời. Ngoài khơi, một chiến hạm đang bắt đầu nhả đạn vào để yểm trợ đoàn trực thăng đổ quân. Ba chiếc trực thăng mang hỏa tiễn đang nhả liên tục xuống làng. Tôi thấy nhức ở mắt. Những đóm lửa loé lên và đất một lần rung chuyển. Những đóm lửa tắt lịm và những cột khói lại bốc lên. Nhức nhối. Tôi liếm lưỡi. Chẳng biết nhức nhối ở chỗ nào. Đầu gối, cánh tay, bắp đùi hay cả thân thể.

Khi này chiếc trực thăng chở chín đứa tôi, vừa sửa soạn đáp xuống chỗ có trái khói tím, thằng xạ thủ đại liên Mỹ đã xô cả bọn nhào ra ngoài. Mấy thằng ngồi ở hai bên nhảy ra khi chiếc trực thăng hạ thấp, đến phiên tôi, ngồi ở giữa, thì chiếc trực thăng đã bay lên cao. Tôi bị thằng lính khốn nạn xô, vừa nhào xuống, sức chong chóng đã lôi cả thân thể cộng với ba lô súng đạn, như một hòn đá lăn từ đỉnh núi xuống vực. Hai chân tha hồ chạy. Thằng mang gạo chạy trước té nhào trên lớp đá cuội. Tôi chạy sau, té chồm trên thân hắn. Hắn lồm

còm bò dậy, xuýt xoa, đỡ tôi dậy hỏi: Thiếu úy có sao không? Tôi cười méo máo: Đau quá mày. Tôi tấp tễnh lên đỉnh, tập hợp lính, cho bố trí về mặt bắc. Những chiếc trực thăng đang quay đầu trở về, những chấm đen in trong bầu trời trắng xám. Đằng xa, thành phố hiện nhấp nhô. Những đợt khói, những con tàu nhỏ nhồi đậu san sát, những mái ngói đỏ yêu kiều, một chiếc phi cơ sắp sửa đáp xuống. Thành phố giờ này đã đi vào cơn mệt mỏi. Con đường nhựa và những tiếng còi trống rỗng. Tiếng nhạc tại quán cà phê Bạch Tuyết cất lên bơ vơ. Một hai gã nhàn du nhìn con nắng rơi chậm chậm. Thành phố, mấy đứa con gái làm tiền nằm hờ hênh trên nệm trắng trong phòng ngủ và chàng đi ngang, đến bên giường, ngồi xuống. Thành phố. Tôi làm quen sau những ngày hành quân bằng rượu chè, nói tục, kể chuyện bạn bè ra đi, ở lại, lên lon, xuống chức. Thành phố tôi nôn mửa nhìn lại tuổi trẻ, trong màu ly cà phê đen đặc, tự nói mình già hay trẻ đây. Đến lúc này mình đã sống đầy đủ chưa. Những đêm vui đầu nách đàn bà, thủ thi tro trên: Em ơi, anh xin em ân huệ. Rủi ngày mai anh không trở về thì sao.

Đại bàng ra lệnh tìm đường xuống núi. Tôi bảo tổ tiên sát viên đi mở đường. Tổ gồm những người Thượng đã quen với núi rừng. Nhưng đường xuống gai nhiều quá (loại gai chó đẻ, dài và nhọn, lính gọi là gai mắt mèo). Gai chằng chịt, bò quanh những hòn đá, cao quá đầu gối. Quần bị gai làm rách toét một đường từ đầu gối đến háng. Da mày trắng như con gái, đó Thư. Tôi len qua từng lớp, từng lớp. Có một số hầm của bọn nó ở các khe đá. Cút bóc thúi nòng nặc. Thằng Lại mò vào, lấy được một áo ấm và mấy tờ báo Quyết Thắng. Tôi nhét chúng vào trong áo trận. Dừng quân, sẽ coi mấy

cậu viết thế nào, nhé.

Vừa xuống dưới chân núi, thì súng trong làng bắn ra. Đại Bàng ra lệnh dàn hàng ngang xung phong. Cánh đồng với đất bùn thật khó chạy. Đạn bay lôm chôm trên nước. Cả bọn vừa chạy vừa rống: Xung phong. Tôi cũng la: Xung phong. Đến bờ đê làng, bọn tôi núp dưới những ụ đất cao. Nắng rất trên da. Áo đã ướt đầm mồ hôi. Mặt trời chỉ là một khối chói lọi, rình mò trong bầu trời xám trắng. Bây giờ Đại Bàng bảo trung đội bạn lên yểm trợ. Lốp lốp người chạy trên cánh đồng. Tôi chột nhăm mắt. Mùi thối từ phía làng bay tới nồng nặc. Chắc là một xác chết bị rửa. Những đồng gạch nằm dài bên cạnh những tấm gỗ đen hay những cột nhà cháy. Tôi đợi lệnh để xung phong vào làng lần cuối cùng.

...Lính bắt một nhóm người gồm ông bà già, đàn bà và trẻ con từ dưới hầm lên. Nhóm người khốn khổ đang ngồi trên nền gạch, khóc lóc. Mỗi người đều mang theo một gói vải lớn hay va li thiếc. Tôi bảo lính khám đồ đạc của họ. Mụ đàn bà có chiếc va li thiếc, run rẩy không cho lính mở. Hấn tức mình đá và chửi: Đến đâu, đàn ông thanh niên cũng không có, sao mụ lại có bầu. Chồng mụ lên núi phải không. Tôi nhìn suốt các gương mặt. Các gương mặt đang vươn lên từ những đồng tro tàn, đang nhả nhúm với đôi mắt van lơn sợ hãi. Trời nắng chói chang. Tôi cảm thấy nhức nhối. Huế chẳng khác ở đây. Nhưng Huế còn có người nói đến hàng ngày, có đồ cứu trợ tới tấp, có những mục nhấn tin miễn phí. Thằng lính khám thấy bộ quần áo ka ki vàng, hét lớn: Chồng bà đi đâu. Chỉ mau tôi bắn. Mụ đàn bà cứ cúi xuống lạy. Tôi quay mặt. Thú thật tôi không quen sống với tiếng khóc. Mẹ tôi đã khóc nhiều rồi. Bà lạy thằng Tây. Thằng Tây. Bây giờ mụ đàn bà lạy tôi –

người cùng màu da với bà. Tôi chán nản, nói: Thôi chốc nữa, dắt họ về vùng an ninh. Ông già ngược lên. Tôi hét: Ông không biết ở đây mất an ninh, nấu chiếm. Đạn cà-nông bắn cả đêm ngày. Sao các ông không đi tản cư. Ông già trả lời, giọng run run: Dạ, bọn tôi đói quá. Đi làm sao sống nổi. Ở đây có chút lúa sống qua ngày... Bây giờ, tôi cảm thấy rã rời. Chẳng muốn gì cả. Chỉ muốn ngủ yên. Con tim ơi, ngủ yên nhé. Tôi nhìn những cánh đồng vàng ửng, thỉnh thoảng vài hố đạn hoặc bom, chơ vơ giữa đồng. Mắt tôi muốn mỏi. Lúa vàng thật đẹp, xa tít đằng chân trời. Mùi thối theo gió bốc lên. Mắt tôi theo dõi đám bèo trên mặt hồ đen sạm. Tôi hét: Tại sao đồng bào không bỏ đi chỗ khác. Đồng bào không sợ ca-nông, súng đạn sao?

Buổi tối đại đội đóng quân đêm tại một ngôi làng cách núi không bao xa. Trung đội tôi phòng thủ mặt bắc, đối diện với cánh đồng rộng. Tôi bảo lính đào hầm và chia vị trí cho mỗi tổ. Khi về ngôi chùa làng, tôi sững sốt khi nhận ra vợ ông già áp trưởng quán trên đầu khăn tang. Bà bảo chồng bà bị nấu chặt đầu tháng trước. Bà vừa nói vừa khóc. Đêm đó, nấu về gọi cửa, tôi mở. Nấu hỏi ông. Tôi bảo ông đi rồi. Nấu ra về và gửi viên đạn nói dành cho ông. Khi nấu ra ngoài, tôi nghe có tiếng chồng tôi. Chẳng biết ông về làm gì. Đêm nào ông đâu có dám ở nhà. Nấu bảo nếu ông là áp trưởng, nói thật nấu tha. Ông không trả lời. Tôi chạy ra, lay từng người: Lay ông tôi lay, ông không có tội. Người ta bắt ông làm, ông phải làm. Nấu xách báng súng đánh vào mông tang tôi rồi bắn một phát trúng đùi. Tôi ngã xuống, la làng xóm. Chẳng ai ra. Thanh niên, dân vệ mấy ông nghe nấu về cũng bỏ đi trốn. Sau đó...

Bà khóc rống. Tôi nghe quặn đau. Thế này thì quá lắm.

Chiến tranh cái giống gì mà bản thủ quá vậy. Tôi nhìn trong bầu trời đêm thẫm. Những lá xoài loang loáng ánh trắng. Mới đây, bọn tôi còn về, ông ấp trưởng còn ngồi hàn huyên bên tách trà nóng, còn kể chuyện sự tình. Khổ lắm ông ơi. Người ta bắt mình phải làm. Đêm nào nó cũng mò về vác loa về gọi tên tôi đích danh, đòi chặt đầu. Đêm nào bọn tôi cũng nằm bờ mương bờ ruộng. Súng ống đâu có phát, thưa ông. Người ta chỉ phát hai trái lựu đạn cho mỗi anh em... Nghe ông ta nói, tôi bùi ngùi.

Tôi đứng dậy, cầm cây M-16 ra trước ngõ. Chán đòi đó phải không. Sương đã xuống trên vai, và tiếng loài côn trùng đêm vang lên náo nức. Bây giờ có lẽ là mười giờ đêm. Tự nhiên tâm hồn tôi cảm thấy bơ vơ. Trăng đã hôn trên đám giậu trước sân. Một trái sáng bắn lên. Có tiếng rì rì đều đều của chiếc C-47. Cô độc, anh phi công nhĩ. Rồi cuộc đời mình cũng mãi bơ vơ như một tình cầu, đợi ngày rụng xuống. Tôi nghe thân thể rã rời. Tiếng vạc ăn đêm kêu lên từng hồi, u oán.

Tôi trở về chỗ ngủ. Xin giấc ngủ bình yên đi nhé. Xin đêm nay một đêm không nghe tiếng chó sủa, không tiếng súng vu vơ. Nằm trên poncho, ở dưới là lớp lá đã khô. Buồn. Tôi lấy chiếc giấy trện lót dưới poncho và nhẹ nhàng đặt đầu lên. Chó sủa vắng vẻ từ đầu làng. Một chốc, trái sáng lại oà vỡ trong thinh không. Thằng mang gạo nhòm dậy, chờ dù trái sáng bay tấp về. Anh trăng rọi trên sân đình trắng xoá. Tôi trần trọc. Huế ơi. Bây giờ giá có tiếng hò Nam Ai, chắc mình phải khóc. Sáu vành cầu, hiền lành, dễ thương thế mà cũng đã gục xuống. Còn gì nữa không. Tôi cảm thấy nhói ở ngực. Sao thằng bắn không nhắm kỹ một tí, để trái tim ta khỏi gào thét cuồng nộ. Quà mừng một đó.

Viên đạn A.K đó. Tôi đặt tay vào bên trong áo trận. Vết sẹo phồng lên giữa bộ ngực gầy lép. Tôi úp mặt trên poncho. Đêm nào cũng ngủ bờ ngủ bụi, cũng thức phờ rầu canh gác. Má đã lạnh rồi. Buồn và muốn lấy M-16 bắn hết cấp số đạn mang theo đêm nay.

Ba gửi thư vào nói lư hương đã đầy nhang. Đêm nào ba cũng cầu Trời Phật phù hộ cho con. Nhà mình bị máy bay bắn rocket sập hết. May cả nhà tản cư sớm. Ba tưởng nhà mình tiêu hết rồi. Con bây giờ đã lớn, phải lo lập thân. Lập thân. Buồn ngủ quá rồi. Có lẽ buồn nôn nữa. Tôi trấn trở. Tiếng cà-nông vẫn dồn dập ở một nơi không xa, đều hiu như một cung đàn võ. Tôi xoa bàn tay nhẹ vào má. Bàn tay lạnh còn đầm mùi hôi. Bỗng có tiếng súng nổ ở đẳng tổ trung sĩ Y Bim. Tôi cầm vội cây M-16, nhào xuống hố. Một lát, thằng Nay Lát chạy về hốt hãi nói: Bắn làm thằng nhỏ, thiếu úy. Nó bị thương nặng. Tôi gọi thằng y tá và truyền tin chạy bay về nơi xảy ra tiếng súng. Đến nơi tôi thấy thằng nhỏ trạc mười ba, mười bốn tuổi quần quai trên nền đất. Ông già, cha thằng nhỏ, đang ôm con khóc lóc thảm thiết: Con ơi, cũng vì cha. Tại cha sơ ý để làm đèn tắt. Tôi hỏi y tá tiêm thuốc và băng nạn nhân. Thằng y tá làm việc xong, lắc đầu: Bọng đái bị bể hết. Giọng nó nhỏ và run: Chắc không sống nổi thiếu úy. Tôi gọi C-10 xin Đại Bàng phương tiện tản thương. Đại Bàng bảo không còn cách nào khác ngoài việc săn sóc thằng nhỏ được chừng nào hay chừng nấy. Tôi nói Đại Bàng ráng giúp xin trực thăng Mỹ, kéo tội quá. Dù sao mình cũng bắn làm. Tiếng ông già ngắt quãng: Tại cha, tại cha... Thằng bé thì rên: Đau quá cha ơi. Tôi bảo lính vác nạn nhân về trạm y tế xã. Suốt đêm, đứng canh chừng, tai nghe bà mẹ thằng bé chửi: Sao các ông lại bắn nó. Con

oi. Anh con cũng chết vì người ta bắn. Bây giờ đến phiên con. Thú thật, tôi muốn về chỗ ngủ, muốn coi mọi chuyện không quan trọng đến tôi, nhưng nhìn đôi mắt thẳng bé khép kín và tiếng rên náo ruột lòng tôi quặng thắt. Tôi ra ngoài sân đình nói thầm: Không, không có gì cả.

Ngày 5 tháng 5 – 68

Thế là ta thoát chết. A ha. Ta còn sống. Còn sống để xem cái ngày hòa bình, cái ngày ta về, bỏ hết những băng khuâng, xao xuyến. Ta còn về cưới vợ để con và còn hưởng chút hạnh phúc. Đêm đầy chớp lửa. Nó về bên kia sông, Nó đặt súng ở bụi tre. Nó bắn toi bờ lên đồi. Đạn xoáy, đạn gào, đạn làm tim ta đập thành thịch. Ta áp tai vào bờ đất và chỉ chờ. Đêm về sáng tối như địa ngục, ta nói với thằng trung sĩ. Tao quên mang gương rồi. Vừa đứng dậy, thì một quả 82 ly rớt gần đó. Một thằng lính bị thương nằm trong hầm rên: Chuẩn uý, tôi chết. Tôi chết. Chuẩn uý gọi y tá giúp tôi. Cái kiểu này ai mà dám chạy. Cứ an ủi. Mày ráng chờ nó hết pháo kích tao gọi cho.

Những cột khói đa bốc lên ở khu nhà tiếp liệu. Những viên đạn lửa bay ngang dọc trong màn đêm. Nai ơi, mày ngồi bên tao. Rủi một quả lựu đạn rơi trúng chỗ này, hai đứa mình cùng chết luôn nhé. Nhưng hèn lắm. Chết kiểu này hèn lắm. Chết mà chờ đợi tuyệt vọng thế này hèn lắm. Nai ơi tao thương mày. Hồi chiều mày vừa nhận thư của vợ mới cưới: Lá thư hồng gửi ông xã. Mày đọc vang cho cả bọn cùng vui. Buồn không Nai? Nàng có biết đêm nay mày đang chạm vào biên giới hai miền, để khóc giùm nàng không Nai?

Ngồi bên cạnh Nai than thở. Để tao chạy vào lấy kính. Nếu bọn nó tấn công lên đồi, còn thấy mà bắn. Nai giữ lại: Ông đi lỗ...

Đêm địa ngục. Anh sắp lọt vào địa ngục, em ơi.

Ngày 6 tháng 5 – 68

Buổi sáng, đại đội lợi sông truy kích địch. Có tin một đại đội địch về, yểm trợ đoàn đặc công và toán pháo kích hồi đêm. Ngày chủ nhật đ. về Qui Nhơn như người ta. Buồn không nhĩ. Ngày chủ nhật, ly cà phê và tiếng hát cũng đủ làm tôi quên một chút sầu muộn rồi. Nếu chán đời, thì đi tìm em, nằm trên nệm trắng, nhìn quạt trần trần kêu vù vù để tạm quên cuộc đời chó má. Còn gì nữa. Thành phố chẳng bao dung như ta bao dung nó. Ta đã đổ máu vì nó. Lính của ta cũng đã nhắm mắt, đã chịu tàn phế vì nó. Thành phố, ta trở về như một tên hề khốn khổ, nhìn con gái đi qua, con trai đi lại. Nhìn cảnh ô nhục đây đường đây sá. Con gái từ Sài Gòn ra làm đi, con trai từ mọi ngã đổ về. Buổi chiều, đi xe lam qua trường sư phạm, ngõ ngang nhớ màu áo thân yêu. Tất cả chỉ là dĩ vãng, chìm lắng trong làn khói thuốc.

Chẳng tìm ra tung tích. Họ đã chạy đằng nào. Có Trời mới tìm thấy. Suốt buổi sáng mệt mỏi, rã rời. Một đêm kinh hoàng còn vương lại. A ha ta còn sống, còn sống.

Đến tối lại dặt lính đi kích. Xuống đồi mang thân ngựa gầy. *Đồi Cao, Tháp Mẹ* điều hiu. *Người đi lần ấy bóng chiều thướt tha.* Dặt lính về kích tại một ngôi làng tỉnh nghi. Suốt đêm không chợp mắt. Chiếc trục thăng Mỹ cứ lòn vòn trên đầu rọi xuống đèn pha. Rủi mấy cha

trên phi cơ, ngửa tay nhả một trần rocket thì có nước chết. Vội gọi C-25 về yếu khu, xin can thiệp nếu có chuyện gì chúng mày chịu trách nhiệm. Ta đi kích nầm bờ nầm bụi để chúng mày yên thân, ít nhất chúng mày phải lo cho ta. Suốt đêm hôm ấy cứ hai, ba tiếng chiếc trực thăng lại lờn vờn đến. Nằm trên poncho làm bộ khoát tay. Tao là bạn chứ không phải VC đâu. Mày thương tao. Trong C-25, dồn dập tiếng kêu cứu. Địch xung phong, xung phong nhiều lắm. Hãy bắn trái sáng ở toạ độ... Lại đánh nhau toi bời. Nha Trang gọi Sinh Trung. Hà Nội gọi Sinh Trung. Tôi nghe chúng hét hò cách đây một trăm thước. Nhờ anh cho soi sáng.

Tôi nằm trên poncho. Con trăng lưỡi liềm hiền hậu và cô đơn. Những giọt sương lóng lánh trên ngọn lá và điểm sáng của con đom đóm dập dìu. Tất cả đều quen thuộc với thằng lính thám kích. Tất cả đều vồ về trong tâm hồn cô đơn của tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy già. Sờ tay lên mép cảm tìm những sợi râu lởm chom. Ước gì mình nằm đây ngủ thật ngon lành. Đêm nay dài lắm.

Ngày 7 tháng 5.

Lại một ngày cơm nóng và hai ngày lương khô. Mục tiêu là ấp T.M thuộc quận Tuy Phước. Đi bộ rờn rã, chả gặp một mống. Trung đội mình bắt thanh niên trốn quân dịch, về nhà làm ruộng. Người vợ mới cưới ôm chân chồng khóc rờn. Tội nghiệp. Nghỉ trưa tại ngôi nhà ngói. Bà già than đạo này cà-nông bắn dữ quá. Tất cả đều quen thuộc. Đều là sợ hãi, chết chóc, căm thù và nước mắt. Chẳng còn gì. Chân đã qua bao mảnh đất, xóm làng, chưa lần nào dừng lại để khỏi nhớ đến những trái xoài đầu mùa và những con kiến đỏ bò trên thân cây. Người đàn bà xanh xao, hình như vừa sinh,

mếu máo xin mình. Thiếu ứ, tôi lạy thiếu ứ, tha cho chồng tôi. Anh chỉ còn mẹ già. Rồi buổi chiều, vượt sông lên đồi. Hai chân rã rời. Dạo này cảm thấy thấm mệt rồi. Thương mấy thằng lính dù sao bọn nó là những người chịu khổ nhiều nhất.

Ngày 13 tháng 5

Tôi viết những dòng chữ này sau bốn ngày được nằm quân y viện lần thứ hai. Tôi không còn gì để nói, để làm, để thấy, để nghe, bởi lần này tôi đã chạm vào bức tường biên giới. Biên giới đó, tôi không dám nói ra và tất cả ai cũng không dám nghĩ đến. Tại sao tôi còn run rẩy để nghĩ đến đó. Bây giờ tôi thất thơi, thất thểu như con chó, có khi như thằng điên, có khi như thằng hề khổ khổ. Lạy Trời, cho tôi đừng nghĩ nữa Nai ơi, cho tao đừng nghĩ đến mày nữa. Đó, thân thể trần truồng đang hấp hối trên giường nệm trắng, đôi mắt mở nửa tròng, trợn trắng, đầu bị băng kín. Tụi nó chém trên đầu mày, đau không Nai. Nai ơi, đừng nhìn tao nữa. Tao đau lòng lắm. Bởi dù sao tao cũng chịu trách nhiệm một phần, bởi dù sao tao cũng là trung đội trưởng, cũng có quyền, cũng gọi C-25 kêu cứu. Tao đang rung nước mắt đây, Nai. Sao mày nằm yên thế. Cứ nằm thoi thóp ba ngày trời rồi, cứ đái ra máu, cứ chuyển từng bình serum. Không ai đến thăm mày, sao. Ôi lính lại bị hắt hủi thế kia, sao?

Xin tha lỗi cho tôi. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn, ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng đã nằm ở nhà Vĩnh biệt. Trời, tôi xin, tôi xin. Ngày hôm đó, ngày 9-5 thì phải. Mặt trời thì gay gắt. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm

trong bụi, mặt đầm đề máu và mảnh lựu đạn, đất mông cũng vậy. Tôi, lần đầu tiên, niệm: *Nam mô Quan thế âm Bồ tát, cứu nạn cứu khổ...* hàng trăm lần. Nhìn mặt trời. Cho con sống. Sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn bắn dưới chân. Tôi lộn nhào. Chạy. Chạy. Đạn rít trên đầu, tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. Tắc, bùm. Thụt đầu vào. Chạy, lẩn. Tôi nghiệp thân thể mảy chưa, ốm yếu thế kia. Cha mẹ nâng niu thế kia, bây giờ vùng vẫy, bò, chui từng đám bụi, bò hai chân, hai tay. Bò ngửa. Bò sấp. Ngọn cây vừa xê xích. Tắc bùm. Đ.M. Chó đẻ. Mày giết tao. Mày hả dạ lắm sao. Tao còn viên đạn cuối cùng đây. Tự tử. Trung đội tôi mất hết hàng ngũ khi chúng ném hai trái lựu đạn từ dưới khe đá lên. Trái đầu, Mễ bị thương. Lúc đó bọn tôi đã chiếm được mục tiêu. Mục tiêu là hầm đá và vô số khe. Lúc đó chín giờ ba mươi sáng. Bọn nó đợi chúng tôi lên ngay trên hầm, đứng trên bờ đá, mới nổ súng và ném lựu đạn. Đại Bàng và ban chỉ huy ở dưới núi. Chính tôi không ngờ họ đông thế. Chúng tôi cứ ném lựu đạn và bắn súng M-16. Chẳng ăn thua gì. Ném lựu đạn may ra giết được. Chứ bắn thì bắn vào bờ đá. Tôi không ngờ trận giặc chó đẻ như vậy. Tình báo cho biết mười, mười lăm mạng. Chỉ việc đến đó, ném lựu đạn cay rồi thanh toán như mọi lần. Khi bọn tôi lên, không một tiếng động. Toán đi đầu đã đến bờ đá. Thằng truyền tin bỗng la: Hưng bị bắn chết rồi. Th. bị thương. Tôi cho cá tổ bố trí trên bờ đá. Có tiếng súng vút qua đầu. Lựu đạn ném xuống. Súng bắn xối xả. Lại có tin: Thiếu úy Ch. ở trung đội Một bị bắn tử thương. Các tin dồn dập, dồn dập bay về. Bỗng một trái ở dưới hầm, ngay chỗ tôi, thằng mang máy C-25 và hai ba thằng nữa đứng được quãng lên, tôi bị tung lên

cao rồi té nhào xuống vực. Máu ở miệng, mũi trào ra. Tôi quỵ xuống. Có tiếng la: Thiếu úy bị chết rồi. Tôi hét: Rút xuống mau lên. Tôi mò trong bụi gai, bụi dứa, té lăn trên đá. Lính đã đi đâu hết. Chạy. Chạy. Tôi không thể chạy. Tôi quỵ, nhưng bò về hướng trái, nằm trong bụi ròi xiu.

Khi tỉnh dậy thấy trời nắng ghê gớm. Mặt trời nằm giữa bầu trời trắng xám. Tiếng tắc bùm vẫn nổi lên đều đều, xé tan về hui quanh của thung lũng K.S. Tôi chỉ nằm chờ. Bên tôi không một mô đất. Tôi nằm trong bụi, nằm yên. Một cành cây vừa xê xích, là tiếng tắc bùm vút qua. Chúng tôi bị vây. S.O.S. Không ai cứu trừ viên đạn cuối cùng sẽ bắn vào con tim, sẽ kê vào bộ óc. S.O.S. Không ai cứu tôi với. Đ.M, bọn mày. Trước khi nằm xuống, ta cũng lên trên miệng hầm, cũng nã từng loạt đạn, cũng ném vào từng quả lựu đạn. Buổi trưa, ai làm chứng nhân. Đại Bàng ở giữa, đang mắc nạn. Địch ra xung phong, đòi bắt sống... Không còn tin tức. Tôi nằm xiu, khát khô cổ họng. Những ngọn núi trọc vây quanh, rừng rợn. Tôi nghe súng rít từ bốn phía. Thôi rồi, một chuẩn úy khoá 24, đến đây là hết sao. Tôi nằm ngửa. Hai chân đạp bụi gai, mở đường. Tay kéo khẩu M-16. Tôi lên đến mô đất cao và tìm thấy bốn năm thằng lính đang nằm trong đó.

Đại Bàng bị thương.

Anh Hào ơi. Hai đứa mình mới thay cửa, đổi hướng. Hai đứa đã cười ha hả nói rằng năm nay thế nào cũng có vợ... Bây giờ anh lại ra đi, chưa kịp nằm một đêm trong căn phòng vừa sửa sang lại.

Tôi xin lỗi. Mỗi ngày tôi lê thân trong Quân y viện tìm mỗi thằng lính bị thương. Bọn nó cũng chết nhiều lắm. Mình đã rửa mỗi hận phần nào. Tôi xin lỗi, mấy tháng

trời mang nặng trên áo hai chiến thương, cho tôi có sức. Tôi đuối quá rồi. Tôi đuối quá rồi.

Anh Chấn ơi – Cả Qui Nhơn biết anh hết. Ngồi nghe họ nói nhiều về anh, nhớ anh rung rung nước mắt. Làm sao tôi quên, anh mặc đồ rằn, vắt trên vai thẳng lính bị thương, chạy như bay. Sau đó, bọn tôi đứng trên miệng hầm trên cao, nhìn rõ ràng anh té xuống, hai tay buông ra và nằm sấp. Thiếu úy Chấn chết. Thiếu úy Chấn chết. Tôi nghiệp, một vợ năm con và cả dũng khí còn vang trên đất Kỳ sơn. Tôi thì quá hèn. Hèn. Đến thẳng truyền tin, bị thương ở chân và tay, không lết nữa, tôi cũng chả khiêng được, như lời kêu cứu của nó vào buổi trưa địa ngục. Tôi khóc: Tao thương mày quá, Hường ơi, rán bò sau bụi, lết đi... Tao cũng bị thương, xích ra bị bắn. Mày nghĩ cho tao. Tiếng Hường rên: thì thiếu úy sai hai thằng công tôi. Tôi khóc: Mày xem, xung quanh đâu có ai. Luông bị thương. Phong bị thương, tao nữa. Mày thương tao... Tao ra thì bị bắn. Nó canh sẵn...

Đ.M. Thiếu úy!

Tôi úp mặt vào đất sỏi, khóc như đứa trẻ.

(Văn – Không rõ số)

NHỮNG NGƯỜI BẠN VIẾT VỀ TRẦN HOÀI THƯ

Phạm Văn Nhàn • Nguyễn Lệ Uyên •
Tô Thẩm Huy • Nguyên Minh • Lữ
Quỳnh • Lữ Kiều • Lâm Thúy/ • Lê
văn Trung • Nguyễn Âu Hồng •
Mang Viên Long • Lê Cần Thơ •
Lê Ký Thương • Nguyễn Dương
Quang.

Phỏng vấn Trần Hoài Thư:

Trần Doãn Nho • Phạm Cao Hoàng

TÌNH BẠN VỚI TRẦN HOÀI THƯ



Phạm Văn Nhàn (Hoa Kỳ)

Viết về nhà văn Trần Hoài Thư. Với tôi, trải qua một giai đoạn dài. Từ cuối năm 1967 cho đến hôm nay. Tình bạn vẫn gắn bó trên văn chương chữ nghĩa và ngoài đời.

1/ QUI NHƠN

Nói về bạn bè khi tôi còn làm việc ở Qui Nhơn không nhiều lắm. Ngay cả những người bạn trong đơn vị của tôi. Ngoài ra tôi còn có vài người bạn cầm bút một thời còn rất trẻ. Thỉnh thoảng gặp nhau bù khú vài ba câu chuyện cho vui. Hay ngồi quán cà phê nhâm nhi tách cà phê để nhìn thiên hạ trong những ngày rảnh rỗi. Nhưng vào cuối năm 1967 tôi gặp anh Trần Hoài Thư. Qui Nhơn là thành phố nhỏ, chỉ có vài con đường chính, lang thang rồi cũng gặp nhau. Thành phố đầy bụi và xe nhà binh. Không khí chiến tranh bao trùm, và dĩ nhiên trong những khu quân sự có lính đồng minh trú đóng. Hay trên những con đường trong thành phố đầy quán bar. (thật sự là như vậy). Những người lính như chúng tôi cảm thấy lạc lõng giữa lòng phố thị.

Đã trải qua 50 năm, ngồi ôn lại những người bạn trong thời khói lửa chiến tranh khốc liệt mà tôi gặp, trong đó có anh . Nhất là ở chiến trường Bình Định, tôi không biết gặp anh lúc nào. Ai giới thiệu. Tôi không nhớ ra. Hay chúng tôi có cái tên: không gặp mà đã quen. Mà sao tôi với anh gắn bó trên tình bạn lâu nhất. Phải nói "ngọt bùi" đều có nhau, dù hai chúng tôi khác đơn vị. Ngay cả những người bạn cầm bút vẫn nói như thế.

Vào năm 1967. Nếu tôi không có lệnh đổi về Qui Nhơn làm việc thì làm sao gặp và thân với Trần Hoài Thư ?? Bên cạnh anh, tôi còn có hai người bạn dù nhỏ tuổi hơn tôi, lại khác nghề nghiệp, mà hôm nay cũng đã 50 năm, tôi không hiểu sao lại gặp hai người bạn trẻ này. Đó là nhà thơ Phạm Cao Hoàng và Lê Văn Trung. Tôi chỉ nói ở Qui Nhơn thôi. Chứ bạn bè tôi ở các tỉnh tôi chưa nói đến. Có lẽ vì cái "tên" ? Mà thân nhau. Trước 1975, chỉ ở miền Nam, những người cầm bút dù là lính hay không phải là lính, chưa gặp lần nào. Mà nếu có gặp nhau xem như thân quen tự lúc nào.

Qui Nhơn, tôi sống lang thang không nhà một thời gian ngắn. Hết ở nhà này tới nhà khác. Hết ở bến xe tới ga xe lửa. Lang thang hoài cũng mệt, tôi quyết định thuê một căn nhà gồm 2 phòng trong khu 6 Qui Nhơn, cuối đường Nguyễn Thái Học. Gần các cơ quan quân sự. Và gần nơi tôi làm việc. Từ trong ngôi nhà này, nó như cái trạm dừng chân cho những người bạn của tôi từ chiến trường về thành phố nghỉ tạm qua đêm. Những người bạn của tôi qui tụ về. Thường nhất là Trần Hoài Thư. Phạm Cao Hoàng và Lê văn Trung. Thỉnh thoảng cũng

có anh chàng học Sư phạm tên Mai Khế cũng ghé tới chơi. Tôi không biết sau này anh Mai Khế đó đi đâu? Căn nhà có cửa nhưng không khóa, chỉ khép hờ. Nhà không có điện. Thắp đèn dầu. Không giường không bàn ghế. Nhưng đầy áp tình bạn và tình đồng đội, tình văn chương chữ nghĩa. Những người bạn từ chiến trường về phố thị cũng ở đây. Những em bị bắt đi lao công đào binh chờ ra tải đạn ngoài chiến trường cũng ở đây. Căn nhà thiếu thốn mọi thứ, nhưng tình thì không thiếu.

Nói và viết về Trần Hoài Thư. Tôi viết hoài không hết. Bản chất của Trần Hoài Thư. Người lính thám kích của Đại đội 405 của sư đoàn 22/BB nghe thì dữ dần lắm, nhưng hiền như Bụt. Ồm yếu. Gầy gò, Cận nặng (hình như 7 độ). Đôi kính cận lúc nào cũng có sợi dây thun quàng ra sau ót. Không bao giờ đội nón lưỡi trai (nón của lính). Chỉ có một cái nón rùng, cuộn lại vắt ở cầu vai áo hay nhét vào túi quần. Lang thang. Bất cần đời. Nhưng có một tấm lòng rộng rãi. Biết thương người. Hòa đồng với mọi người. Không phân biệt. Thường chơi với những người lính không có cấp bậc. Không phân biệt nhà thơ lớn nhà văn nhỏ. Đã cầm bút là chơi hết mình. Đó là Trần Hoài Thư mà tôi quen đã 50 năm nay. Không thay đổi. Mỗi lần nói đến chuyện văn chương là anh cười sáng khoái.

Có một điều cần phải nói, với THT anh viết lúc nào cũng được. Tại quán cà phê. Tại bến xe. Và trong căn nhà khu 6 không có bàn ghế. Thế mà anh vẫn viết. Một điều nữa, cần phải nói. Chữ viết của Trần Hoài Thư xấu nhất trên thế gian này. **Tôi chưa thấy ai viết chữ xấu như anh.** Thế mà các anh trong tòa soạn đọc được mới

hay. Tôi thì chịu, nếu ngồi đọc hết một truyện của THT viết.

Viết về THT giai đoạn ở Qui Nhơn. Hình như ngoài tình bạn ra tôi với anh còn có cái duyên thật kỳ cục. Như Tết Mậu Thân năm 1968. Đơn vị bắt tôi thành lập một đại đội khóa sinh về giữ an ninh từ ngày 27 cho tới sáng 29 Tết. Rải quân trên con đường dẫn vào thành phố. Đầu đường Gia Long. Trên đoạn đường này có cây xăng Ông Tề. Tối 28 tôi đi tuần tra, chớ sửa nhiều dọc theo đường rầy xe lửa, tôi cứ nghĩ là "thiên hạ" đi sắm tết. Sáng 30 Tết tôi định đi lang thang ra phố thì có lệnh cấm trại 100% . VC tấn công vào thành phố. Đơn vị của THT được điều động về giải cứu. Sáng sớm mùng một Tết, Trần Hoài Thư bị thương tại cây xăng Ông Tề. Mà cũng tại cây xăng Ông Tề này trước đó tôi có sao đâu? Âu cũng là cái số. Sáng mùng 2 Tết tôi vào QYV/Quy Nhơn thăm. Thư cười. Chưa chết. Một bản tin ngắn trên VĂN của ông Trần Phong Giao có đi như sau. Xin trích:

bị thương trong thành phố

Trần Hoài Thư, một tác giả trẻ nhiều triển vọng, quen thuộc với độc giả *Bách-Khoa, Văn...* vừa bị thương khi đem quân về tiếp viện một thị trấn ngoài Trung, trong cuộc binh biến đầu Xuân vừa qua.

Trong thư gửi tòa soạn *Văn*, Trần Hoài Thư than là đi rừng đi núi mãi không sao, ngày đầu xuân về thành phố thì lại bị « kẹt » ; cứ ao ước về thành phố xả hơi ít ngày, nay lúc được về lại là để nằm trên giường bệnh. Trong lúc đó lại có tin gia đình anh ở ngoài Huế bị tan hoang nhà cửa...

Mặc dù mắt bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư hiện đang phục vụ trong một đơn vị thám-kích. Sau những ngày giờ hành quân gian khổ, anh chỉ có sinh thú đọc nhất là đọc sách báo và sáng tác thơ văn — một sinh thú mà anh rất ít được hưởng vì nhiệm vụ tác chiến thường quá nặng nề.

Hi vọng và cầu chúc là sau ngày rời bệnh viện, Trần Hoài Thư sẽ may mắn hơn, được chuyển về phục vụ ở một đơn vị nào đó, nơi mà ngoài phần quân vụ cần thiết, anh sẽ có được một số thời giờ nhiều hơn dành cho công việc sáng tác...

Theo bản tin, Ông TPG hi vọng là sau khi THT ra khỏi viện sẽ được may mắn hơn. Làm sao có sự may mắn hơn khi một người lính không có thể lực. Không quen biết; mặc dù anh là một nhà văn có những truyện ngắn đi trên những tạp chí uy tín ở Sài Gòn . Mang đôi kính cận dày cộm. Vẫn hành quân ở ĐĐ 405 TK.

Nói về căn nhà trong khu 6 Qui Nhơn. Ngôi nhà có MA có QUỶ thật sự. Không ai dám thuê để ở. Tôi không biết cho nên thuê. Bận bè ở tác chiến về ngủ qua đêm đều thấy. Nhưng với tôi thì không. Hình như ma quỷ thấy tôi đều sợ. THT vẫn nói như vậy.

Sau đó. Có người lính quân cụ cho tôi ở ngôi nhà của

anh ta không trả tiền nhà. Nhà bên cạnh nhà tôi thuê cũ. Vách ván. Mái tôn. Có giường và bàn. Rộng và thoáng. Nhưng vẫn không có điện. Từ ngôi nhà này, một hôm, anh em họp mặt đông vui. Gồm PVN. Trần Hoài Thư. Phạm Cao Hoàng. Lê Văn Trung. Thái Ngọc San. Nhà báo Huy Hoàng và Lê văn Ngăn . Mấy anh em ngồi uống bia. Nhâm nhí khô mực, Thì Thái Ngọc San bỗng đứng dậy chỉ tay về phía Trần Hoài Thư nói : *mày là thằng lính đánh thuê*. câu nói có vẻ hằn học. Lần đầu tiên tôi thấy Trần Hoài Thư nổi giận. Anh đứng dậy đập chai bia xuống bàn định đánh . Anh Huy Hoàng can và dẫn Thư ra ngoài. Không khí mất vui. Không biết anh Huy Hoàng nói với Thư như thế nào. Nhưng sau đó Thư với anh Huy Hoàng vào. Và xem như không có gì xảy ra. Viết lại hôm nay, anh Huy Hoàng, Thái Ngọc San và Lê văn Ngăn cũng đã mất rồi. Bây giờ chỉ còn là một kỷ niệm. Lần đầu tiên tôi thấy Trần Hoài thư nổi nóng. Một lần nữa trên căn gác của Đặng Hòa (nhà thơ Nguyễn Thị Thùy My) trong khu chợ Quy Nhơn. Hôm đó tôi lại chứng kiến Trần HoàiThư nổi nóng lần thứ hai đánh Đặng Hòa mấy tát tai. Vì khuyên Đặng Hòa bỏ hút bạch phiến không được. Đặng Hòa cũng đã mất rồi.

Qui Nhơn. Tôi với THT hai người lính bụi, thường hay rủ rê "Dù" đi chơi. Hết Tuy Hòa rồi Nha Trang. Về Tuy Hòa có Mang Viên Long. Anh Trần Huỳnh Ân. Phạm Ngọc Lư. Hoàng Đình Huy Quan. Phạm Cao Hoàng. Nguyễn Lê Uyên. Rồi về Nha Trang ở nhà Lê Minh. Có Nguyễn Ấu Hồng. Thế Vũ. Chu Trâm Nguyên Minh. Tô Đình Sự. Huy Hoàng. Họa sĩ Thanh Hồ... bao nhiêu chuyện vui không nói hết. Tình bạn cứ

mỗi ngày thêm ảm áp. Cũng từ Nha Trang sau năm 1968, anh cho ra mắt tập truyện đầu tay: *Nỗi Bơ Vơ* Của bầy Ngựa Hoang. Do ý Thức in và phát hành.

Năm 1969 tôi đổi về Tháp Chàm. Phạm Cao Hoàng , Lê văn Trung cũng ra trường vào năm đó. Trần Hoài thư còn ở lại 405 TK. Mấy anh em gặp nhau chia tay. Tôi khuyên Thư tìm cách rời khỏi 405. Vì mặt trận Bình Định càng ngày càng khốc liệt.

2/ THÁP CHÀM

Một buổi sáng, lang thang đi làm việc qua Cầu Móng (cầu xe lửa), thì có một anh chàng đi xe gắn máy, áo quần bảnh bao. quay xe lại, hỏi tôi: có phải PVN không? Hóa ra là nhà thơ Võ Tấn Khanh (Tôn Nữ Hoài My). Khanh biết tôi là do Phạm Cao Hoàng báo là có tôi về Tháp Chàm. Qua Võ Tấn Khanh tôi biết thêm Nguyên Minh, Ngy Hữu. Còn Lê Ký Thương thì tôi đã biết khi tôi ăn cơm tháng với Lê Ký Thương do chị Yến, chị của nhà báo Lê Minh ở Tháp Chàm nấu cho ăn. Khi đó Lê Ký Thương làm ở tiểu khu Ninh Thuận. Tôi chỉ ăn cơm ở đây một tháng thôi. Sau đó mua thực phẩm về nhà tự nấu ăn.

Bỗng có tin nhắn của Lê Minh từ Nha Trang vào nói với tôi là THT đang ở Nha Trang muốn vào Tháp Chàm thăm tôi. Gọi tôi ra đưa Thư về Tháp Chàm. Tôi mượn chiếc xe gắn máy của người bạn ra Nha Trang đem Thư về ở với tôi. Vé Tháp Chàm tôi không cho Trần Hoài Thư về đơn vị nữa. Tính sau. Và Trần Hoài Thư ở chơi với tôi gần hai tháng. (*THT đi có giấy phép của đơn vị 405 TK*)

Tháp Chàm, có Võ tấn Khanh dạy học ở trường tiểu học Đô Vinh, gần nhà tôi thuê. Cứ vài đêm Khanh tới đùa tôi với Thư trên chiếc xe gắn máy xuống Phan Rang gặp Nguyên Minh, Lê Ký Thương, Ngý Hữu uống cà phê . Nguyên Minh là người sáng lập tạp chí Ý Thức và in cho Thư tập truyện ngắn đầu tay: **Nỗi Bơ Vơ Của bầy Ngựa Hoang**. In theo lối quay ronéo, chữ nghiêng (tôi còn nhớ như thế). rất đẹp. Bìa do Lê Ký Thương trình bày. Người đánh máy trên stencil là chị Phương, bạn của Nguyên Minh. Kể ra chị Phương này cũng giỏi khi ngồi mở to mắt mà đọc những truyện ngắn của THT. Như tôi đã viết: *chưa ai viết chữ xấu như THT* . Nhưng chị Phương đọc được. Có dịp tôi sẽ nói về tập truyện đầu tay này của Trần Hoài Thư tại sao là NBVCBNH. Vui cũng nhiều mà buồn cũng nhiều cho tuổi trẻ chúng tôi trong thời chiến qua tập truyện đầu tay này của THT. Tập truyện in ra phát hành hết. Hình như 100 tập???

Trong thời gian ở Tháp Chàm (*xin nhắc lại: Trần Hoài thư không phải đào ngũ như nhiều người nghĩ*). Không thích, bỏ đơn vị đi chơi kiểu vô kỷ luật. Trong lúc ở Tháp Chàm lúc nào anh cũng muốn về lại với quân đội. Trên Vấn Đề của ông Mai Thảo có một bản tin đánh đi từ Nha Trang, vào ngày 18 tháng 11 năm 1970. Mà chúng tôi có được. Xin trích:

TỪ NHA TRANG

... Tôi đã bỏ đơn vị. Được ba tháng. Tôi muốn có một thái độ nhất là trong lúc này.

... Bây giờ thì tôi chỉ còn chờ ngày ra Tòa. Có điều chắc chắn là tôi sẽ trở lại quân ngũ : tôi muốn như vậy.

t.

18-11-70

Trong gần hai tháng ở Tháp Chàm với tôi. Tôi có nhận lá thư của ông Trần Phong Giao gởi cho tôi nói là đưa THT đi trình diện. Kể ra nhiều anh em và mấy ông trong tòa soạn cũng nghĩ THT đào ngũ. Ai cũng lo lắng cho Thư.

Vào cuối năm 1969. Tôi đưa Thư ra Nha Trang trình diện nơi Quân vụ thị trấn (đồn Quân Cảnh). Ra tòa án binh. Giáng cấp. Rồi đến Đơn Vị 2 Quản Trị, đóng ở Diên Khánh, Nha Trang. Và từ đây, Trần Hoài Thư nhận sự vụ lệnh lên Sư Đoàn 23 BB trên Ban Mê Thuột. Tôi nói với Thư: *tránh vô đưa lại gặp vô dĩa*. Ngày tiễn Thư lên Ban Mê Thuột tại bến xe Nguyễn Hoàng, Nha Trang, tôi cởi chiếc jacket cho Thư mặc. Và có thêm hai người bạn tiễn Thư lên đường là nhà văn Nguyễn Âu Hồng (ở Mỹ) và nhà thơ Nguyễn Sa Mạc (còn ở VN). Và cũng từ ngày hôm đó, tôi xa Trần Hoài Thư .

Đưa THT lên Ban Mê Thuột. Về lại Tháp Chàm. Tôi có một cái radio nhỏ để nghe tin tức ban đêm. Một điều thú vị là khi tôi tò mò bắt qua tần số của đài Mặt Trời

Giải Phóng Miền Nam. Vô tình tôi nghe được một bản tin nói về nhà văn Trần Hoài Thư. Đang nằm trên giường, tôi ngồi bật dậy để nghe. Đại loại: ***Bản tin nói nhà văn Trần Hoài Thư đã bỏ súng không còn bắn giết cách mạng và nhân dân nữa. Nhưng sau đó vì bản chất nguy của ông ta đã trở lại cầm súng. Tóm lại bản tin không dài. Lúc đầu ca ngợi THT nhưng sau đó trách cứ vì bản chất. Tôi nghe mà không biết ai viết bản tin này gửi vô bụng. Có nhiều nghi vấn trong số những bạn cầm bút quen biết giữa tôi với Trần Hoài Thư.***

Tôi giữ cái tin này không nói với ai, cho đến khi gặp THT bên Mỹ tôi nói cho Thư nghe. Thư cũng ngạc nhiên. Và cũng có những nghi vấn giống tôi. Dù gì khi tôi nghe bản tin này, tôi nghĩ THT không phải là nhà văn nổi tiếng bên này mà còn bên kia biết đến nữa.

Nhắc đến Thư ở Tháp Chàm. Tôi mới nhìn thấy được "cuộc sống nội tâm" của THT. Tại căn nhà tôi thuê, trên một ngọn đồi nhỏ. Dưới chân đồi là đường rầy xe lửa (nhà gần ga Tháp Chàm). Trước sân nhà có một tảng đá trắng không cao lắm mà tôi dùng làm nơi để ngồi vào những buổi chiều mát trời. Tôi thấy Thư chiều nào cũng ra ngồi trên tảng đá ấy nhìn về hướng Krong Pha. Anh buồn, mỗi khi nghe còi tàu xe lửa chạy qua. Anh nghĩ về Đơn Dương những ngày thơ ấu sống gần ga xe lửa. Tháp Chàm cũng là nơi có THT về với tôi. Tôi vui. Cho nên những ngày nghỉ, tôi với Thư thường vác súng M16 xuống sông Dinh bắn cá đem về nấu ăn. Bờ sông Dinh cây cao bóng cả. Nhiều đá lớn giữa dòng sông. Hai người lính ôm o gậy còm ở trần, ngồi trên

những tảng đá dưới những bóng cây chẳng khác nào người rừng. Tôi nhớ, có lần, THT cho tôi xem một lá thư của một người con gái tên Yến ở Cần Thơ viết cho anh. Có nhắc đến một bài hát: Buồn Tàn Thu ..." *em ngồi đan áo. Lòng buồn vương vấn. Em thương nhớ chàng....*

Thư lên Ban Mê Thuật. Tôi sống vài tháng thì dời ra Dục Mỹ năm 1970. Những năm sau, tôi có gặp Võ Tấn Khanh được biết tin Thư về vùng 4 và đã lập gia đình. Tôi cũng thế. Hai người lính bụi đã có hai người con gái thương cuộc sống bụi của chúng tôi. Từ đó không còn bụi nữa.

3/ ĐẾN MỸ

Tháng 9 năm 1991, gia đình tôi đến Mỹ theo diện H.O. Thành phố đầu tiên tôi đến là Houston. Xa lạ. Không bạn bè. Không quen biết ai, ngoại trừ người bảo trợ. Tôi sống khép kín. Cố mong làm sao tạo được một cuộc sống mới trên xứ người. Không bon chen và không đụng đến cây viết. Và cố ý tìm xem có tên THT trên những tờ báo chợ không. Vô tình, tôi bắt gặp tên THT trên trang đầu của tờ báo Xây Dựng trong ban biên tập. Mừng quá, về căn phòng thuê trên đường Beechnut tôi gọi điện cho tòa soạn hỏi số điện thoại của THT. Tòa soạn cho biết không có số điện thoại chỉ có e mail và không có địa chỉ. Tôi biết quái gì về e mail. Tôi nói với vợ tôi. Đành chịu,

Ở Houston 9 tháng không có việc làm gì chính đáng . Qua năm 1992 gia đình tôi quyết định về thành phố Amarillo, cũng trong bang Texas về phía Bắc mà lập

nghiệp cho mãi đến cuối năm 2012.

Khi ở Amarillo, vào năm 1994. Vợ tôi có quen với một chị cũng người Huế biết gia đình anh Phiệt ở Houston, và cho vợ tôi số điện thoại. Vợ tôi gọi và hỏi thăm đồng thời cho số điện thoại nhà để vợ chồng anh Phiệt chuyển cho THT. Vợ tôi làm ca chiều trong hăng bò mà tôi thường hay nói chơi là: trung tâm tàn phá sắt thép. Nhưng vì cuộc sống phải làm. Còn tôi làm ở hăng mộc. Khoảng 6 giờ chiều đi làm về, chuông điện thoại reo. Đầu dây bên kia là tiếng nói của người bạn tôi, như ngày nào: Trần Hoài Thu. Tôi mừng muốn khóc. Hỏi thăm về gia cảnh THT cho biết một vợ một con. Tôi hỏi Thu vợ tên Yến phải không? Thu nói phải. Một mối tình đẹp còn hơn tiểu thuyết.

Từ ngày đó, tôi với Thu thường gọi nhau hằng ngày. Tối về, tôi nói với vợ tôi là anh Thu có gọi. Bà vui lắm. Vì ở Mỹ tôi không có ai là bạn ngoài trừ Trần Hoài Thu. Và, hai gia đình ở Huế cũng gần và biết nhau.

Những lần gọi thăm nhau, lúc nào THT cũng động viên tôi viết trở lại. Khi đến Mỹ, tôi có đem theo một ít bản thảo viết truyện trên giấy học trò khi mới ra khỏi trại cải tạo. Viết để mà chơi, Không dám đưa ai đọc. Vì sợ.

THT động viên tôi viết. Tôi hỏi Thu viết bằng cách nào? THT nói là tôi phải mua một computer để viết. Tôi biết xử dụng computer đâu mà mua. Tuy nhiên tôi cũng ra xem giá cả. Đồng lương cu li của tôi không thể nào mua nổi cái máy đánh chữ thì làm sao mua một cái computer? Cũng may, có một anh bạn mới quen muốn

bán cái computer cũ cỡ nhỏ vì không dùng nữa, bán với giá 300 đô. Tôi mua. Đem về không biết cách dùng. Nhưng tôi nào cũng "vọc". Không có chữ đánh tiếng Việt. Không biết dùng email là cái gì. Đánh bản văn ra sao. chịu.

Qua THT. **Người bạn cũng là người thầy của tôi** chỉ cho tôi biết cách sử dụng máy vi tính, từ năm 1994 cho tới nay. Những truyện ngắn của tôi viết khi ra khỏi trại đã được phục hồi lại trên máy vi tính cỡ nhỏ này. Ngoài ra THT còn bày cho tôi copy vào đĩa để phòng hồ máy bị hư. Qua THT, kể từ năm 1969 cho đến khi tôi bắt liên lạc được với THT vào năm 1994. THT không thay đổi. Với bạn bè, anh chơi hết mình và vui tính.

4/ NGÀY ĐẦU GẶP THT và CHI YẾN

Hình như vào năm 1996 (?) THT có tổ chức ra mắt sách ở Quận Cam, Cali. THT mời tôi tham dự. Tập truyện: Ra Biển Gọi Thăm. Tôi từ Amarillo bay xuống Dallas. Còn THT và chị Yến bay từ New Jersey tới Dallas. Chúng tôi gặp nhau trên cùng chuyến bay qua Cali. Vui vô cùng, vì lần đầu tôi gặp THT sau năm 1969. Chị Yến. Tôi nói với chị, dù chưa biết chị trước 1975 nhưng khi THT về sống với tôi ở Tháp Chàm, tôi đã đọc thư của chị gửi cho Thư và chị có nhắc đến một bản nhạc mà chị ưa thích. *Buồn Tàn Thu*. Một môi tình rất đẹp. Còn hơn tiểu thuyết tình cảm lãng mạn của Bà Tùng Long nữa. Sau này, thỉnh thoảng có về Houston gặp THT và chị Yến. Trong buổi họp tại nhà Phạm Quang Tân, người chủ trương tạp chí: Văn Hóa Việt Nam. Tôi đề nghị chị hát *Buồn Tàn Thu*. Giọng

chị nhỏ, nhưng hát rất hay. Tôi nhớ mãi.

5/ TẠP CHÍ THƯ QUÁN BẢN THẢO và THƯ ẮN QUÁN

Vào khoảng tháng 6 năm 2011. Một cuộc hẹn gặp nhau tại Houston giữa tôi với THT và anh Trần Bang Thạch tại nhà con gái tôi. Trong buổi hẹn gặp nhau đó, anh Trần Bang Thạch có giới thiệu tôi với Trần Hoài Thư hai vị khách là bạn của TBT. Chị Nguyễn Nhung (Houston) và anh Cao Vị Khanh (Canada). Hai vị này cũng viết văn và làm thơ, trước 1975 thật sự tôi không biết. Trong lúc ngồi nói chuyện thì các anh đề nghị với THT và tôi làm một tạp chí Văn Học (không nhớ ai đề nghị). Với tôi làm một tạp chí văn học không phải dễ. Nhưng, tôi nghĩ ai rồi cũng có một ước mơ. Cứ cho ước mơ đó sẽ hiện thực. Sau khi đồng ý và quyết tâm (chưa nghe ai nói đến hình thành tạp chí như thế nào: Tài chánh bài vở ra sao. Chỉ nói làm sao hình thành một tạp chí). Mấy anh chị đề nghị tôi lo bài vở. Còn THT thì lo kỹ thuật nếu tạp chí hình thành.

Bảng đi một thời gian không ai nói đến sự hình thành một tạp chí hoàn toàn văn học trong buổi họp tại Houston. Người nói đến tạp chí sẽ hình thành cho được là Trần Hoài Thư. Chỉ có THT bàn bạc với tôi hằng đêm qua điện thoại. Thỉnh thoảng có Trần Bang Thạch góp ý. Bài vở ra sao? Tên tạp chí là gì? THT hỏi tôi. Tôi nói với THT là bài vở không thiếu, chỉ lo tài chánh để in và phát hành. THT hỏi tôi tạp chí chọn tên gì. Tôi có cái mau mắn mà ai cũng ghét. Trả lời ngay từ cái tên của Trần Hoài Thư: THƯ QUÁN BẢN THẢO.

Tôi giải thích cho THT nghe hai chữ BẢN THẢO. THT đồng ý cũng như bổ sung thêm nghĩa của chữ BẢN THẢO. Và sau khi tôi với THT đồng ý cái tên cho tạp chí, những ngày làm việc của THT trong hãng AT&T. Anh đã tạo nên một phần mềm (SOFTWARE) cho riêng TQBT ruột cũng như bì, và chỉ cho tôi cách sử dụng. Cần nói thêm phần mềm này đã giúp tiết kiệm đến một nửa số lượng giấy và bột in laser.

Không ngờ phần mềm (software) do THT làm riêng cho TQBT lại in được từ Nguyên Minh trong nước. Cho nên giữa TQBT và Nguyên Minh là hai nơi thường liên lạc với nhau.

Tôi thông báo cho các anh trong nhóm. Lúc đó trong nhóm chủ trương TQBT gồm có 5 người: Trần Hoài Thư. Phạm văn Nhân. Trần Bang Thạch. Cao Vị Khanh. Nguyên Nhung. Và TQBT phát hành số đầu tiên (số 1) vào **ngày 11 tháng 9 năm 2001**. THT lấy ngày này cũng là ngày đáng nhớ khi hai tòa nhà (Twin Towers) bị những tên khủng bố ném hai chiếc máy bay vào. Số 1 đúng 100 trang. Phát hành vào khoảng 500 số cho mỗi kỳ. Tiền giấy, mực và phát hành một tay anh THT và chị Yến lo hết. Sau đó là số 2. và đến số 3 trang bắt đầu tăng từ 100 trang lên đến trên 200 trang. Lúc này, tôi với anh THT đã liên lạc lại được hầu hết với bạn bè trong nước và qua email các bạn gửi bài ra cho TQBT. Phải nói là anh em cầm bút trong nước rất vui khi có một tạp chí do chúng tôi chủ trương.

Nói về cách in ấn TQBT là do một tay anh THT và chị Ngọc Yến, vợ anh. Một người vợ lúc nào cũng khuyến khích anh làm văn học. Theo tôi được biết ngày đi làm, tôi về anh xuống basement chật hẹp của ngôi nhà anh

ở, xử dụng hết tất cả những dụng cụ nấu nướng của chị đem xuống basement để thí nghiệm. Anh điện thoại cho tôi nói như vậy. Tôi không hình dung ra với những dụng cụ nhà bếp đó làm sao anh đóng thành sách???. Anh hỏi tôi về cách kẹp giấy, vì tôi làm nghề mộc. Kẹp giấy khác kẹp gỗ. Anh đi mua mấy cái claim và dao cắt giấy. Anh mày mò và đóng thành tập TQBT số 1. Một thành công của anh mà tôi không nghĩ tới một THT có thể làm được.

Sau khi TQBT tập 1 phát hành. Bước kế tiếp cho ra tập 2. Sau hai tháng. Anh THT nói với tôi anh muốn phục hồi lại: Di Sản văn Chương Miền Nam. Tôi đồng ý. Và từ đó có Tủ sách DSVCMN ra đời. Với cái tên nhà in mang tên gì? Tôi nói với anh không chọn đâu xa cũng từ cái tên của anh mà ra tất cả: THƯ ẮN QUÁN. Từ đó anh tạo ra một LOGO riêng cho Thư Ấn Quán. Từ nhà in này, TQBT số 2 phát hành. Và cũng từ Thư Ấn Quán này. Tập truyện đầu tiên được lên bàn mổ của Thư Ấn Quán là tập truyện Vùng Đồi của tôi. Sau đó, TQBT không phát hành theo bất định kỳ nữa mà THT hưng phấn cho TQBT phát hành hàng tháng một. Tôi rất mệt mỏi, ngày đi làm tối về phải đọc bài, dàn trang, Lái xe thì ngủ gục. Tôi đề nghị với Thư đừng làm như vậy. Cứ bất định kỳ theo chủ trương mà làm. Nhưng bài vở của những tác giả gửi đến khá nhiều. Từ đó TQBT 2 tháng phát hành một lần. Tay nghề của THT về cách in ấn (cũng là thủ công) càng ngày càng tinh vi. Từ bìa mỏng cho đến bìa cứng. Từ dán keo cho đến khâu chỉ anh làm rất chuyên nghiệp. In từ 200 trang lên đến 800 trang với những bộ văn, thơ miền Nam đồ sộ được phát hành. Bên cạnh việc làm đầy ý nghĩa để gìn giữ một di

sản văn chương miền Nam từ năm 1954 cho đến năm 1975 thật là quý giá. Chưa có một nhà in công nghiệp nào trên đất Mỹ của người Việt làm như nhà in thủ công của THT. Bên cạnh anh, còn phải có công rất lớn của người vợ là chị Nguyễn Ngọc Yến. Mãi đến hôm nay, TQBT đã trải qua 17 năm với 79 số, phát hành liên tục, và những tập sách do Thư Án Quán in cho bạn bè cũng phát hành liên tục. Một điều thú vị nữa là về kỹ thuật in của anh đã cho ra bìa hình và chữ nổi. Một lỗi in đầy ấn tượng trong năm 2018 khi anh in tập thơ Thu Hoang Đường cho nhà thơ Lê văn Trung (trong nước) mà người bạn của anh là Nguyên Minh rất ngạc nhiên và khen anh khi cầm trên tay tập thơ của LVT..



THT và PVN trên đỉnh Washington Rock (NJ)
(hình chụp của Tô Thẩm Huy)

Viết về THT ở cái tuổi thất thập cổ lai hi này, đã trên 50 năm, với anh, vợ bệnh anh đau mà vẫn mãi còn đam mê chữ nghĩa. Tôi nghĩ trên cõi đời này ít có ai như anh. Viết mãi về anh , viết hoài không hết.

Houston, 5/2/2018

■

NGƯỜI VỊN THƠ ĐỨNG DẬY



Nguyễn Lê Uyên (VN)

Năm mười ba năm trước (1965) Phùng Quán đã thốt lên: *“Có những phút ngã lòng/ Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy”* (1).

Phùng Quán đã phải vịn thơ, đứng dậy giữa những sóng gió cuộc đời, bởi đòn thù của những người lãnh đạo văn nghệ thời ấy “ném” về phía ông và những nhà văn khác trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, những ngôn lộng mủ mê!

Năm mươi ba năm sau, lại cũng có một người phải vịn thơ đứng lên tiếp tục trả nợ đời, khi phải cong người làm khiếp dẫu tằm. Đó là ông già Trần Hoài Thư *“Bây giờ hết bầu vú rồi/ Tôi xin lục bát vịn vào để vui”* (2).

Hai người thuộc hai thế hệ khác nhau, đều phải vịn thơ để đứng dậy trong bối cảnh xã hội khác nhau nhưng cùng mẫu số chung là thân phận của các nhà văn VN trong chiều dài phân ly giữa hai miền Nam Bắc bằng những hệ số kinh hoàng của máu và nước mắt...!

Thật ra, với Trần Hoài Thư, không phải mãi tới tận bây giờ mới “vịn thơ”. Anh đã “vịn” kể từ khi có truyện ngắn đầu tiên “Nước mắt tuổi thơ” đăng trên tạp

chí Bách Khoa năm 1964, lúc đang dạy học tại Hội An. Nội dung truyện ngắn là những dự báo cho cuộc đời anh sau này. Sau đó, thơ và truyện đăng rải rác trên các tạp chí văn nghệ Sài Gòn, nhưng anh viết nhiều và được độc giả chú ý là từ khi anh tốt nghiệp trường Sĩ Quan BB Thủ Đức, nhận nhiệm sở tại ĐĐ Thám Kịch thuộc SĐ 22 BB đóng ở cầu Bà Gi, Bình Định.

Những năm đó, tôi đọc anh nhiều cũng như nhiều các nhà văn trẻ cùng thế hệ. Đọc và chỉ biết một Trần Hoài Thư có bút lực đáng nể phục (Anh viết khá dễ dàng, bất kỳ đâu: lúc dừng quân, khi trong hầm trùm poncho, khi quán cà phê, lúc thư thái nhà bạn bè...). Ở thủ đô Sài Gòn lúc bấy giờ, hề có bao nhiêu tạp chí văn nghệ ra hàng tuần, nửa tháng, một tháng anh đều có bài đăng.

Lần đầu tiên gặp Thư là mùa Giáng sinh năm 1969 khi húng chí, từ Cần Thơ theo bạn đồng môn quê Qui Nhơn về thăm nhà. Ấn tượng đầu tiên đập vào mắt tôi sáng hôm đó là những vòng rào kẽm gai vây bọc doanh trại, nằm dưới chân đồi; trên cao là Tháp Đồi và Bộ TL SĐ 22BB. Doanh trại bên kia cầu, cách QL 1 chừng vài trăm mét. Chúng tôi xuống xe, leo lên con dốc ngắn tiến về phía cổng. Trong khi loay hoay hỏi người lính gác thì đã thấy ông Thiếu úy Trần Quý Sách lưng thừng bước ra. Sau màn tự giới thiệu, cả hai nhận ra nhau. Cần mở dấu ngoặc, rằng những người viết trẻ thời đó, chỉ gặp nhau trên trang báo, biết tên nhau, biết địa chỉ “lờ mờ” của nhau kiểu “văn kỳ thanh”, nhưng lúc giáp mặt thì tay bắt mặt mừng y như rằng họ là những người bạn cô tri lâu ngày gặp lại. Đây là một đặc điểm có một không hai của những anh em viết văn miền Nam trước 75, không khoảng cách, không phân biệt

dầu là những người viết thân Cộng.

Sau màn chào hỏi, chúng tôi quay về Qui Nhơn. Thư đưa tôi vào một quán cà phê trên đường Phan Bội Châu, cách bài trí và không gian giống như quán cà phê Tùng nổi tiếng ở Đà Lạt, nơi gặp gỡ của các anh em văn nghệ sĩ. Sau màn cà phê, Thư đưa tôi ngồi xe Lam xuống Khu 6, đến khu nhà trọ của anh em giáo sinh Sư phạm Qui Nhơn (mà sau này tôi gọi là Biệt Điện của anh em văn nghệ ở QN), nơi thường xuyên gặp gỡ của Lê Văn Trung, Phạm Văn Nhân, THT, Phạm Cao Hoàng, Lữ Quỳnh, Đặng Hòa, Hoàng Ngọc Châu, Nguyễn Phương Loan... Căn nhà trống hoác rộng thênh thang, không thấy bóng một ai, mừng màn chiếu gói bừa bãi, xoong chảo móp méo, chén đĩa cái trên sàn nước, cái sắp ngửa trong chiếc rổ tre. Anh Thư ngồi trên mép giường nhăn nhó: “cái động” của tụi tôi, bất cứ bạn bè nào cũng có thể ghé qua, ăn ở khi lỡ độ.

Chúng tôi chia tay nhau, hẹn gặp nhưng chẳng biết bao giờ được gặp nhau?

Quay về Cần Thơ, tôi cảm cổ học chỉ vì sợ thi rớt thì sẽ lâm vào tình cảnh của những người anh đi trước với những vòng kềm gai quanh doanh trại.

Một chuyện rất hi hữu, như có duyên tiền định, chị Nguyễn Ngọc Yến, nhân viên của Viện ĐH Cần Thơ đã giúp đỡ tôi rất nhiều về tinh thần trong những ngày đầu của một sinh viên xa xứ. Chị cổ vũ tôi đứng ra lập chương trình Văn Học Nghệ Thuật trên đài Phát Thanh Cần Thơ, sau đó cùng với Trương Cương Thanh, Huỳnh Văn Minh, Nguyễn Thành Nghiệp... lập ra chương trình Những Tối Thứ Bảy do nhóm SV chúng tôi tổ chức đọc thơ, ca nhạc ở giảng đường lớn của Viện. Đơn xin phép Viện Trưởng một tay chị Yến

lo liệu. Đêm ra mắt, thành công ngoài sức tưởng tượng, bởi sinh viên các khoa đều có những giọng hát, đọc thơ đặc sắc. Chương trình thu hút đông đảo khán giả là sinh viên, học sinh, công chức, kéo dài được hơn một năm và chị Yến là người luôn có mặt trong các đêm trình diễn. Tôi quý chị Ngọc Yến, không phải vì những lúc thiếu tiền cơm, nhà trọ đến hỏi mượn mà hơn hết là tấm lòng của một người chị đích thực, và thứ đến là chị đọc nhiều, trong đó chị mê nhất truyện Trần Hoài Thư. Trên Văn năm 1969, anh Trần Hoài Thư và tôi có truyện đăng cùng một số. Khi nhận được nhuận bút, tôi mời chị đi ăn bún bò Huế quán ông Ba Mập (trên con lộ từ Cần Thơ đi Long Xuyên) ở Bình Thủy. Trong lúc ngồi chờ, chị hỏi: em quen thân với ông nhà văn Trần Hoài Thư nhiều không? Dạ, quen biết nhiều nhưng không thân nhau lắm vì chẳng mấy khi được gặp nhau để hiểu nhau nhiều hơn. Chị nói: Không biết ngoài đời ông nhà văn này có dữ dội như trong truyện không? Là sao? - Tôi hỏi lại. Là buồn thả, là đau khổ, là khôn quần trong lửa đạn... Rồi chị hỏi thêm về thân thế, gia đình. Tôi mù tịt, nhưng cũng hiểu ra rằng chị đã yêu những tác phẩm của Trần Hoài Thư và từ tác phẩm, chị yêu con người đã tạo ra chúng, nói như cách nói của Đặng Tiến.

Tối đến, tôi viết cho anh một lá thư khá dài về chị Ngọc Yến về tính cách về phẩm chất của người phụ nữ Nam Bộ được giáo dục trong một gia đình nề nếp, gia phong theo đúng nghĩa. Tôi ca ngợi, tôi hồng chúc lục chị, nhưng không ngoa, vì chị còn hơn thế. Tôi khuyên anh viết thư ngay cho chị vì chị đã “phải lòng” từ những tác phẩm của anh từ lâu. Hễ có dịp gặp nhau, nói chuyện văn chương thời chiến, về những người

viết văn cảm sung, tôi không tiếc lời ca ngợi bạn tôi trước mặt chị...

Không biết hai người đã thư từ qua lại thế nào. Nhưng đúng một cái nghe tin bạn mình và chị hẹn hò nhau ở tòa soạn tạp chí Bách Khoa. Đó hình như là quãng thời gian tôi ra trường, về dạy tại Gò Công và 2 tháng sau khăn gói vào Thủ Đức. Khoảng tháng 6 (hay 7) năm 1971, đang lặn lội trên bãi tập, bất ngờ nhận thư chị, nguyên văn: “Chị và anh Thư cưới nhau, em cố gắng xin phép về SG dự đám cưới, ngày, giờ, địa điểm...”. Tôi mừng rơn, vì đây là một cặp rất xứng đôi, sẽ nâng đỡ nhau trong công việc viết lách của anh (và đúng như vậy sau khi hai người định cư ở HK, anh làm báo TQBT và NXB Thư Ấn Quán bên cạnh chị là người phụ việc đắc lực nhất). Và để chia sẻ niềm hạnh phúc tròn đầy của anh chị, tối đó tôi mời Cao Huy Khanh và Viêm Tịnh xuống câu lạc bộ SVSQ uống la ve!

Đám cưới đơn giản. Đó là buổi chiều thứ Bảy, từ Thủ Đức về SG, chạy ngay đến tòa soạn Ý Thức 666 Phan Thanh Giản. Anh em có mặt “đông đủ”, gồm Đỗ Hồng Ngọc, Nguyên Minh, Võ Tấn Khanh, tôi, chị Sáu (chị NM) và chú rể mặc đồ trận! Nhà trai bấy nhiêu đó. Chị Sáu đứng chủ hôn, chắt lên chiếc xe LaDalat chạy qua chung cư Nguyễn Thiện Thuật, cách đó không xa. Nhà gái có ba má và anh chị em chị Yến. Rất đơn giản. Rất gia đình. “Nghỉ lễ” diễn ra nhanh chóng nhưng ấm cúng vô cùng. Một ấn tượng đã đóng đinh vào đầu tôi tới tận bây giờ là sau khi mọi thủ tục xong, ba chị Yến nói: “Ba má và gia đình chúc hai con luôn hạnh phúc”. Mọi người chào nhau ra về, anh Thư và chị Yến cũng theo ra. Tôi thấy hai người như một chiếc

thuyền và mái chèo khi đi bên nhau và chợt nhớ tới bài thơ của Hữu Loan “cưới nhau xong là đi”.

Gia đình thì êm ấm, và hơn hết sau bao nhiêu trọc trặc trong đời binh nghiệp, anh được chuyển về Quân Đoàn 4 làm sĩ quan báo chí kiêm phóng viên chiến trường. Lúc này tôi cũng được biệt phái về trường cũ, thỉnh thoảng lại gặp nhau ở SG, lúc phải học thêm để lấy cho xong cử nhân văn chương ở ĐH Văn Khoa. Tôi và anh Thư có hai lần gặp nhau từ năm 1972-1975 ở SG. Lần thứ nhất đến Văn nhận nhuận bút, anh Thư có ở đó, anh Trần Phong Giao mời cả hai qua bên kia cầu Tân Thuận nhậu lave và “đi hoang”, khi trở về Cầu Kiệu đã thấy Trần Dza Lữ nằm say mềm trên chiếc Sopha của anh Giao. Lần thứ hai, tình cờ hơn, khi anh Giao đã rời Văn sang làm tờ Chính Văn với Nguyễn Mạnh Côn, anh Thư và tôi lại gặp nhau tình cờ. Sau đó cả ba và đèo nhau xuống Nguyễn Kim uống bia nói chuyện văn chương....

Cuối cùng thì bắt tin nhau sau biến cố 30.4. Những tù đầy, những lý lịch, tra xét hoành hợ, những bo bo sấn mìn... đã khiến mọi người không còn thời gian để nghĩ đến nhau. Cho đến giữa năm 2000, buổi sáng đang cuốc đất trồng rau trong vườn nhà, có tiếng chuông đổ dài. Quăng cuốc chạy vào nhắc máy, một cái giọng nghe rất quen nhưng không tài nào nhớ ra là ai. Đầu dây bên kia cổ kéo dài và hỏi, không nhớ thiệt hả? Âm giọng cuối cùng làm tôi nhận ra đó là Phạm Văn Nhân (đã cùng anh Thư từ Qui Nhơn đến nhà chơi mấy ngày hồi năm 1969 có cả Phạm Ngọc Lư, Phạm Cao Hoàng uống rượu “Cỏ May Thần Tửu”, nói phét...). Anh Nhân cho hay đã định cư ở Mỹ diện HO và từng ở tù tại quê tôi (trại giam A30) đến 8 năm! Anh kể những

ngày trong trại giam, và khi được thả, anh xuống thị xã vào nhà HÐHQ hỏi thăm tin tức bạn bè nhưng HÐHQ lắc đầu nói không gặp ai cả. Lúc bước ra, giật mình khi ngó thấy trên balcon treo tấm bảng VP đại diện báo ND! Thời gian đó tôi đã về TH, gặp HÐHQ nhiều lần, vậy mà... Chuyện hưu vượn buồn vui khá lâu, anh hẹn sẽ gọi lại. Tôi gác máy quay ra luống đất. Vừa bỏ được mấy nhác, chuông lại reo. Chạy vào. Nhắc máy. Giọng Huế rất “hồ hởi” NLU hả, mình đây. Trời đất, anh Thư sao biết số máy tôi? Biết rồi, biết bạn bị đuổi việc, biết bạn quay về về cầm cuốc, biết cả... Lại đông dài hỏi tin và kể cho nhau nghe quãng thời gian khốn khó, công việc của nhau. Chị Yến bên cạnh cũng chen vào. Ba người thì nhau nói, không còn nhớ là nói những gì...

Sợi dây liên lạc được nối lại, Anh Thư lao vào làm báo, in ấn và chị Yến hết lòng giúp sức. Có niềm vui và hạnh phúc nào lớn hơn không?

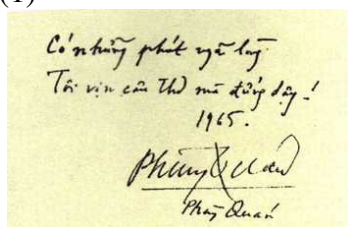
Suốt mấy chục năm qua, sau khi về hưu, anh cặm cùi ngồi vá lại những trang sách văn học của miền Nam bị phía bên kia tiêu hủy một cách tàn độc. Anh bỏ công sức, tiền của ra vá và vá. May mà bên cạnh có chị Yến, lái xe đưa anh tới thư viện ở New York, trong khi anh vào bên trong, chị ngồi ngoài xe đợi cả 3, 4 tiếng giữa trời giá buốt. Rồi, chị lái anh cặm cùi ngồi khâu sách ở ghế sau. Trên đời này có người thứ hai như ông già Trần Hoài Thư và chị tôi Nguyễn Ngọc Yến?

Công việc làm của anh lắm người khen nhưng không thiếu những kẻ chê trách, rằng ông già đi làm công việc “ôm rơm nặng bụng”, “ăn cơm nhà vác ngà voi hàng tổng”... Nhưng mặc cho những lời khen chê, công việc anh cứ làm; có khi lái xe hàng 6, 7 tiếng trong mưa dày trời, hay tuyết phủ trắng đất, đến thư

viện tra tìm, sao chép sách báo cũ (miền Nam) một cách cẩn mẫn, như một trách nhiệm và bổn phận phải phục hồi lại những gì có thể làm trong đồng di sản cháy, khói ngùn ngụt mà anh đã nén lòng không để bật tiếng kêu đau về cảnh khủng khiếp có một không hai này ở xứ sở “siêu việt này”.

Cảm ơn anh Trần Hoài Thư, chị Nguyễn Ngọc Yến.

(1)



Thủ bút nhà thơ Phùng Quán

(2) Vịn Lục Bát, tập thơ Trần Hoài Thư, TÂQ HK, xb 2017

KIM MAO SƯ VƯƠNG VÀ TÔI



Tô Thẩm Huy (Hoa Kỳ)

Trần. Hoài. Thư. Tôi làm quen với ba chữ ấy ngọt đã trên dưới 50 năm. Qua tạp chí Văn. Trong những năm cuối thập niên 60, đầu thập niên 70. Tháng 5 năm 1975 tôi di cư sang Mỹ. Những năm kế tiếp, làm gì kiếm ra sách báo tiếng Việt ở xứ này mà đọc. Lèo tèo ở các chợ người Việt mới bắt đầu thành lập, thỉnh thoảng có thấy bày bán một vài sách cũ in lại ở Mỹ. Tôi xoay qua đọc báo chí, sách vở tiếng Anh. Và học thêm, ôn lại cái vốn chữ Hán thừa thừa của mình, qua sách vở cũng bằng tiếng Anh. Cái tên Trần Hoài Thư, cùng với tên của các nhà văn miền Nam khác, như thế từ từ dần chìm vào quên lãng. Cuộc sinh nhai cơm áo đưa đẩy tôi vào chuyện bù loong đình ốc, không có nhiều cơ hội tiếp xúc với sinh hoạt báo chí Việt Nam. Cho đến ngày Cao Đông Khánh xuất hiện trên văn đàn với tập thơ *Lịch Sử Tình Yêu*, năm 1981. Tập thơ ấy đã kích động, đã kéo tôi trở về với văn chương tiếng Việt. Và tôi lại làm quen với các tờ Văn, Văn Học, Hợp Lưu...

Nhưng với Thư Quán Bản Thảo thì mãi đến năm 2014 tôi mới biết đến nó.

Rất tình cờ. Hôm ấy tôi bước vào thư viện của

Viên Thông Tự, một ngôi chùa sư nữ ở vùng Đông Bắc Houston, tìm đọc kinh kệ. Bên cạnh các pho kinh sách là một tờ tạp chí, *Thư Quán Bản Thảo Số 59*, bìa trước có dòng chữ *Số Đặc Biệt Tưởng Niệm Phùng Thăng*. Hai chữ *Phùng Thăng* gợi lên trong đầu tôi bao kỷ niệm, dạt dào tình cảm yêu mến: Hai chị em, bà Phùng Thăng và chị bà, Ni Cô Trí Hải Phùng Khánh, và những truyện dịch *Bất Trử Đồng Xanh*, *Câu Chuyện Dòng Sông*, *Sói Đồng Hoang* một thời làm say mê giới trẻ chúng tôi...Tôi bàng hoàng ngồi đọc những bài viết rất thú vị về Phùng Thăng, biết thêm nhiều điều về thuở thơ ấu lúc Phùng Thăng còn cắp sách đến trường, về phong cách dịu dàng, trang nhã, về một tâm hồn sáng trong, cao quý, về một người cô giáo duyên dáng và minh triết. Và càng bàng hoàng hơn khi biết đến cái chết đau thương, cái cách kinh hoàng mà con người tài hoa, mát lạnh như sương sớm ấy đã từ giã trần gian. Và từ đây, sợi giây giữa TQBT và tôi đã nối kết mối liên lạc. Từ đây, cái tên Trần Hoài Thư đã một lần nữa trở thành một phần đời sống của tôi. Tôi viết thư, hỏi xin anh một số sách mà Thư Quán Bản Thảo đã in lại. Hễ cứ xin một quyển, thì được gửi hai, ba quyển khác. Dường như con người yêu mến văn chương ấy lúc nào cũng hào hứng, tha thiết. Gặp được kẻ nào có lòng quý mến văn chương miền Nam thì anh hăm hở muốn đem cả cái kho sách mà anh đã dày công sưu tập ra in lại, từng cuốn một, để tặng kẻ ấy. Mà cái cách in của anh thật có một không hai trên cõi đời này. Không một ai, không có một cách nào mà người ta có thể in, bằng phương pháp thủ công nhưng khôn ngoan, tài tình như thế, với cách biến chế những vật dụng có khi đã bị phế thải, hay chẳng liên quan gì đến việc in ấn, thành những

dụng cụ cắt xén, dán keo, gấp bì, khâu chỉ rất tài tình, hiệu nghiệm. Ngoại trừ Trần Hoài Thư. Nhưng xin tạm gác chuyện ấy sang một bên. Bây giờ xin kể đôi chuyện dính líu đến Phùng Thăng và người bạn chân tình của Trần Hoài Thư: nhà văn Phạm Văn Nhân.

Chúng tôi dăm ba người bạn yêu mến văn chương thường mỗi sáng thứ Bảy gặp nhau uống cà phê, hàn huyên tâm sự: Phan Xuân Sinh, Cái Trọng Ty, Lương Thư Trung... Một buổi sáng nọ cách đây hơn 2 năm có một người cao lênh khênh chống gậy đi vào quán. Anh Phan Xuân Sinh, người mà tôi thường nói đùa là quen hết tất cả mọi người ở trần gian, giới thiệu đây là Phạm Văn Nhân, người cùng với Trần Hoài Thư làm tờ Thư Quán Bản Thảo. Anh Cái Trọng Ty thì giới thiệu với anh Nhân là tôi là tác giả bài viết về tập thơ Có Một Mùa Trăng Xa Như Biển của anh. Anh Nhân khen bài viết của tôi hay. Rồi câu chuyện đưa đẩy thế nào tôi không nhớ, Phạm Văn Nhân nhắc đến Phùng Thăng, đến bài Trần Thiện Đạo phê phán, chê bai vở kịch *Những Ruồi* mà Phùng Thăng dịch từ vở *Les Mouches* của Sartre. Ngay cả cái tựa nhan đề sách, cũng đã bị buộc tội là dịch chữ mà không dịch văn, đem chữ LES dịch là NHỮNG, còn Mouches thì dịch là Ruồi. Tôi lên tiếng phản đối lời kết tội ấy, rằng chữ NHỮNG trong tiếng Việt không chỉ dùng để chỉ số nhiều, mà còn được dùng như một mỹ từ pháp để bày tỏ sự tán thán, mà điển hình là những câu trong Kiều. Rằng *Những Ruồi* là cái tựa hay tuyệt vời. Anh Nhân hứng chí ‘*ra lệnh*’ cho tôi phải viết một bài bình vực cho Phùng Thăng. Từ đấy, qua mối giao tình ngày càng thấm thiết hơn giữa anh Nhân và tôi, tôi càng biết thêm và quý mến hơn con người của Trần Hoài Thư. Sống

hết mình với cuộc đời.

Một hôm, trong khi ngồi tán chuyện văn chương sau vườn nhà anh Phạm Văn Nhân, tôi rủ anh lên New Jersey thăm Trần Hoài Thư. Anh đồng ý ngay. Thế là chúng tôi rủ thêm người thơ Cái Trọng Ty làm bộ ba tam sên Thiên, Thổ, Thủy gồm Nhân, Ty, Huy từ Houston bay lên. Từ Virginia thì anh Phạm Cao Hoàng và Lâm Thuý, một người bay, một người lái xe, cùng lên tham dự. Sáu anh em chúng tôi đã có một hai ngày thật hạnh phúc bên nhau đầu tháng Năm, 2017. Và dịp ấy đã cho tôi cơ hội để gặp gỡ Trần Hoài Thư, người mà mới gặp tôi đã nghĩ ngay trong đầu phải gọi tên anh là Kim Mao Sư Vương, và hiền nội của anh là chị Nguyễn Ngọc Yên. Chị Yên là người có giọng nói trong trẻo đặc biệt. Một giọng Nam rất dễ thương, dễ mến. Mỗi câu thường bắt đầu bằng một chữ ‘*da*’, ngân dài vừa đủ để người nghe thấy được cái chất ngọt ngào ngọt lịm của giọng con gái Cần Thơ cành vàng lá ngọc. Lễ độ mà vẫn ngọt ngào. Ân cần mà vẫn phép tắc. Cô tiểu thư con nhà giáo có khác. Hôm chúng tôi vào nursing home thăm, chị linh hoạt và vui khác thường. Bộ nhớ của chị vốn bình thường không tỉnh táo lắm hôm ấy bỗng hồi sinh trở lại. Chị cười nói duyên dáng. Nghe anh Thư giới thiệu Cái Trọng Ty chị nhận ra ngay, dù trước đây chưa gặp bao giờ, chỉ vì Thư Ấn Quán đã in tập thơ đầu tay *Có Một Mùa trăng Xa Như Biển* của anh Ty. Thấy không ? Có việc làm gì của Thư Ấn Quán ngày trước mà không có bàn tay của chị chăm sóc ? Lại còn dí dỏm khen anh Ty lúc ấy đang đội cái mũ lưới trai là “manger photo” làm anh Ty phồng cả mũi. Tôi nghe anh Nhân kể thuở mới quen nhau chị hay hát bài Buồn Tàn Thu cho anh Thư nghe,

nên tôi hát trước vài câu, và chị đã hát theo trọn bài. Lại còn kể cho tôi nghe giai thoại về Lý Bạch nhảy xuống sông vớt trăng mà chết đuối. Tôi tiếc đã không được gặp chị mười năm trước. Ngồi nghe chị nói chuyện hẳn thú lắm. Nghe chị hát chắc là còn thanh thoát, thú vị gấp bội. Anh Thư sắp thức ăn lên khay cho chị. Chị tự cầm đũa gấp lấy. Anh Thư đứng bên cạnh vỗ tay. Cảnh tượng vừa buồn cười, vừa rơi nước mắt. Giọt nước mắt yêu thương, tha thiết. Và với tôi, có lẽ riêng tôi, chua xót.

Dịp này, tôi cũng đã nhìn thấy một khía cạnh khác mà có lẽ ít ai thấy như tôi, kể cả những người thân thiết với anh lâu năm: Con người Toán học của Trần Hoài Thư. Tôi với anh cùng là con nhà Toán. Dân Toán chúng tôi thường nhìn sự việc bằng con mắt *see the forest for the trees*. Trái với quan niệm thông thường, cho là con mắt ấy đặc biệt ở khả năng phân tích, ở cách nhìn *analysis*. Thật ra thì ngược lại, nó chuyên tìm cách tổng hợp, sắp xếp những phần riêng biệt, rồi rẽ lại với nhau một cách có ý nghĩa. Cách nhìn *synthesis*. Và bằng con mắt Toán học ấy, kẻ cầm bút làm thơ, viết văn dễ dàng như chơi, thống khoái như thở ấy, đã chế biến ra các dụng cụ giúp anh thành hình những quyển sách đẹp không thua nhà nghề dùng máy tối tân. Chẳng hạn như máy gấp bìa sách. Đôi lúc dòng chữ in ra không ngay hàng với mép giấy. Trần Hoài Thư chỉ cần để một tờ vellum trên kẻ các dòng ngang dọc là có thể cắt xén, gấp gáy thẳng boong.



Máy cắt giấy Máy gấp bì Giá dán keo

Cái “xưởng” in của Thư Ấn Quán vững vàng sống được đến ngày hôm nay một phần là nhờ ở cái tài chế biến ấy của Kim Mao Sư Vương. Cái máy in này mua có mấy chục đồng đem về chỉnh sửa lại tốt hơn mới. Cái máy kia mua về chế biến lại in giấy đôi đờ tốn tiền giấy. Chẳng có gì mà Kim Mao Sư Vương sợ cả. Cái gì chưa biết thì anh mày mò, tìm tòi cho đến khi biết. Anh như con tê giác lùi lùi đi thẳng về đằng trước. Chuyện gì cũng dám đưa tay vào, hay đúng hơn, đưa vai vào gánh vác. Lâu lâu từ New Jersey anh gọi điện thoại về Houston vẫn kể tôi. Có cái máy scan bóng đèn 12 VDC bị cháy mà đã discontinued, không có cái để thay, anh gọi cho tôi hỏi chỗ mua transformer để biến điện 120 VAC sang DC, rồi gắn thêm cái quạt máy nhỏ bên cạnh cho bớt nóng. Tôi bày anh cách khỏi mua transformer chỉ cho tốn tiền mà chỉ dùng bóng LED G4 v.v...

Nhưng viết về Trần Hoài Thư mà không nhắc đến tám lòng thủy chung, chỉ chút săn sóc cho chị Yến thì thật là thiếu sót. Mỗi ngày. Cái đáng kể là ở chỗ ấy. Làm việc ấy trong đôi ba ngày, đôi ba tháng, cũng không khó lắm. Nhưng ba năm, thì cái khó nhọc của mỗi một ngày ấy lại mỗi ngày một nặng gánh. Phải qua cái cầu ấy mới hiểu được phải phấn đấu thế nào. Đây

cũng là một điều mà tôi chia sẻ đặc biệt với anh tận đáy lòng. Bởi vì tôi cũng đã qua cái cảnh gặt lệ mà đưa song thân vào nursing home vì không có cách nào khác, đã qua cảnh 7 năm trời mỗi ngày vào nursing home cơm nước, tắm rửa cho song thân. Mỗi ngày.

Những lúc nghĩ đến cảnh anh một mình cặm cụi nấu nướng cho chị mà tôi chưa xót, mũi lòng. Thế nhưng những lúc nghĩ đến cảnh anh một mình dùng toàn thân ấn xuống lưỡi dao cắt giấy, hay loay hoay dưới hầm dấm bìa, khâu chỉ, mà vẫn sáng tác, mà thơ vẫn tuôn chảy, mà chân vẫn bước mặc cho gout nó hành, thì tôi lại thêm phấn khởi. Và tôi mỗi lúc nghĩ về anh là mỗi lúc tôi cứ tin là Kim Mao Sư Vương mình đồng da sắt. Trần Hoài Thư có thể ngã, nhưng không bao giờ chịu thua, luôn luôn đứng dậy. Vịn vào chính mình mà đứng dậy. Chẳng cần đến ‘lục bát’ hay ‘mấy bát’ gì để vịn cả. Con thần lùn ấy đã chọn nghiệp. Nghiệp văn chương.

NGHIỆP HÀNH



Nguyễn Minh (VN)

Phạm Văn Nhân từ Mỹ đánh Email hỏi thúc tôi viết bài về Trần Hoài Thư mà tôi đã hứa để Thư Quán Thảo Thảo làm một số chủ đề về Người ấp ủ văn học miền Nam trước năm 1975. Làm sao tôi im tiếng được khi giữa Nguyễn Minh và Trần Hoài Thư có một mối quan hệ về văn chương rất mật thiết suốt cả thời gian dài đằng đẳng. Cả hai cùng một “lò” Ý Thức trước năm 1975. Sau này, khoảng năm 2000, tại Sài Gòn tôi làm Ý Thức Bản Thảo, chỉ lưu hành nội bộ, được mười số. Cũng thời điểm ấy, bên Mỹ Trần Hoài Thư làm Thư Quán Bản Thảo. Từ Bản Thảo giữa hai tạp chí, nghĩa lại khác nhau. Trong nước “Bản thảo” lưu hành rất hạn chế. Ở Mỹ chữ “Bản thảo” sau chữ Thư Quán như một thương hiệu.

Nhắc lại kỷ niệm xưa.

Sau Tết Mậu Thân năm 1968 chúng tôi làm tờ Ý Thức quay ronéo trên căn gác ngôi nhà số 11 đường Nguyễn Thái Học Phan Rang, qua lời giới thiệu của Lữ Quỳnh từ Qui Nhơn, Trần Hoài Thư đến với Ý Thức. Một anh

chàng cao lêu nghêu, tóc bạc, mang đôi kính cận dày cộm, mặc bộ đồ rằn rì lính trận gắn huy hiệu đơn vị thám kích. Trong lúc anh em chúng tôi hì hục quay ronéo, Trần Hoài Thư chỉ đưa mắt nhìn đầy ngạc nhiên và thán phục. Anh chịu thua, chỉ tìm một chỗ ngồi khuất bóng, cặm cụi viết. Chữ của anh trên trang giấy, nhỏ xiu, khó đọc, nhưng những truyện ngắn đó có một sức hút hấp dẫn mang tính nhân văn của một người lính thời chiến đã làm tôi quyết định xuất bản tập truyện mang tên “*Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang*”. Anh mang theo một ít ra mặt trận.

Năm 1970, tôi làm Tạp chí Ý Thức hợp pháp ở Sài Gòn, Trần Hoài Thư có tên trong nhóm chủ trương. Mở đầu tác phẩm của Nhà xuất bản Ý Thức do tôi làm giám đốc lại là Trần Hoài Thư mang tên *Những vì sao vĩnh biệt*. Ngày ra mắt sách được tổ chức tại nhà cô Yến, người đứng tên chủ nhiệm tạp chí Ý Thức, có anh Trần Phong Giao, thư ký tạp chí Văn đến dự.

Trước ngày ra tác phẩm thứ hai này một tuần cũng là ngày Trần Hoài Thư cưới vợ tại Sài Gòn. Dù đám cưới được tổ chức tại Saigon, nhưng nó giống như một đám cưới ngoài mặt trận. Cô dâu từ Cần Thơ lên. Chàng rể từ Ban Mê Thuột xuống. Không đưa dâu, không lễ lạy rườm rà. Theo lời thân phụ của cô dâu - lúc ấy là tổng thư ký và là giáo sư trường trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ, đáng lẽ đám cưới được tổ chức tại Cần Thơ, nhưng vì hoàn cảnh của thằng rể lính này không có ai quen biết ở Cần Thơ nên nhà gái đồng ý chọn Saigon làm nơi “đám cưới mặt trận” để nó có bạn bè chung vui cho “đỡ tủi”. Đám cưới được tổ chức đơn giản tại một

ngôi nhà ở gần Ngã Bảy với khoảng 30 khách tham dự gồm phía nhà gái và một số bạn bè văn nghệ quen biết của chú rể thuộc nhóm Ý Thức như Nguyễn Minh, Đỗ Hồng Ngọc (tức nhà thơ Đỗ Nghê), chị Mai giám đốc nhà in ??? nhà văn Nguyễn Lệ Uyên lúc ấy đang thụ huấn trong quân trường Thủ Đức cũng xin phép về tham dự .

Tác phẩm cuối cùng, trước năm 1975 là *Ngọn cỏ ngâm ngùi*, do Nhà xuất bản Tiếng Việt ấn hành với số lượng 10.000 bản.

Tan hàng, rã đám.

Như một cơn cuồng bão đi qua, cuốn theo, quật ngã mọi thứ, vùi dập tan nát.

Các chị em tôi bỏ nước ra đi. Tôi và vợ con ở lại chịu trận. Bạn bè ly tán. Biết đâu mà tìm. Văn chương, chữ nghĩa đành vứt đi. Áo cơm bám chặt. Đầu óc rối tung. Thời bao cấp, tôi dắt vợ con tìm về một nơi thôn quê hẻo lánh, làm ruộng, nuôi heo, sống như một nông dân. Đến thời kinh tế thị trường, các bạn bè tôi ra khỏi các trại Tù cải tạo cũng như một số khác đã ổn định đời sống ở nước ngoài sau lần vượt biên, từ từ chúng tôi mới biết tin tức lẫn nhau.

Tình cờ trong một quán cà phê, tôi với Võ Tấn Khanh nghe được từ miệng những người khách lạ ở miền Tây đến Phan Rang, về một nhà văn xuất thân từ lính thám báo sau khi ra Trại tù mang thùng ra rem bán dạo trước trường học tại Cần Thơ. Tôi giật mình liên tưởng ngay đến Trần Hoài Thư, tôi vội đến hỏi thêm tin tức thì họ cho biết hình như ông ấy đã vượt biên rồi.

Tưởng chẳng bao giờ chúng tôi biết tin tức chính xác về

nhau. Nào ngờ qua vài trang web tôi mới biết được những sáng tác mới về văn về thơ của Trần Hoài Thu trên đất Mỹ. Chuyện hy hữu, trong lần gặp lại “người tình xưa” từ Mỹ trở về, sau gần cả 30 năm, tôi nhờ nàng tìm cách gặp lại Trần Hoài Thu. Vui biết mấy. Cả hai đều ở hai tiểu bang khác nhau, cách xa nhau cả gần 12 giờ ngồi trên máy bay. Thế mà họ đã liên lạc được với nhau. Và, từ đó sợi dây gắn bó giữa tôi và Trần Hoài Thu được nối lại. Thấm thiết.

Trên đất Mỹ.

Như đã hẹn nhau qua Email, tôi sẽ qua Mỹ. Trần Hoài Thu và chị Yến từ New Jersey bay qua San Jose. Tại nhà “người tình xưa” một buổi tiệc nhỏ mừng ngày hội ngộ giữa hai người bạn văn đã từng nung đúc trong một tạp chí văn học một thời Ý Thức. Giấc mộng đưa văn chương làm đẹp cuộc đời qua hai tạp chí của chúng tôi, tuy hai mà một, ra đời, mới hoàn thành. Trong nước, dưới hình thức liên kết với Nhà xuất bản Thanh Niên, tôi ra được Tập san Quán Vãn. Ở Mỹ, Trần Hoài Thu tự do làm Tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Ly rượu mừng được nâng lên. Tiếng cười vang lên rạng rỡ. Nhìn mặt nhau qua ánh mắt yêu thương. Của vợ chồng Lữ Quỳnh. Của vợ chồng Hồ Thanh Ngạn. Của vợ chồng Trần Hoài Thu. Và, nhất là của Nguyên Minh ngồi bên cạnh “người tình xưa”. Rộn ràng.

Theo vợ chồng Trần Hoài Thu, tôi bay về ngôi nhà Thư Án Quán. Khí hậu nơi đây khác hẳn San Jose. Trời lạnh ngắt. Những ngôi biệt thự xinh xắn trong một khu rừng đầy dãy cây cao tỏa rợp bóng mát. Chỉ có hai vợ chồng Trần Hoài Thu sống lạc loài nơi đây. Chung quanh toàn

là nhà của gia đình người Mỹ. Trong ngôi nhà này như một thế giới riêng tư. Từ căn hầm kín mít, đầy áp những kệ sách, những máy in nhỏ nhắn, máy cán bìa láng, máy dán gáy sách, những computer, màn hình vi tính. Tạp chí Thư Quán Bản Thảo được in ra tại nơi này. Với một cơ sở ấn loát “không giống ai”. Ngày xưa. Còn là một người lính thám kích nhưng đôi mắt cận thị nặng Trần Hoài Thư chỉ biết nhìn, đầy thán phục và ngạc nhiên về cơ sở ấn loát của tôi. Thời đó, tôi chỉ cần một cái máy đánh chữ cá nhân, những tờ stencil, một bàn cắt giấy, vài tuýt mực đen, thế mà cũng hoàn thành mấy trăm tập truyện ngắn NỖI BƠ VƠ CỦA BẦY NGỰA HOANG tác phẩm đầu tiên của Trần Hoài Thư. Suốt cả tuần lễ hai thằng bạn già, hì hục bên nhau, cạnh những chiếc máy in để hoàn thành vài chục cuốn Quán Văn từ số 1 đến số 4 và Thư Quán Bản Thảo để mang qua Virginia tặng bạn bè do Phạm Cao Hoàng tổ chức buổi họp mặt tại nhà riêng. Vợ chồng Trần Hoài Thư thi nhau cầm tay lái suốt chặn đường cả sáu giờ xe để tôi ở lại vùng đông nước Mỹ. nhìn dòng sông Potomac. Hai thằng bạn già cùng một đam mê làm báo văn học, ở cách xa nhau nửa vòng trái đất, gặp nhau sau bao nhiêu năm, giờ lại giả từ nhau. Bịn rịn. Giơ tay vẫy chào, hẹn ngày tái ngộ.

Người đồng hành.

Nói về sự nghiệp văn chương của Trần Hoài Thư mà không nói về chị Nguyễn Ngọc Yến là một thiếu sót lớn. Ngay từ cuộc hôn nhân của họ cũng lạ lùng. Chị Yến là độc giả của Tạp chí Bách Khoa, thích những truyện ngắn của Trần Hoài Thư, như duyên trời định,

nhờ văn chương họ trở nên vợ chồng, và suốt cả khoảng thời gian dài đằng đẳng, vượt qua bao nhiêu cuộc đời đầy đắng cay. Chính chị là người cận kề, cánh tay phải hỗ trợ, giúp đỡ cho Trần Hoài Thư thực hiện Thư Quán Bản Thảo. Lúc nào chị cũng vui vẻ, động viên cho chồng viết văn, làm thơ, kể cả in ấn và phát hành. Những ngày ngắn ngủi tôi sống và làm việc với Trần Hoài Thư, tôi nhận ra điều này. Cả hai vợ chồng thi nhau lái xe đưa tôi qua New York, đến khu phố người Tàu, chen chúc những khách bộ hành, bày la liệt những món hàng giả hiệu, tôi cứ tưởng mình lạc vào khu Chợ Lớn thời xa xưa. Cả hai vợ chồng, từ ngày đến nước Mỹ đã mấy mươi năm vẫn chưa trở về quê hương Việt Nam. Tôi gợi ý nhưng cả hai đều lắc đầu. Đến một vùng biển, trong một casino, chúng tôi ngồi ngoài sân, trời gió lạnh từ ngoài khơi thổi vào, lạnh tê cả người. Trần Hoài Thư chỉ tay về ngoài khơi biển cả. nói nhỏ: “Bên kia đại dương xa vời vợi là quê hương trong trí nhớ.” Còn chị Yến đứng dựa lưng vào vách tường nhìn cảnh những con bò câu và chim hải âu đang cắn xé nhau dành mồi ăn trên đĩa thức ăn của chúng tôi. Tôi ngạc nhiên và chưa kịp phản ứng trước cảnh tượng này. Trần Hoài Thư đặt cái bánh pizza vừa mới mua ở quầy bán thực phẩm bày ra trên chiếc bàn để chúng tôi ăn bữa trưa. Tôi đang nhìn những con chim bò câu trắng hiền lành đang lững thững dưới chân tôi tìm ăn những thức ăn thừa. Bỗng từ ngoài khơi bay vào một bầy chim hải âu, đáp ngay xuống bàn chúng tôi, thi nhau mổ vào cái bánh. Bầy chim bò câu bay lên, cùng xáp vào hùnh hồ vượn cánh đưa những chiếc mỏ mổ lia lịa vào đám hải âu. Chúng nó qua một trận quyết chiến. Cuối cùng bầy hải âu bỏ vài sợi lông tơ thất trận bay ra biển. Tôi

cũng tưởng bày bỏ câu chiến thắng này sẽ thế chỗ bày hải âu kia tiếp tục mổ vào chiếc bánh. Những con chim bỏ câu trở lại về hiền lành bay xuống đất, lừng thừng những bước chân chim. Chị Yến đưa máy ảnh chụp được cảnh này, chị nói: “Chim và người có khác gì đâu. Ừ nhỉ. Chim bỏ câu tượng trưng cho hòa bình. Loài hải âu như bọn hải tặc xâm lăng. Thế đó, anh Nguyên Minh ạ!”

Tôi về lại Việt Nam, chỉ một năm sau, tôi nghe tin chị bị con đột quy. Trần Hoài Thu, một thân một mình trong căn nhà đó, hằng ngày từng giờ giấc ấn định phải vào thăm chị trong viện dưỡng lão, và vẫn tiếp tục làm Thư Quán Bản Thảo.

Lần thứ hai, tôi qua Mỹ. Gặp anh trong hoàn cảnh này. Anh già hẳn lên. Nhưng gặp tôi cầm trên tay những tập san Quán Văn mang từ Việt Nam qua để tặng Trần Hoài Thu và ngược lại anh tặng tôi cuốn Những Vì Sao Vĩnh Biệt, bản in lại sau gần nửa thế kỷ. tác phẩm này tôi đã xuất bản cho anh đúng vào ngày cưới của anh.

Trần Hoài Thu ơi! Cũng như Nguyên Minh, làm sao bỏ cuộc chơi “văn chương”. Nó như một cái “nghịch”. Và bây giờ, suốt vuộc đời này cả hai chúng tôi như bị “nghịch hành”.

SÀI GÒN, ngày mừng Một Tết năm Mậu Tuất
17-02-2018

BỒI HỒI BIỂN DÂU



Lữ Quỳnh (Hoa Kỳ)

*Từ sông núi đó ngậm ngùi
Từ trăm năm cũng bồi hồi biển dâu*

THT

Từ San Jose đến Plainfield, điện thoại thỉnh thoảng bị ngắt quãng, bởi câu chuyện thường không mấy vui. Khoảng lặng là nỗi nhện từ đáy cổ, không âm vọng mà đủ làm chạnh lòng nhau. Những lúc như thế tôi nghĩ đến đường bay từ San Francisco đến Newark airport, đến ngôi nhà luộm thuộm thiếu bàn tay chăm sóc đã nhiều năm, đến cái basement ngổn ngang computer, máy in, máy xén... Basement này là nơi để bạn khóa lấp thời gian những đêm mất ngủ, những ngày chờ đợi giờ giấc ra vào nursing home. Những Thư Quán Bản Thảo, tủ sách Di sản Văn học Miền Nam là hơi thở của bạn. Tôi muốn bay đến với bạn sau mỗi cuộc điện thoại như thế.

Ngôi nhà hoang lạnh, bạn có những phút yếu lòng, mà thắng thốt:

Bây giờ em bỏ Quan Âm

Tôi lên đứng trước bàn thờ, đốt nhang

Kìa, sao bàn tay tôi run

Tôi cần em, tôi cần em thật mà

*Vậy mà em bỏ đi xa
Bỏ ngôi nhà, bỏ buồng thờ, đèn nhang
Em đi để nhận đoạn trường
Xe lăn định mệnh, chiếc giường nghiệp oan*

*Hay là em chuộc dùm chồng
Như xưa Chúa đã chuộc dùm thế gian?*
(VỊN EM)

*Một tay kéo chiếc xe lăn
Một tay giữ lấy lưng quần hiền thê
Vợ đi bước một ê chề
Bước hai càng thấy nảo nề ruột gan
Thôi thì tạm ngồi xe lăn
Để ta đẩy tiếp đoạn đường oan khiên*
(KHI TẬP CHO VỢ BƯỚC)

*

Tuổi thơ của bạn buồn. Nhưng bạn là đứa trẻ thông minh, nên những đắng cay của một thời đã trở thành chất liệu vàng ròng cho một thời khác. Bạn ra đời sớm, dạy học rồi nhập ngũ, giữa lúc đất nước bắt đầu trải qua cuộc chiến khốc liệt. Ra trường, bạn về Đại đội 405 Thám kích Sư đoàn 22 Bộ binh, khởi sự những ngày gian khổ nhất đời lính.

Đơn vị đóng quân trên đồi Thấp Bánh Ít, nhìn bao quát từ An Nhơn đến Tuy Phước. Cảnh quan đẹp. Ngọn núi Kỳ Sơn trước mặt chẳng hùng vĩ, bí hiểm gì, nằm đơn độc giữa cánh đồng bạt ngàn mây nước; nhưng vô cùng nguy hiểm với đơn vị Trần Hoài Thu, tại đỉnh đồi này bạn đã bị thương trong một ngày bị địch phục kích.

Những lần nghỉ hành quân, bạn thường ngồi dựa lưng dưới bóng tháp để viết. Những truyện ngắn, những bài thơ đăng trên các tạp chí Sài Gòn phần lớn được sáng tác nơi đây. Bình Định là miền đất mà bước chân bạn dẫm dặt khắp nơi, từ Nho Lâm, Phước Lý, Bình Khê, Gò Bồi, Phú Phong, Phú Thạnh, Tuy Phước... Những bài thơ để lại dấu ấn của địa danh này:

*Đèn xe chọc thủng màn đêm đặc
Bà Gi chào đón ta lên đường
Qua trại gia binh đèn còn thấp
Bóng ai như người vợ bóng con*

*Chị ạ, hãy dỗ con, gặng ngủ
Xứ mình lịch sử chỉ điêu tàn
Xin chị đừng chờ hoài, hóa đá
Kéo buồn lòng thế hệ cháu con...*
(KHI QUA TRẠI GIA BINH)

...
*Thì đi về, sẽ không nói năng
Nhưng hàm răng phải cắn bầm bật máu
Những thằng sống chưa vui mừng thoát chết
Nhưng nỗi buồn những thằng chết để đây
Đây chiếc poncho thả xuống cho mày*
(CHO NHỮNG NGƯỜI KHÔNG BAO GIỜ THẤY HÒA BÌNH)
Và nhiều bài khác như *Đêm Đột Kích ở Nho Lâm*, hay *Nhảy Trục Thăng Ở Phước Lý*...

*

Năm 1969 trong một cuộc họp mặt của bạn văn từ các nơi về Phan Rang, đã quyết định đổi tên tờ Gió Mai

trước đây ở Huế thành Tập chí Ý Thức (roneo); nhân dịp này tập truyện ngắn *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* của Trần Hoài Thu được ấn hành, không phải bởi một chiếc máy quay, mà hoàn toàn bằng phương pháp thủ công với một máy đánh chữ cũ. Công trình khó khăn này do một cô đánh máy trên giấy stencil và người thực hiện in từng trang rời trước khi đóng tập là anh Nguyên Minh. Đây có lẽ là tập văn đẹp nhất được in roneo lúc bấy giờ.

Tập truyện là tác phẩm đầu tay của Trần Hoài Thu, và bạn tự hào với công việc này của anh em, vì nó đã nói lên ý nghĩa, không như lâu nay các chủ bút ở Sài Gòn quen gọi là văn nghệ tỉnh lẻ. Có thể nói, không thời nào mà lưu lượng văn chương chữ nghĩa như thời miền Nam cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970. Cùng với sự khốc liệt của chiến tranh, những tác phẩm của tác giả ngoài chiến trường lại tràn ngập như vậy. *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* ra đời giữa tiếng nổ đạn bom.

Nhà văn giai đoạn này có những tác phẩm nói lên sự bi thảm, phi lý của chiến tranh; về sự chia lìa, khốn khổ của người dân phải hứng chịu bom pháo ngày đêm, sống giữa hai làn đạn mà không biết đâu là kẻ thù. Trần Hoài Thu trong bốn năm sống ở Sư đoàn 22 đã để lại rất nhiều sáng tác về vùng đất Quy Nhơn, Bình Định này: *Gò Bồi bên kia sông, Bệnh xá cuối năm, Trận chiến buồn bã ...*

Sau này khi Ý Thức di chuyển về Sài Gòn, và thành lập Nhà xuất bản cùng tên và Nhà xuất bản Tiếng Việt, năm 1970 đã ấn hành hai tập truyện *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* và *Ngon Cỏ Ngâm Ngùi* của Trần Hoài Thu. Bạn rất bén duyên với báo chí và độc giả.

*

Điện thoại cho nhau, để sau đó là sự im lặng ngậm ngùi. Nỗi ngậm ngùi bây giờ không như của ngọn cỏ ngày xưa, nó có vị đắng của số phận, có vị mặn của cô đơn tuổi tác. Như tôi, khi viết những dòng này, phải nghi giữa chừng để uống viên cao huyết áp, phải nợ lại bài văn còn dang dở này. Trần Hoài Thu ơi, hãy gắng lên. Bạn còn Y. nữa!

*Dường như tôi sắp quy rồi
Nghe chẳng tiếng thét vỡ màng nhĩ tôi
Này em, em đừng bỏ tôi
Này thơ, xin đừng bỏ tôi một mình
Tôi cần thơ, tôi cần mình
Sao mình cứ mở mắt nhìn ở đâu...*

San Jose, Mar. 5- 2018
Lữ Quỳnh

CHÀNG THI SĨ VIẾT VĂN



Lữ Kiều (VN)

Sàigòn, 8.1.2007

Trần Hoài Thư thân mến,

Cuối năm, tôi quyết định viết thư cho bạn. Một tình bạn gần nửa thế kỷ gói ghém lại trong vài dòng chữ. Tự hẹn lâu rồi, và cũng nhiều lần rồi, nhưng chẳng bao giờ đủ bình tâm viết. Không phải vì xa cách, mà vì viết cho nhau là một dạng thức nhìn lại mình. Nhìn lại mình, tự vấn, cũng khó khăn lắm. Bởi vì trong ta có bạn, và trong bạn có ta. *Cùng một lúa bên trời lận đận! (Tỳ bà hành)*

Đầu tiên, xin gửi lời thăm bà Trần Hoài Thư. Vợ của Thư, cũng như vợ của những nghệ sĩ thời chúng ta, đều mang chung một số phận, mà trong đó, nước mắt nhiều hơn nụ cười. Chị Yến có còn nhớ một buổi trưa tháng 7 năm 1970, có chàng trung úy Thân Trọng Minh ghé lại thư viện của viện đại học Cần Thơ, coi mắt chị, người phụ nữ nào đủ dũng cảm để yêu và cộng nghiệp với bạn mình là anh chàng lang bạt kỳ hồ Trần Quý Sách. Hình như lúc đó hai người chưa cưới nhau. Tôi đóng ở Phú Quốc, bay về phi trường Bình Thủy, ăn thịt chuột ở Cái Răng (Trung tâm 4 nhập ngũ) và thăm

người vợ chưa cưới của bạn – Ôi, một thời hào sảng, một thời lãng mạn, của những tình văn quá đỗi nồng nàn, khốc liệt và tinh khiết. Bây giờ, hơn 46 năm sau, không thể nhớ ngày ấy chị Yến như thế nào, tôi như thế nào.

Bây giờ, cháu Trần Quý Thoại chưa có mặt trên đời. Nhưng nửa thế kỷ sau, đã có một bác sĩ Thoại tài hoa, làm thơ và có nét vẽ rất gần với phong cách hội họa của Lữ Kiều (những phát thảo mực tàu).

Viết lan man theo dòng hồi tưởng, bây giờ tôi muốn viết cho bạn những điều tôi nghĩ về nhà văn Trần Hoài Thư. Thật ra, tôi định viết về Bạn như một bài nhận định về văn chương Trần Hoài Thư, nhưng viết như vậy có nghĩa là một bài viết chính thức cho nhiều người đọc. Quá khó. Hoặc quá mệt mỏi. Bạn biết rằng, giờ đây, tôi chỉ còn thấy được bằng một con mắt, tôi đã hư một con mắt từ 15 năm nay, và tôi nhớ cái kính cận thị dày cộm của Thư. Bạn là người hiểu hơn ai cả nỗi khổ tâm của cái nhìn bị giới hạn. Tất cả bài văn viết về chiến tranh, về người lính thám kích là Bạn đều có nhắc đến cái kính nặng độ ấy, nó làm cho Bạn nhìn thấy bom đạn qua một làn kính khác người! Cùng với những thăm kích, cũng qua làn kính, nhưng là một làn kính khác, Bạn nhìn thấy vô hình hơn, *nhưng cũng vô hình hơn*. Đó, tôi đang bắt đầu nói về Bạn đó, Thư ạ. Tức là tâm tình với người bạn nửa đời người, một người bạn mà tôi đã yêu mến nhiều hơn bạn tưởng, bởi vì chúng ta quả thật rất ít gặp nhau ngoài đời, nhưng đã gặp nhau thân thiết lâu dài trên những dòng chữ.

Còn nhớ không Trần Hoài Thư, một đêm ở Đà Lạt năm 1973, Bạn cùng tôi đốt những điều thuốc Bastos xanh nói chuyện văn chương, thời hiệp định Paris về ngưng bắn. Chúng ta tạo những đốm lửa trong đêm lạnh tại căn nhà có tên gọi là Rectorat thuở ấy, đâu có ngờ những đốm lửa thuốc lá trong ngày cũ còn cháy mãi trong tim tôi, trong tim Bạn cho đến bây giờ.

Tôi đã đọc Trần Hoài Thư từ những thập niên 60. Đọc thơ. Đọc văn. Đọc truyện, đọc Rong bút. Và lạ thay, mạch văn ấy liên tục một dòng chảy: Trần Hoài Thư thuở ấy và bây giờ có khác gì đâu. Hay là tôi thuở ấy và tôi bây giờ không thay đổi. Ít ra, trong văn chương.

Văn của Trần Hoài Thư là lời tự sự viết bằng tất cả cảm tính nhạy bén của chàng thi sĩ. Những mảng đề tài của Thư rất thật: tuổi thơ, tình yêu và sự nhập thể với vai trò người lính trong cuộc chiến mình không có quyền chọn nhưng có quyền tồn tại. Thời ấy, Thư viết về tuổi thơ buồn bã của mình rất cảm động, tôi không còn nhớ hết những gì Thư đã viết về những tai ương bất hạnh đầu đời, nhưng tôi nhớ rất rõ những trang văn viết về người mẹ tội nghiệp, về một cô gái tên Quỳnh cùng tình yêu tuyệt vọng của Thư. Thư viết về những miền đất mình đã trôi nổi đi qua: một thành phố Huế cổ kính, những đôi cà phê ở Ban Mê Thuột, Pleiku. Những trang viết tự tình ấy đã làm se sắt trái tim chàng trai tuổi 20 là tôi thuở ấy.

Thư viết bằng tâm cảnh của một người chia xẻ nỗi niềm với tri âm – dù là tri âm ấy dấu mặt trong đám

đồng người đọc thuở ấy – cho nên giọng văn ấy là giọng văn tâm sự, và giữa hai dòng chữ, hình như còn đọng lại nỗi đau đớn sắt se của Thư trong từng hồi tưởng: hình như còn tồn tại hơi thở, mồ hôi, nước mắt và cả máu nữa, của một thời khóc liệt.

Một buổi sáng tôi gọi điện cho Nguyên Minh, chia sẻ những cảm xúc khi đọc lại văn Trần Hoài Thư. Tôi nói với Nguyên Minh rằng, Thư viết như thể không thể làm khác được. Với con tim nồng nàn của mình. Thư không kềm chế được cảm xúc vì hình như tất cả những điều Thư viết đều mang hình bóng của tác giả, cho nên đọc Thư là đọc lời tự sự, chia sẻ với tác giả những vui buồn, tủi hận và nhẫn nhục, cay đắng và bao dung của một chàng trai bất hạnh giữa một lịch sử bất hạnh không kém. Tôi nói rằng tôi gần như thuộc lòng văn phong của Thư, vì có một số con chữ của Thư lặp đi lặp lại trên những trang viết – những con chữ ấy phải nằm trong mạch văn của Thư mới gây xúc cảm, tách ra một câu riêng rẽ, tác động văn học của nó giảm đi. Có lẽ, trong các tác giả của thời chúng ta, câu “văn là người” áp dụng vào trường hợp Trần Hoài Thư chính xác nhất.

Tôi cũng nói với Nguyên Minh rằng tôi tìm ra một chi tiết này trong văn của Trần Hoài Thư. Đó là cái kính cận 8 độ của chàng lính trinh sát đã làm vương bận chàng không ít, và sau lần kính ấy, có đôi mắt rất dễ dàng rơi lệ, vì mình, vì người, vì vui cũng như buồn, vì cái ác cũng như cái thiện. Ôi, quả tim của Trần Hoài Thư, quả tim của chàng thi sĩ bẩm sinh, một quả tim nhạy cảm trước một tiếng chim bình minh nhưng cũng biết chai lì trước cái chết cận kề, quả tim ấy vẫn theo

chàng dù trong hoàn cảnh nào, trước biến cố 1975 hoặc sau đó.

Gần đây, tôi tìm lại được một Trần Hoài Thu nguyên vẹn của hơn 30 năm về trước, khi tôi đọc những bài văn mới nhất của Thu. Tôi nhớ đến truyện “Đêm mơ” của bạn, hình như đã viết vài năm trước. Bây giờ tôi không có trước mặt để đọc lại, nhưng tôi không thể quên câu chuyện vừa lãng mạn vừa cay đắng bạn kể về một chàng sinh viên già đi học chung với một cô gái Việt xinh đẹp trong một lớp học về điện toán ở New York. Cô gái ấy làm rung động chàng Trần Hoài Thu đang sống xa quê nhà, không phải chỉ là một rung động của quả tim muộn màng, mà trong đó chứa cả một bầu trời ký ức đau đớn của hiện tại quê người mà Thu không thỏa hiệp được. Tôi nhớ hơi văn dòn dập, nồng nàn mà bi thiết khi Thu viết về đêm chờ năm mới tại quảng trường “thời gian”. Và cô gái kia không thể không làm tôi nhớ tới cô bé Quỳnh của ngày xưa tội nghiệp.

Bạn thấy không “ta cùng giống nỗi tình thương người đồng điệu” (1), nói cho cùng, chúng ta là thế đó.

Tôi cũng muốn chia sẻ với Bạn cảm xúc của tôi khi đọc “Hành trình của một cổ trắng”. Đó là tự truyện của Bạn, phải thế không? Từ chuyện vượt biển, đến quê người, khu phố da màu, nhà thờ, những người hàng xóm, người vợ chịu đựng. Rồi công việc. Thành công. Thất bại. Và nhất là tình người. Và Bạn là một trong những nhà văn đầu tiên đề cập đến nỗi ê chề trong công việc bạc bẽo ở Mỹ: đó là qui luật đào thải trong một xã hội cạnh tranh. Bạn viết rất hay, nhưng tôi có cảm tưởng bạn viết bằng tình. Tình nhiều hơn Lý. Sự sa thải nhân viên trong sở làm của bạn đâu phải vì những

chuyên viên Ấn Độ, mà đó là qui luật của cạnh tranh tư bản, tại sao bạn trút trách móc lên họ, họ có khác chi bạn ngày bạn mới vào làm.

Thế nhưng rốt cuộc thì cái tình bao giờ cũng thắng, và sự bao dung của Bạn ở đoạn cuối làm tôi mừng vui vì biết rằng Bạn vẫn mang quả tim Việt Nam thời trai trẻ để vượt qua tất cả khổ nạn. Có phải bi kịch của lịch sử đã cho chúng ta một cách hành xử rất gần với chữ xả – *buông xả* – nó giúp cho hành trang văn học của chúng ta thêm phần phong phú, nghĩa là có tình hơn!

Tôi cũng nhắc ở đây tập thơ “Ô cửa” của Trần Hoài Thư, một tập thơ dễ đọc cho nên tôi đã đọc một mạch tập thơ dày cộm ấy, nó là biên niên sử cho những rung động của bạn, và đó là những phút sự thật, như là những ô cửa mở vào cuộc đời bạn. *Cuộc đời đa tài và đa đoan của bạn*. Bạn có thể cười tôi thiếu khiêm tốn, nhưng quả thật sau khi đọc xong, tôi cười một mình và tự nhủ : Bạn làm thơ giống thơ của tôi quá. Ôi, phải chi có Thư ở cạnh, tôi sẽ mừng Thư một ly rượu nồng, để có thể hào sảng cùng nhau đọc lên vài câu thơ kia, vài câu thôi, ở bất cứ bài thơ nào của bạn, cũng đủ làm chất nhắm cho dĩa men ly rượu kia. Nhưng bạn cũng hiểu rằng, đôi khi ta phải rót rượu để uống một mình, vì bạn thì vắng mặt hoặc không còn nữa. *Ly rượu thì vẫn phải rót ra, dù không thể uống chén đắng ấy, nhưng bọt rượu vẫn sủi tăm*.

Thư ơi, để tạ từ tất cả những bài thơ tuổi đại của bạn đã cho tôi sống lại tuổi đại của tôi, tôi dành tặng cho bạn một bức sơn dầu tôi vừa vẽ xong, nhan đề:

“Uống rượu một mình”.

Hình như thư viết cho bạn đã dài, nói chuyện văn chương thì không bao giờ dứt được. Nhưng tôi đã mỏi mắt lắm rồi. đành ngừng đây.

TB. Tôi gửi lời thăm chị Yến. Bây giờ chị ra sao, có khỏe không? Tôi cảm ơn chị đã cho chúng tôi cháu Trần Quý Thoại, người đã tiếp nối nghề và nghiệp của chúng tôi. Chúng tôi đây là những người bạn thiết của Trần Hoài Thư vừa mang nghiệp văn chương vừa nghề y khoa, đó là Trương Thìn, Đỗ Hồng Ngọc, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Mậu Hưng và tôi. (Và còn ai nữa, bạn của Trần Hoài Thư mà tôi không biết). Nghề Y và nghệ thuật thật ra là một. Nói cho cùng, là một cách sống với mình, với người.

KỶ NIỆM VỚI NGƯỜI VỊN VÀO LỤC BÁT



Lâm Thúy (Hoa Kỳ)

Anh Trần Hoài Thư là một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng từ trước 1975, khi ra Hải ngoại Anh cũng được nhiều người biết đến. Lâm Thúy thường ngưỡng mộ những người có tài nhưng ít khi dám làm quen vì tự biết mình tầm thường, không danh vọng, không tiếng tăm. Những quen biết với những bậc tài hoa thường là do cơ duyên đưa đến và tình thân đối với anh chị Trần Hoài Thư-Ngọc Yến cũng bắt đầu từ một cơ duyên tốt đẹp mà có.

Số là Lâm Thúy bắt đầu làm thơ từ năm 14, 15 tuổi, cứ tích lũy qua bao năm tháng có đến ngàn bài mà chưa bao giờ in cho đến lúc về định cư ở Maryland. Ước muốn thiết tha nhất vẫn là được in một tập thơ cho riêng mình mà cứ chờ đợi mãi chưa có cơ hội.

Sau đó, do một tình cờ Lâm Thúy biết được Anh Trần Hoài Thư và Hoạ Sĩ Huỳnh Minh Chí là bạn, mà anh Huỳnh Minh Chí cũng là bạn thân của ông anh họ ở quê nhà. Mọi quan hệ bắt đầu từ đó.

Khi nói chuyện với chị Ngọc Yến- hiền thê của anh Trần Hoài Thu- Lãm Thúy vui mừng khi biết chị là người Cần Thơ mà quê cũng ở Phong Điền. Chị bảo rằng có người bà con tên Bích thứ 7 ở Phong Điền. LT cũng có bà con với bác 7 Bích đó, thế là không cần biết bà con ra sao vai vế thế nào, hai chị em cứ đình ninh là mình có bà con ruột thịt với nhau và thương mến vô cùng.

Càng gần gũi, LT Càng kính trọng và ngưỡng mộ anh chị. Nếu Anh là một người tài hoa, có tâm với văn học nước nhà đặc biệt là dòng văn học bị bức tử của miền Nam Việt Nam thì chị là một người vợ tận tụy, một cộng sự viên đắc lực. Một người đồng hành kiên trì đã cùng Anh vượt qua những đoạn đường tuyệt giá hiểm nguy trơn trượt để đến thư viện mượn những quyển sách cũ quý giá mang về làm tài liệu, phục hồi cả một dòng văn học bị dập vùi, bị bức tử.

Khi cơn tai biến mạch máu não đốn ngã chị, Anh một mình vừa săn sóc vợ, vừa lo thực hiện Thư Quán Bản Thảo. Sự kiên trì ấy thực đáng nể phục. Rồi khi Anh không còn cán đáng nổi ngán ấy khó khăn, bắt buộc phải đưa chị vào Nursing home thì ngày hai bữa cơm, Anh tự nấu nướng, tự chế biến để vào phục vụ cho vợ. Tấm lòng cao cả biết bao, tình sâu nghĩa nặng biết bao.

Nhiều lần bạn bè đến thăm chị Yến trong Nursing home, đã không nén được nỗi đau xót trong lòng khi nhìn chị trở thành người tàn phế, nói năng nhỏ nhẹ mà vẫn còn hát “Buồn Tàn Thu” cùng Tô Thẩm Huy.

Lãm Thúy, Cúc Hoa (Hiền thê của nhà thơ Phạm Cao

Hoàng) đã bao lần rơi lệ xót thương. Sao ơn trên nở lòng ruồng rẫy một tâm hồn thánh thiện, một con người đáng yêu dường ấy!

Có nghe Anh Trần Hoài Thu bày tỏ niềm quan tâm dành cho vợ mới thấy xúc động cho nghĩa vợ chồng. Người thiếu nữ ngày xưa vì ái mộ văn chương của Anh mà tìm đến rồi ở lại trong đời Anh, trong tay Anh mấy mươi năm nồng ấm, giờ chỉ còn là tấm thân khô đét mỏng manh kéo dài cuộc sống tàn phế trong viện An dưỡng, ngày qua ngày nhìn mấy vách tường lạnh lùng tro tro.

Trần Hoài Thu nói rằng Anh chế biến thức ăn sao cho vợ cảm thấy ngon miệng và mỗi khi chị Yên chịu ăn lòng Anh tràn ngập niềm vui sướng và mãn nguyện. Ôi! Cái nguyện ước bé nhỏ ấy thật đáng yêu biết bao! Chỉ cần chị chịu ăn để còn sức khoẻ mà kéo dài sự sống, dù là một sự sống tội nghiệp vô cùng.

Ngày xưa, còn chị chung vai sát cánh. Anh thêm sức mạnh bội phần. Giờ đây, khi chị nằm đó thành một người tàn phế, một mình trong gian nhà vắng, có lúc, Anh thấy yếu lòng, nhớ tiếng niệm Phật của vợ, nhớ bàn tay nâng niu ân cần. Sợ mình gục ngã, Anh phải vịn vào văn chương, “Vịn vào lục bát” để bảo tồn nghị lực, để sống còn và làm việc- những công việc phi thường

Chúng tôi- những người bạn của Anh (Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch, Tô Thẩm Huy, Phạm Cao Hoàng, Cúc Hoa, Nguyễn Thị Thanh Bình, Ngô Minh Hằng, Đào Bùi Hoa (hiền thê của Đào Trường Phúc), Lê Hoàng Viện, Phạm Quang Tân, Cái Trọng Ty) (Lãm Thúy chỉ đáng là em út của Anh chị) đã đến thăm,

mang thức ăn đến để cùng ăn với Anh cho ấm lại mái gia đình đã từ lâu hoang lạnh, và vào thăm chị, nghe chị bỗng dung sáng suốt và linh hoạt hẳn, đọc thơ Lý Bạch, hát nhạc Văn Cao, gọi tên từng người và nhắc vài kỷ niệm cũ.

Cảm động nhất là nhà thơ TôThảm Huy đã ân cần đút từng muỗng Hủ tíu (LT mang tới nấu tại nhà anh Trần Hoài Thư) cho chị Yến trong sự cổ vũ của bao người.

Bữa cơm ở nhà Anh Trần Hoài Thư thật ấm cúng dù đi bằng phi cơ nhưng anh Phạm Cao Hoàng cũng mang đến đầy đủ những thức ăn ngon lành do vợ Anh, chị Cúc Hoa nấu nướng và soạn sẵn cho Anh mang theo.

Còn Lâm Thúy, khi mọi người đều lỗi hẹn lẽ ra không nên đi theo lời khuyên của Anh Phạm Văn Nhân và sự góp ý của nhiều người trong đó có ông xã nhưng với bản tính cương quyết và lý lợm- Nói đi thì phải đi như lời đã hứa- nên một mình đã lái xe suốt 5 tiếng để đến được cuộc hẹn trong sự ngạc nhiên của các anh có mặt trước đó.

Cùng với nồi hủ tíu Mỹ Tho đặc biệt để khoản đãi mọi người, tạo thành một kỷ niệm êm đềm với các bạn văn chương có đôi người mới gặp lần đầu mà hết sức ngưỡng mộ và lưu luyến.

Nói về tình cảm của LT với anh chị THT- Ngọc Yến thì nói hoài không hết, nói về sự ngưỡng mộ về những công trình mà AnhTrần Hoài Thư với sự tiếp tay của Anh Phạm Văn Nhân thì cũng khó nói cho cùng, chỉ biết rằng những người nằm xuống có tác phẩm được in lại, dù ra người thiên cổ cũng cảm ơn Anh, những

người còn sống, được đọc, được hiểu biết thêm về nền Văn học miền Nam VN cũng cảm ơn Anh, cháu con mai hậu cũng sẽ tri ân Anh vì cái gia tài vô giá Anh đã để lại cho đời.

Những trang sách đóng tay có khi dính máu từ bàn tay khô ráo của Anh đã để lại cho đời sau bao nhiêu tâm huyết.

Tình thì tràn đầy, lòng thì khâm phục, nói sao cho vừa?

Lãm Thúy. 13.3.2018

NỖI CÔ ĐƠN CỦA MỘT THẾ HỆ

Viết về anh Trần Hoài Thư



Lê Văn Trung (VN)

Năm 1968, cơn biến động lịch sử đã đổ xuống như một tai họa lên khắp các thị thành phố xá miền Nam, tưởng chừng đau thương sẽ nhấn chìm hết những ước mơ của cả một thế hệ, những người dần thân bảo vệ tự do, và cả những hoài bão của người cầm bút, những con người không biết đến lòng thù hận, những con người ngỡ ngàng trước những hòng súng chĩa vào nhau, những con người chỉ mong ước, chỉ khát khao thanh bình, khát khao hạnh phúc, khát khao tình yêu.

Một trong rất nhiều những người đó : nhà thơ, nhà văn, người lính Trần Hoài Thư cũng là Trần Quý Sách.
Và. Thành phố Qui Nhơn.

Người lính đó, bất ngờ gặp anh ngoài đường phố, bộ đồ trận bầm đầy bùn đất và cả mùi thuốc súng, đôi giày saut cũ mềm toí tả, khẩu colt nhét cẩu thả bên hông, cái nón không đội mà luôn nhét vào cầu vai áo, bước đi xiêu vẹo bên đường với cặp kính nặng gần bảy độ, nếu lỡ rơi mất, anh cũng không nhận ra nổi đồng đội hướng hồ nhận ra ai là địch ai là ta.

Qui Nhơn là thành phố nhỏ. Rất nhỏ. Nhỏ đến nỗi gặp ai giữa phố cũng cảm thấy thân quen. Và cái quán sách Văn Nghệ của một người bạn tên Thông là nơi tình cờ chúng tôi gặp nhau : Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Phạm Cao Hoàng, anh Huy Hoàng. Rồi sau này có Lê Văn Ngăn, Thái Ngọc San, Ngụy Ngũ, Mai Khế...

Không khí văn chương thời chiến ở một thành phố tỉnh lẻ, cái không khí luôn bị ám ảnh bởi pháo kích, tấn công, sống chết chỉ là một cơn mơ ngắn ngủi. Và vì thế mà chúng tôi đến gần với nhau hơn.

Sau những ngày hành quân khắp chiến trường Bình Định, anh, Trần Hoài Thư trở về vội vàng trên những chuyến xe lam vào thành phố. Và lúc nào người sĩ quan huấn luyện quân đội cũng có mặt, Nhà văn Phạm Văn Nhân.

Thế là nơi căn nhà nhỏ như hộp diêm mà Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân thuê làm nơi qua đêm, cũng là nơi hầu hết anh em chúng tôi tụ tập. Không giường. Không bàn ghế. Một tấm chiếu cói trải lên nền xi măng. Những câu chuyện về đạn bom, chết chóc, xin gửi lại ngoài chiến trường. Và cũng chẳng ai thiết tha nói về tình yêu... Cuối cùng chỉ là những chàng trai hơn hai mươi mốt đầy tuổi trẻ mà vắng bóng người tình. Hình như chỉ duy người sương phụ tên Dung ở một quán cafe góc phố gần chợ Qui Nhơn là nguồn xúc cảm cho phút giây chùng lặng trong suy tư trắng mù khói thuốc. Bảy giờ, chỉ Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân là khoác áo lính, tôi và Phạm Cao Hoàng trốn động viên

với lớp áo sư phạm. Còn Thái Ngọc San, Lê Văn Ngăn, Ngụy Ngũ một thời trốn lính lang thang được không ít anh em bảo bọc.

Ngồi với nhau, không quan tâm bạn mình đến từ giới tuyến nào, đứng ở góc nào trong cảnh nổi da xáo thịt này.

Nhưng rồi, điều không tránh khỏi đã xảy ra. Trong một lần họp mặt trong căn phòng nhỏ thuê ở cuối đường Nguyễn Thái Học Qui Nhơn, dấm va chai bia, vài gói đầu phụng rang, vài con khô gì đó bên ngọn đèn dầu hỏa hắt những cái bóng đen lên tường gỗ. Âm thầm. Lặng lẽ. Hôm đó tôi, Phạm Cao Hoàng, anh Huy Hoàng, Phạm Văn Nhân, Thái Ngọc San. Và Trần Hoài Thu.

Rượu bia cũng chưa đủ để làm choáng váng tinh thần, không hiểu xuất phát từ đâu, Thái Ngọc San chỉ vào Trần Hoài Thu mà nói : " Các anh chỉ là những tên lính đánh thuê".(Bây giờ thì San đã ra đi vĩnh viễn rồi, tôi xin phép bạn được nhắc lại đây như một kỷ niệm).

Trần Hoài Thu bình sinh vốn hiền hòa, và sống chí tình với anh em. Nhưng hôm đó tôi đã chứng kiến anh lần đầu tiên nổi giận. Anh đứng bật dậy với tư thế sẵn sàng trút cơn giận lên người Thái Ngọc San. Nhưng may quá ! Anh Huy Hoàng đã kịp thời ngăn lại. Anh Huy Hoàng là một Mạnh Thường Quân của anh em văn nghệ chúng tôi, rất đứng đắn và rất quảng đại. Anh đã kéo Trần Hoài Thu ra ngoài sân. Một lát sau anh đưa Trần Hoài Thu trở lại. Và Trần đã dịu lại. Anh em lại rôm rã chuyện văn chương. Nhưng tôi biết, từ đó, cái bóng đen

của sự phân ly đã hiện về.

Người thi sỹ Trần Hoài Thư cầm súng mà không biết bắn vào ai, anh bắn vào nỗi khổ đau dằn vặt của mình, nên trái tim anh luôn rỉ máu.

Và hình như đó cũng là nỗi đau chung của cả một thế hệ. Một thế hệ nhà văn cầm súng.

Không có ngày mai.

Không có tình yêu.

Chúng tôi cô đơn trong nỗi vây bọc của niềm cô đơn cả một thế hệ.

Cho nên mỗi lần về phố nghỉ dăm ba tiếng đồng hồ, các anh Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân cố tiêu cho hết cái đồng lương khốn nạn của mình, san sẻ hết cùng bạn bè để trở lại chiến trường như kẻ không nhà mà lúc ấy anh không biết ai viết lên vách bằng than :

Tình không không cửa không nhà

Lòng như mây trắng bay qua biển chiều

Khi anh đang nằm Quân Y Viện Qui Nhơn.

Những kỷ niệm về anh với chúng tôi đầy ắp. Kể mãi vẫn còn. Những đêm lang thang lòng phố Qui Nhơn giờ giới nghiêm, những buổi cafe Dung ngồi lặng yên đốt thuốc hàng giờ, những bữa cơm là mì gói nước tương, những chuyến xe lam bụi mù trường sư phạm, những tà áo trắng bay như sương mù.

Không ngày mai

Không định hướng

Không người yêu

Cô đơn mỗi người chìm trong nỗi cô đơn của cả một thế hệ.

Rồi tan rã và phân ly như định mệnh vô tình can thiệp vào. Lịch sử lại có những cơn biến động. Chiến tranh

leo thang dữ dội. Chúng tôi mỗi người một ngã. Tôi về Quảng Ngãi, Phạm Cao Hoàng về Phan Rí. Anh Huy Hoàng trôi giạt từng trại nhập ngũ. Phạm Văn Nhân về Tháp Chàm. Trần Hoài Thư làm phóng viên chiến trường trôi giạt tận Cần Thơ, để rồi định mệnh gắn kết với một người nữ đã từng yêu văn Trần Hoài Thư. Đó là mối tình đẹp nhất đời anh đi qua bao gặp gỡ ghềnh đá rồi cùng lưu vong xứ người. Chúng tôi lạc nhau từ đó.

Năm 2003, qua người bạn là nhà thơ Phan Xuân Sinh bạn tôi, tôi liên lạc được với cả hai anh Thư và Nhân. Lúc đó hai anh đã chủ trương Thư Ấn Quán và tạp chí văn học Thư Quán Bản Thảo.

Hai anh hết lòng với tôi. Đã hỗ trợ tôi in tác phẩm đầu tay năm 2006, thi phẩm Cát Bụi Phận Người.

Lần lượt các anh in Bi Khúc, Thư Ấn Quán xuất bản.

Rồi lại làm một số chủ đề Nhà thơ Lê Văn Trung.

Và cuối năm 2017, các anh xuất bản cho tôi thi phẩm Thu Hoang Đường với nhiều tình cảm, sự nhiệt tâm vô cùng quý báu của riêng anh cũng như của các anh Phạm Văn Nhân, Tô Thẩm Huy, Cái Trọng Ty. Điều tôi vô cùng cảm kích là anh nói anh rất hạnh phúc khi in Thu Hoang Đường. Bán in mà bìa rất đặc biệt : chữ nổi !

Tôi viết đôi dòng về anh như viết về một quá khứ có anh trong tôi, có chúng tôi trong nỗi đau của dân tộc, có chúng tôi, một thế hệ cô đơn trước cơn xoáy kinh hoàng của lịch sử.

Không gian giờ có khác, tình huống chữ cũng khác, lịch sử cũng đôi thay. Nhưng tấm lòng của anh với bạn bè, với văn chương chữ nghĩa không hề đổi thay mà còn

khao khát nhiều hơn.

Và cũng như bao giờ, anh , tôi , chúng tôi, cũng chỉ là
những con người cô đơn trong một chuỗi dài số phận.

VN, cuối đông 2017

BÓNG ANH XIÊU ĐỎ BÊN BÓNG THÁP



Nguyễn Âu Hồng (Hoa Kỳ)

Bạn bè thăm nhau thường là đến nhà hoặc hẹn gặp ở quán cà phê, nhà hàng hoặc một địa điểm nào đó thuận tiện cho cả hai bên. Anh em văn nghệ ở Nha Trang có thể hẹn nhau đến nhà sách Huy Hoàng, quán cà phê Chiều Tím; ở Qui Nhơn là căn nhà khu Sáu hoặc nhà “kỳ nhân” Đặng Hòa. (Có dịp tôi sẽ viết về nhân vật đặc biệt này). Tôi đi thăm Trần Hoài Thư, đến tận “hang ổ” đơn vị, dù đó là đơn vị tác chiến. Bạn đọc đã biết Trần Hoài Thư là sĩ quan QLVNCH, là lính thám kích. Thám kích không phải là một binh chủng như biệt kích mũ nồi xanh. Thám kích thuộc bộ binh nhưng là bộ binh “thứ dũ” được chọn lựa, tái huấn luyện nên đặc biệt tinh nhuệ. Sư đoàn 22 Bộ binh có bốn đại đội thám kích, Thiếu úy Trần Quý Sách (Trần Hoài Thư) là trung đội trưởng của đại đội thám kích 405, có hậu cứ tại đồi Bánh Ít, huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định.

Muốn đến đồi Bánh Ít (cũng gọi là tháp Bánh Ít hoặc Tháp Bạc), có thể đi xe đò, xuống xe tại ngã ba Bà Gi rồi đi bộ một đoạn không xa lắm. Ra trạm gác đón tôi, anh nói: “Nghe *ông tướng* báo có người nhà đến thăm, mình không tin. Con bà Phước làm gì có ai đến thăm”.

(Sau này anh viết: “Gặp nhau mà ngạc nhiên đến ngỡ ngàng”). Tôi nói: “Nhân đi công tác các chi khu phía bắc tiểu khu Bình Định, tiện thể ghé thăm anh”. “Lính gác nói ông từ bên compound cố vấn đi qua?” “Đúng vậy. Trục thẳng đáp bên đó.”

Chỗ ở và làm việc của thiếu úy Trần Quý Sách chỉ là một căn hầm lợp tôn gần đỉnh đồi, cách chân tháp một đoạn đường đất. Tôi lấy làm lạ về sự sơ sài, tạm bợ của căn hầm. Nó không được bố phòng đủ để tránh pháo kích và đánh trả nếu bị tấn công. Những đà gỗ gác ngang thừa thớt không chịu nổi một lớp bao cát-mà đúng ra ít nhất phải bốn lớp, các vách xung quanh cũng không có bao cát. Còn may là đáy hầm được đào sâu đủ để tránh đạn bắn thẳng khi nằm ngủ. Những căn hầm khác cũng vậy, đào các hố chữ nhật bên cạnh con đường đất chạy quanh các ngôi tháp cổ, rồi dựng cột, lợp tôn. Các tháp cổ hoàn toàn hoang phế, trong lòng tháp trống trơn. Dù vô tình hay cố ý, đại đội thám kích 405 đã dùng các tháp này như những công sự đỡ đạn pháo kích của VC. Tôi thường làm việc với các đơn vị diện địa- giành dân, đóng đồn giữ đất- lần đầu tiên đến hậu cứ của một đơn vị cơ động nên thấy lạ và không yên tâm cho ông bạn mình. Nhưng thiếu úy Sách nói: “Bọn này chuyên đi ăn đêm, chỉ về hậu cứ vào ban ngày.”

Anh mượn đầu đó một chiếc Honda chở tôi xuống núi, đến ngã ba Phú Tài, vào một quán cà phê có cô hàng xinh đẹp. Kể cũng lạ, lính tác chiến thứ dữ mà lại thích nghe Khanh Ly hát nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn. Rõ ràng là, bên này “*Hãy sống dùm tôi, hãy nói dùm tôi, hãy thở dùm tôi/ Thịt da này dành cho thù hận/ Cho bạo cường cho tham vọng của một lũ điên*” khó

mà thắng được bên kia “*Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao/ Dù đạn bom man rợ thét gào*”. Quả thật là “*có người lính nào bi tráng như người lính miền Nam?*”

Anh ôm nhom và cao lênh nghênh. Khi tiễn tôi qua bãi trực thăng bên ban cố vấn, tôi thấy bóng anh xiêu đổ bên bóng tháp.

Mấy tháng sau tôi được chuyển về Bộ tư lệnh (BTL) tiền phương Quân khu 2 và lại được gặp anh thường xuyên hơn. Kể chuyện này nghe chơi, khi chọn đơn vị, thấy chữ “tiền phương” ai cũng ngán, tôi lên sau, chọn đại, chẳng dè gặp may. Ai đời bản doanh BTL tiền phương mà lại là Đại khách sạn - Grand Hotel, nằm ngay mặt tiền bờ biển Nha Trang. Hỏi ra mới biết, vì BTL chính nằm ở Pleiku nên bản doanh ở Nha Trang được gọi là “tiền phương”. Quân đoàn chuyên lo quân chính quy, quân khu lo diện địa gồm địa phương quân-nghĩa quân và bình định, xây dựng nông thôn. Tôi về BTL tiền phương Quân khu 2, đi làm như công chức, sướng đến mức mọc lông lưng. Vừa lúc tôi về BTL tiền phương, Trần Quý Sách (bây giờ là trung úy) cũng bỏ đơn vị về Nha Trang vui chơi với anh em văn nghệ. Anh Huy Hoàng có căn nhà bỏ không ở Rộc Rau Muống cho tôi ở coi nhà, tôi rủ Sách cùng về ở cho vui. Nhưng anh chỉ ngủ ở đó một đêm rồi bỏ đi lang thang, khi thì theo Nguyễn Sa Mạc ngủ trên căn gác sau nhà sách Huy Hoàng, khi thì theo Nguyễn Cao Thâm ngủ ở nhà thờ Tin Lành, khi thì theo Lê Minh ngủ ở khu chuồng ngựa Viện Pasteur. Về sau anh nói, Rộc Rau Muống-Nha Trang gắn liền với những kỷ niệm ám ảnh đến quay quắt của tuổi thơ côi cút khiến anh không dám ngủ đêm ở đó. Cũng ở Rộc Rau Muống cái

đêm hôm đó, tôi gọi bà bán bánh ú dạo vào mua mấy cặp hai anh em cùng ăn. Tôi thấy anh vừa ăn vừa lau nước mắt. “Mẹ tôi cũng bán bánh ú-vịt lộn”. Từ đó tôi hiểu vì sao anh lại rất nhạy cảm với tiếng rao hàng của những người đàn bà bán hàng dạo ban đêm.

Sáng nào tôi cũng rủ Sách và Nguyễn Sa Mạc, Nguyễn Cao Thâm đi ăn bánh căn. Một đôi lần có cả Đỗ Nghê. Cuối tuần Phạm Văn Nhân từ quân trường Dục Mỹ về nhập bọn, có thêm Lê Minh, được anh Huy Hoàng đãi bò bảy món hoặc mỳ vịt tiềm. Vui chơi chừng được hơn một tháng, Sách vào Phan Rang ở mấy tuần với Nguyên Minh và nhóm Ý Thức rồi ra lại Nha Trang đi trình diện Trung tâm 2 Tuyển mộ và Nhập ngũ. Anh bị giáng chức và chuyển đến một đơn vị bộ binh thuộc sư đoàn 23 ở Tây Nguyên. Đúng là tranh vô dưa gắp vô dưa. Hôm tiễn anh ra bến xe Nguyễn Hoàng- Nha Trang để đi Ban Mê Thuột nhận đơn vị mới, có Phạm Văn Nhân, Nguyễn Sa Mạc. Anh Huy Hoàng trước đó cũng đã đi nhận đơn vị mới nên chỉ gửi tặng anh ít tiền lẫn túi. Đường ra trận buồn hiu, không có em gái hậu phương nào bịn rịn, cũng chẳng hẹn ngày về. “*Có người lính nào bi tráng như người lính miền Nam*”. Lúc uống cà phê chờ lên xe, tôi nói: “Khi tiễn tôi trên đồi Bánh Ít, thấy bóng anh xiêu đổ bên bóng tháp, tôi cam chắc anh được Bà che chở, dù anh có đi đến nơi hung hiểm nào cũng vẫn cứ bình an. Tuy vậy, anh nên bảo trọng”.

Quả như dự đoán, không đầy một năm sau, anh được chuyển về Bộ tư lệnh Quân đoàn 4, tà tà làm Sĩ quan báo chí. Thiệt là, chỉ thua con cò có hai cái cánh!

NHÀ VĂN TRẦN HOÀI THUR, MỘT CON NGƯỜI GIẢN DỊ & CỎI MỎ ...



Mang Viên Long (VN)

Tôi không nhớ rõ lần đầu tiên được gặp Nhà văn Trần Hoài Thur ở đâu, vào thời điểm nào; nhưng nghĩ là không ngoài ba “địa danh” anh vẫn thường lui tới là An Nhơn, Qui Nhơn hay Tuy Hòa, trước năm 1975, khi anh còn đóng quân ở Tháp Bánh Ít, cầu Bagi..

Năm 1966 tôi vào dạy học ở Tuy Hòa, năm 68 cùng Nhà thơ Hoàng Đình Huy Quan (Tuy Hòa) “bốc đồng” thành lập nhà xuất bản Nhị Hồng, để trước là in sách của mình chơi, sau có dịp trợ giúp bạn văn, chung vui. Tôi đã gặp Trần Hoài Thur chia sẻ ý định ấy, và đã được anh dễ dàng đồng ý “đứng tên” trong danh sách các bạn văn cộng tác với nhà xuất bản Nhị Hồng, một cách thoải mái, vui vẻ! Từ “chuyện nhỏ” này, tôi nhận ra anh là một Nhà văn cỏi mở, khiêm tốn, thân thiện, dễ gần; tuy lúc ấy, anh là người đi “đi trước”, thuộc lớp “đàn anh”, đã “thành danh” trên văn đàn.

Vài lần trong năm, tôi có dịp về thăm quê An Nhơn, ghé thăm người bạn học cũ - Nhà thơ Đặng Tấn Tới. Tại nhà ĐTT - một lần tình cờ, tôi được gặp anh

Trần Hoài Thư (Tại nhà Đặng Tấn Tới, tôi cũng có dịp gặp lại Nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn. Nguyễn Mộng Giác, Nhà thơ Phạm Mạnh Hiền...). Với bộ áo quần lính bạc, cũ, xốc xếch, và chiếc mũ vải phong sương của “lính thám kích”; anh nói cười thoải mái, hồn nhiên. Tôi lại nhìn thấy ở “*con người*” này có một niềm tin và lạc quan hiếm có. đang đối diện với gian khổ và chết chóc! Anh cho biết, những lúc được “ở không” (hay muốn “ở không”), là vù về Qui Nhơn, lang thang, la cà cà phê với Nhà thơ Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung đang học Sư phạm, có nhà trọ ở khu Sáu. (và thỉnh thoảng có “lính chiến đa tình” Phạm Văn Nhân từ mặt trận nào đó tìm về sum họp...).

Rất lâu anh mới có dịp vào thăm Tuy Hòa, ở lại chơi với Nguyễn Lệ Uyên một vài hôm. Một lần anh bị bệnh, NLU nói phải “kêu” cô em gái đang làm việc ở bệnh viện Phú Yên chăm sóc giúp. Tôi có “cảm giác” hình như anh xem thường bệnh đau, xem thường may rủi! Anh sống và làm “*theo ý mình thích*” một cách ung dung.

Tôi làm nghề dạy học, nên chỉ “đóng quân”: một chỗ; còn anh làm lính, “di quân” hoài, “trú quân” nhiều “tọa độ”, nên tôi ít có dịp được gặp anh. Rồi qua Nguyễn Lệ Uyên, tôi được nghe thuật lại mối tình bất ngờ của anh và chị Yên (quản thủ thư viện Đại học Cần Thơ) như một nhân duyên định mệnh.

Sau 75, chúng tôi thất lạc nhau, tan tác; mỗi người trôi nổi lao đao “một cảnh”! Mãi đến năm 2006, có lẽ nghe tôi “hành nghề sửa ổ khóa, làm chìa” nghèo, không có tiền in sách; nhà xuất bản Ấn Thư Quán của anh (và Phạm Văn Nhân), đã in giúp cho tập truyện “*Biển Của Hai Người*”, rồi sau đó là tập “*Điều Bất*

Ngờ Đã Đến”.

Mãi đến năm 2008, nhờ một người giúp cho, tôi “sắm” được chiếc *computer - second - hand*, rồi tham gia *vnweblogs* để tìm vui, đã liên lạc thăm hỏi được với anh và vài thân hữu dễ dàng hơn. Vì rất thích văn anh, tôi hỏi xin anh một truyện ngắn để chia sẻ cùng bạn đọc trên trang nhà *vnweblogs* của tôi - anh vui vẻ gởi cho ngay truyện “*Ông Tôi*”. Theo thói quen, trước khi “*đăng*”, tôi đọc trước. Có một “*chi tiết*” nhạy cảm quá, tôi lại xin phép anh được “*biên tập*” - anh nhiệt tình trả lời: “*Cậu cứ biên tập tự nhiên!*”.

Tuy ít thân, ít gặp - nhưng tôi rất quý cuộc sống nghệ sĩ của anh: “*Làm tất cả những gì mình thích với lòng nhiệt thành, nhưng không hề dính mắc gì cả!*”. Người lạ, có thể nghĩ anh sống “*bất cần đời*”, nhưng đã hiểu anh - tôi nghĩ anh là người rất yêu thương đời, yêu thương cuộc sống. Anh đã âm thầm, cặm cụi ngày đêm trong nhiều chục năm nay (trong mọi hoàn cảnh) cho ước mơ xây dựng, và bảo tồn nền văn học đa dạng, rất phong phú của Miền Nam. Tôi nghĩ, đây là một cống hiến to lớn, cần được tất cả tri ân, chia sẻ...

Quê nhà, cuối tháng 1.2018
MANG VIÊN LONG.

TÀN MẠN ĐÔI ĐIỀU VỚI TRẦN HOÀI THƯ



Lê Cần Thơ (Hoa Kỳ)

Trước hết tôi xin nói lời cảm ơn với anh Phạm Văn Nhân khi gọi điện thoại nói với tôi, đại ý, "đang làm Thư Quán Bản Thảo số đặc biệt về Trần Hoài Thư, mà THT không nhúng tay vào. Biết bạn cùng quê Cần Thơ với chị Yến, có kỷ niệm gì viết về THT thì chuyển để góp mặt cho vui...". Tôi hứa sẽ cố gắng, bởi công việc chung quanh mất khá nhiều thời gian, mãi đến đêm nay chập chờn ngủ không được mới ra mở máy viết những dòng chữ này, bắt đầu lúc 3 giờ 09 phút sáng ngày 11 tháng 2-2018, tôi tạm dùng nhóm chữ làm tựa như trên.

Thời đi học, tôi ở trọ tại hẻm lò tương, số nhà 6/1 hẻm 2 A đường Pasteur Cần Thơ. Nhà trọ có trên 12 học sinh khắp các nơi cùng ở, ăn cơm chung. Năm tôi học Đệ Tứ thì anh bạn Phạm Ngọc Nhu học lớp Đệ Nhứt, là người thích thơ nên sưu tầm nhiều bài thơ tình rồi chép thành tập... để tặng một người con gái mà anh "trồng cây si", chị ấy là bạn học cùng lớp với chị Hạnh -

chị của anh Nhu. Anh em kháo nhau, "*thằng Nhu trông cây si con gái Thầy Huyện Dường, là một hoa khôi, không biết cô Yến có đáp lại không đây?*". Chuyện anh Nhu và chị Yến thế nào tôi không biết rõ, bởi anh Nhu (quê ở Bình Minh - Vĩnh Long) sau đó đã bị động viên vào học khoá 21 trường Bộ Binh Thủ Đức, nghe nói ra trường về phục vụ ở Bộ Xây Dựng Nông Thôn. Phần tôi học đến lớp Đệ Nhất thì gặp năm tổng động viên vào học khoá 5/68 trường BB Thủ Đức. Mãi đến năm 1974, khi Lê Trúc Khanh nói với tôi, "*nhà xuất bản Con Đường đã in **Một Nơi Nào Để Nhớ** của Trần Hoài Thư, Văn Nghệ Về Nguồn của mình sẽ tổ chức ra mắt sách cho anh ấy. Trần Hoài Thư là chồng chị Nguyễn Ngọc Yến, con rể của thầy Dường trong trường mình, nhà ở đường Phan Thanh Giản*". Đây là lần đầu tiên tôi gặp mặt chị Yến và anh Trần Hoài Thư trong quán Thăng Cuội, đường Pasteur, chủ nhân là anh Phan Lương Nhân. Lần gặp này phải nói là lần đầu tiên, chỉ bắt tay chào hỏi chớ không có chuyện trò riêng tư nào hết.

Sập tiệm, tháng 6-1975, bị gọi "tập trung cải tạo" vào trường Phan Thanh Giản cho đến tháng 8-75 họ chuyển lên Chi Lăng Châu Đốc, là thời gian chúng tôi gặp lại nhau. Anh Thư ở trong một phòng lớp cửa sổ hướng nhìn ra sân có tượng cụ Phan Thanh Giản nên chứng kiến cảnh tượng bị đập phá. Lên Chi Lăng, chúng tôi cùng ở Khung 5, tôi và anh Đạm Thạch ở phòng đội 3, anh Thư ở phòng đội 4. Mỗi sáng sớm và buổi tối chúng tôi thường gặp nhau ngoài các góc me keo, ngồi uống trà nói chuyện. Anh Thư kể chuyện viết văn, làm thơ, chuyện lẩn lóc chiến trường ở miền

Trung, nhất là chuyện có một cô gái Cần Thơ liên lạc thư từ với anh qua đọc các truyện anh đã đăng tên Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Khởi Hành v.v... mà bây giờ là *"bà xã tôi - Nguyễn Ngọc Yến"*. **Thì ra mối tình của anh Thư và chị Yến thật là mối duyên văn nghệ giữa người viết và người đọc, đã đưa hai người đi trọn cuộc đời;** trong khi anh bạn Phạm Ngọc Nhu mà tôi nhắc thời học trò... chỉ là một cuộc tình đơn phương! Còn nhớ, khoảng cuối tháng 12-1975, buổi trưa, bạn Nguyễn Văn Lập lấy vỏ trái đạn 105 ly đục để lấy cái ly nhôm làm quà cho con, ngoài hiên chỗ đầu nằm của tôi, trái đạn phát nổ, bạn bị hất tung ra sân và chết tại chỗ, còn tôi bị văng hàng chục thước trong phòng, trên đầu bê bết trắng đỏ mà các bạn đỡ tôi đứng lên la lớn *"anh Viện bị bể đầu lòi óc ra rồi"*. Thật ra, cái keo đựng cơm mè và chai thuốc đỏ để trên đầu nằm, bể văng tung toé lên đầu chó tôi không có bị thương. Ở phòng kê bên, anh Trần Hoài Thư chạy xông vào, đã ôm chầm tôi, giống như một đồng đội ngoài mặt trận. Một cử chỉ vừa hốt hoảng vừa vui mừng khi thấy tôi "còn sống". Ánh mắt và cử chỉ đó, khiến tôi cảm động và nhớ mãi tới bây giờ. Ở trại Chi Lăng sau khi làm xong bài tổng kiểm thảo, tôi và anh Đàm Thạch được cho đi lao động trong số 81 người đầu tiên của trại, xuống trại Mê Linh ở Long Xuyên. Còn anh Trần Hoài Thư và những người khác nghe nói đưa đi Vàm Rầy - Kiên Lương - Hà Tiên (?) rồi mất liên lạc nhau.

Khoảng đầu thập niên 1990, một dịp tình cờ, khi tôi lên lầu 3 của căn nhà số 4 đường Lý Tự Trọng Cần Thơ để thăm vợ chồng bạn nhà văn Mùòng Mán và chị Bình, thì gặp lại một người khuôn mặt rất quen. Mùòng Mán giới thiệu *"Vợ anh Trần Hoài Thư"*. Vợ

anh Thư hỏi tôi: *"Phải anh Viện không? Trời ơi, từ lần dự ra mắt sách anh Thư, tới bây giờ mới gặp lại anh. Anh chị khoẻ không?"*, Tôi vui mừng kêu thốt lên: *"Chị Yến, trời ơi! Anh Thư thế nào? Anh chị đang ở đâu?"*. *"Tụi tôi ở bên Mỹ. Tôi về thăm quê hương đi có một mình"...* Chúng tôi nói chuyện vui vẻ với nhau thật lâu. Đây cũng là lần đầu tiên, Mừng Mán mới nghe chị Yến kể lần Về Nguồn ra mắt sách cho anh Thư tại Cần Thơ.

Sang Hoa Kỳ, tôi thật bất ngờ khi Phạm Quang Tân liên lạc được với Trần Hoài Thư và mời vào ban biên tập tạp chí Văn Hoá Việt Nam từ số đầu tiên (mùa Hè 1998) cho đến bây giờ đã xuất bản liên tục 3 tháng một số, tổng cộng 80 số báo. Chị Yến thỉnh thoảng gọi điện thoại nói với tôi: *"anh có cần in cuốn sách nào, chuyển cho anh Thư làm, đừng ngại gì hết. Mình cùng là dân Phong Điền mà!"*. Tôi và Phạm Quang Tân đã tổ chức ra mắt tập truyện **Về Hương Mặt Trời Lặn** của anh Thư tại Houston, và cùng nhóm bạn sang Louisiana dự buổi ra mắt tập sách khác của anh và tập sách Hoàng Ngọc Liên. Năm 2002, khi sang dự Đại Hội kỳ VII của gia đình Phan Thanh Giản và Đoàn Thị Điểm Cần Thơ, gặp anh Thư và chị Yến tại Chicago - Illinois trong niềm vui khôn tả. Chúng tôi ngồi chung bàn với anh Thư và họa sĩ Hồ Ý, nói chuyện vui vẻ sau nhiều năm xa cách. Ngoài tập bút ký **"Quê Hương Xa Mãi Ngút Ngàn"** do tôi tự xuất bản và tạp chí Văn Hoá Việt Nam phát hành năm 2000, anh Trần Hoài Thư đã in giúp tôi các tập **"Những Chặng Đường Thơ"** (thơ 2007), **"Trôi Ngang Phận Mình"** (tập truyện 2009 & 2017), **"Những Bạn Văn Nghệ Ngang Qua Đời Tôi"** (tâm bút 2010 & 2017), **"Những Trang**

Viết Tản Mạn Quanh Đồi Tôi" (bút ký 2010), **"Nói Sợi Dây Dài & Cát Bụi Thoảng Qua"** (truyện - ký & truyện vừa - 2012). Anh Thư cũng đã in cho hiền thê tôi, Diễm Phượng tập truyện thứ hai **"Nắng Nhật Hoàng Hôn"** (2009) sau truyện **"Giữ Lại Cho Đồi Một Chút Hương"** do Đại Học Đông Nam xuất bản 1998. Mỗi lần nói điện thoại với anh, **nghe anh nói và giọng cười rất sảng khoái, mỗi khi anh "khoe" tìm được tài liệu này, tài liệu kia, khi thì hỏi thăm về bạn bè năm cũ...** là tôi thấy thương một mẫu người **"sống vì người hơn là lo cho bản thân mình"**.

Đối với anh Trần Hoài Thư, tôi có đôi dòng suy nghĩ: **Anh là một mẫu người sống hết mình với bạn bè. Làm nhiều hơn nói. Có tình - có nghĩa - có khi quên cả bản thân mình. Đối với văn chương nghệ thuật, có thể nói anh đã dành hết tâm huyết để thực hiện một công trình để đời, "văn học Miền Nam". Cảm ơn anh Trần Hoài Thư, một mẫu người "sống và làm việc" rất đáng để tôi khâm phục và học hỏi.** Với chị Yến, dù biết bây giờ chị lúc tỉnh lúc không, nhưng cá nhân tôi, luôn quý trọng, cảm ơn và nguyện cầu mọi điều tốt đẹp đến với một mẫu **"người yêu văn chương lý tưởng - người vợ một nhà văn quân đội"** trong những ngày sau cuối cuộc đời, vốn vô thường.

viết xong lúc 5 giờ 01 phút sáng 11 tháng 2-2018

“CHẤT TRẦN HOÀI THƯ”



Lê Ký Thương (VN)

Cách nay một tuần, tôi nhận được @ của bạn Phạm Văn Nhân, người cùng Trần Hoài Thư chủ trương thực hiện Thư Quán Bản Thảo lâu nay, báo cho biết TQBT số 79 là số đặc biệt về thơ văn Trần Hoài Thư. @ có đoạn: *“Tôi có thêm ý kiến: các anh (bạn) viết cho tôi thêm tình bạn giữa các anh với THT. Tôi nghĩ ngoài văn chương của THT ra. Tình bạn là đẹp nhất. Gây ấn tượng nhất cho người đọc”*.

Từ năm 1964, lần đầu tiên tôi được đọc một vài truyện ngắn viết về chiến tranh rất cảm động của THT đăng trên tạp chí Bách Khoa. Mãi đến năm 1969, khi tôi về Phan Rang và làm “lính cậu” tại BCH Tiểu khu Ninh Thuận, ở đây, số phận may mắn cho tôi được gặp Nguyên Minh và NM ngờ ý muốn tôi cùng ở chung nhà của anh số 11 Nguyễn Thái Học – Phan Rang, và cùng làm tờ Ý Thức (dưới hình thức in ronéo). Không mong gì hơn đối với một người xa quê được bạn bè văn nghệ tận tình giúp đỡ, tôi nhận lời.

Giai đoạn này, nhóm YT đang bắt đầu chuẩn bị ra mắt số đầu tiên do nhà văn Ngự Hữu – tác giả truyện ngắn “Những mẫu chữ thù” đăng trên tạp chí Đất Nước - chủ biên. Ngự Hữu là anh ruột của nhà văn Yên My

Trần Hữu Lục, đang làm Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đô Vinh ở Tháp Chàm, và cũng là một Huynh trưởng Hướng Đạo, một đoàn thể mà tôi đã tham gia hoạt động khi còn ở quê nhà. Lại tứ hải giai huynh đệ!

Sẵn có nhà in ronéo Nguyễn của Nguyên Minh trong tay, nhóm Ý Thức không những làm báo mà còn ra sách nữa – dĩ nhiên là dưới hình thức “phổ biến hạn chế”, nói trắng ra là in lậu, không có giấy của chính quyền VNCH. Nguyên Minh đề nghị với tôi vẽ bìa cho tập truyện ngắn “*Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang*” - đây là tác phẩm đầu tay của Trần Hoài Thư được xuất bản ở một tỉnh lỵ nhỏ nhứt Miền Nam - Phan Rang.

Đã gần nửa thế kỷ, qua bao nhiêu dâu bể của cuộc đời, tôi không nhớ rõ mình đã vẽ gì cho cái bìa của nhà văn cùng thời mình yêu thích. Nhưng có đôi điều tôi nhớ chắc chắn là ở PR chỉ có nhà in duy nhất – nhà in Nghệ Thương ở đường Thống Nhất, máy móc thô sơ, không có chỗ làm *cliché*, nên Nguyên Minh phải gọi “chành” vô Sài Gòn làm bản kẽm ở Cliché Dầu đường Phát Diệm. Khổ sách là 13cm x 19cm (giống như khổ sách thông thường). Để làm được bản kẽm hai màu, không kể màu trắng của giấy, tôi phải tách màu làm hai bản kẽm, in mỗi lần một màu bằng máy pê-đan, rồi in chồng lên cho khớp.

Nhưng công đoạn thực hiện giống như một quyển sách in *typo* phải kể đến công lao của chị Hồ Thị Kim Phương - người bạn thân của Nguyên Minh và cũng là người cộng tác với Nhà in Ronéo Nguyễn. Bản thảo tập truyện của THT từ Qui Nhơn gửi vô là bản viết tay, chữ viết của anh lại khó đọc, đôi khi chị Phương phải “nhờ quyền trợ giúp” của chúng tôi. Khi thực hiện trên

giấy stencil, bắt buộc chị phải canh lề làm sao cho giống bát chữ in typô. Nghĩa là trước khi gần hết một dòng chữ, chị phải "ép chữ" để khi xuống dòng kế tiếp nó phải nằm gọn trong bát chữ. Mỗi trang sách đều như vậy. Kết quả là *"Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang"* và những xuất bản phẩm của giai đoạn Ý Thức bản thảo được độc giả Miền Nam đón nhận bằng sự ngạc nhiên và thích thú. Tác phẩm đầu tay của THT chúng tôi in đợt đầu 100 bản. In xong, tôi và Nguyên Minh chở ra Nha Trang, nơi anh THT đã trải qua thời ấu thơ sống cơ cực với mẹ ở rọc Rau Muống (gần cầu Hà Ra), gọi nhà sách Huy Hoàng nhờ phát hành. Nhắc tới anh Huy Hoàng, hầu hết anh em văn nghệ Miền Nam ai cũng biết. Trên "chuông cu" nhà sách là "trạm dừng chân" đôi ba ngày hay cả tuần, thậm chí cả tháng của anh em văn nghệ khắp nơi. Anh có tấm lòng bao dung và hào hiệp, cu rơ mang tất cả.

Sau đó, tôi mới gặp Trần Hoài Thu bằng xương bằng thịt. Lần đầu tiên gặp anh, tôi chợt nghĩ ngay đến hình ảnh một người lính ốm yếu, mang đôi kính cận dày cộp, với vẻ mặt nôn nóng ngồi đợi người yêu ở phi trường, nhưng khi nàng xuất hiện thì "tay trong tay" với người khác. Tình cảnh thật phũ phàng! Chàng giận và trả thù bằng hành động đá con chó đang nằm ở gầm bàn dưới chân chàng!... Truyện ngắn của Trần Hoài Thu trong thời chiến có nhiều tình cảnh éo le trắc trở như vậy.

Ở Tháp Chàm khoảng hai tháng, anh viết xong truyện dài *Cửa chiến tranh* giao cho Nhà xuất bản Lá Bối, rồi quyết định về lại quân đội. Nhờ Phạm Văn Nhân đèo xe honda ra trình diện tại Quân vụ Thị trấn Nha Trang. Ra tòa án Quân sự Mặt trận, anh bị giáng cấp từ trung úy

xuống thiếu úy.

Lúc này, bạn bè văn nghệ hay tin anh đổi lên Buôn Ma Thuộc. Thời điểm này, tôi may mắn được Tổng cục Chiến tranh Chính trị chọn đi học khóa bồi tiếng Anh tại Trường Sinh ngữ Quân đội. Thế là già từ Phan Rang, già từ căn nhà 11 NTH với bao kỷ niệm, tôi khăn gói lên đường vào Sài Gòn. Như là Nguyên Minh đã đi tiền trạm và “dọn sẵn” đường cho tôi. Khi vào SG, tôi đã có chỗ ở ổn định. Tôi sống chung phòng với Nguyên Minh ở 666 Phan Thanh Giản, nhà in Thanh Bình, mà chủ nhà in không ai khác là chị Mai – chị ruột của NM. Ngoài thời gian cấp sách đến trường, còn lại tôi tập trung thời gian phụ giúp NM trông coi việc “bếp núc” của nhà in và làm bán nguyệt san Ý Thức bắt kể ngày đêm. (Lúc bấy giờ đã có giấy phép chính thức của Bộ Thông Tin và Chiêu hồi).

Tôi gặp lại THT ở tòa soạn Ý Thức. Anh vui vẻ cho chúng tôi biết anh có cuộc hẹn gặp chị Y. – một bạn đọc của tạp chí Bách Khoa và cũng người người “mê” văn anh. Hai người chưa hề biết mặt nhau. Anh nhờ nhà thơ Đỗ Nghê chở tới tòa soạn Bách Khoa cho cuộc gặp “văn chương thơ mộng” này...

Thời gian tiếp nối thời gian, bỗng một hôm, anh đột nhiên xuất hiện tại tòa soạn Ý Thức. Lần này, anh hí hửng nhờ bạn bè đại diện họ đảng trai và lo tổ chức đám cưới cho anh gấp. Cô dâu chẳng ai khác là chị Y. ở Cần Thơ.

Đám cưới thời chiến được tổ chức tóc hành và giản dị. Chị Mai, chị ruột của Nguyên Minh làm chủ hôn. Bạn bè tham gia họ đảng trai gồm: chị Mận, em kẻ chị Mai,

thư ký kiêm nhà in Thanh Bình, được sĩ Nguyễn Thị Yến (chủ nhiệm tạp chí Ý Thức), Đỗ Hồng Ngọc (Đỗ Nghê), Nguyễn Minh và tôi.... Họ đang gài đưa cô dâu từ Cần Thơ lên Sài Gòn, hai họ gặp nhau tại nhà của người anh của cô dâu, tổ chức tiệc mừng cho “đôi trẻ”... Tan tiệc, chú rể theo cô dâu về Cần Thơ. Trước khi trở về đơn vị, anh có mời nhà văn Trần Phong Giao - thư ký tòa soạn nguyệt san Văn, Nguyễn Minh và tôi một buổi tối cà phê tại nhà được sĩ NTY.

Từ đó, tôi không có dịp gặp lại anh, tuy nhiên tôi vẫn gặp một Trần Hoài Thư trên những trang viết của anh, qua bạn bè hoặc qua email của anh gửi cho tôi. Tôi vẫn biết tin về anh qua những chặng đường *anh phải vác thánh giá* của cuộc đời!

Năm 2011, tôi mới bị “stroke” - *tưởng đi đứt*, thì hay tin bà chị vợ ở Seattle (Mỹ) bệnh nặng. Vợ tôi không an tâm khi đi một mình qua thăm chị, nên phải “đem” tôi theo. Tôi biết Trần Hoài Thư ở bang New Jersey, nơi tôi đã theo học khóa “Audio Specialist” tại Fort Monmouth trước 75, tôi đã từng sống qua một mùa đông khắc nghiệt ở đây.

Khi đặt chân đến Mỹ, tôi email thăm hỏi vợ chồng anh. Khoảng non một tuần ngày vợ chồng tôi về lại VN, anh báo cho tôi biết đã gửi phát nhanh về địa chỉ nhà người chị trọn bộ 2 quyển *Thơ Miền Nam* và 4 quyển *Văn Miền Nam*. Phải chăng anh dành cho tôi sự ngạc nhiên khi nhận món quà tinh thần quý giá này? Tôi biết anh đã bỏ biết bao công sức đến thư viện Cornell sưu tầm, một tuyển tập đồ sộ dày gần 5.000 trang in khổ 14cm x 20cm, hầu như có mặt đầy đủ những tác giả sống và

viết ở Miền Nam trước kia. Anh đúng là “người mang tinh thần thám kích khám phá văn chương Miền Nam”. Anh tự nguyện làm công việc “ăn cơm nhà vác ngà voi” mà không vụ lợi.

Nhưng cũng phải kể đến công lao của chị Y. khi chưa đột quy lần thứ ba! Chị là cánh tay đắc lực đã giúp anh hoàn thành sứ mệnh văn chương.

Trong một email anh gửi chung cho những bạn bè văn nghệ thân tình mới đây, anh kêu gọi bạn bè đừng “tôi nghiệp” cho hoàn cảnh hiện thời của anh, (hàng ngày anh phải vô *nursing home* thăm và săn sóc chị Y.,) mà thay vào đó hãy gửi bài cho Thư quán Bản thảo.

Anh đã từng thốt lên:

Dường như tôi sắp quỵ rồi.

Nghe chẳng tiếng thét vỡ màng nhĩ tôi ().*

Nhưng rồi nhờ văn chương mà anh đứng dậy:

Xây nhà phải có xà ngang

Xây đời phải có lan can vịn đời

Bây giờ hết bầu vú rồi

*Tôi xin lục bát vịn vào để vui (**).*

Nghe đến nẫu ruột, nhưng tôi nghĩ, đúng là “chất Trần Hoài Thư”.

Sài Gòn, 1-2018

(*)(**) Trích: Vin vào lục bát, thơ THT, TAQ xb, 2017.

VỀ MŨI KIM KHÂU DI SẢN VĂN HỌC MIỀN NAM



Nguyễn Dương Quang (VN)

"Nhận lệnh" của anh Phạm Văn Nhân viết cho Thư Quán Bản Thảo số 79 với chủ đề "Trần Hoài Thư vẫn còn mãi đam mê", ghi lại những kỷ niệm với anh Thư, thật tình tôi rất náo nức nhưng cũng vô cùng ngại ngùng. Tôi không quen viết cảm nghĩ của mình bằng lời văn xuôi dù trong tôi những hình ảnh của anh thật đậm đà.

Tôi chưa từng gặp anh. Và... tôi thực sự đến với văn chương, chữ nghĩa muộn màng sau những ngày "tù cải tạo". Trước 75, văn thơ của anh đã nhiều trên sách báo; còn tôi chỉ vồn vện vài bài thơ về cuộc chiến mình tham dự để đọc chơi khi cùng bạn bè những dịp gặp nhau đàn ca sáo thổi, ngoài ra chỉ thích tổ chức văn nghệ sân khấu và đá banh.

Cải tạo về, bọn bè mưu sinh, thỉnh thoảng tôi có làm ít bài thơ về số phận mình, rất ít khi, và vẫn ở bên lề các sinh hoạt thơ văn.

Bất ngờ, vào năm 2006, một ngày tôi nhận được mấy

trang photo bài giới thiệu tập "Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến" do Thư Ấn Quán tại Hoa Kỳ phát hành của nhà phê bình văn học Đặng Tiến do một người bạn thân ở Sài Gòn gửi đến trong đó có trích 3 đoạn thơ trong bài "Đêm Cuối Năm Viết Cho Má" tôi viết vào năm 1969 kèm lời bình rất ưu ái đến độ tôi giật mình ngỡ ngàng vui sướng. Mấy chữ "tác giả ít được biết đến" trong lời giới thiệu của anh Đặng Tiến đã xác nhận tính cách "nghệ dư, ngoại đạo" của tôi. Các thư viện tại Mỹ cũng chỉ có duy nhất bài "Đêm Kịch Dưới Chân Đồi Pá" của tôi do Huỳnh Hữu Võ giấu tôi gửi cho tạp chí Khởi Hành mà anh Thư đã sưu tầm. Tôi chợt nhớ trước đó có lần Nguyễn Lệ Uyên ở Tuy Hòa nhắn tôi đánh máy gửi vài bài thơ để được chọn đăng ở Mỹ, tôi đã gửi và quên đi. Ít lâu sau, một người bạn từ Mỹ đem về cho tôi tập 1 Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến nói là của anh Nguyễn Đức Nhơn gửi tặng (tôi không biết anh Nhơn, chỉ nhờ người bạn chuyển lời cảm ơn). Ít lâu sau nữa, anh Phạm Văn Nhân gửi cho tôi tập 2.

Bao nhiêu người cùng chung số phận nghiệt ngã trong thời chiến tranh qua thơ văn tôi biết chỉ hơn đầu ngón tay, nay được đọc cả mấy trăm người, lòng tôi chùng lại rồi hân hoan nổi có mình, có bạn, có đàn anh, ngang lứa, đàn em cùng trong cuộc chiến đẫm cả. Từ đây, tôi đề tâm hơn bước vào văn chương, đọc nhiều hơn, biết nhiều hơn những cây viết của văn học Miền Nam trước 1975.

Từ đây, tôi biết Trần Hoài Thư. Càng về sau, tôi biết nhiều hơn về anh, với nỗi đam mê văn chương, với nỗi lòng và kỳ công làm sống lại nền văn học miền Nam

tường chừng đã bị chôn vùi. Qua Thư Quán Bản Thảo, tôi đọc nhiều hơn và biết nhiều cây viết hơn rất nhiều.

Đối với tôi, anh Thư rất ưu ái: chọn 6 bài thơ viết trước 75 của tôi đưa vào 2 tập Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, đưa một số bài thơ sau 75 của tôi rải rác vào các số Thư Quán Bản Thảo. Đặc biệt, anh chọn một số câu thơ của tôi để dẫn nhập loạt bài "Viết về tính nhân bản trong văn học miền Nam thời chiến" của anh (TQBT số 58) và đặc biệt hơn, anh bỏ công sức và chi phí để in tập "Đêm Ôm Đàn Uống Rượu Một Mình" gồm 54 bài thơ của tôi, gửi 50 cuốn về VN cho tôi tặng bạn bè. Cùng với anh Thư, tôi cũng nhận được mối liên hệ văn chương đầy ưu ái của anh Phạm Văn Nhân và bạn Phạm Cao Hoàng.

Anh gửi tặng tôi 1 tập truyện, 4 tập thơ và 1 tập Suu tầm và Nhận định "Những tạp chí văn học miền Nam" của anh; qua đó, tôi phát hiện anh đã có một thời thơ ấu rất ngắn sống với mẹ ở Dran, nơi tôi sinh ra (tôi kém anh 2 tuổi), tại Trường Tin Lành Bết-Lê-Hem Nha Trang anh học Đệ Lục tôi Đệ Thất, anh vào TĐ K.24 tôi K.27.

Từ những câu thơ về thời thơ ấu đến trận mạc, bệnh viện, tù tội, bán cà rem, vượt biên... ngòi khau di sản văn chương, cuộc đời anh, công trình của anh với văn chương gây cho tôi rất nhiều xúc động.

Tuổi anh đã cao, bệnh tật (gout) hành hạ, ngày ngày còn phải chăm cho chị (người bạn đời đã giúp anh rất nhiều trong việc giữ gìn nền văn học miền Nam), nhưng

làm sao và ai có thể lôi anh ra khỏi cái hầm chứa đầy
máy móc in, mực, giấy và kim chỉ khâu vá văn chương
xưa? Tôi chỉ còn biết mong anh còn sức khỏe để giữ
ngọn lửa đam mê tuyệt vời này.

Với tôi, anh hơn là một bạn thơ, anh là một người anh
tôi luôn yêu kính, anh là một người ơn.

Dalat, 03.03.2018
Nguyễn Dương Quang

Phỏng Vấn *Trần Hoài Thư*

- **Trần Doãn Nho**
 - **Phạm Cao Hoàng**
-

TRÒ CHUYỆN CÙNG TRẦN HOÀI THƯ VỀ THƯ ẤN QUÁN VÀ THƯ QUÁN BẢN THẢO



Trần Doãn Nho (Hoa Kỳ)

Tôi quen với Trần Hoài Thư từ trước năm 1975. Trước hết, đọc nhau qua tờ Văn, Bách Khoa. Sau, gặp nhau ở Huế đôi lần, khi anh về phép. Cà phê, cà pháo, đấu láo chuyện nước chuyện nhà, chuyện văn nghệ văn gừng linh tinh. Rồi anh ra đi, trở lại chiến trường máu lửa. Còn tôi vẫn ở thành phố học hành, rong chơi. Văn

chương của anh là văn chương của chiến trận, của con người nằm giữa cái chết và cái sống. Văn chương tôi là văn chương thành phố, văn chương của một người suy gẫm...chuyện đời.



(từ trái sang phải): Phạm Ngọc Lu, Trần Hoài Thu, Nguyễn Lệ Uyên, Phạm Văn Nhân.

(nguồn: phụ bản trong tuyển thơ **Ô CỬA** của Trần Hoài Thu – Thư Ấn Quán 2004)

Hai mươi mấy năm sau, chúng tôi gặp nhau lại tại Mỹ. Nhiều lần, qua các sinh hoạt văn chương. Thỉnh thoảng, anh ghé nhà tôi chơi. Tôi cũng đôi lần ghé thăm anh, ở một nơi khá yên tĩnh của thành phố Plainfield, tiểu bang New Jersey. Nhà chỉ có hai vợ chồng. Hiện nay, cả hai anh chị đều đã về hưu. Ngoài những sinh hoạt bình thường hàng ngày và chăm sóc hai đứa cháu nội, anh, với sự tiếp tay vô cùng nhiệt tình của chị, đều dành hết thì giờ để lo chuyện văn chương.

Khác với nhiều người khác, ngoài chuyện góp mặt bằng

những sáng tác mới, anh dành hết thời gian, cặm cụi làm một công việc mà không ít người cho là ...vô ích và lỗi thời: lục tìm, in lại những tác phẩm đã xuất hiện ở miền Nam trước năm 1975. Bất chấp những lời đàm tiếu, anh vẫn ...đường ta ta cứ đi. Kết quả là cho đến nay, anh đã xuất bản được:

- Bộ Văn miền Nam (4 tập, tổng cộng 2200 trang)
- Bộ Thơ miền Nam (5 tập, tổng cộng khoảng 3000 trang) gồm: *Thơ miền Nam thời chiến* (tập I & II), *Thơ tình miền Nam*, *Lục bát miền Nam*, *Thơ tự do miền Nam*.
- *Chiến tranh Việt Nam & Tôi* (thơ Nguyễn Bắc Sơn)
- *Thơ Vũ Hữu Định toàn tập*
- *Kỷ vật cho em* (thơ Linh Phương)
- *Túy ca* (thơ Hoàng Hương Trang)
- Bốn tập thơ của Hoài Khanh
- *Những tháng năm cuồng nộ* (truyện dài của Khuất Đầu)
- *Tuyển truyện Sáng Tạo*
- *Văn các số 121, 132, và số chủ đề Thanh Tâm Tuyền*.
- *Tuyển truyện Một Thời Ý Thức*
- *Cúi mặt* (truyện dài của Bùi Đăng, do Thái Phương xuất bản năm 1969)
- *Đốt tuổi* (thơ Phan Nhự Thức)

- *Điệp khúc tình yêu & trái phá* (thơ Kiệt Tấn)
- *Tuyển truyện Y Uyên*
- *Lễ đẽo một phương quì* (thơ Từ Thế Mộng)
- *Đan tâm* (thơ Phạm Ngọc Lư)
- *Vũ trụ thơ I & II* (tiểu luận của Đặng Tiến)

và:

– Tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Tạp chí ra 2 tháng ra một số, hiện nay đã vào năm thứ 10. Số mới nhất là 41 phát hành tháng 2-2010, có chủ đề liên quan đến di sản văn chương miền Nam.

Theo tôi, đó là một công trình lớn, nếu không nói là lớn nhất, ở Hải Ngoại về mặt bảo tồn một nền văn học đã bị bức tử.

*

Nhân một buổi gặp gỡ bạn bè đầu năm Canh Dần, hai chúng tôi trò chuyện với nhau về công việc làm đầy ý nghĩa của anh trong thời gian qua. Xin ghi lại để chia xẻ cùng bạn đọc.

Trần Doãn Nho (TDN): Ta hãy bắt đầu bằng cái tên. Theo tôi biết, hiện có hai cái tên, một là Thư Quán Bản Thảo (TQBT) và một là Thư Ấn Quán (TAQ). Đó là hai cách gọi của cùng một công việc hay là để chỉ hai việc khác nhau?

Trần Hoài Thư (THT): Hai tên để chỉ hai công việc khác nhau, anh à. Chúng tôi có hai cơ sở. Một là Thư Quán Bản Thảo, tạp chí văn học nghệ thuật. Và một là Thư Ấn Quán, cơ sở xuất bản. Thư Quán Bản Thảo là

một tạp chí. Số 1 được thực hiện xong vào tháng 10-2000, dày khoảng 100 trang. Ban chủ trương gồm 4 người, mà ba người đều tuổi ngựa (sinh năm 1942). Khi báo chuẩn bị gửi thì biến cố 9/11 xảy ra. Tôi phải tháo bìa làm lại, thêm trang phụ bản về hai tòa nhà “TWIN TOWERS” đang ngùn ngụt trong lửa khói. Thư Quán Bản Thảo số ra mất, như thế, mang một dấu ấn lịch sử rất đặc biệt. Từ 100 trang cho số 1,2, tăng lên 200 trang cho số 3, và số mới nhất (41): 255 trang !

TDN: Anh là một trong bốn người. Vậy ba người kia là ai, thưa anh?

THT: Phạm văn Nhân, Trần Bang Thạch và Cao Vị Khanh.

TDN: Tại sao lại là Thư Quán/Bản Thảo?

THT: Bây giờ, không giấu gì anh. “Bản thảo” tôi lấy từ Ý Thức Bản Thảo, tên một tạp chí bất định kỳ trong nước ra một năm một số, mục đích là phổ biến văn chương nghệ thuật rất hạn chế trong vòng anh em thân hữu từng cộng tác với tạp chí Ý Thức trước 1975. Nó nói lên một điều: những người cầm bút trẻ thời trước 1975, vẫn tiếp tục viết, vẫn còn say mê với chữ nghĩa. Tôi đã tìm qua hai chữ Bản Thảo một ý nghĩa bi tráng hơn: *văn chương bộ lạc*. Và tôi đã dùng tiếng “bản thảo” này như một sự cảm thông, chia sẻ với anh em cầm bút trong nước. Còn Thư Quán thì anh chắc hiểu rồi. Thư là tên tôi. Vậy thôi.

TDN: Văn chương bộ lạc! Nghe ngộ ngộ. Anh nói rõ hơn ý nghĩa của cụm từ này được không?

THT: Anh hãy nghĩ đến một nhóm người mất hết ruộng bản, dắt dìu nhau giữa một thế giới không thuộc về của họ. Ở Mỹ chúng ta vẫn hằng nghe về bộ lạc da đỏ. Họ tụ tập với nhau, nhảy múa và hát những bài hát

cổ truyền quanh lửa trại. Ở đây, không phải nhảy múa mà là sáng tác, văn chương...

TDN: Thì ra thế. Vậy ta có thể nói, anh thành lập Thư Quán Bản Thảo và Thư Ấn Quán là để cho cái bộ lạc thời đại này khỏi bị tiêu diệt, đúng không? Bằng cách in lại những tác phẩm cũ trước 1975, mà anh gọi là “Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.”

THT: Đúng mà không đúng, anh à. Tạp chí Thư Quán Bản Thảo không nhất thiết chủ trương sưu tập để đăng lại những tác phẩm của các tác giả cũ. Với khoảng 230 trang, chúng tôi thường dành 100 trang cho một chủ đề nào đó. Ví dụ chủ đề Nguyễn Bắc Sơn (số 20), Nguyễn Nho Sa Mạc (số 26), Hoài Khanh (24), Phan Nhự Thức (số 27), Từ Thế Mộng (số 29), Lê văn Trung (số 34) hay Vũ Hữu Định, Trần Dzure, “Thơ văn khói lửa” hay Y Uyên v v... Phần còn lại dành cho những bài vở mới sáng tác do thân hữu gợi về đóng góp. Tạp chí dự trù ba tháng ra một số, nhưng vì sự đón nhận cũng như lòng thương mến của người đọc quá nồng nhiệt nên đổi thành hai tháng. Sau gần hai năm, vì điều kiện sức khỏe không cho phép, nên đổi thành tạp chí bất định kỳ. Chỉ một mình tôi lo từ A-Z nên cho dù muốn duy trì liên tục, cũng không được anh à. Ngoài phần chủ đề, tạp chí cũng có những ấn bản đặc biệt gồm những tác phẩm sưu tầm nhằm giúp người đọc có cái nhìn toàn bộ về sự nghiệp của tác giả. Ví dụ chủ đề Hoài Khanh, tôi in thêm 3 tập thơ của ông trước 75 làm phụ bản : 1) *Thân phận* 2) *Lục bát* 3) *Gió bắc, trẻ nhỏ, đóa hồng và để để tặng độc giả khi có yêu cầu.*

Riêng cơ sở Thư Ấn Quán không nhất thiết xuất bản sách trong Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam. Chúng tôi còn xuất bản những tác phẩm mới của bạn bè

ở trong nước, những người không có điều kiện để xuất bản. Chúng tôi thay mặt họ tặng biếu độc giả Thư Quán Bản Thảo và thân hữu của tác giả. Ngoài ra chúng tôi tìm cách chuyển về họ chừng 5, 10 tập để làm quà.

TDN: Như thế thì, Thư Quán Bản Thảo theo đúng chủ trương “chỉ biếu, không bán”, theo như lời giới thiệu? Mà nếu không bán, thì anh có nguồn tài trợ nào không?

THT: Mọi việc đều miễn phí. (Cười) Cứ hy sinh đừng đi du lịch bằng *cruise* sẽ có đủ tiền in hai tác phẩm cho bạn bè. Dễ lắm mà! Nói đùa với anh cho vui.

Đúng như anh nói, tạp chí Thư Quán Bản Thảo và hầu hết các tác phẩm do Thư Quán Bản Thảo xuất bản đều được rao: "Chỉ tặng khi có yêu cầu". Có nghĩa là chúng tôi chỉ gửi đến quý vị nào muốn đọc, chứ không tặng bừa bãi. Đổi lại, họ cho chúng tôi tấm lòng ưu ái ân cần. Chính cái tình giữa người đọc và tác giả mới quan trọng. Có những người đọc ở Mỹ về nước, tìm đến tác giả mà thăm hỏi. Khi bão lụt, những người đọc hỏi thăm qua chúng tôi về tình trạng người viết trong nước ra sao. Họ giúp người cầm bút cũ miền Nam trong nước hiểu được là họ không bị bỏ rơi, sáng tác của họ vẫn được đón nhận ở hải ngoại.

Tôi kể ra đây một trường hợp để nói lên cái tình sâu đậm này. Một người cựu sĩ quan nhảy dù gửi thư đến chúng tôi cần tìm tác giả bài “*Biên cương hành*” là nhà thơ Phạm Ngọc Lư để tỏ lòng cảm ơn, vì năm 1972, khi anh bị thương trên đồi Thường Đức ở Quảng Nam, trong lúc chờ trực thăng tới bốc, anh đã đọc bài thơ này trên Văn, và có ý nghĩ viết thư tỏ lòng cảm ơn sau khi về hậu cứ vì bài thơ đã diễn tả đúng với tâm trạng anh lúc ấy. Giờ đây, được đọc lại trên TQBT, anh muốn

nhờ chúng tôi tạo nhịp cầu.

Và mới đây, hôm 11 tháng 3/2010, thêm một người đọc nữa hỏi thăm về nhà thơ Lê văn Trung. Anh ấy kể đã thuộc những câu thơ của Lê Văn Trung trong tù và mang trong tâm trí đến bây giờ. Nói tóm lại, TQBT ít ra cũng là một mái nhà còn lại cho anh em cầm bút cũ tìm đến, nương tựa, gìn giữ nhau.

Riêng câu hỏi: Nguồn tài trợ ở đâu? Xin trả lời: người đọc. Họ tiếp trợ tạp chí qua tem thư hay những món quà lì xì vô điều kiện. Và nhất là chúng tôi có thể in số lượng tùy theo nhu cầu của người đọc từ phương pháp "*Print-On-Demand*" (In theo yêu cầu), cộng thêm cái nhà in mà tôi tự lập, từ những *program* mà tôi tự viết, với những sáng kiến mà tôi tự nghĩ hầu in ấn được mau chóng, tự động hóa. Đó là lối đánh giặc nhà nghèo anh à.

Nói thì nói thế, chúng tôi cũng có bán. Các sách bán là các bộ sách dày, in ấn rất tốn kém, lại đòi hỏi công sức rất nhiều như bộ Văn Miền Nam, bộ Thơ Miền Nam. À quên nữa, có một cuốn rao bán là “Tuyển truyện Y Uyên”, mục đích để lấy tiền làm quỹ cho việc tu bổ tượng đồng nhà văn Y Uyên. Khi số tiền ấn định đã đạt, chúng tôi ngưng bán ngay.

TDN: Anh cho biết qua cách làm việc của anh trong việc in ấn và phát hành.

THT: Sau mười năm kinh nghiệm, tôi đã thu thập hiểu biết khá nhiều trong lãnh vực in ấn. Về keo, về giấy, về bìa, về cách dàn trang (*layout*), về nhu liệu (*software*) nào nên dùng hay không nên dùng, về những cơ phận của máy in... Tất cả đều tự học qua biết bao nhiêu lần thất bại. May mắn tôi có ít nhiều kinh nghiệm

về điện toán nên áp dụng nó tối đa trong việc in ấn. Giờ đây, nếu anh đưa tôi một CD hay gởi tôi một hồ sơ (*file*), thì bảo đảm chỉ hai giờ sau là anh có tối thiểu bốn tập đảng hoàng (từ khi bắt đầu dàn trang, trình bày bìa, in trang ruột, đóng và cắt). Tất cả đều có khuôn mẫu (*template*) sẵn. Sau đó, tôi gởi sách tặng, hay rao trên trang mạng Thư Quán Bản Thảo. Vì không đặt nặng lợi nhuận nên không bận tâm mấy đến việc phát hành. Ai thích, hỏi, thì tôi in. Có sẵn trong máy. Chỉ việc bấm nút rồi chờ 10 phút là xong ngay. Vậy thôi. Bà xã tôi hay đùa với bạn: Anh Thư nhà tôi "lấy công làm lỗ"!

TDN: Không lỗ đâu, mà còn lời nữa. Lời tình bạn, lời văn chương.

Bây giờ hãy trở lại chuyện in ấn. Như vậy, để tự làm, anh phải sắm một cái máy in, đúng không? Anh dùng loại máy in gì? Nếu là “bí mật nghề nghiệp” thì...

THT: Chẳng có bí mật nghề nghiệp gì ở đây hết. Hiện tại tôi có 4 máy in loại HP 5SI để in trang ruột. Loại máy in này là loại máy in dùng trong văn phòng khác với loại máy in trong xưởng. Nó rất phổ thông cách đây chừng 10 năm, vận tốc 24 trang/ một phút. Có thể in *duplex* (hai mặt). Bây giờ nó đã lỗi thời. Kỹ thuật đã chế các loại máy có thể in trên 100 trang /một phút. Vì lỗi thời nên nó được bán rất rẻ. Trên trang mạng Ebay, tôi mua khoảng 100 đô la một máy, cộng thêm cước phí chuyên chở khoảng 100 đô la nữa. Sau đó tháo ra, tha từng cơ phận xuống dưới tầng hầm rồi lắp lại. Anh nghĩ xem, mỗi cái máy nặng hơn trăm *pounds*, tức là cả 50 ki-lô, làm sao mà khiêng, trong khi tôi một thân một bóng, chẳng có ai tiếp trợ và nhất là với cái thân hình "kính tế mới" của tôi! Phải dùng trí óc anh à.

Riêng máy in màu để làm bìa, tôi đã thử rất nhiều loại

máy, và tốn tiền khá nhiều cho mực màu *laser*. Cuối cùng tôi chọn máy HP CP1215. Rẻ lắm. Nhưng mực bột rất mắc. Chính vì thế, tôi mới mua những "chip" *made in china*, khoảng 2 đô la để dùng lại (refill). Đúng là Cộng Sản chơi tư bản. Công ty Mỹ muốn ăn tiền ở việc bán mực bột *laser*, nên làm "tiêu nhanh", "tiêu lẹ" mực, còn Cộng Sản Tàu thì chế loại *chip* mới thế vào *chip* cũ, ta cứ tha hồ mặc sức in! Ngoài máy in ra, còn những kỹ thuật khác cũng rất quan trọng không kém. Ví dụ: *nhu liệu* (software) chạy máy in loại HP thì khác với máy in loại Dell. Ví dụ: vì không dùng dây nối (wireless), đôi khi các dữ liệu (data) bị nghẽn, ngừng một lúc rồi in lại, do đó trang in cũng bị hỏng. Nhất là tôi có sáng kiến dùng loại giấy dán tường (wallpaper) để thế *bookcloth* (vải bọc dán bìa cứng) vì giấy dán tường là loại giấy không thấm nước. Hơn nữa nó đã là một tác phẩm nghệ thuật để ta khỏi mất công nhờ họa sĩ vẽ tranh bìa. Có điều, làm sao để in khổ lớn (khổ tabloid, 11×17) bằng một loại máy in nhỏ hơn (khổ 8.5×11) trong khi một mặt là keo khi chạy qua máy in rất dễ bị cuốn vào trục? Tôi đã nghĩ đến nát óc mới tìm ra cách. Tôi cũng mua nhiều sách về *bookbinding* (đóng sách) để học hỏi. Nhưng thú thật sách chỉ giúp về phương diện tiêu khiển thì giờ chứ không phải cho một mạng lưới (network) nhiều máy in, không dây nối (wireless), phải kiểm soát chặt chẽ dữ liệu (data) vì có khi chúng bị tắt nghẽn trên đường đến máy in đặt ở xa. Với hệ thống 4 máy in này, tôi có thể in được chừng 50 tập (mỗi tập 200 trang) mỗi ngày. Tuy nhiên cái quan trọng nhất là đóng, dán, cắt. Tôi phải tự làm từng tập. Hơi keo bốc nồng nặc, thêm cái máy cắt cỡ cỡ cỡ. Rồi bìa phải xếp (folding) trước khi

dán vào gáy sách. Riêng Bô Thơ Miền Nam thì vất vả bội phần. Anh có tin là trong những chuyến đi xa, nhà tôi làm tài xế và tôi ngồi ở băng sau, khâu những tập dày gần cả ngàn trang không? Nhiều khi tôi ao ước được trúng số để có tiền in bên Hồng Kông. Nhưng vì không thể đợi trúng số, nên đành phải gắng làm. Vì nếu mình không làm thì ai làm. Nghĩ lại, tôi không hiểu tại sao mình có thể chịu đựng được...

TDN: Chỉ trong vòng có mấy năm mà thực hiện hai bộ Thơ và Văn hàng ngàn trang, từ sưu tầm đến đánh máy, dò đọc chính tả, dàn trang, làm bìa, rồi in, đóng, dán, cắt... và mang ra bưu điện! Khiếp thật!

THT: Hai năm và tổng cộng gần 5000 trang, anh à.

TDN: Đó là chuyện in ấn. Còn chuyện sưu tầm, tìm kiếm lại tác phẩm của những tác giả trước 1975, và một số tác phẩm sau này của các tác giả còn ở trong nước, anh phải làm sao?

THT: Những tác phẩm trong tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam phần lớn là chúng tôi sưu tầm, và tác giả không còn giữ. Trước khi in, chúng tôi cố gắng liên lạc với tác giả hoặc thân nhân tác giả. Có người đồng ý, có người không. Ví dụ chúng tôi đã có dự án sưu tầm thơ Nguyễn Tất Nhiên sau khi hoàn tất dự án sưu tầm thơ Vũ Hữu Định nhưng cuối cùng không thể thực hiện được, mặc dù tôi có sưu tập thêm một số bài thơ thất lạc của ông. Cũng như muốn tái bản tập thơ *Mất cỏ* của Hoài Lữ, nhà thơ đã tử trận ở Bình Chánh vào năm 20 tuổi, nhưng niềm mong ước cũng không thành.

Tương cũng cần nói với anh là những tác phẩm in lại này chúng tôi đều không bán, in để tặng, hoặc cố tìm cách chuyển về nước để người nhà có dịp để trên bàn

thờ trong ngày giỗ kỵ, ví dụ thi phẩm *Vàng lạnh* của Nguyễn Nho Sa Mạc hay tác phẩm *Tuyển truyện thời chiến* của Y Uyên.

Còn những sách sau 1975, đối với anh em trong nước, không có phương tiện, tôi in giúp, thay mặt họ tặng thân hữu ở hải ngoại. Tính đến nay, tôi đã in 20 tác phẩm như vậy.

Riêng đối với Bộ Văn/Thơ Miền Nam, chúng tôi bán vì quá tốn công, tốn sức. Sách nào cũng gần 800 trang. Tôi chỉ chú trọng vào sáng tác đăng trên các tạp chí thay vì tác phẩm của tác giả. Tôi muốn đưa người đọc có cái nhìn thực tế hơn về vai trò của các tạp chí văn học miền Nam trong việc bồi đắp nền văn chương thời chiến. Tôi nghĩ vai trò của tạp chí cũng quan trọng lắm chứ.

TDN: Như thế là anh khác với Talawas. Talawas đã đưa lên mạng khác nhiều tác phẩm của văn chương miền Nam trước 1975, tất cả đều là sách.

THT: Đúng thế. Anh hẳn biết, thời chúng ta, những người mang bộ đồng phục lính như tôi, phải viết văn làm thơ trong những điều kiện khó khăn nghiệt ngã, luôn luôn ở ngoài tiền tuyến. Khi nào được về một thị trấn quận lỵ mà nhìn cô hàng quán là hạnh phúc rồi, huống chi là được về ngôi ở quán Kim Sơn, La Pagode của Sài Gòn. Tiền đâu, phương tiện đâu, ai quen biết để thay mặt mình mà xuất bản sách? Trường hợp bản thân tôi, tập truyện đầu tay “*Nỗi bơ vơ của bấy ngựa hoang*” do Ý Thức xuất bản, tôi phải lấy địa chỉ ở hậu cứ của đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 Bộ binh!

Hơn nữa, không phải nhìn vào số lượng tác phẩm hay bài vở đăng báo mà đánh giá. Có tác giả chỉ xuất hiện

một hay hai bài, nhưng đề đòi. Đó là trường hợp của Chinh Ba với truyện ngắn “*Bài thơ trên chiếc xương cụt*” đã đi trên Da Màu cách đây vài tháng. Có tác giả gửi bài thơ khóc bạn mình tử trận ở Pleime chưa kịp thấy bài thơ đăng trên báo, thì đã theo bạn về bên kia thế giới! Đó là nhà thơ Phan Huy Mộng với bài “*Người chết ở Pleime*” trên tạp chí Văn. Làm việc này chúng tôi muốn trả lại danh dự cho họ, không thể để họ bị chìm trong quên lãng trong khi tên họ xứng đáng được đề ở ngoài bia tạp chí!

TDN: Anh sưu tầm và chọn lựa bài vở và tác giả theo tiêu chuẩn nào? Làm sao tìm và tìm ở đâu?

THT: Đây không phải là cuộc tuyển chọn theo đúng ý nghĩa của nó. Đây chỉ là sưu tập những sáng tác có nguy cơ bị mai một trên các tạp chí văn học miền Nam, như chủ trương của chúng tôi: phục hồi nền di sản văn chương miền Nam. Còn việc tuyển chọn, thì ít ra, các sáng tác trên cũng hơn một lần được sàng lọc từ những ban tuyển đọc, hay các vị chủ bút đầy kinh nghiệm. Chúng tôi chỉ đọc lại thêm một lần nữa.

Còn câu hỏi làm sao mà tìm được? Xin thưa trước khi thực hiện dự án, tôi gửi điện thư đến nhiều bạn hữu, nhờ họ giúp đóng góp tài liệu, và nếu có thể cho chúng tôi biết những tác giả xứng đáng. Một "bò" thư viện sống là nhà thơ Thành Tôn. Anh đã giúp chúng tôi rất nhiều trong việc đề nghị, giới thiệu, và đóng góp bài vở. Ít khi thấy một người lại có một tầm hiểu biết về văn học miền Nam như thế. Ngoài ra còn có một vài bạn ở trong nước nữa. Họ giới thiệu giùm chúng tôi qua những tạp chí mà họ lưu giữ. Hoặc đề nghị những tên tuổi mà họ đã mang dấu ấn trong tâm trí để chúng tôi sưu tầm. Cuối cùng là nguồn thư viện.

Hể rảnh là tôi lái xe đến thư viện. Mưa, nắng tuyệt giá gì cũng đi. Thư viện đây là thư viện đại học Cornell ở vùng thượng tiểu bang New York (Upper New York) cách chỗ tôi ở khoảng 5 giờ lái xe. Thư viện có hai tòa nhà riêng biệt lưu trữ sách báo Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng. Đó là thư viện Krock, nằm phía sau thư viện chánh Olin, giờ mở cửa tùy theo chu kỳ học của sinh viên. Gần đến kỳ thi giữa khóa hay thi cuối khóa, thư viện mở cửa 24/24. Trong số sách báo miền Nam được lưu trữ ở đây, tạp chí Bách Khoa là đủ bộ nhất. Còn đa số các tạp chí, báo hằng ngày thì được lưu trữ ở thư viện Annex, tọa lạc ngoài vòng đai của trường. Giờ mở cửa từ 9 AM- 4PM. Ở thư viện này, không thể vào trong để lục sách, khác với thư viện Krock, có thể tự do vào.

Vào đây mới hiểu thế nào là sự trân quý của dân tộc bản xứ đối với văn hóa nhân loại. Không thể tưởng tượng nổi ở đây lại lưu trữ những nội san, giai phẩm như Trung Vương, Gia Long, Chu văn An, Quốc Gia Nghĩa Tử. Ngay cả tờ truyền đơn chiêu hồi đạo nào, vẫn được lưu trữ! Thật không thể tưởng tượng được, phải không anh. Cám ơn đất nước này, vì ít ra, nó giữ gìn văn học miền Nam mình sau đại nạn 30-4-1975. Cũng cần nói thêm, thư viện không chỉ lưu trữ sách báo miền Nam, mà của cả miền Bắc trước 1975 nữa. Sách vở nằm bên nhau, tác giả nằm bên nhau, không phân biệt, kỳ thi.

Ngoài Cornell ra, tôi còn tìm đến đại học Yale ở tiểu bang Connecticut cách nhà khoảng ba tiếng lái xe. Ở đây dù không dồi dào như Cornell nhưng Bách Khoa, Văn, Văn Đề, Văn Học, Trình Bày, Tiểu thuyết thứ Tư xem như đầy đủ. Khác Cornell, muốn vào thư viện phải

đóng tiền (26 đô la/tháng). Thư viện là một ngôi lầu rất cao. Có lần tôi đang ở tầng cao nhất thì chuông cứu hỏa báo động. Thang máy ngừng chạy. Chỉ một mình tôi chạy bộ xuống lầu. Và khi xuất hiện, bà xã tôi đứng đợi ở đó, khóc vì quá mừng!

Thường tôi rời nhà đi Cornell vào lúc 4 giờ sáng. Vì đường phần lớn là đường núi, mùa tuyết có khi cách một, hai *feet* cũng không thấy mặt nhau, lại thêm sương mù dày đặc nữa. Đèn pha thì bất lực. Đã thế lại thêm chứng buồn ngủ khi lái xe. Tuy nhiên, (*cười*), mình nguyên là lính thám kích mà. Đêm còn lội nước lút cả mấy cây số để xâm nhập mật khu, và quả chiến thắng là nồi cơm nấu lở dờ của lính Bắc: *Cơm nóng thầy trò ăn đở đói/ Ha hả cười cơm của nhân dân...* thì cái chuyện này chỉ là chuyện lẻ tẻ (*cười*). Khi buồn ngủ quá, ghé quán bên đường, nhìn cô bán hàng Mỹ mặc áo hở ngực mà "mần" thơ: (*rung đùi đọc*)

*Tôi mang châu thổ về gieo giống
Trông lấy trường sơn ở khắp nhà
Lập chiếc am thờ nơi đất mới
Cho những người đã chết hôm qua
Cô hàng đừng cúi. Tôi đâm dục
Nơi này ta phải biết phòng thân
How much, nhìn lên phần vú ngực
Cà phê này tính cả tà dâm...*

Còn nữa, như khi trở lại nhà, bên mình là hành trang gồm những bài văn, bài thơ của bạn bè mà mình tìm lại thì lòng vui lắm. Anh hãy tưởng tượng, trở về trong đêm, qua những thị trấn vào mùa Lễ, đèn đuốc được trang hoàng, có lẽ bếp sưởi đang cháy đỏ, tôi không

hiếu trong nhà, và ngoài xe, ai ầm cụng hơn ai?

TDN: Nghe anh nói khiến tôi đâm ra thêm làm Thư Quán Bản Thảo và Thư Ấn Quán với anh. Nhất là cái phần *How much, nhìn lên phần vú ngực* của anh.

THT: À, anh có hỏi tôi về cách sưu tầm. Tôi dùng *scanner* và *laptop*. Scanner tuy chậm nhưng đỡ tốn tiền *copy*. Đọc. *Scan*. Rồi đọc. Rồi *scan*.... Còn cái màn tìm người xứng đáng để bỏ vào sách thì cũng mất rất nhiều thời giờ. Ví dụ, khi nghe một người nữ độc giả báo ngày xưa chị có đọc một bài rất hay, đến nỗi bây giờ chị vẫn còn nhớ, là tôi ghi nhận, cố tìm mọi cách sưu tầm cho bằng được. Đó là nhà văn Đào Trường Phúc với bài *Tạ từ* trên Bách Khoa! Và khi tìm được tôi mới hiểu tác giả sáng tác bài văn tuyệt vời này khi ông mới 19 tuổi! Một trường hợp khác là nhà thơ Hoài Lữ với tác phẩm *Mắc cớ*. Ông tử trận vào năm 20 tuổi tại Bình Chánh, Gia Định. Nhà phê bình Đặng Tiến đã nhắc giùm và tôi đã tốn biết bao thì giờ để tìm tòi cho bằng được.

Sau đó, đến màn đánh máy thì còn gay go gấp bội. May mà có các bạn bè độc giả của Thư Quán Bản Thảo. Họ giúp đỡ chúng tôi tối đa. Anh thử tưởng tượng, với bộ Văn Miếu Nam bốn tập trên 2200 trang, nếu một mình tôi mà đánh máy chắc sẽ còn khuya mới xong, vậy mà rất cuộc, chỉ bốn tháng là hoàn tất nhờ bạn đọc nghe lời kêu gọi của tôi mà tiếp sức. Có sáu người đánh máy, bốn người ở hải ngoại, hai người trong nước!

Riêng về thơ, tôi và anh Phạm văn Nhân chia nhau đánh máy. Tưởng tượng hai ông lão đều sinh năm 1942, phải ngồi lọc cọc gõ trên 2000 trang cũng phải khủng khiếp lắm chứ !!!

TDN: Đúng là khủng khiếp! Tôi thì lâu lâu mới tự đánh bài viết của mình, mà cũng muốn khủng luôn, hướng chỉ anh. Nếu không có một tấm lòng đối với văn chương, với bạn bè thì quả không làm nổi.

Bây giờ, ta thử quay sang một đề tài khác. Anh vốn là một người lính, đa phần sáng tác của anh đều dính dáng đến đời lính và người lính. Mặt khác, anh cũng giành cho những đồng đội cũ rất nhiều ưu ái. Phải chăng, với anh, chỉ có người lính và đời lính mới đáng cho anh quan tâm trong sinh hoạt văn chương?

THT: Tôi viết về lính, thứ nhất, vì thời chúng tôi – thế hệ chiến tranh- lính là nhân vật chính. Thứ hai, người lính miền Nam bị guồng máy của chế độ Cộng Sản bắt bớ, giam cầm, cho đến đám nhà văn tự hào là ngòi viết trung thực cũng tìm cách bôi nhọ đến độ ghê tởm. Thứ ba, tôi là người lính đánh giặc thật sự, nên cố gắng phơi bày những kinh nghiệm có thật để những người không có dịp tiếp cận chiến trường, thật sự biết thế nào là nỗi lòng của người lính. Sự thật dù là sự thật, nhưng nếu không có ai nói lên sự thật ấy, thì sự thật cũng khó thành sự thật. Trong thời chiến tranh, tiếng nói của người lính chúng tôi đã bị át bởi kỷ luật, lệnh lạc, bởi tiếng nổ, lửa khói, còn trong thời hòa bình, thì bị dập tắt, nếu không nói là bị đè ra, khóa miệng bởi sự trả thù, bôi nhọ một cách hèn hạ. Tôi là nhà văn ở trong cuộc được may mắn, nên dù muốn dù không, phải dùng ngòi bút mình để viết lên tiếng nói ấy.

TDN: Có nghĩa là, đối với anh, chỉ có văn chương trước 1975 của miền Nam Việt Nam, đặc biệt là văn chương về chiến tranh và đời lính, mới đáng được nghiên cứu? Anh đã từng phát biểu ở trang mạng Talawas rằng “Thảm kịch về chiến tranh ở trên quả đất

này chỉ bằng một góc của thảm kịch Việt Nam.”

THT: Thừa anh, đáng nghiên cứu lắm chứ. Bởi vì sau 1975, văn chương về người lính miền Nam đã bị tận diệt. Sách vở tạp chí bị đốt hủy thì lấy chứng cứ đâu để nói lên tính cách nhân bản của nền văn học thời chiến. Đáng nghiên cứu, vì bộ máy nhà nước cũng như máy ông nhà văn nhà thơ trong hàng ngũ thắng trận luôn luôn trắng trợn vu cáo văn chương chúng tôi là văn chương thực dân kiểu mới, là văn chương đòi truy, nọc độc văn hóa, vùn vùn để những khối óc ngây thơ luôn luôn bị tiêm nhiễm. Tôi biết có người sẽ bảo chuyện cũ mấy mươi năm rồi vẫn còn nhắc lại, mất thì giờ. Nhưng sự thật ai trả lại cho chúng tôi đây, hở? Ai biện hộ giùm cho những lời vu cáo người lính thám báo được viết trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh hay trong *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái? Ai?

Chẳng hạn đoạn sau đây của Hồ Anh Thái trong truyện ngắn vừa nói:

“Cuối cùng, điều Hoa không ngờ đã tới. Cô chỉ nghĩ rằng bọn thám báo sẽ lôi Hùng đi làm tù binh để tiếp tục lấy khẩu cung. Nhưng thằng cầm con dao găm của anh đã cúi xuống rạch một đường thành thạo trên bụng Hùng. Anh quần quai hét lên một tiếng rùng rợn. Ở trên cao, Hoa nghiêng chặt răng gần như ngất đi. Hai thằng kia đè chặt chân tay Hùng cho thằng mổ bụng moi tim gan ra. Chúng nỏ lửa nướng tim gan ăn ngay tại chỗ. Hai hột tinh hoàn thì được phân chia cho hai thằng chắc là cấp cao hơn.”

Vai trò thám báo là tuyệt đối giữ bí mật để làm nhiệm vụ săn tin hay chỉ điểm máy bay oanh tạc đơn vị địch. Họ bị đẩy vào những chỗ mà có lẽ mỗi lần ra đi là ít khi có ngày về. Bởi không ai có thể bảo vệ họ được trừ họ. Vậy mà ở đây, cảnh năm tên thám báo bắt một tù binh loại chính qui, nhơn nhơn với một bữa yến tiệc ăn tim gan và tinh hoàn người, giữa thanh thiên bạch nhật, đầy ồ kiến lửa (chúng tôi hay dùng cụm từ này để chỉ một mục tiêu khó nuốt, thường ám chỉ nơi có sự xuất hiện đơn vị chính qui Bắc Việt). Lại tinh bơ nổi lửa đốt cho khói bốc lên để "lạy ông tôi ở bụi này"! Biết viết văn là bịa, nhưng bịa vừa vừa thôi chứ, ông Hồ Anh Thái ơi. Và thiên chức nhà văn ở đâu? Bịa trắng trơn như thế ai mà tin được!

Tôi bỗng liên tưởng đến những giọt nước mắt chảy trên má của người tù binh nào đó của chiến trường Bình Định vào những năm cuối của thập niên 60, như qua bài thơ của Trang Châu sau đây:

Nước mắt kẻ thù

nó bị thương

bị bắt sống

mọi người đòi giết nó:

nó núp trong hầm

với một khẩu tiểu liên

cầm chân cả trung đội:

nó bắn ngã chúng tôi một người

bắn bị thương hai người khác

tôi đọc nét căm hờn

trên những khuôn mặt đồng đội
mọi người đòi giết nó
tên du kích vùng khốn nạn
gài lựu đạn lùm cây bờ ruộng
giết những người bắt cá mò tôm
nó nằm đó
mình bết bùn
máu cánh tay nhầy nhựa
tránh những tia nhìn nổ lửa
những bóng súng gờm gờm
nó nằm chờ
một phát súng vào đầu
một lưỡi dao rạch bụng
một cái đạp xuống hố sâu
nó nằm chờ nằm chờ
tử thần
nhưng
chỉ có bàn tay vuốt dịu cảm hờn
bàn tay băng bó vết thương
bàn tay vỗ về an ủi
nó nằm chờ tử thần
sững sờ bất gặp tình thương
đồng loại
đôi mắt sát nhân vụt bỗng hiền từ
nhen hai dòng lệ nhỏ

*trong cuộc chiến hôm nay
cho tôi xin chiến đấu không hận thù
xin những vết thương bình đẳng
cho tôi đổi một trăm chiến thắng
lấy một giọt nước mắt kẻ thù*
Trang Châu (Bên bờ Kinh Sáng 17-2-67)

(trong *Dấu vết chiến tranh*)

Ồi cho tôi đổi một trăm chiến thắng lấy một giọt nước mắt kẻ thù! Còn gì là nhân bản hơn, còn gì tình người hơn. Không phải lời ước ao trên phát xuất từ một y sĩ tiền tuyến là Trang Châu, nhưng nó phát xuất trái tim của miền Nam. Đó là bản chất của con người. Đó là cội lòng thâm dày Chúa và Phật. Không phải như từ trái tim đen từ những kẻ sống chỉ biết căm thù! Và căm thù mãi mãi!

TDN: Đọc một số bài viết ngắn của anh (trên Talawas), tôi có cảm tưởng là anh không có mấy thiện cảm đối với việc phê bình. Lý do chính, theo anh, là người phê bình có khi không hề biết đến hiện thực mà tác giả mô tả. Anh viết: “Phê bình, trước hết anh phải đặt mình vào không gian và thời gian của tác phẩm. Và thứ hai anh phải có ít nhiều kinh nghiệm.” Ở một bài khác, anh viết: “Nhu vậy, kinh nghiệm là một yếu tố rất cần trong việc phê bình, hay đánh giá một tác phẩm. Có lẽ, nếu nhà phê bình đã từng lội qua những con suối đen và lạnh buốt của Trường Sơn, đã nếm vị trùng sốt rét, buổi xế trưa...”.

Rất dễ dàng đồng ý với nhận xét đó của anh. Tuy nhiên, nếu vậy, liệu ta có thể phê bình một tác phẩm ra đời rất lâu trong quá khứ? Liệu có thể phê bình một tác phẩm

mà tác giả ở một xứ khác, một thời điểm khác? Và liệu một người trẻ lớn lên sau chiến tranh có thể viết phê bình về các tác phẩm của chính Trần Hoài Thu? Vì làm gì họ có kinh nghiệm về những gì anh đã kinh qua.

THT: Khi tôi nêu ý kiến này là tôi chỉ đề cập đến các tác phẩm viết về chiến tranh VN. Có một vị phê bình, cho *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là tác phẩm hay nhất viết về chiến tranh Việt Nam. Tôi nghĩ nếu vị ấy biết rõ về vai trò thám báo của quân đội VNCH, chắc sẽ không bao giờ cho vào danh sách "hay nhất" ấy.

Vì không có kinh nghiệm, mới cho là hay nhất, mới dịch ra tiếng Tây, tiếng Mỹ, mới được dựng thành phim, mới là sách gối đầu giường cho những nhà biên khảo. Tôi nhớ đến một lần, tôi bị một thanh niên Mỹ trẻ cùng làm việc chung, hỏi rất ngây thơ: "Tại sao lính miền Nam lại tàn bạo như vậy?". Tôi hỏi: "Tại sao mày biết?" "Tôi đọc trong *Nỗi buồn chiến tranh* (Sorrow of war)," anh ta trả lời.

Với anh ta, tôi còn giải thích vai trò thám báo để anh ta hiểu. Còn biết bao nhiêu người khác cũng mang câu hỏi như anh ta sau khi đọc *Sorrow of war*? Còn con cháu tôi? Liệu chúng có cúi đầu mặc cảm là con cháu của những kẻ sát nhân tàn tặc lương tâm như đã mô tả trong tác phẩm của Bảo Ninh hay Hồ Anh Thái?

Ông bà chúng ta có câu, nghĩ rất có lý: Không biết thì dựa cột mà nghe. Phải không, thưa anh.

TDN: Tôi đồng ý với nhận xét đó, nhưng dù sao, cũng cần có những nhà phê bình chuyên nghiệp, những người không biết gì ngoài sách vở và chữ nghĩa chứ!

THT: Theo tôi, người phê bình là nhíp câu mang độc

giả đến tác phẩm, hơn nữa là người thay mặt độc giả. Người phê bình là cần thiết, như anh thấy rồi. Chính vì cái lỗ hổng to lớn về tác phẩm nhận định phê bình, mà sau chiến tranh, người đọc cũng như người tha thiết muốn tìm hiểu về nền văn học thời chiến trước 1975 rất khó khăn trong việc tham khảo, để cho những Lữ Phương, Thạch Phương, Vũ Hạnh, Trần Trọng Đăng Đàn hay những bài viết về nhận định, phê bình trên Văn Học Hà Nội làm mưa làm gió... Hề mở sách ra là "giòng văn học yêu nước cách mạng", là "nọc độc văn hóa", "văn chương thực dân kiểu mới"... Điều này không phải là không có lý vì sách báo tạp chí miền Nam trở thành tro bụi thì lấy gì mà tham khảo! Bởi vậy, khi tìm được bài điểm sách của Trần Hữu Thục viết về tập truyện của Văn Lê Thiên (Lê văn Thiện) trên tạp chí Tân Văn trước 1975, tôi mừng lắm anh ơi. Mừng là ít ra cũng có một người còn viết về một tác giả trẻ ngoài vòng đai, nhưng buồn là nó rơi vào trong cõi mênh mông quên lãng. Anh biết không, Lê văn Thiện bây giờ là nông dân 100% ở Việt Nam, và anh ấy vẫn còn viết. Mặc dù sau này, ở hải ngoại, có những người cố gắng tìm đến nền văn học thời chiến như Đặng Tiến với những bài nhận định về Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Nguyễn Xuân Thiệp, Từ Thế Mộng, Thơ Miền Nam trong thời chiến v.v..hay Trần văn Nam, Nguyễn Vy Khanh với những nhận định về nền văn học chiến tranh ... và ở trong nước có Nguyễn Lê Uyên với những bài viết về Linh Phương, Phạm Ngọc Lư, Y Uyên, Vũ Hữu Định v.v... Tuy nhiên, họ phải viết trong nỗi khó khăn vì tài liệu, bài vở, báo chí để tham khảo rất hạn chế. Có điều, qua các bài, hay tác phẩm nhận định ấy, nếu người đọc muốn biết về văn chương

và tác giả trước 1975, thì sách báo đâu mà đọc? Lấy gì để chứng minh trong khi sách báo bị tận diệt?

Đó cũng là lý do chúng tôi cố gắng sưu tập những bộ Văn và Thơ Miền Nam. Dù muộn nhưng mà có còn hơn không.

TDN: Trng một bài viết trên Talawas, anh cho rằng “Sự thành công của tác phẩm không phải chỉ tùy thuộc vào năng khiếu ngôn ngữ. Còn có những yếu tố khác tạo thành. (...) trong đồng chất liệu bẽ bộn, người viết văn phải biết cách tuyển lựa những chất liệu thích hợp nhất, giá trị nhất, và phổ quát nhất (...). Sau đó mới nghĩ đến chuyện sử dụng bút pháp.” Tôi hoàn toàn đồng ý với anh. Tuy nhiên, anh lại nói thêm : “Nhu vậy, chữ nghĩa chỉ là phụ. Cái chánh là viết thật, viết đúng, viết bằng hơi thở của mình.” Làm sao ta có thể viết đúng, viết thật khi mà ta không biết cách viết? Nghĩa là câu kéo lung củng, chữ dùng không chính xác, viết sai chính tả...hay không biết cách diễn đạt.

THT : Như vậy anh "chê" các ông Lê Ngọc Châu (Bách Khoa), Trần Phong Giao (Văn) chọn bài à?

Đây là ví dụ cho "bút-pháp-hơi-thở" chẳng văn phạm gì ráo của tôi viết khi đang hành quân:

*Xin tha lỗi cho tôi, các bạn. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. **Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm.** Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng nằm tại nhà vĩnh biệt. Hai thằng mất tích. Và những thằng bị thương đang nằm ở đây. **Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm.** Ngày hôm đó, ngày 9 tháng 5 thì phải. Mặt trời*

thì hùng hực lửa. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm trong bụi, mặt dầm dề máu và đùi găm đầy miếng lựu đạn, cả móng tôi cũng vậy. Tôi nhìn lên cao cầu khẩn **Tổ Tiên Ông Bà, Nam Mô Quan Thế Âm Lay Trời Lay Chúa**. Nhìn mặt trời, cho con sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn rít dưới chân. Đạn xẹt trên đầu. Tôi lộn nhào. Lê lét. Bò trườn. Tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. **Tắc bùm. Thụt đầu vào. Chạy. Lăn.** Tôi nghiệp thân thể mày chưa, **Thư. Gây ốm thế kia. Cha mẹ nưng niu bỗng ẵm nuôi con bây giờ ẵm ẵm, tạch đùng, bập bập bập, bò, hai cùi tay vấy máu, bò ngửa, bò sắp, bò hai chân, bò hai tay. Bụi gai vừa xê dịch. Tắc bùm. Đ.M, quân chó đẻ. Mày giết tao mày hả dạ lắm sao. Tao để dành viên đạn cuối cùng. Tự sát.**

(Trích *Nhật Ký Hành Quân*, Trần Hoài Thư, Văn số 114, tháng 9 năm 1968)

TDN: Một đoạn văn như thế không thể bảo chữ nghĩa là phụ được. Nếu chỉ có kinh nghiệm sống không thôi mà không có kinh nghiệm đầy mình về chữ nghĩa, không thể diễn tả chiến trường một cách sống động như vậy. Tôi đã đọc bài viết này của anh hồi đó, trên Văn. Đối với một người được may mắn ở thành phố như tôi, những trang văn nóng hổi như thế của anh, hay của Y Uyên, Phan Nhật Nam, Lê Bá Lăng... viết từ chiến trường quả là một món ăn tinh thần quý giá. Chúng giúp bọn sinh viên chúng tôi biết thế nào là chiến tranh thật sự, là sự gian khổ thật sự của những người chiến

đầu, nhờ đó, mà chúng tôi có thể học hành và ...đầu
láo chuyện trên trời dưới đất.

THT: Cám ơn anh.

TDN: Chiến tranh Việt Nam chấm dứt đã 35 năm. Tất cả đều thay đổi: đất nước, con người, hoàn cảnh. Thế hệ của chúng ta già đi và một thế hệ trẻ, mới toanh lớn lên. Bao nhiêu nước chảy qua cầu. Có những người vẫn viết, vẫn suy nghĩ như cũ. Có những người thay đổi cách viết theo thời gian, theo sự vật và sự việc. Anh suy nghĩ gì về sự đổi mới trong văn chương: cách viết, cách tiếp nhận, cách suy nghĩ...?

THT: Sáng tạo là một việc làm rất cần thiết cho nhà văn/thơ của mọi thời. Dù là ý tưởng hay dù là hình thức. Những bài thơ của Thành Tôn, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Viên Linh cách đây 40, 50 năm đã nói lên sự không ngừng làm mới thể thơ lục bát. Và bây giờ, nhờ vào *word*, *unicode*, hay *photoshop*, hình thức cũng uyển chuyển và linh động bội phần. Tuy nhiên, nếu nói rằng cái chủ đích của tác phẩm là truyền đạt ý nghĩ, tư tưởng mà tác giả cố gắng gói gắm đến với người đọc, thì theo tôi, trước hết, đừng nên buộc người đọc phải lao tâm khổ trí mà tìm hiểu. Tôi lấy ví dụ qua một bài tản mạn của tác giả Nguyễn Anh Khiêm về những từ tân... văn hóa:

Sao người ta say mê từ “là” quá trớn trong khi từ này cảm kị trong tiếng Việt ngày trước, nhất là không được đặt trước tính từ làm vị ngữ, bỏ ngữ vì nó thừa thái, dơ tẻ. Cũng không thiếu hài hước khi nghe các từ ngữ phát sinh theo nhu cầu bẻ queo tin tức như “nới rộng biên độ giá xăng” tức “xăng tăng giá”, “điều chỉnh chỉ số giá tiêu dùng” tức “tăng vật giá, “khiếu

kiện đông người” là “biểu tình”, “ngưng việc tập thể” là “đình công”, “nông dân có khó khăn” là “nông dân điêu đứng”, “chi tiền chưa đúng đối tượng” là “ăn chặn tiền tết của người nghèo...”

Tôi không hiểu những từ này thuộc loại tân từ hay tân hình thức không, sao mà tôi thỉnh thoảng lại gặp trong những bài thơ mới bây giờ. Cố hiểu nhưng thật khó làm sao !!!

TDN: Thế hệ mới lớn hoàn toàn khác chúng ta trong suy nghĩ, trong đời sống lẫn trong cách viết. Chúng ta có nên để lại cho lớp trẻ gánh nặng quá khứ hay để cho họ sống và viết với hoàn cảnh và thời đại và tâm tình của họ hiện nay y như chúng ta đã từng sống và viết với thời đại và tâm tình của chúng ta trước đây?

THT: Đối với những người viết trẻ, đặc biệt những người viết ở hải ngoại, tôi rất ngưỡng phục. Không ngưỡng phục sao được, khi mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ môi miệng họ phải dành cho tiếng Anh, tiếng Mỹ. Họ là những người mang sức sống cho chữ nghĩa, qua kiến thức mà họ du nhập, và qua tấm lòng thiết tha với tiếng mẹ mà họ có lẽ rất khó khăn để gìn giữ. Thơ văn của họ bây giờ là sự chia xẻ kiến thức, và niềm vui, lẫn học hỏi như môi trường mà họ có mặt, không tháp ngà, không chiếu trên, chiếu dưới... Với lớp già như tôi có vẻ chịu thua, lép vế trước sự không ngừng sáng tạo, đổi mới trên hành trình văn chương chữ nghĩa của họ.

Có điều, đôi khi kinh nghiệm cũng cần thiết lắm chứ. Nếu không cần thiết thì tại sao các công ty kiếm người cần tìm những người có kinh nghiệm hay trong các *resume*, kinh nghiệm được tô vẽ hàng đầu!

Tâm sự quá nhiều. Anh đã đặt cho tôi những câu hỏi

quá gai góc, mà trả lời có khi bị hiểu lầm. Nhưng mà tôi chỉ biết bấy nhiêu, trả lời trong tầm hiểu biết giới hạn của mình. Xin anh và bạn đọc có gì đừng chấp trách là tôi day khôn. Xin thành thật cảm ơn trước.

TDN: Chưa xong đâu, anh Thư. Tôi còn một câu hỏi cuối cùng: dự tính của anh trong những tháng ngày sắp tới?

THT: Sẽ cố tiếp tục sưu tầm và xuất bản các tác phẩm và tác giả sống và viết ngoài vòng đai. Và dĩ nhiên, vẫn viết văn, làm thơ, vẫn in sách của bằng hữu, và của mình, vẫn xúc tiến tạp chí Thư Quán Bản Thảo mặc dù không còn thường xuyên như trước. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào điều kiện sức khỏe nữa. Mấy tháng nay tôi bị "gout", khi bớt, khi phát làm ngăn trở không ít những điều mình mong ước....

(Thực hiện tháng 3/2010)

(nguồn damau.org)

PHÒNG VẤN TRẦN HOÀI THU



Phạm Cao Hoàng (Hoa Kỳ)

Gần 20 năm qua, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt ở hải ngoại, Trần Hoài Thu là cái tên được nhiều người nhắc đến, là nhà văn/nhà thơ được nhiều người yêu mến vì công lao của ông trong việc sưu tầm và xuất bản các tác phẩm văn học miền nam 1954-1975. Bằng số tiền lương hưu ít ỏi, với sự hỗ trợ của những người có lòng với văn học miền nam, từ năm 2000, Trần Hoài Thu cùng người bạn đời Nguyễn Ngọc Yến mua máy in, thành lập nhà xuất bản Thư Ấn Quán và tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Cho đến nay, phần lớn các tạp chí văn học dạng báo giấy của người Việt ở Mỹ đã đóng cửa do sự xuất hiện của các tạp chí trên mạng internet nhưng Thư Quán Bản Thảo vẫn tồn tại và đã phát hành đến số 75. Tủ sách DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM của nhà xuất bản Thư Ấn Quán đã sưu tầm và in lại hàng trăm tác phẩm giá trị, đáng kể nhất là bộ THƠ MIỀN NAM gồm 5 tập với tổng cộng khoảng 3500 trang và bộ VĂN MIỀN NAM 4 tập với tổng cộng khoảng 2400 trang. Công việc của hai vợ chồng ngày càng có kết quả thì chuyện không may đã xảy ra cho chị Yến: tháng 1 năm 2013 một cơn tai biến

(stroke) đã làm chị ngã gục, từ đó đến nay chị chỉ nằm một chỗ, không ngồi dậy được, mọi sinh hoạt cá nhân phải nhờ vào nhân viên trong nursing home và Trần Hoài Thư. Bất chấp những khó khăn, những bất hạnh đang phải chịu đựng, hiện nay Trần Hoài Thư vẫn thực hiện việc in ấn tạp chí Thư Quán Bản Thảo và tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.

Bài phỏng vấn này nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin căn bản và chính xác về một nhà văn/nhà thơ rất đặc biệt: Trần Hoài Thư.

Phạm Cao Hoàng

1. Anh Trần Hoài Thư, theo tôi biết, anh có một tuổi thơ bất hạnh. Xin anh nói một chút về tuổi thơ của anh.

THT. Tôi sinh năm 1942 tại Đà Lạt. Tuổi thơ thất lạc cha, theo mẹ sống khổ cực ở Rộc Rau Muống, Nha Trang. Có một thời gian tôi sống trong cô nhi viện Bethlehem ở Hòn Chông. Năm 1954, cha tôi tìm được tôi và đưa tôi về Huế.

2. Và chuyện học hành của anh?

THT. Ra Huế, từ năm Đệ Lục đến Đệ Tứ tôi học trường Việt Hương, Bán Công. Vì đậu trung học khá cao, tôi được phần thưởng danh dự trung học toàn quốc của TT Ngô Đình Diệm, và được nhận vào Quốc

Học. Tôi học ban B. Đậu Tú Tài II vào năm 18 tuổi, lấy một vài chứng chỉ khoa học tại Huế và Sài Gòn.

3. Hình như có thời gian anh dạy học ở Tam Kỳ? Sau đó thì anh vào quân đội?

THT. Vâng, tôi dạy tại trường Trần Cao Vân, Tam Kỳ, hai năm. Giáo sư đệ nhị cấp, dạy Toán là môn chánh.

4. Thời anh ở Bình Định, anh là lính thám kích. Nhiệm vụ của anh là gì?

THT. Năm 1967, tôi nhập ngũ, khóa 24 Thủ Đức. Vì mãi lo viết báo Bộ Binh, làm thơ nên khi ra trường đậu gần chót bảng. Vì vậy, khi lên chọn đơn vị, chỉ có đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 bộ binh là thiên hạ chừa lại.



Trần Hoài Thư khi mới tốt nghiệp Trường Bộ Binh Thủ Đức (1967)

Tôi làm trung đội trưởng và xử lý đại đội phó của đơn vị này khoảng 4 năm. Về nhiệm vụ và vai trò của thám kích, tôi xin trích lại một đoạn trong bài viết “Định Mệnh” của Nguyễn văn Dưỡng, nguyên trưởng phòng Nhì SĐ 22 bộ binh – phòng điều động đơn vị tôi:

"Bao nhiêu trách nhiệm nguy hiểm trong vùng địch kiểm soát, đột kích, thám kích, tiền thám hay viễn thám kể cả tăng viện và là mũi tấn công chính trong một trận đánh dữ dội, đều giao cho Đại đội Thám Kích 405. Vì vậy sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của đơn vị này phải là quân nhân tình nguyện hoặc được chọn lựa trong thành phần có kinh nghiệm trận mạc, gan lì và nhất là sự bền bỉ chịu đựng gian khổ ở các đơn vị tác chiến khác của Sư Đoàn. Mặc dù Đại Đội Thám Kích không có trong Bảng Cấp Số của Sư Đoàn, nhưng do tính chất của nhiệm vụ khi thành lập – vì nhu cầu chiến trường- nên tính mệnh của mọi cấp trong ĐĐ/TK như “chỉ mảnh treo chuông” mỗi một khi được sử dụng. Ai vào thám kích mà ra khỏi được, không chết, ít nhất cũng mang theo vài chiếc theo trên mình. Trần Hoài Thư rời miền Trung vào miền Nam không biết được mấy Chiến thương Bội tình...”

Tôi có 3 chiến thương ngôi sao đỏ do bị thương ba lần.

Nếu viết về chiến công, thành tích của đại đội, thì quá lớn. Đây là một đơn vị cấp số đại đội nhưng đã sản sinh một người được thăng cấp nhanh nhất của QLVNCH. Đó là thiếu úy Hồ văn Hòa. Chỉ trong vòng một tháng được thăng cấp hai lần, từ thiếu úy lên trung úy nhiệm

chức rồi trung úy thực thụ do chính tướng Đỗ Cao Trí gán ngay tại mặt trận.

Nhưng đối với tôi, cây viết của tôi chỉ dành cho những người lính khỏ đã giúp vị sĩ quan kia được lên lon nhanh chóng. Lính khỏ. Ai cũng biết. Nhưng ít ai viết về cái khỏ của họ. Lính hy sinh. Ai cũng biết. Nhưng ít ai viết về sự hy sinh to lớn của họ. Lính là anh hùng vô danh. Không phải đâu. Họ có tên có tuổi. Họ có căn cước quân nhân, có thẻ bài. Thật là buồn cười, vô danh chỉ dành cho lính còn hữu danh thì dành cho tướng cho quan...

5. Sau đó anh trở thành phóng viên chiến trường. Anh làm nhiệm vụ này ở đâu và bao lâu? Anh có thể mô tả công việc của anh trong giai đoạn này không?

THT. Tôi về miền Tây làm phóng viên chiến trường từ năm 1971 cho đến tháng 4/1975. Vẫn là những chuyến đi vào trận mạc, với máy ảnh và cây viết. Tôi đã viết nhiều truyện lấy từ chất liệu sống này.

Từ bên kia đất Miên đến vùng đầm lầy Đồng Tháp, từ những cánh điều trên đồng cỏ đến những cánh điều bị vấy máu ở sân trường tiểu học Cai Lậy...

6. Tác phẩm đầu tiên của anh được đăng báo là năm nào và ở tạp chí nào?

THT. Truyện ngắn *Nước mắt tuổi thơ* trên Bách Khoa có lẽ vào năm 1965 hay 1966 gì đó. Viết trên giấy học trò, và gởi đến Bách Khoa vì ở thư viện Xavie chỉ có

Bách Khoa. Gỏi là gỏi. Nhưng không hy vọng chút nào. Vậy mà truyện lại được chọn, có ít nhất 3 trang bị bôi đen. Tôi lấy chất liệu từ cô nhi viện Bethlehem ở Hòn Chồng Nha Trang, nơi tôi có mặt gần hai năm.

7. Anh có bài đăng trên hầu hết các tạp chí văn học uy tín ở Sài Gòn trước 1975. Anh có thể nêu một số nhận xét của anh về các tạp chí đó không?

THT. Tạp chí Bách Khoa với ông Lê Ngọc Châu chăm sóc, là tạp chí tôi rất trân trọng. Bách Khoa cư xử với những tác giả cộng tác rất công bằng. Bài tôi viết tay, ông Lê Ngọc Châu phải dùng kính lúp để đọc, và đã bỏ vào một hồ sơ riêng chờ dịp trả lại tác giả.

Riêng Văn thì vào thời Trần Phong Giao làm thư ký tòa soạn, anh ấy rất ưu tư về sự an toàn của những người mang áo trận như chúng tôi. Anh tìm cách giúp đỡ để khỏi đi tác chiến. Mỗi lần bị thương, anh ấy cho đăng trong mục Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật rất trang trọng như thay mặt anh em mà kêu cứu dùm.

Riêng tờ Khởi Hành, dưới cái bóng của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội nên nó là nơi chúng tôi tìm đến để gởi những bài mà chúng tôi nghĩ là khó có thể đăng được ở các tờ báo khác.

8. Trước 1975, anh đã có bao nhiêu cuốn sách được xuất bản?

THT.

- Tập truyện *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* do Ý Thức xuất bản năm 1968, in bằng hình thức ronéo.
- Tập truyện *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* do Ý Thức xuất bản.
- Truyện vừa *Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi* do Tiếng Việt xuất bản.
- Truyện vừa *Một Nơi Nào Để Nhớ* do Con Đường xuất bản (1974)

9. *Sau năm 1975 anh phải vào trại cải tạo. Ở đâu vậy, và bao nhiêu năm?*

THT. Tại trại Kiên Lương và rừng tràm Trà Tiên (gần bốn năm)

10. *Trở về, anh kiếm sống bằng cách đi bán cà rem. Anh có thể kể lại chuyện anh đi bán cà rem không?*

THT. Tôi bán cà rem trong vòng 8 tháng. Nói là bán cà rem, nhưng mỗi lần về nhà, tôi không quên dấu dưới đáy thùng vài ký gạo hay thịt heo bán lại kiếm lời.

Ta bán cà rem hê, ta bán cà rem!

Lắc chiếc chuông đồng, khua vang làng xã

Ôi những hồi chuông lâu rồi đã ngủ

Bỗng hôm nay, choàng dậy, ngỡ ngỡ

Trên đầu ta, mây trắng thênh thang

Dưới chân ta, vòng xe nhật nguyệt

Chuông đồng leng keng, thay người đào huyệt

Gọi những ma hồn trong buổi đào điên

Ta đạp qua cầu, qua bến, qua sông

Qua những xóm làng, công trường mở mã
Chiếc áo trận xanh, sạm mùi khói lửa
Chiếc mũ rom đan, vương miện tội tù

Ta qua những miền thiên cổ âm u
Ta đập vào thùng, ngẫu ngao ca hát
Ta bán cà rem hề, kem đường kem chảy
Thêm kem oan cừu chất ngất miền Nam

Những con đường Nam Bắc Tây Đông
Những trạm mọc lên chó vàng chó sói
Hồi sợi dây sên, mi là bạn khó
Kết cùng ta những nỗi lênh đênh

Ta bán cà rem hề, thì bán cà rem
Bà con ơi, đừng nhìn ta mà khóc
Ta đang đứng trong chuồng thú vật
Ít ra ta vẫn là một con người

Em bé quê ơi, nghèo lắm, phải không
Lại đây anh tặng em một cây kem chuối
Có phải em là con một người lính ngự
Nên cuộc đời toàn là những cơn mơ?

Ồi những tiếng reo giòn, ông già cà rem
Chưa đầy bốn mươi, ta già thế đó
Ta không buồn đâu, tóc ta bạc trắng
Như một ông già chuyện cổ phương Tây

Ông già Noel vào mùa Giáng Sinh
Lắc chiếc chuông đồng phát quà phát bánh
Ta cũng như ông đầu làng cuối xóm

Lắc chiếc chuông đồng, phát cả trái tim

11. *Anh vượt biên năm nào và đến Mỹ như thế nào? Vì sao vợ và con anh không cùng tham gia chuyến đi này?*

THT. Tôi vượt biên năm 1979. Vì không có đủ tiền nên vợ tôi chấp nhận để tôi đi một mình. Ba tháng sau, vợ con tôi được một chủ tàu tốt bụng cho đi mà không phải trả tiền. Và chúng tôi đoàn tụ vào cuối năm 1979 tại Maryland.

12. *Xin anh kể lại những ngày đầu ở Mỹ, việc kiếm sống, việc học hành.*

THT. Những năm tháng đầu của bất cứ người tị nạn nào dĩ nhiên là vất vả. Chúng tôi ở tại một khu đầy tội ác, với giá thuê nhà rất rẻ. Đó là Logan thuộc thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania. Mấy cửa sổ phòng thuê (lầu 2) đều đóng kín, có cả đinh mười phân làm chông. Ban ngày tôi đi học, vợ tôi đi làm. Thằng con tôi đi đến trường và về nhà một mình. Tôi phải để hai cục gạch để nó có thể đứng lên mà mở cửa. Lúc này tôi là sinh viên toàn phần của đại học Spring Garden College. Ban đêm tôi là người quét dọn phòng ốc để có tiền trang trải cho cuộc sống. Có khi ở trường gọi điện thoại về thăm chừng con, thấy không ai lên tiếng, tức tức tôi phải bỏ học về nhà, thì ra nó ngủ quên không nghe chuông reng...

Tôi tốt nghiệp đại học với thứ hạng cao, gần top. Hãng AT & T đến tận trường mời những sinh viên vừa tốt

nghiệp với thứ hạng cao và tôi chớp lấy cơ hội để làm việc cho hãng này tại chi nhánh của họ ở New Jersey. Đây cũng chính là lý do tại sao tôi sống ở New Jersey – một tiểu bang có ít người Việt – từ đó đến giờ.



Nhà của Trần Hoài Thư ở New Jersey
Photo by Phạm Cao Hoàng – 7 tháng 5.2017

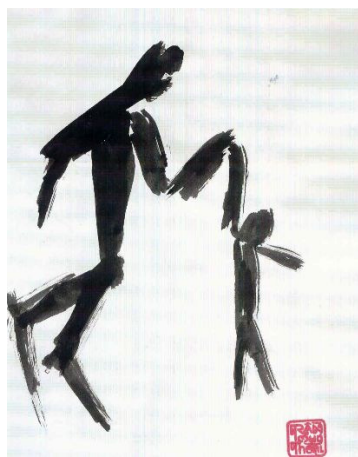
Trong khi làm việc cho AT&T, tôi ghi danh học Master về Toán Ứng Dụng tại đại học Stevens Institute of Technology. Miệt mài sau hai năm, tôi tốt nghiệp. Chính nhờ những buổi học đêm này mà tôi viết được truyện *Đêm Mơ* mà tôi rất tâm đắc.

Với cái bằng Master, AT&T cho tôi tăng một mức lương đáng kể. Tôi có thể đứng vững và vươn lên ở xứ người vì tôi đã vịn vào cha tôi:

*Lan can ba, ba thẳng lưng
Ba dạy con, chân đạp bùn mà đi
Con nhón chân, con đưa tay*

*Con vịn ba với cái đầu
ngẩng lên !...*

*(Trích tập thơ VỊN VÀO LỤC BÁT, mới xuất bản,
tháng 7.2017)*



VỊN CHA - Tranh Trần Quý Thoại

13. Công ty sau cùng mà anh làm việc là công ty điện toán IBM. Từ công ty này anh đã về hưu sớm. Vì sao vậy?

THT. Bộ phận của AT&T sau chuyển qua IBM. Tôi làm thêm khoảng 10 năm nữa ở chức vụ Dự Án Trưởng (Project Leader). Nhiệm vụ của tôi là thảo những chương trình liên quan đến security, bảo vệ công ty chống lại những hacker... Rồi bộ phận được chuyển qua Ấn Độ. Tôi không thể sang Ấn Độ làm nên quyết định về hưu non.

14. Sau khi nghỉ hưu, anh bắt tay vào việc thực hiện tủ sách *DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM* và tạp chí

THƯ QUÁN BẢN. Bằng cách nào anh có được những tư liệu văn học cho 2 công trình này?

THT. Qua thư viện Mỹ như Yale, Cornell... Yale cách nhà 2 giờ lái xe, còn Cornell cách nhà 5 tiếng. Thường thường vợ tôi giúp lái xe vì tôi dễ ngủ gục khi lái. Đường rất nguy hiểm, vì là đường núi, nhiều khi tuyết băng đông đặc. Hai lần suýt chết vì tai nạn khi đi Cornell.

Tại Cornell sách báo Tiếng Việt rất dồi dào. Làm sao tưởng tượng họ có cả tờ truyền đơn chiêu hồi được lưu trữ?

Có lẽ do bản chất của giòng máu thấm kích nên đam mê lĩnh. Có người cho là khủng, điên, nhưng mỗi lần nhìn những bộ sách thuộc DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM, lòng dâng lên niềm vui bất ngát....

15. Về việc in ấn, anh làm thế nào để có được máy móc và giấy mực?

THT. Về máy móc thì lên Craiglist tìm. Có khi họ cho không, có khi họ bán rất rẻ. Sau khi thỏa thuận, họ cho biết địa chỉ, mình đến, với cái screw driver trong túi. Họ hỏi máy nặng cả tấn sao ông lại khiêng nổi? Tôi cười, tao biết cách. Rồi tháo máy ra, đến mức không thể tháo. Fuser, ngăn giấy, mực, assembly parts, khung... Máy anh chàng Mỹ trở mắt nhìn, ngạc nhiên. Chỉ có mực là mới có vấn đề. Lên Ebay mua, nhưng làm sao biết ông mực tốt hay xấu?

16. *Chị Yến – người bạn đời của anh – đã giúp anh như thế nào trong việc thực hiện các công trình này?*

THT. Y. giúp tôi lái xe khi đi xa, đóng băng chỉ những cuốn sách dày cả ngàn trang, hay phụ với tôi khiêng những thùng giấy tôi mua với giá rẻ. Y. giúp tôi viết địa chỉ, bỏ sách báo vào phong bì, dán tem, hay nhắc tôi về những sơ xuất. Khi một người hỏi order một cuốn sách, Y. luôn luôn nói là tặng, đừng lấy tiền. Tâm Y. là tâm Phật... Mất Y. là mất cả cánh tay phải. Tôi hết chỗ vịn.

VIN EM

*Lòng em là cả trăng rằm
Lòng tôi trắng tối như nhăm ba mươi
May nhờ tôi được dựa hơi
Nên lòng cũng nhẹ, ít nhiều hồi tâm
Bề ngoài tôi đóng vai chồng
Nhưng bên trong là con thần lẩn nghe kinh
Lời Phật em tụng hằng đêm,
Nghe chừng như thể em cầu cho tôi
Cho tôi, bớt điếc bớt mù
Bớt sân si, bớt dâm tà tham lam...
Bây giờ em bỏ Quan Âm
Tôi lên, đứng trước bàn thờ, đốt nhang
Kìa, sao bàn tay tôi run
Tôi cần em, tôi cần em thật mà*

*Vậy mà em bỏ đi xa
Bỏ ngôi nhà, bỏ buồng thờ, đèn nhang
Em đi để nhận đoạn trường
Xe lăn định mệnh, chiếc giường nghiệp oan*

*Hay là em chuộc dùm chồng
Như xưa Chúa đã chuộc dùm thế gian?
(Trích tập thơ VỊN VÀO LỤC BÁT, mới xuất bản,
tháng 7.2017)*



Nguyễn Ngọc Yến – người bạn đời của Trần Hoài Thu
(Ảnh chụp 2 tháng trước khi chị Yến bị stroke)
Photo by Phạm Cao Hoàng – Virginia, 22.10.2012

*17. Xin anh nệu một số kết quả mà anh hài lòng đối
với các công trình này?*

THT. Trả lại sự thật và sự công bằng cho một số tác giả chưa được đánh giá, ghi nhận một cách đúng mức như Nguyễn Thị Thanh Sâm, Phùng Thăng, Hoàng Ngọc Hiền... cũng như hàng trăm tác giả mà thời ấy được gọi là *những cây bút trẻ* - những người đã có những đóng góp quan trọng cho Văn Học Miền Nam 1954-1975 qua những sáng tác được đăng trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn như Văn, Văn Học, Bách Khoa, Văn Chương, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Thời Tập, Ý Thức, Trình Bày, Văn Mới, Văn Hóa Nguyệt San, Tư Tưởng... Cho đến nay, Thư Quán Bản Thảo đã phát hành đến số 75. Tủ sách DI SẢN VĂN CHƯƠNG

MIỀN NAM của nhà xuất bản Thư Án Quán đã sưu tầm và in lại hàng trăm tác phẩm giá trị, đáng kể nhất là bộ THƠ MIỀN NAM gồm 5 tập với tổng cộng khoảng 3500 trang và bộ VĂN MIỀN NAM 4 tập với tổng cộng khoảng 2400 trang.

18. *Hiện nay anh có gặp khó khăn gì trong việc thực hiện các công trình của anh hay không?*

THT. Rất, rất, rất khó khăn. Tôi phải lo nấu ăn để mang vào nursing home cho Y., mỗi ngày 2 lần, mỗi lần ở lại với Y. khoảng 90 phút. Khi ra về tôi vịn lan can mà lên. Cả chân tôi bị gout hành rồi thấp khớp hành, tôi ngủ không được. Thêm mắt bây giờ yếu lắm.

19. *Anh có dự án gì định thực hiện trong thời gian tới không?*

THT. Không có. Chỉ tiếc là cuốn *Cung Oán Ngâm Khúc* đăng trên Văn Hóa Nguyệt San từ năm 1963-1970, tôi đã scan được trên 100 trang. Sách bình giải bởi Trần Cửu Chấn (Tác giả bình giải Kiều, Chinh Phụ Ngâm nhưng không có *Cung Oán Ngâm Khúc*) rất chi tiết, ít có tác giả nào lại làm việc một cách nghiêm túc như vậy. Nhưng tiếc là microfilm nên chụp lại rất xấu, lại tốn nhiều tiền vì máy chụp chỉ thư viện địa phương mới có.

Đó mới là di sản văn chương miền Nam. Nhưng thử hỏi, ai bỏ công, bỏ sức. bỏ tiền ra mà cứu nó?

PCH. Xin chân thành cảm ơn anh Trần Hoài Thư.

Mong rằng bài phỏng vấn này giúp bạn đọc biết một chút về chuyện văn chương và cuộc đời của anh và chị Yến. Anh chị đã sống một cuộc đời rất đẹp.

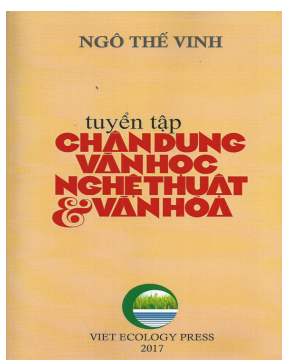
Phạm Cao Hoàng thực hiện

Virginia, 25.7.2017

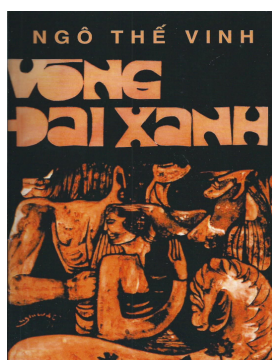
GIỚI THIỆU SÁCH

Trong tháng 3 năm 2018. TQBT chúng tôi có nhận sách của nhà văn Bác Sĩ Ngô Thế Vinh gửi tặng. TQBT xin giới thiệu đến bạn đọc. Thành thật cảm ơn.(PVN)

1. Tuyển Tập CHÂN DUNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT & VĂN HÓA **2. VÒNG ĐAI XANH**



(1)



(2)

1. Tuyển Tập Chân Dung Văn Học Nghệ Thuật & Văn Hóa. Do Nhà văn Bác sĩ Ngô Thế Vinh biên soạn. Gồm 18 tác giả một thời của nền văn học và hội họa miền Nam trước 1975 như: Phạm Biểu Tâm. Phạm Hoàng Hộ. Mặc Đỗ. Như Phong. Võ Phiến. Linh Bảo. Mai Thảo. Dương Nghiễm Mậu. Nhật Tiến. Nguyễn Đình Toàn. Thanh Tâm Tuyền. Nguyễn Xuân Hoàng. Hoàng Ngọc Biên. Đinh Cường. Nghiêu Đề. Nguyễn Khai. Cao Xuân Huy. Phùng Nguyễn. Tác giả biên soạn công phu. Nhiều hình ảnh và tư liệu có giá trị. Sách dày

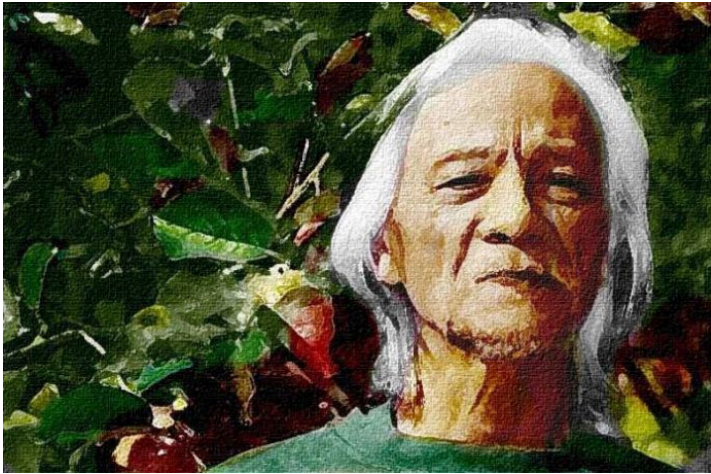
478 trang. Do nhà xuất bản Việt Ecology Press xuất bản năm 2017. Giá US 29\$. Mua sách từ Anazon.com.

2. Vòng Đai Xanh: tác giả khởi viết từ thập niên 1960. Khi ông đang chủ trương tạp chí Tình Thương của Đại Học Y Sài Gòn vào năm 1964. Mà TQBT đã làm số chủ đề về Tạp chí Tình Thương này.

Vòng Đai Xanh là một tập truyện gồm 20 chương. Do nhà xuất bản Thái Độ phát hành vào năm 1970. Văn Nghệ 1987. và Văn Học Press 2018. Tác giả viết Vòng Đai Xanh khi cuộc chiến Việt Nam bước vào giai đoạn khốc liệt nhất. Khi mà người Mỹ biến "Việt Nam Hóa" chiến tranh, để họ tìm đường rút khi không thể chiến thắng được với Bắc quân. Vòng Đai Xanh, tác giả nói đến đơn vị LLDB (mũ nổi xanh) và cuộc sống của người Thượng trên Tây nguyên. Tác giả viết: "*tranh đấu cho quyền tiến bộ của người Thượng rất ư là chính đáng, nhưng biến nó thành một phiêu lưu của thù hận là điều không hề nào chấp nhận được*".

Sách dày 267 trang kể cả Phụ Lục.

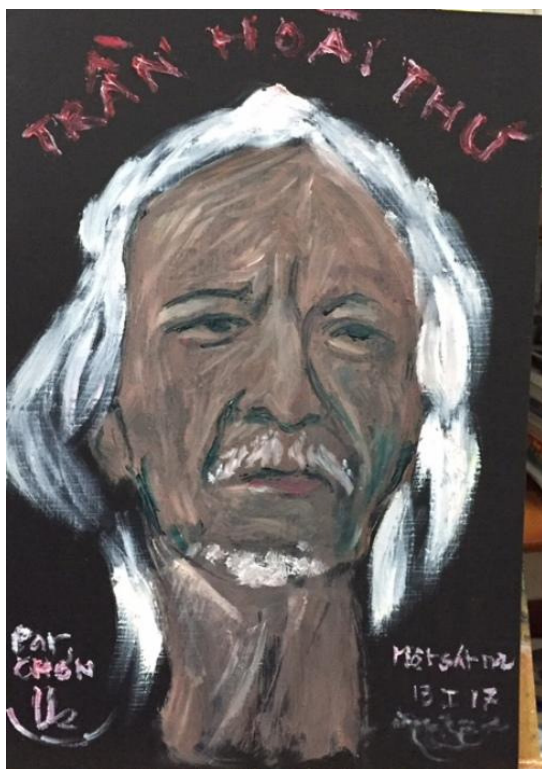
Một cuốn tiểu thuyết hay. Rất đáng tìm đọc. Mà trong năm 1971 đã được trao giải thưởng Văn Chương toàn quốc bộ môn Văn. Không thấy ghi giá bán.



Chân dung Trần Hoài Thư – Hoàng Ngọc Biên vẽ (2017)



Chân dung Trần Hoài Thư – Đinh Cường vẽ (2014)



Chân dung Trần Hoài Thư – Nguyễn Quang Chon vẽ (2017)

